

**KINH
ĐẠI BÁT
NIẾT BÀN**

**Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sám.
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.**

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sám.

Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

MỤC LỤC (TẬP III)

Nghi thức trì tụng _____	11
Phẩm Sư Tử Hồng Bồ Tát thứ 23 _____	13
Phẩm Ca Diếp Bồ Tát thứ 24 _____	299
Phẩm Kiều Trần Như thứ 25 _____	518
Phẩm Di Giáo thứ 26 _____	621
Phẩm Ứng Tận Hoàn Nguyên thứ 27 _____	645
Phẩm Trà Tỳ thứ 28 _____	661
Phẩm Cúng Dường Xá Lợi thứ 29 _____	681
Phần hồi hướng _____	695

NGHI THỨC SÁM HỐI TRƯỚC KHI TỤNG KINH

(Dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh mà tụng kinh, thời phước đức vô lượng, nên trước khi tụng kinh cần phải sám hối, sám hối tức là làm cho ba nghiệp thanh tịnh)

_Nam mô thập phương tận hư không giới
nhứt thiết Chư Phật *(1 lay)*

_Nam mô thập phương tận hư không giới
nhứt thiết Tôn Pháp *(1 lay)*

_Nam mô thập phương tận hư không giới
nhứt thiết Hiền Thánh Tăng *(1 lay)*

(Quy tay cầm hương cúng dường phát nguyện)

Nguyện mây hương màu này

Khắp cùng mùi phương cõi

Cúng dường tất cả Phật

Tôn Pháp, các Bồ Tát,

Vô biên chúng Thanh Văn

Và cả thầy Thánh hiền

Duyên khởi đài sáng chói

Trùm đến vô biên cõi,

Khấp xông các chúng sanh
Đều phát lòng bồ đề,
Xa lìa những nghiệp vọng
Trọn nên đạo vô thượng.

(Đứng chấp tay xướng) :

Sắc thân Như Lai đẹp
Trong đời không ai bằng
Không sánh, chẳng nghĩ bàn
Nên nay con đánh lễ.
Sắc thân Phật vô tận
Trí huệ Phật cũng thế,
Tất cả pháp thường trú
Cho nên con về nương.
Sức trí lớn nguyện lớn
Khấp độ chúng quần sanh,
Khiến bỏ thân nóng khổ
Sanh kia nước mát vui.
Con nay sạch ba nghiệp
Quy y và lễ tán
Nguyện cùng các chúng sanh
Đồng sanh nước An Lạc.

Án phạ nhựt ra vật (7 lần)

Chí Tâm Đảnh Lễ:

Thường tịch quang tịnh độ
A Di Đà Như Lai
Pháp thân màu thanh tịnh
Khắp pháp giới chư Phật. (1 lay)

Chí Tâm Đảnh Lễ:

Thật báo trang nghiêm độ
A Di Đà Như Lai
Thân tướng hải vi trần
Khắp pháp giới chư Phật. (1 lay)

Chí Tâm Đảnh Lễ:

Phương tiện thánh cư độ
A Di Đà Như Lai
Thân trang nghiêm giải thoát
Khắp pháp giới chư Phật. (1 lay)

Chí Tâm Đảnh Lễ:

Cõi An Lạc phương tây
A Di Đà Như Lai
Thân căn giới đại thừa
Khắp pháp giới chư Phật. (1 lay)

Chí Tâm Đảnh Lễ:

Cõi An Lạc phương tây
A Di Đà Như Lai

Thân hóa đến mùi hương
Khấp pháp giới chư Phật. (1 lay)

Chí Tâm Đánh Lễ:

Cõi An Lạc phương tây
Giáo hạnh lý ba kinh
Tốt nói bày y chánh
Khấp pháp giới Tôn Pháp. (1 lay)

Chí Tâm Đánh Lễ:

Cõi An Lạc phương tây
Quan Thế Âm Bồ Tát
Thân tử kim muôn ức
Khấp pháp giới Bồ Tát. (1 lay)

Chí Tâm Đánh Lễ:

Cõi An Lạc phương tây
Đại Thế Chí Bồ Tát
Thân trí sáng vô biên
Khấp pháp giới Bồ Tát. (1 lay)

Chí Tâm Đánh Lễ:

Cõi An Lạc phương tây
Thanh tịnh đại hải chúng
Thân hai nghiêm: Phước, trí
Khấp pháp giới Thánh chúng. (1 lay)

(*Đứng chắp tay nguyện*) :

Con nay khắp vì bốn ơn ba cõi cùng chúng sanh trong pháp giới, đều nguyện dứt trừ ba chướng⁽¹⁾ nên qui mạng⁽²⁾ sám hối⁽³⁾. (*lay 1 lay*)

(*quỳ chắp tay sám hối*):

Chí tâm sám hối:

Đệ tử ...và chúng sanh trong pháp giới, từ đời vô thủy nhẫn đến ngày nay, bị vô minh che đậy nên điên đảo mê lầm, lại do sáu căn ba nghiệp⁽⁴⁾ quen theo pháp chẳng lành, rộng phạm mười điều dữ cùng năm tội vô gián⁽⁵⁾ và tất cả các tội khác, nhiều vô lượng vô biên nói không thể hết. Mười phương các Đức Phật thường ở trong đời, tiếng pháp không dứt, hương màu đầy lập, pháp vị ngập tràn, phóng ánh sáng sạch trong chiếu soi tất cả. Lý màu thường trụ đầy đầy hư không.

Con từ vô thủy đến nay, sáu căn che mù, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy chẳng nghe chẳng hay chẳng biết, vì nhân duyên đó trôi mãi trong vòng sanh tử, trải qua các đường dữ⁽⁶⁾, trăm nghìn muôn kiếp trọn không lúc

nào ra khỏi. Kinh rằng: “Đức Tỳ Lô Giá Na thân khắp cả chỗ, chỗ của Phật ở gọi là Thường tịch quang, cho nên phải biết cả thấy các pháp đều là Phật Pháp, mà con không rõ lại theo dòng vô minh, vì thế trong trí Bồ đề mà thấy không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sanh ràng buộc. Nay mới tỏ ngộ nay mới chừa bỏ ăn năn, phụng đối trước các Đức Phật và A Di Đà Thế Tôn mà phát lồ⁽⁷⁾ sám hối, làm cho đệ tử cùng pháp giới chúng sanh, tất cả tội nặng do ba nghiệp sáu căn, gây tạo từ vô thi, hoặc hiện tại cùng vị lai, chính mình tự gây tạo hoặc biểu người, hay là thấy nghe người gây tạo mà vui theo, hoặc nhớ hoặc chẳng nhớ, hoặc biết hoặc chẳng biết, hoặc nghi hoặc chẳng nghi, hoặc che giấu hoặc chẳng che giấu, thấy đều được rõ ráo thanh tịnh.

Đệ tử sám hối rồi, sáu căn cùng ba nghiệp trong sạch, không lỗi lầm, căn lành tu tập cũng trọn thanh tịnh, thấy đều hồi hướng dùng trang nghiêm Tịnh độ, khắp

với chúng sanh, đồng sanh về nước An Dưỡng.

Nguyện đức A Di Đà Phật thường đến hộ trì, làm cho căn lành của đệ tử hiện tiền tăng tấn, chẳng mất nhân duyên Tịnh độ, đến giờ lâm chung, thân an lành niệm chánh vững vàng, xem nghe đều rõ ràng, tận mắt thấy đức A Di Đà cùng các Thánh chúng, tay cầm đài hoa tiếp dẫn đệ tử, trong khoảng sát na sanh ra trước Phật, đủ đạo hạnh Bồ Tát, rộng độ khắp chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Đệ tử sám hối phát nguyện rồi quy mạng đánh lễ: Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới, đại từ đại bi, A Di Đà Như Lai, biến pháp giới Tam bảo. (*1 lay*)

Thích Nghĩa Sám Pháp:

(1): Phiền não, nghiệp nhân, quả báo, ba món đều hay làm chướng ngại đường giải thoát nên gọi: “ba món chướng”.

(2): Đem thân mạng về nương, giao phó cho Phật, Pháp, Tăng, chính là nghĩa của hai chữ “Nam mô”.

(3): Nói đủ là Sám ma hồi quá, “Sám ma” là tiếng Phạm, nghĩa là “hồi quá” tức là ăn năn tội trước, ngừa giữ lỗi sau.

(4): Nhân, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý sáu căn và ba nghiệp thân khẩu ý.

(5): Giết cha, giết mẹ, giết thánh nhân, ác tâm làm thân Phật ra máu, phá hòa hiệp Tăng, gọi là năm tội nghịch, nếu phạm sẽ bị đọa vào ngục Vô gián nên gọi là tội Vô gián Ngục Vô gián là chỗ thọ khổ không có lúc nào ngừng ngớt.

(6): A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, các đường đó vui ít khổ nhiều, do nghiệp dữ cảm ra.

(7): Bày tỏ tội lỗi ra trước Chúng Nhân không chút giấu che thời gọi là phát lồ, trái với phú tàng (che giấu), Có phát lồ thời tội mới tiêu, như bệnh cảm mà được phát hạn (ra mồ hôi).

NGHI THỨC TRÌ TỤNG

BÀI TÁN LƯU HƯƠNG

Lưu hương vừa ngún chiêm đàn
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa.
Lòng con kính ngưỡng thiết tha
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH PHÁP GIỚI

Án Lam. (7 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH KHẨU NGHIỆP

Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, ta bà ha.
(3 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH BA NGHIỆP

Án ta phạ bà phạ thuật đà ta phạ, đạt mạ ta
phạ bà phạ thuật độ hám. (3 lần)

CHƠN, NGÔN PHỔ CÚNG DƯỜNG

Án nga nga nẳng tam bà phạ phiệt nhựt ra
hông. (3 lần)

BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo.

(3 lần)

Lạy đấng tam giới Tôn
Quy mạng mười phương Phật
Nay con phát nguyện lớn
Trì tụng Kinh Niết Bàn
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ tam đồ
Nếu có ai thấy nghe
Đều phát bồ đề tâm
Khi mãn báo thân này
Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật *(3 lần)*

BÀI KỆ KHAI KINH

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm màu
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu
Nay con nghe thấy chuyên trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm màu.

Nam mô Đại Bát Niết Bàn Hội Thượng Phật

Bồ Tát, Ma Ha Tát *(3 lần)*

PHẨM SƯ TỬ HỒNG BỒ TÁT

THỨ HAI MƯƠI BA

(Hán bộ quyển thứ 27)

Bấy giờ Đức Phật bảo tất cả đại chúng: Này các Thiện nam tử! Các người nếu nghi là có Phật không Phật, có Pháp không Pháp, có Tăng không Tăng, có khổ không khổ, có tập không tập, có diệt không diệt, có đạo không đạo, có thiệt không thiệt, có ngã không ngã, có lạc không lạc, có tịnh không tịnh, có thường không thường, có thừa không thừa, có tánh không tánh, có chúng sanh không chúng sanh, có hữu không hữu, có chơn không chơn, có nhân không nhân, có quả không quả, có tác không tác, có nghiệp không nghiệp, có báo không báo, giờ đây ta hỏi cho các người hỏi, ta sẽ phân biệt giải thuyết cho.

Ta thiệt chẳng thấy hoặc có Trời, Người, hoặc có Ma, Phạm, hoặc có Sa Môn hay Bà La Môn nào đến hỏi mà ta không giải đáp được.

Trong pháp hội có Bồ Tát hiệu Sư Tử Hồng

đứng dậy nghiêm chỉnh y phục đánh lễ đức Phật chấp tay quỳ bạch rằng: Thế Tôn! Tôi vừa muốn hỏi, đức Như Lai đại từ đại đã hứa cho.

Phật bảo đại chúng rằng: Các người nên cung kính Bồ Tát này, cũng nên tôn trọng tán thán cùng đem các thứ hoa hương kỹ nhạc, anh lạc, phan lọng, y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men, phòng nhà, điện đường để cúng dường Bồ Tát. Vì Bồ Tát này từ quá khứ chư Phật đã sâu trồng thiện căn phước đức đã đầy đủ, vì thế nên muốn ở trước ta mà thưa hỏi:

Như Sư Tử chúa tự biết sức lực nhanh răng nhọn bén, bốn chân chống đất đứng trong hang vẫy đuôi gầm ra tiếng. Nếu có người nào đủ những tướng như vậy phải biết rằng có thể rống như Sư Tử, thiệt là Sư Tử chúa sáng sớm ra khỏi hang vươn vai ngáp nhìn ngó bốn phương, cất tiếng rống to. Làm như thế là vì mười một điều: Một là vì muốn phá dẹp những loài chẳng phải thiệt Sư Tử mà dối làm Sư Tử; hai là vì muốn thử sức mình; ba là vì muốn khiến chỗ ở thanh

tĩnh; bốn là vì muốn bày Sư Tử con biết chỗ nơi; năm là vì muốn đoàn Sư Tử không tâm kinh sợ; sáu là vì muốn kẻ ngu được thức tỉnh; bảy là vì muốn tất cả những thú phóng dật được siêng năng chẳng phóng dật; tám là vì muốn những thú khác đến châu hầu; chín là vì muốn điều phục đại hương tượng; mười là vì muốn dạy bảo các con cái; mười một là vì muốn trang nghiêm quyền thuộc của mình.

Tất cả loài cầm thú nghe tiếng rống của Sư Tử, loài lội dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài chạy trên bờ nép trốn trong hang, loài chim bay thò rơi rớt, các đại hương tượng kinh hãi chạy té phần.

Như loài chồn cáo kia dẫu đi theo Sư Tử trọn trăm năm nhưng chẳng thể rống lên tiếng như Sư Tử. Nếu là con Sư Tử, mới đầy ba năm thời có thể kêu rống như Sư Tử chúa.

Này Thiện nam tử! Như Lai chánh đẳng giác, trí huệ là nanh vuốt, bốn như ý túc là chơn, đầy đủ sáu môn Ba La Mật là thân, thập trí lực hùng mãnh là sức lực, đại từ bi

là đuôi an trụ, tứ thiên là hang thanh tịnh, vì chúng sanh mà rỗng như Sư Tử, dẹp phá quân ma, hiện bày mười trí lực, mở mang chỗ đi của Phật, làm chỗ nương về cho bọn tà kiến, vỗ về những chúng sợ sệt sanh tử, giác ngộ chúng sanh vô minh ngủ nghỉ, làm cho người tạo ác sanh tâm ăn năn, khai thị tà kiến cho tất cả chúng sanh, làm cho họ biết hàng lục sư chẳng phải là tiếng rống của Sư Tử, để phá lòng kiêu mạn của ngoại đạo Phú Lô Na v.v... Làm cho hàng nhị thừa sanh lòng hồi hận, dạy bảo các Bồ Tát bậc ngũ trụ cho họ sanh tâm đại lực, làm cho bốn bộ chúng chánh kiến chẳng sợ sệt những đồ chúng tà kiến, nên từ nơi thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh, vươn vai mà ra. Muốn khiến các chúng sanh phá lòng kiêu mạn nên hà ngáp. Vì khiến chúng sanh thêm lớn pháp lành nên đoái ngó bốn phương. Vì khiến chúng sanh được tứ vô ngại biện nên bốn chân chấm đất. Vì khiến chúng sanh đầy đủ Thi La Ba La Mật nên rỗng như Sư Tử.

Sư Tử rống gọi là quyết định thuyết: Tát

cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến đổi.

Này Thiện nam tử! Hàng Thanh Văn Duyên Giác dầu theo đức Như Lai trong vô lượng vô số kiếp nhưng trọn không thể làm Sư Tử rống. Thập trụ Bồ Tát nếu có thể tu hành ba hạnh như trên, nên biết rằng đó là Sư Tử rống.

Này đại chúng! Bồ Tát Sư Tử Hồng đây, nay muốn làm đại Sư Tử rống, nên đại chúng phải nên thâm tâm cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.

Bây giờ Thế Tôn bảo Sư Tử Hồng Bồ Tát: “Này Thiện nam tử! Nếu ông muốn hỏi, giờ đây ông có thể hỏi .”

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Phật tánh? Do nghĩa gì nên gọi là Phật tánh? Có gì lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao lại chẳng thấy được Phật tánh của tất cả chúng sanh? Thập trụ Bồ Tát trụ những pháp gì mà chẳng thấy Phật tánh rõ ràng? Phật trụ những pháp gì mà thấy được rõ ràng? Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì mà thấy chẳng rõ ràng?

Phật dùng con mắt gì mà thấy Phật tánh được rõ ràng?

Phật bảo: Này Thiện nam tử! Lành thay! Lành thay! Nếu có ai vì pháp mà thưa hỏi thời là đầy đủ hai thứ trang nghiêm: Một là trí huệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời biết Phật tánh, cũng lại rõ biết gọi là Phật tánh, hẳn đến có thể biết Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì, chư Phật Thế Tôn dùng con mắt gì.

Sư Tử Hồng Bồ Tát thưa: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là trí huệ trang nghiêm? Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm?

_Này Thiện nam tử! Trí huệ trang nghiêm chính là từ nhưt địa đến thập địa. Phước đức trang nghiêm chính là Đàn Ba La Mật hẳn đến Bát Nhã, chẳng phải là Bát Nhã Ba La Mật.

Lại này Thiện nam tử! Trí Huệ trang nghiêm là nói chư Phật và Bồ Tát. Phước đức trang nghiêm là nói Thanh Văn Duyên Giác cùng Cửu trụ Bồ Tát.

Lại này Thiện nam tử! Phước đức trang

nghiêm là hữu vi hữu lậu có quả báo, có ngại chẳng phải thường, là pháp phạm phu. Trí huệ trang nghiêm là vô vi vô lậu không quả báo, không ngại là thường trụ.

Này Thiện nam tử! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm này, nên ông có thể hỏi diệu nghĩa rất sâu Phật cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể giải đáp những nghĩa ấy.

Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thì chẳng nên hỏi một thứ hai thứ. Tại sao đức Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ hai thứ. Vì tất cả pháp không có một thứ hai thứ. Một thứ hai thứ là tướng phạm phu.

Này Thiện nam tử! Nếu có Bồ Tát không hai thứ trang nghiêm thì chẳng phải biết một thứ hai thứ. Phải là Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm mới có thể rõ biết một thứ hai thứ. Nếu nói các pháp không một hai đó, thì không đúng nghĩa. Vì nếu không một hai thế nào nói là tất cả pháp không một không hai.

Này Thiện nam tử! Nếu nói một hai là

tướng phàm phu, đây bèn gọi là bậc Thập trụ Bồ Tát chẳng phải là phàm phu vậy. Tại sao vậy? Một đó gọi là Niết Bàn, hai đó gọi là sanh tử .

Tại sao một đó gọi là Niết Bàn? Vì Niết Bàn là thường. Tại sao hai đó là sanh tử? Vì là ái và vô minh vậy.

Niết Bàn thường trụ đó chẳng phải là tướng phàm phu. Sanh tử là hai đó cũng chẳng phải tướng phàm phu. Do nghĩa này nên người đủ hai thứ trang nghiêm thời có thể hỏi có thể đáp.

Ông hỏi thế nào là Phật tánh đó? Lóng nghe! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho ông.

Này Thiện nam tử! Phật tánh đó gọi là đệ nhất nghĩa không, đệ nhất nghĩa không gọi là trí huệ.

Không đây là chẳng thấy không cùng bất không. Người trí thấy không và bất không thường cùng vô thường khổ với lạc, ngã cùng vô ngã. Không là nói tất cả sanh tử. Bất không là nói Đại Niết Bàn. Nhãn đến vô ngã chính là sanh tử. Ngã đó chính là Đại Niết Bàn.

Thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không thời chẳng gọi là trung đạo. Nhãn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã thời chẳng gọi là trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật tánh là thường hằng không biến đổi vì vô minh che đậy làm cho chúng sanh chẳng thấy được. Hàng Thanh Văn Duyên Giác thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không, nhãn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã, do đây nên chẳng được đệ nhứt nghĩa không. Vì chẳng được đệ nhứt nghĩa không nên chẳng đi được nơi trung đạo. Vì không trung đạo nên chẳng thấy Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Phạm có ba hạng chẳng thấy trung đạo. Một là định lạc hành, hai là định khổ hành, ba là khổ lạc hành.

Định lạc hành chính là Đại Bồ Tát vì thương xót tất cả chúng sanh, nên dầu ở địa ngục A Tỳ nhưng an vui như đệ tam thiên.

Định khổ hành là nói hàng phạm phu.

Khổ lạc hành là nói Thanh Văn Duyên Giác. Thanh Văn Duyên Giác hành nơi

khô lạc mà tướng là trung đạo, do đây nên dầu có Phật tánh mà chẳng thấy được.

Như ông hỏi nghĩa gì gọi là Phật tánh?

Này Thiện nam tử! Phật tánh chính là vô thượng Bồ Đề của tất cả chư Phật, là chủng tử của trung đạo.

Lại này Thiện nam tử! Đạo có ba: Thượng, trung, hạ.

Đạo bậc hạ là Phạm thiên vô thường nhận lầm là thường. Đạo bậc thượng là sanh tử vô thường nhận lầm là thường. Tam Bảo là thường chấp là vô thường. Có gì gọi là bậc thượng? Vì có thể được vô thượng Bồ Đề.

Đạo bậc trung gọi là đệ nhất nghĩa không: Vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhất nghĩa không chẳng gọi là hạ, vì tất cả phàm phu không thể được, lại chẳng gọi là bậc thượng, vì chính đây là thượng. Đạo của chư Phật Bồ Tát tu hành chẳng phải thượng chẳng phải hạ nên gọi là trung đạo.

Này Thiện nam tử! Bồ mé sanh tử phàm có hai thứ cội gốc: Một là vô minh, hai là hữu ái. Chẳng giữa hai thứ này thì có quả

khô sanh già bịnh chết, đây gọi là trung đạo. Trung đạo như đây có thể phá sanh tử nên gọi là trung. Do nghĩa này nên pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vì thế nên Phật tánh là thường lạc ngã tịnh. Bởi chúng sanh chẳng thấy được Phật tánh nên là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Phật tánh thiết chẳng phải là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh.

Ví như người nghèo trong nhà có kho châu báu vì người này chẳng thấy nên không được sung sướng tự tại. Có người trí dùng phương tiện chỉ bảo cho được thấy. Nhờ thấy có châu báu người này hết khổ được sung sướng tự tại.

Cũng vậy, vì chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Do thiện tri thức, chư Phật và Bồ Tát dùng nhiều phương tiện dạy bảo mà chúng sanh thấy Phật tánh. Do thấy Phật tánh nên chúng sanh được thường, lạc, ngã, tịnh.

Kiến chấp của chúng sanh phạm có hai: Thường kiến và đoạn kiến. Hai thứ kiến chấp này chẳng gọi là trung đạo. Không

thường không đoạn mới gọi là trung đạo, không thường không đoạn, tức là trí quán chiếu mười hai nhân duyên. Quán trí này gọi là Phật tánh. Hàng nhị thừa dầu quán nhân duyên nhưng còn chẳng được gọi là Phật tánh. Phật tánh dầu là thường bởi chúng sanh bị vô minh che đậy nên không thấy được. Lợi chưa qua được sông mười hai nhân duyên, dụ như thỏ và ngựa kia, vì chẳng thấy Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Trí huệ quán chiếu mười hai nhân duyên đây chính là chủng tử của vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh.

Ví như dưa hấu gọi là bình nhiệt, vì dưa này có thể làm nhân duyên bình nhiệt. Mười hai nhân duyên cũng như vậy.

Này Thiện nam tử! Phật tánh có nhân, có nhân nhân, có quả, có quả quả.

Có nhân đó chính là mười hai nhân duyên. Nhân nhân đó chính là trí huệ. Có quả chính là vô thượng Bồ Đề. Quả quả đó chính là vô thượng Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử! Như vô minh là nhân,

hành là quả; hành là nhân, thức là quả. Do nghĩa này nên thể vô minh kia cũng là nhân, cũng là nhân nhân. Thức cũng là quả, cũng là quả quả. Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử! Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng hai, chẳng đến, chẳng đi, chẳng chơn, chẳng quả.

Là nhân mà chẳng phải quả như Phật tánh. Là quả mà chẳng phải nhân như Đại Niết Bàn.

Là nhân cũng là quả như những pháp do mười hai nhân duyên sanh.

Chẳng phải nhân chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Vì chẳng phải nhân quả nên thường hằng không biến đổi.

Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói mười hai nhân duyên ý nghĩa rất sâu không thể biết, không thể thấy, chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật và Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác đến được.

Do nghĩa gì mà là rất sâu? Nghiệp hạnh của chúng sanh chẳng thường chẳng đoạn mà có quả báo dầu niêm niêm diệt mà không mất, dầu không tác giả mà có tác nghiệp, dầu không thọ giả mà có quả báo. Thọ giả, dầu diệt mà quả chẳng hư. Không có lự tri nhưng hòa hiệp mà có. Tất cả chúng sanh dầu cùng đi với mười hai nhân duyên mà chẳng thấy chẳng biết. Vì chẳng thấy biết nên không có chung thi. Bạc Thập trụ Bồ Tát chỉ thấy chung mà chẳng thấy thi. Chư Phật thấy thi thấy chung. Do nghĩa này nên chư Phật thấy Phật tánh được rõ ràng. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy được mười hai nhân duyên nên phải luân chuyển.

Như tầm làm kén tự sống tự chết. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, vì chẳng thấy Phật tánh nên tự tạo nghiệp mà lưu chuyển sanh tử, dường như đánh trái cầu.

Vì thế nên trong các kinh Phật nói: Nếu có người thấy được mười hai nhân duyên thời là thấy pháp, thấy pháp đó chính là thấy Phật. Phật đó chính là Phật tánh, vì

tất cả chư Phật dùng đây làm tánh.

Này Thiện nam tử! Trí quán mười hai nhân duyên có bốn hạng: Một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng.

Quán trí bậc hạ chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng được đạo Thanh văn. Trí quán bậc trung chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng được đạo Duyên Giác. Trí quán bậc thượng thấy Phật tánh chẳng rõ ràng, vì thấy chẳng rõ ràng nên trụ bậc thập trụ. Trí quán bậc thượng thượng thấy Phật tánh rõ ràng nên chứng được vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh chính là đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật. Phật đây là Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch Phật: Thế Tôn! Nếu Phật cùng Phật Tánh không sai khác, thì tất cả chúng sanh cần gì tu hành?

Phật bảo: Này Thiện nam tử! Lời ông hỏi không đúng. Phật cùng Phật tánh dầu không sai khác nhưng chúng sanh đều chưa đầy đủ. Ví như có người ác tâm muốn

hại mẹ, hại rồi sanh lòng ăn năn, ba nghiệp dầu lành, nhưng người này vẫn gọi là người địa ngục, vì người này quyết định sẽ đọa địa ngục vậy. Hiện tại người này dầu không thân địa ngục nhưng vẫn gọi là người địa ngục.

Do đây nên trong các kinh Phật nói nếu thấy có người tu hành hạnh lành thời gọi là thấy người trời. Thấy người tạo ác thời gọi là thấy địa ngục. Vì quyết định sẽ thọ quả báo.

Này Thiện nam tử! Vì tất cả chúng sanh quyết định được vô thượng Bồ Đề nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng thật ra tất cả chúng sanh chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa đây nên nơi kinh này Phật nói kệ rằng:

Trước có nay không
Trước không nay có
Ba đời có pháp
Nghĩa này không đúng.

Này Thiện nam tử! Có ba thứ có: Một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có.

Tất cả chúng sanh vị lai sẽ có vô thượng Bồ Đề, đây gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sanh hiện tại điều có phiền não, nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sanh quá khứ có dứt phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa này Phật thường tuyên nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhân đến nhưt xiển đề cũng có Phật tánh.

Nhứt xiển đề không có pháp lành. Phật tánh là pháp lành vị lai họ sẽ có. Nhứt xiển đề đều có Phật tánh, vì họ quyết định sẽ được thành vô thượng Bồ Đề.

Ví như có người trong nhà có sữa lạc. Có người hỏi: Ông có tô không? Đáp rằng tôi có. Lạc thiết chẳng phải tô, do phương tiện khéo, chắc sẽ được tô, nên đáp rằng có tô.

Chúng sanh cũng như vậy tất cả đều có tâm. Phạm người có tâm sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên Phật thường tuyên nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Tất cánh có hai thứ: Một là trang nghiêm tất cánh, hai là cứu

cánh tất cánh. Và một là thế gian tất cánh, hai là xuất thế tất cánh.

Trang nghiêm tất cánh là sáu môn Ba La Mật. Cứu cánh tất cánh là nhứt thừa của tất cả, chúng sanh chúng được. Nhứt thừa đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có nhứt thừa, vì vô minh che đậy nên chẳng thấy được.

Như Châu Uất Đon Việt, Dao Lợi Thiên, vì quả báo che ngăn nên chúng sanh ở đây chẳng thấy được.

Phật tánh cũng như vậy, do các phiền não kiết sử che ngăn nên chúng sanh chẳng thấy được.

Này Thiện nam tử! Phật tánh chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội tánh như đề hồ, chính là mẹ của tất cả chư Phật. Do sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội mà chư Phật được thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội vì chẳng tu hành nên không được thấy, vì thế nên không thể được thành vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có năm tên: Một là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hai là Bát Nhã Ba La Mật, ba là Kim Cang Tam Muội, bốn là Sư Tử Hống Tam Muội, năm là Phật tánh. Tùy theo năng lực chỗ làm của Tam muội mà có tên khác nhau.

Này Thiện nam tử! Như một Tam Muội có nhiều tên, như thiền gọi là tứ thiền, căn gọi là định căn, lực gọi là định lực, giác gọi là định giác, chánh gọi là chánh định, bát đại nhân giác gọi là định giác, Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cũng như vậy.

Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đầy đủ ba môn định: Thượng, Trung và Hạ. Thượng là nói Phật tánh, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trung là tất cả chúng sanh đầy đủ sơ thiền, lúc có nhân duyên thời có thể tu tập, nếu không nhân duyên thời chẳng thể tu tập. Nhân duyên đây có hai thứ: Một là hỏa tai, hai là phá kiết sử cõi dục, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều đầy đủ định bậc Trung.

Hạ định là định tâm sở trong mười đại địa,

do đây nên nói tất cả chúng sanh đều đầy đủ định bậc hạ.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì phiền não che đậy nên chẳng được thấy. Thập trụ Bồ Tát dầu thấy nhứt thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ, do đây nên nói rằng Thập trụ Bồ Tát dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử! **Thủ Lăng** gọi là nhứt thiết sự tất cánh, **Nghiêm** là kiên, nhứt thiết sự tất cánh mà được kiên cố gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Do đây nên nói rằng Thủ Lăng Nghiêm định gọi là Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Một lúc nọ ta ở bên sông Ni Liên Thiên, bảo A Nan rằng: Nay ta muốn tắm rửa, ông nên lấy y và đem tháo đậu. Ta vào trong nước, tất cả loài chim cùng những loài ở trên đất, ở dưới nước đều tụ đến xem ngó ta. Lúc đó lại có năm trăm vị Phạm Chí đi đến bờ sông bảo nhau rằng: Thế nào mà được thân Kim Cang? Nếu giả sử ông Cù Đàm chẳng nói đoạn kiến, ta sẽ theo ông để thỉnh thọ trai pháp.

Này Thiện nam tử! Lúc đó ta dùng tha tâm trí biết tâm niệm của các Phạm Chí, bèn bảo họ rằng tại sao cho rằng ta nói đoạn kiến? _Các Phạm Chí đáp: Lúc trước ở trong các kinh Cù Đàm nói tất cả chúng sanh đều không có ngã, đã nói không ngã sao lại chẳng phải đoạn kiến? Nếu không ngã thì ai trì giới? Ai phá giới?

_Này các Phạm Chí! Ta nói tất cả chúng sanh đều không ngã. Ta cũng thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh đó há chẳng phải là ngã ư? Do nghĩa này nên ta chẳng nói đoạn kiến. Vì tất cả chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, đây thời gọi là nói đoạn kiến vậy.

Lúc đó các Phạm Chí nghe nói Phật tánh chính là ngã, liền phát tâm vô thượng Bồ Đề, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ Đề. Tất cả những loài chim bay cá lội, thú chạy cũng đều phát tâm vô thượng Bồ Đề, đã phát tâm rồi chúng nó liền được bỏ thân chim thú.

Này Thiện nam tử! Phật tánh đây thiệt

chẳng phải ngã, vì chúng sanh nên nói là ngã. Vì có nhân duyên nên Như Lai nói vô ngã là ngã, mà thật là vô ngã. Dầu nói như vậy nhưng không hư vọng. Vì có nhân duyên, Như Lai nói ngã là vô ngã, mà thiệt là có ngã. Vì thế giới chúng sanh nên dầu nói vô ngã mà không hư vọng. Phật tánh vô ngã Như Lai nói là ngã, vì Phật tánh là thường. Như Lai là ngã mà nói là vô ngã, vì được tự tại.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như Kim Cang Lực Sĩ, do có gì mà tất cả chúng sanh chẳng được thấy.

Phật nói: “Này Thiện nam tử! Như sắc pháp dầu có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài ngắn, mà kẻ mù chẳng thấy. Dầu chẳng thấy nhưng cũng chẳng thể nói rằng không có xanh, vàng, đỏ, trắng hình chất dài ngắn. Vì dầu rằng người mù chẳng thấy, nhưng người mắt sáng thì được thấy.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh dầu chẳng được thấy, nhưng Thập Trụ Bồ Tát thấy được một ít phần, đức Như Lai

thời thấy rõ hoàn toàn. Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh như đêm tối thấy hình sắc, Đức Như Lai thấy Phật tánh như giữa ban ngày thấy hình sắc.

Như người mắt lòa thấy hình sắc chẳng rõ ràng, lương y điều trị, do công dụng của thuốc nên được rõ ràng. Thập Trụ Bồ Tát cũng như vậy, dầu thấy Phật tánh nhưng chẳng được rõ ràng, nhờ năng lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội mà được thấy rõ ràng.

Này Thiện nam tử! Nếu có người thấy tất cả pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, người như vậy thời chẳng thấy Phật tánh.

Trên đây nói tất cả pháp đó là nói sanh tử. Còn chẳng phải tất cả pháp đó là nói Tam Bảo.

Hàng Thanh Văn Duyên Giác thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì thế nên chẳng thấy Phật tánh.

Thập Trụ Bồ Tát thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, còn chẳng phải tất cả pháp thời phần ít là thường, lạc, ngã, tịnh do đây nên trong mười phần thấy được một phần.

Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì thế nên Như Lai thấy Phật tánh như xem trái A ma lạc trong bàn tay. Do nghĩa này nên Thủ Lăng Nghiêm định gọi là tất cánh.

Này Thiện nam tử! Như đêm mừng một dầu chẳng thấy mặt trăng nhưng chẳng được nói là không. Phật tánh cũng như vậy, tất cả phàm phu dầu chẳng được thấy, cũng chẳng được nói rằng không có Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Phật tánh là mười trí lực, bốn vô sở úy, đại bi tam niệm. Tất cả chúng sanh thời có ba thứ ấy, vì sau khi phá trừ phiền não thời được thấy. Hàng nhứt xiển đề sau khi phá trừ nhứt xiển đề thời có thể được ba thứ ấy. Do nghĩa này nên Phật thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều đồng có mười hai nhân duyên, cũng có nội, cũng có ngoại. _ Những gì là mười hai?

Phiền não quá khứ gọi là **vô minh**, nghiệp quá khứ gọi là **hành**. Trong đời hiện tại, lúc sơ khởi thọ thai gọi là **thức**. Năm phân nhập thai chưa đủ bốn căn gọi là **danh sắc**. Đầy đủ bốn căn gọi là **lục nhập**. Chưa phân biệt khổ vui gọi là **xúc**. Nhiễm tập một ái gọi là **thọ**. Quen gần ngũ dục thời gọi là **ái**. Tham cầu trong và ngoài thời gọi là **thủ**. Vì sự trong ngoài mà khởi nghiệp thân, khẩu, ý đây gọi là **hữu**. Thức đời hiện tại gọi là vị lai **sanh**. Hiện tại danh sắc, lục, nhập, xúc, thọ thời gọi là vị lai **lão, bệnh, tử** vậy. Đây gọi là mười hai nhân duyên.

Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có mười hai nhân duyên như vậy, hoặc có kẻ chưa đủ như lúc Ca La Lã chết thời không có mười hai. Từ sanh đến lão tử thời đủ mười hai.

Chúng sanh cõi sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái, không có già bệnh,

nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai.

Chúng sanh cõi vô sắc thời không có sắc nhãn đến không lão bệnh, nhưng cũng được gọi là đủ mười hai, vì quyết định được vậy. Vì thế nên nói rằng chúng sanh đồng đầy đủ có mười hai nhân duyên.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh quyết định sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Do đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Núi Tuyết có thứ cỏ tên nhãn nhục, nếu bò ăn cỏ này thời sanh chất đề hồ. Trên núi ấy lại có thứ cỏ khác, nếu bò ăn thứ cỏ ấy thời không sanh chất đề hồ. Dầu không sanh chất đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng trong núi Tuyết không có cỏ nhãn nhục.

Phật tánh cũng như vậy. Núi Tuyết là nói Như Lai, cỏ nhãn nhục là nói Đại Niết Bàn, những cỏ khác là nói mười hai bộ kinh. Chúng sanh nếu có thể được nghe, được học hỏi Đại Niết Bàn thời thấy được Phật tánh. Trong mười hai bộ kinh dầu chẳng nghe có, nhưng chẳng thể nói rằng không có Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Phật tánh đây cũng là sắc, cũng là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc; cũng là tướng cũng là chẳng phải tướng, chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng; cũng là một cũng là chẳng phải một, chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một; chẳng phải thường chẳng phải đoạn, chẳng phải chẳng phải thường, chẳng phải chẳng phải đoạn; cũng là có cũng là không, chẳng phải có chẳng phải không; cũng là tận cũng là chẳng phải tận, chẳng phải tận, chẳng phải là chẳng phải tận; cũng là nhân cũng là quả, chẳng phải nhân chẳng phải quả; cũng là nghĩa cũng là chẳng phải nghĩa, chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa; cũng là danh tự cũng là chẳng phải danh tự, chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự; cũng là khổ cũng là lạc, chẳng phải khổ chẳng phải lạc; cũng là ngã cũng là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã; cũng là không cũng là chẳng phải không, chẳng phải là không chẳng phải là chẳng phải không.

Thế nào là sắc? Vì là thân kim cang. Thế nào là phi sắc? Vì mười tám pháp bất cộng chẳng phải là sắc pháp. Thế nào là chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc? Vì sắc cũng chẳng phải sắc không có tướng quyết định.

Thế nào là tướng? Vì là ba mươi hai tướng. Thế nào là chẳng phải tướng? Vì tất cả chúng sanh chẳng hiện được tướng tốt. Thế nào là chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng? Vì tướng cùng chẳng phải tướng không quyết định vậy.

Thế nào là một? Vì tất cả chúng sanh đều là nhưt thừa. Thế nào là chẳng phải một? Vì nói ba thừa vậy. Thế nào là chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một? Vì vô số pháp vậy.

Thế nào là chẳng phải thường? Vì từ nơi duyên mà thấy.

Thế nào là chẳng phải đoạn? Vì lìa đoạn kiến vậy.

Thế nào chẳng phải là chẳng phải thường, chẳng phải là chẳng phải đoạn? Vì không chung không thi vậy.

Thế nào là có? Vì tất cả chúng sanh đều có. Thế nào là không? Vì từ phương tiện khéo mà được thấy vậy. Thế nào là chẳng phải có, chẳng phải không? Vì hư không tánh vậy.

Thế nào gọi là tận? Vì được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Thế nào là chẳng phải tận? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải tận, chẳng phải là chẳng phải tận? Vì tất cả tướng tận dứt hết vậy.

Thế nào là nhân? Vì liễu nhân vậy. Thế nào là quả? Vì quả quyết định vậy. Thế nào là chẳng phải nhân chẳng phải quả? Vì là thường vậy.

Thế nào là nghĩa? Vì đều có thể nhiếp lấy nghĩa không ngại. Thế nào là chẳng phải nghĩa? Vì chẳng thể nói vậy. Thế nào là chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa? Vì rốt ráo không vậy.

Thế nào là danh tự? Vì có tên gọi vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự? Vì có tên mà thiệt không tên vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự? Vì dứt tất cả danh tự vậy.

Thế nào là cũng khổ cũng lạc? Vì các thọ duyên khởi vậy. Thế nào là chẳng phải khổ chẳng phải lạc? Vì dứt tất cả thọ vậy.

Thế nào là chẳng phải ngã? Vì chưa đầy đủ được tám thứ tự tại vậy. Thế nào là chẳng phải chẳng phải ngã? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã? Vì chẳng tạo tác chẳng lãnh thọ vậy.

Thế nào là không? Vì là đệ nhứt nghĩa không. Thế nào là chẳng phải không? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải không chẳng phải là chẳng phải không? Vì có thể là chủng tử cho pháp lành vậy.

Này Thiện nam tử! Nếu có người tư duy hiểu rõ được kinh Đại Niết Bàn những nghĩa như vậy, nên biết rằng người này thấy được Phật tánh. Phật tánh đó chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải Thanh Văn Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử! Phật tánh chẳng phải là ám, giới, nhập, chẳng phải trước không nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không,

từ nơi nhân duyên lành mà chúng sanh được thấy.

Ví như khối sắt đen để vào lửa đốt thời đỏ, lấy ra nguội thời trở lại đen. Dầu vậy nhưng màu đen này chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do nhân duyên mà có.

Phật tánh cũng như vậy, lửa phiền não tắt dứt thời chúng sanh được nghe được thấy.

Này Thiện nam tử! Như hột giống biến diệt thời mầm mống mọc lên, nhưng tánh mầm mống này chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Nhẫn đến bông trái cũng như vậy, đều theo nơi duyên mà có.

Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng như vậy đều là vô lượng vô biên công đức kết hợp mà thành tựu.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Bồ Tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp thời được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà được thấy rõ ràng?

Phật bảo: Này Thiện nam tử! Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp đều được thấy

Phật tánh mà chẳng rõ ràng: Một là thiếu dục, hai là tri dục, ba là tịch tịnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh huệ, tám là giải thoát, chín là tán thán giải thoát, mười là dùng Đại Niết Bàn giáo hóa chúng sanh.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Thiếu dục cùng tri túc có gì sai khác?

Phật bảo: Này Thiện nam tử! Thiếu dục là chẳng cầu chẳng lấy. Tri túc là lúc được ít lòng không hối hận. Thiếu dục là ít có mong muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự lòng chẳng sầu não.

Này Thiện nam tử! Dục đó có ba: Một là ác dục, hai là đại dục, ba là dục dục.

Ác dục là nếu có Tỳ Kheo sanh lòng tham dục muốn làm thượng thủ của tất cả đại chúng, muốn cho tất cả chúng tăng thuận theo phía sau ta, khiến bốn bộ chúng thấy đều cúng dường cung kính tán thán tôn trọng ta. Khiến ta vì chúng thuyết pháp trước nhất, đều muốn cho tất cả tin thọ lời của ta. Cũng khiến Quốc Vương, quan lớn, trưởng giả đều cúng kính ta. Khiến ta được

nhiều y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà cửa tốt đẹp. Đây là cầu muốn sanh tử nên gọi là ác dục.

Đại dục là thế nào? Nếu có Tỳ Kheo sanh lòng cầu muốn làm thế nào cho bốn bộ chúng thấy đều biết ta được bậc sơ trụ những đến thập trụ, được vô thượng Bồ Đề, được quả A La Hán nhẫn đến quả Tu Đà Hoàn, ta được tứ thiên nhẫn đến bốn trí vô ngại. Đây là vì lợi dưỡng nên gọi là đại dục.

Dục dục là, nếu có Tỳ Kheo muốn sanh Phạm Thiên, Ma Thiên, Tụ Tại Thiên, Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc Sát Đê Lợi, Cư Sĩ, Bà La Môn, đều được tự tại. Vì lợi dưỡng nên gọi là dục dục.

Nếu chẳng bị ba thứ ác dục này làm hại thời gọi là thiếu dục.

Dục đó gọi là hai mươi lăm ái, không có hai mươi lăm ái như vậy thời gọi là thiếu dục. Chẳng cần những sự mong muốn vị lai thời gọi là thiếu dục. Được mà chẳng tham đắm thời gọi là tri túc. Chẳng cầu cung kính gọi là thiếu dục, được mà chẳng chứa nhóm gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử! Có lúc thiếu dục chẳng gọi là tri túc, cũng có tri túc chẳng gọi là thiếu dục, cũng có thiếu dục mà cũng tri túc, cũng có chẳng tri túc chẳng thiếu dục.

Thiếu dục đó là nói bậc Tu Đà Hoàn. Tri túc đó là nói Bích Chi Phật. Thiếu dục tri túc đó là nói A La Hán. Chẳng thiếu dục chẳng tri túc đó là nói Bồ Tát.

Này Thiện nam tử! Thiếu dục tri túc lại có hai thứ: Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là nói phàm phu. Thiện là nói Thánh nhân và Bồ Tát. Tất cả Thánh nhân đều chứng được đạo quả mà chẳng tự xưng nói vì chẳng tự xưng nói nên trong lòng chẳng nào hận, đây gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, vì muốn thấy Phật tánh nên tu tập thiếu dục tri túc.

Thế nào là tịch tịnh? Tịch tịnh có hai: Một là tâm tịch, hai là thân tịch. Thân tịch thời trọn chẳng gây tạo ba điều ác nơi thân. Tâm tịch cũng chẳng gây tạo ba điều ác nơi ý, đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thân tịch tịnh trọn chẳng gần gũi bốn

chúng, chẳng dự việc của bốn chúng. Tâm tịch tịnh là chẳng quen tập tham dục, sân khuê, ngu si. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh. Hoặc có Tỳ Kheo thân dầu tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh. Có Tỳ Kheo thân chẳng tịch tịnh mà tâm tịch tịnh. Có Tỳ Kheo thân tâm đều tịch tịnh. Lại có Tỳ Kheo thân tâm đều chẳng tịch tịnh.

Người thân tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh, như có Tỳ Kheo ngồi thiền chỗ vắng vẻ xa lìa bốn chúng mà trong lòng luôn chứa nhóm tham dục, sân khuê, ngu si.

Người tâm tịch tịnh mà thân chẳng tịch tịnh, như có Tỳ Kheo gần gũi bốn chúng cùng Quốc Vương, đại thần mà trong lòng dứt tham, sân, si. Người thân tâm đều tịch tịnh, chính là chư Phật và Bồ Tát.

Người thân tâm đều chẳng tịch tịnh chính là các phàm phu, vì phàm phu thân tâm dầu yên tịnh nhưng không thể quán sát sâu xa lý vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, do đây nên phàm phu không thể tịch tịnh được thân, khẩu, ý ba nghiệp.

Hạng nhứt xiển đề phạm bốn tội nặng, tạo

năm tội nghịch cũng chẳng gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thế nào là tinh tấn? Nếu có Tỳ Kheo muốn cho thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh nên xa lìa tất cả hạnh nghiệp bất thiện mà tu tập tất cả nghiệp lành, đây gọi là tinh tấn.

Siêng năng tinh tấn như đây thời chuyên niệm tưởng nơi sáu chỗ, chính là Phật Pháp Tăng, giới, thí và thiên, đây gọi là chánh niệm.

Người có chánh niệm thời được tam muội, đây gọi là chánh định.

Người có chánh định, quán sát thấy các pháp dường như hư không, đây gọi là chánh huệ. Người có chánh huệ xa lìa tất cả kiết sử phiền não, đây gọi là giải thoát.

Người được giải thoát vì chúng sanh mà khen ngợi giải thoát, nói rằng giải thoát là thường hằng chẳng biến đổi đây gọi là tán thán giải thoát. Giải thoát chính là vô thượng Đại Bát Niết Bàn. Niết Bàn chính là lửa phiền não kiết sử đã tắt mát. Lại Niết Bàn gọi là nhà cửa, vì có thể ngăn mưa gió

phiền não. Lại Niết Bàn gọi là quy y, vì có thể qua khỏi tất cả những sự bố úy. Lại Niết Bàn gọi là còn bãi, vì bốn con sông lớn hung bạo chẳng thể chảy trôi. Những gì là bốn? Một là đục bạo, hai là hữu bạo, ba là kiến bạo, bốn là vô minh bạo. Do đây nên Niết Bàn gọi là còn bãi. Lại Niết Bàn gọi là rốt ráo về, vì có thể được tất cả sự an lạc rốt ráo.

Nếu có Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy, thời dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại này Thiện nam tử! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên chẳng chứng được bốn quả Sa Môn.

Những gì là bốn bệnh? Chính là bốn ác dục: Một là y phục dục, hai là thực dục, ba là ngọa cụ dục, bốn là hữu dục.

Bệnh xuất gia này, có bốn thứ lương dược trị lành được: Phấn tảo y trị được bệnh y dục của Tỳ Kheo; khát thực trị được bệnh vì thực dục; thọ hạ trị được bệnh ngọa cụ dục; thân tâm tịch tịnh phá được hữu dục của Tỳ Kheo.

Đây gọi là bốn thứ thuộc tri bốn thứ bịnh, gọi đó là thánh hạnh. Thánh hạnh này được gọi thiếu dục tri túc.

Người tịch tịnh có bốn điều vui: Một là xuất gia vui, hai là tịch tịnh vui, ba là vĩnh diệt vui, bốn là tất cánh vui. Được bốn điều vui này gọi là tịch tịnh.

Đủ bốn hạnh tinh tấn nên gọi là tinh tấn. Đủ tứ niệm xứ nên gọi là chánh niệm. Đủ tứ thiên nên gọi là chánh định. Thấy bốn điều chơn thật của Thánh nên gọi là chánh huệ.

Dứt hẳn tất cả phiền não kiết sử gọi là giải thoát. Quả trách lỗi của tất cả phiền não gọi là tán thán giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử! Đại Bồ Tát nghe kinh này rồi gần gũi tu tập, xa lìa tất cả việc thế gian, đây gọi là thiếu dục. Đã xuất gia rồi chẳng sanh lòng hối hận, đây gọi là tri túc. Đã tri túc rồi gần ở nơi chỗ vắng vẻ rảnh rang xa lìa chỗ ồn ào thời gọi là tịch tịnh.

Người chẳng tri túc chẳng thích chỗ vắng vẻ rảnh rang. Luận về người tri túc thời

thường thích ở chỗ vắng vẻ. Ở chỗ vắng vẻ rồi thường suy nghĩ rằng: Tất cả thế gian đều gọi tôi được đạo quả Sa Môn, nhưng thiệt ra tôi chưa được, nay tôi sao lại phỉnh gạt mọi người, nghĩ như vậy rồi siêng năng tu tập đạo quả Sa Môn, đây gọi là tinh tấn.

Gần gũi tu tập Đại Niết Bàn, đây gọi là chánh niệm. Tùy thuận thiên hạnh gọi là chánh định. An trụ trong định này có chánh kiến chánh tri, đây gọi là chánh huệ. Người chánh tri kiến có thể xa lìa được kiết sử phiền não, đây gọi là giải thoát.

Thập trụ Bồ Tát vì chúng sanh mà khen ngợi Niết Bàn, đây gọi là tán thán giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại này Thiện nam tử! Luận về người thiếu dục như có Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẻ ngồi ngay thẳng chẳng nằm, hoặc ở dưới cội cây, hoặc ở trong gò mả, hoặc ở chỗ trống, tùy chỗ có cỏ mà ngồi trên đó, khát thực mà ăn được gì cũng là đủ cả. Hoặc một lần ngồi ăn, chẳng quá một lần ăn, chỉ chứa ba y, y

phân tảo, y bố, đây gọi là thiếu dục. Đã thật hành việc này trong lòng chẳng ăn năn, đây gọi là tri túc. Tu không tam muội, đây gọi là tịch tịnh. Được bốn quả Sa Môn rồi đối với vô thượng Bồ Đề tâm chẳng thôi dứt, đây gọi là tinh tấn. Chuyên tâm tư duy tánh Như Lai là thường không có biến đổi đây gọi là chánh niệm. Tu bát giải thoát đây gọi là chánh định. Được tứ vô ngại đây gọi là chánh huệ. Xa lìa bảy thứ lậu, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi Niết Bàn không có mười tướng, gọi là tán thán giải thoát. Mười tướng là: Sanh, già, bệnh, chết, sắc, thính, hương, vị, xúc và vô thường. Xa lìa mười tướng này thời gọi là Đại Niết Bàn. Đây gọi là Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử! Vì đa dục nên gần gũi Quốc Vương, Quan lớn, Trưởng giả, Sát Đé Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, tự xưng là tôi được quả Tu Đà Hoàn nhận đến quả A La Hán.

Vì lợi dưỡng nên đi đứng ngồi nằm nhận đến đại tiện tiểu tiện, nếu thấy đàn việt vẫn

chào hỏi tiếp đãi chuyện vãn.

Người phá ác dục gọi là thiếu dục, dầu người này chưa có thể phá hoại phiền não kiết sử, nhưng có thể đồng hành vi với Như Lai, đây gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử! Hai pháp như vậy bèn là nhân duyên gần của chánh niệm, chánh định, thường được sư trưởng bạn học khen ngợi. Trong các kinh Phật cũng thường ngợi khen tán thán tôn trọng pháp như vậy. Nếu có thể đầy đủ hai pháp này thì được gần môn Đại Niết Bàn và năm điều vui, đây gọi là tịch tịnh. Người giữ giới bền chắc gọi là tinh tấn. Người có tâm quý gọi là chánh niệm, chẳng thấy tâm tướng gọi là chánh định, chẳng cầu tánh tướng nhân duyên của các pháp thì gọi là chánh huệ. Vì không có tướng nên phiền não dứt, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi kinh Đại Niết Bàn này thì gọi là tán thán giải thoát.

Đây gọi là Đại Bồ Tát an trụ mười pháp dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử! Như ông hỏi Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì mà thấy được Phật

tánh mà chẳng rõ ràng, chư Phật dùng con mắt gì mà thấy được Phật tánh rõ ràng?

Này Thiện nam tử! Do huệ nhãn mà thấy Phật tánh thời chẳng được rõ ràng, dùng Phật nhãn mà thấy thời được rõ ràng. Vì hạnh Bồ Đề thời chẳng rõ ràng, nếu vô hành vô tác thời được rõ ràng. Trụ nơi thập trụ thời dầu thấy mà chẳng rõ ràng, nếu chẳng trụ chẳng đi thời thấy được rõ ràng. Đại Bồ Tát vì nhân trí huệ nên thấy chẳng rõ ràng, chư Phật vì dứt nhân quả nên thấy rõ ràng. Bạc nhứt thiết giác gọi là Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát chẳng được gọi là nhứt thiết giác, nên dầu thấy mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử! Thấy có hai thứ: Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy.

Chư Phật con mắt thấy Phật tánh như xem trái cây trong bàn tay. Thập trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh nên chẳng rõ ràng. Thập trụ Bồ Tát dầu có thể tự biết quyết định được vô thượng Bồ Đề, mà chẳng biết được tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Lại có con mắt ngó thấy: Như Chư Phật cùng Thập trụ Bồ Tát, con mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy: Như tất cả chúng sanh nhĩ đến Cửu trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh.

Bồ Tát nếu nghe tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chẳng sanh lòng tin thời chẳng gọi là nghe thấy.

Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn thấy Như Lai, nên phải tu tập mười hai bộ kinh thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh chẳng biết được tâm tướng của Như Lai, phải quán tưởng thế nào để được biết?”

Phật bảo: “Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh thật ra chẳng biết được tâm tướng của Như Lai. Nếu muốn quán sát để được biết thời có hai nhân duyên: Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là con mắt thấy. Nếu xem thấy khẩu nghiệp của Như Lai, nên

biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mao mà tất cả chúng sanh không sánh bằng được, nên biết rằng đây là Như Lai, đây là con mắt thấy. Nếu nghe tiếng tâm vi diệu tối thắng chẳng đồng với tiếng tâm của chúng sanh, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy thần thông của Như Lai hiện, thần thông này là vì chúng sanh hay là vì lợi dưỡng? Nếu là vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như Lai, đây là con mắt ngó thấy. Nếu xem thấy Như Lai lúc dùng tha tâm trí quán sát chúng sanh, vì lợi dưỡng thuyết pháp hay vì chúng sanh thuyết pháp?

Nếu vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy.

Tại sao Như Lai thọ thân này? Có gì thọ thân? Vì ai mà thọ thân? Đây gọi là con mắt ngó thấy.

Nếu quán sát Như Lai thuyết pháp thế nào? Có gì thuyết pháp? Vì ai mà thuyết pháp? Đây gọi là nghe thấy. Dùng nghiệp

ác nơi thân gia hại đó mà chẳng sân hận, nên biết rằng đây là Như Lai vậy, đây gọi là con mắt thấy. Dùng nghiệp ác nơi miệng gia hại đó mà chẳng giận, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy.

Nếu thấy Bồ Tát lúc mới sanh, ở bốn phương đều đi bảy bước, các thiên thần cảm phan lộng, chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói rực khắp hư không, Long Vương dùng thần lực phun nước tắm rửa cho Bồ Tát, Chư Thiên hiện hình tiếp đỡ đánh lễ, tiên A Tư Đà chấp tay cung kính, lớn khôn vật bỏ ngũ dục như bỏ nước miếng nước mũi, chẳng bị sự vui trong đời cảm dỗ, xuất gia tu hành, thích ở chỗ vắng lặng, vì phá tà kiến nên khổ hạnh sáu năm, đối với chúng sanh bình đẳng không sai khác, tâm thường ở trong chánh định không bao giờ tán loạn, tướng hảo trang nghiêm nơi thân, đi đến chỗ nào những gò nổng đều bằng, y phục cách rời nơi thân bốn tác chẳng sa xuống, lúc đi nhìn thẳng chẳng ngoái hai bên, vật thực của Phật ăn không có lỗi chẳng hoàn toàn, chỗ Phật ngồi

đứng cở chẳng động loạn, vì điều phục chúng sanh nên qua thuyết pháp mà tâm không kiêu mạn, đây gọi là con mắt thấy.

Nếu nghe Bồ Tát đi bảy bước rồi xướng rằng: Nay thân này của ta là thân rốt sau cả. A Tư Đà Tiên chấp tay nói rằng:

_Tâu Đại Vương! Thái Tử Tất Đạt Đa quyết định sẽ thành Vô thượng Bồ Đề, trọn chẳng ở nhà làm Chuyển Luân Vương, vì Chuyển Luân Vương thân tướng chẳng rõ ràng, còn Thái Tử Tất Đạt Đa tất cả tướng tốt nơi thân đều sáng rõ, do đây quyết chắc sẽ được vô thượng Bồ Đề. Lúc thấy người già bệnh chết, Bồ Tát nói rằng: Tất cả chúng sanh thật đáng xót thương, thường ở trong sanh, già, bệnh, chết mà chẳng biết quan sát, ta sẽ dứt trừ sự khổ ấy. Theo học định vô tướng với Ngũ Thông Tiên Nhân là ông A La Lã, đã thành tựu rồi Bồ Tát bèn nói lỗi của môn định ấy. Lại theo học định phi tướng với Tiên Nhân Uất Đà Đà, đã thành tựu rồi bèn nói định này chẳng phải Niết Bàn, chính là pháp sanh tử. Sáu năm khổ hạnh không có kết quả: Tu khổ hạnh

luồng vô ích, nếu là hay thời ta đã được kết quả tốt, vì là hư vọng nên ta không được gì, đây gọi là tà thuật, chẳng phải là đạo chơn chánh.

Lúc đã thành đạo, Phạm Thiên thỉnh: “Ngửa mong đức Như Lai vì chúng sanh mà thuyết pháp cam lộ vô thượng”.

Phật bảo: Này Phạm Vương! Tất cả chúng sanh thường bị phiền não che đậy chẳng thể lãnh thọ lời dạy về pháp chơn chánh của Phật.

Phạm Vương lại bạch: Thế Tôn! Tất cả chúng sanh phạm có ba hạng: Lợi căn, trung căn và hạ căn. Hạng lợi căn có thể lãnh thọ chánh pháp. Xin đức Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp.

Phật nói: Này Phạm Vương! Lóng nghe! Lóng nghe! Nay Phật sẽ vì tất cả chúng sanh mở cửa cam lộ.

Ở thành Ba La Nại, chuyển chánh pháp luân, tuyên nói trung đạo, vì tất cả chúng sanh chẳng phá trừ các kiết sử, chẳng phải là không thể trừ, chẳng phải phá chẳng phải là chẳng phá, nên gọi là trung đạo.

Chẳng độ chúng sanh, chẳng phải là không độ được nên gọi là trung đạo.

Chẳng phải tất cả thành tựu, chẳng phải là chẳng thành tựu nên gọi là trung đạo.

Phàm có lời nói dạy ra, chẳng tự nói là thầy, chẳng nói là đệ tử, nên gọi là trung đạo.

Thuyết pháp chẳng vì lợi, chẳng phải là không được quả lành nên gọi là trung đạo.

Lời Phật là chánh ngữ, thiết ngữ, thời ngữ, chơn ngữ, chẳng hư vọng, là vi diệu đệ nhất.

Đây gọi là nghe thấy.

Này Thiện nam tử! Tâm tướng của Như Lai thiết ra không thể thấy. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào muốn được thấy Như Lai, phải nên y theo hai nhân duyên như vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Như trước kia nói điều dụ trái am ma la bốn hạng người v.v... Có hạng người việc làm kỹ mà tâm chẳng chánh thiết. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm chẳng chánh thiết. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm

cũng chánh thiết. Có hạng người tâm chẳng kỹ việc làm cũng chẳng chánh thiết.

Thế Tôn! Hai hạng đầu, làm thế nào biết được? Như lời Phật nói, dầu y theo hai nhân duyên ấy, cũng chẳng thể biết được.

Phật nói: Lành thay! Lành thay! Nay Thiện nam tử! Điều dụ trái am ma la, hai hạng người này thiết khó biết được. Vì khó biết, nên trong kinh Phật nói phải cùng họ ở chung. Ở chung nếu chẳng biết được thời phải ở lâu. Ở lâu nếu chẳng biết được thời nên dùng trí huệ. Dùng trí mà chẳng biết thời nên quán sát suy gẫm kỹ. Do quán sát suy gẫm thời biết là trì giới cùng phá giới.

Này Thiện nam tử! Đây đủ bốn điều: Ở chung, ở lâu, trí huệ, quán sát rồi sau mới biết là trì giới cùng phá giới.

Này Thiện nam tử! Giới có hai thứ, trì giới cũng hai: Một là giới cứu cánh, hai là giới chẳng cứu cánh.

Có người do nhân duyên nên thọ trì cấm giới, người trí phải quán sát người này trì giới là vì lợi dưỡng hay là vì cứu cánh.

Giới của đức Như Lai không có nhân duyên, vì thế nên được gọi là giới cứu cánh.

Do nghĩa này nên Bồ Tát dầu bị chúng sanh ác làm tổn hại mà chẳng có lòng giận hờn. Do đây nên Như Lai được gọi là thành tựu trì giới cứu cánh.

Này Thiện nam tử! Xưa kia có một lúc ta cùng Xá Lợi Phất và năm trăm đệ tử đồng ở nơi nước Ma Đà Đà trong thành Chiêm Bà. Có thợ săn đuổi theo một con bò câu. Bò câu này sợ hãi đến nơi bóng của Xá Lợi Phất vẫn còn run sợ, nó chạy đến trong bóng của ta thì thân tâm an ổn hết kinh sợ. Do đây nên biết đức Như Lai trì giới rốt ráo hẳn đến bóng của thân còn có năng lực như vậy.

Này Thiện nam tử! Giới chẳng cứu cánh còn chẳng được quả Thanh Văn, Duyên Giác, huống là có thể được quả vô thượng Bồ Đề.

Lại có hai thứ: Một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, nên biết giới này chẳng thấy được Phật tánh cùng Như Lai. Dầu nghe Phật tánh và

đanh tự Như Lai nhưng vẫn chẳng được gọi là nghe thấy.

Nếu vì chánh pháp mà thọ trì cấm giới, nên biết giới này có thể thấy được Phật tánh cùng Như Lai, đây gọi là con mắt thấy cũng gọi là nghe thấy.

Lại có hai thứ: Một là căn sâu khó lay khó nhỏ, hai là căn cạn dễ động. Nếu có thể tu tập không, vô tướng, vô nguyện, đây gọi là căn sâu. Nếu chẳng tu tập ba môn tam muội này, hoặc dẫu tu tập mà vì hai mươi lăm cõi, đây gọi là căn cạn.

Lại có hai thứ: Một là vì thân mình, hai là vì chúng sanh. Người vì chúng sanh thời có thể thấy Phật tánh và Như Lai.

Người trì giới lại có hai hạng, một là tánh tự hay là trì giới, hai là cần phải người khác dạy bảo nếu đã thọ giới trải qua vô lượng đời không sai phạm hoặc ở nhằm nước ác, gặp bạn ác, thời kỳ ác, đời ác, gặp pháp ác gian tà, ở chung với kẻ tà kiến, dẫu như vậy, nhưng người này vẫn giữ gìn giới pháp như cũ không có hủy phạm, đây gọi là tánh tự hay trì giới. Nếu là người gặp Sư Tăng

Bạch Tứ Yết Ma mà đắc giới, thời cần phải nương nhờ Hòa Thượng, các Sư Tăng, bạn lành dạy bảo, mới biết oai nghi cử chỉ đúng pháp, đây gọi là hạng người cần nhờ sự dạy bảo.

Người tánh tự hay trì giới thời con mắt thấy Phật tánh và thấy Như Lai, cùng gọi là nghe thấy.

Giới lại có hai: Một là giới Thanh Văn, hai là giới Bồ Tát từ sơ phát tâm nhẫn đến được vô thượng Bồ Đề, đây gọi là giới Bồ Tát. Nếu quán bạch cốt nhẫn đến chứng quả A La Hán đây gọi là giới Thanh Văn.

Nếu có người trì giới Thanh Văn, nên biết rằng người này chẳng thấy Phật tánh và Như Lai. Nếu có người trì giới Bồ Tát, nên biết rằng người này được vô thượng Bồ Đề, thấy được Phật tánh và Như Lai Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng: “Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà thọ trì cấm giới?”

Phật nói: “Này Thiện nam tử! Vì tâm chẳng hối hận. Có gì chẳng hối hận? Vì hưởng thọ an lạc. Có gì hưởng thọ an lạc? Vì

xa lìa. Có gì xa lìa? Vì an ổn. Có gì an ổn? Vì thiên định. Có gì thiên định? Vì tri kiến chơn thật. Có gì tri kiến chơn thật? Vì thấy những lỗi họa của sanh tử. Có gì thấy lỗi sanh tử? Vì tâm chẳng tham đắm. Có gì tâm chẳng tham đắm? Vì được giải thoát. Có gì được giải thoát? Vì được vô thượng Đại Niết Bàn. Có gì được Đại Niết Bàn? Vì được thường, lạc, ngã, tịnh. Có gì được thường, lạc, ngã, tịnh? Vì được bất sanh bất diệt. Có gì được bất sanh bất diệt? Vì thấy Phật tánh. Do đây nên Bồ Tát tánh tự hay trì giới cứu cánh.

Này Thiện nam tử! Tỳ Kheo trì giới dầu chẳng phát nguyện cầu tâm chẳng hối hận, mà tự nhiên được, vì pháp tánh như vậy. Dầu chẳng cầu vui, xa lìa, an ổn, tri kiến chơn thật, thấy lỗi sanh tử, tâm chẳng tham đắm, giải thoát, Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, bất sanh, bất diệt, cùng thấy Phật tánh, nhưng tự nhiên được tất cả, vì pháp tánh như vậy.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Nếu do trì giới mà được quả chẳng ăn năn,

nhân nơi giải thoát mà được quả Niết Bàn, thời giới là không nhân, Niết Bàn là không quả. Giới nếu không nhân thời gọi là thường, Niết Bàn có nhân thời là vô thường. Nếu như vậy, thời Niết Bàn là trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có thời là vô thường, như thấp ngọn đèn. Niết Bàn nếu như vậy thời thế nào được gọi là ngã, lạc, tịnh ư?

Phật nói: Này Thiện nam tử! Lành thay! Lành thay! Ông đã từng ở nơi vô lượng chư Phật trông những thiện căn, mới có thể hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy?

Này Thiện nam tử! Ông chẳng mất bản niệm mới hỏi như vậy ư?

Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, nơi thành Ba La Nại có đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đức. Đức Phật đó diễn nói kinh Đại Niết Bàn này, trong ba ức năm. Lúc đó ta cùng ông đều ở trong pháp hội đó. Ta đem việc này để hỏi đức Phật Thiện Đức. Lúc ấy đức Phật Thiện Đức vì chúng sanh mà nhập chánh định nên chưa đáp nghĩa này.

Lành thay! Ông bèn có thể nhớ được việc cũ. Lóng nghe! Lóng nghe! Ta sẽ vì ông giải nói.

Này Thiện nam tử! Giới cũng có nhân, chính là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp cũng có nhân, chính là gần bạn lành. Gần bạn lành cũng có nhân, chính là tín tâm. Người có tín tâm cũng có nhân, chính là nghe pháp và tư duy ý nghĩa, Tín tâm nhân nơi nghe pháp, nghe pháp nhân nơi tín tâm, hai pháp này cũng là nhân mà cũng là nhân nhân, cũng là quả, mà cũng là quả quả. Như Ni Kiền Tử dựng ba cây treo để bình tròn, làm nhân quả cho nhau chẳng rời được.

Này Thiện nam tử! Như vô minh, duyên hành, hành duyên vô minh, vô minh và hành này cũng là nhân mà cũng là nhân nhân, cũng là quả mà cũng là quả quả. Sanh duyên lão tử, lão tử duyên sanh, sanh cùng lão tử này cũng là nhân mà cũng là nhân nhân, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Này Thiện nam tử! Pháp sanh có thể sanh ra pháp mà chẳng thể tự sanh, vì

chẳng tự sanh nên do sanh mà sanh sanh. Sanh sanh chẳng tự sanh lại nhờ sanh mà sanh, vì thế nên hai thứ sanh này cũng là nhân mà cũng là nhân nhân, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Này Thiện nam tử! Tín tâm và nghe pháp cũng như vậy. Là quả mà chẳng phải nhân chính là Đại Niết Bàn.

Cớ gì gọi là quả? Vì là quả vô thượng, là quả Sa Môn, là quả Bà La Môn, vì dứt sanh tử, vì phá phiền não, do đây nên gọi là quả. Vì bị các phiền não quở trách nên Niết Bàn gọi là quả. Phiền não gọi là lỗi làm trên lỗi làm.

Này Thiện nam tử! Niết Bàn không có nhân mà thể của nó là quả. Vì nó không sanh diệt, vì không chỗ tạo tác, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường chẳng biến đổi, vì không chỗ nói, vì không thí chung.

Này Thiện nam tử! Nếu Niết Bàn có nhân thì chẳng được gọi là Niết Bàn. Bàn là nói nhân, Niết là nói không, không có nhân nên gọi là Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Như lời Phật nói Niết Bàn là không nhân. Lời này không đúng. Nếu nói là không thời hiệp sáu nghĩa: Một là tất cánh không nên gọi là không, như tất cả pháp không có ngã không có ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi là không, như người đời nói sông ao không có nước, không có mặt trời mặt trăng. Ba là vì ít nên nói là không, như người đời nói trong đồ ăn ít mặn thời gọi là không mặn, nước ngọt ít ngọt thời gọi là không ngọt. Bốn là không lãnh thọ nên gọi rằng không, như Chiên Đà La không thể thọ trì pháp Bà La Môn, nên gọi là không Bà La Môn. Năm là vì thọ pháp ác nên gọi là không, như người đời nói người thọ pháp ác chẳng gọi là Sa Môn, chẳng gọi là Bà La Môn, nên nói không có Sa Môn và Bà La Môn. Sáu là vì đối đãi mà gọi là không, như không trắng gọi đó là đen, không sáng gọi đó là vô minh.

Thế Tôn! Niết Bàn cũng như vậy, có lúc không nhân nên gọi là Niết Bàn.

Phật nói: “Này thiện nam tử. Nay ông nói

sáu nghĩa như vậy, có sao ông không dẫn rớt ráo không để dụ cho Niết Bàn, mà ông lại lấy có lúc không, để lệ cho Niết Bàn như vậy.

Này Thiện nam tử! Thể của Niết Bàn rớt ráo không nhân, cũng như không ngã và không ngã sở.

Này Thiện nam tử! Pháp thế gian cùng Niết Bàn trọn chẳng tương đối nhau, vì thế nên sáu việc của ông dẫn ra chẳng làm ví dụ được.

Này Thiện nam tử! Tất cả pháp đều không có ngã, mà Niết Bàn này thiết không có ngã, do nghĩa này nên Niết Bàn không nhân mà thể của nó là quả. Là nhân mà chẳng phải quả gọi là Phật tánh, vì chẳng phải do nhân sanh, vì chẳng phải quả của Sa Môn nên gọi là chẳng phải quả. Có gì gọi là nhân, vì là liễu nhân vậy.

Này Thiện nam tử! Nhân có hai thứ: Một là sanh nhân, hai là liễu nhân. Hay sanh ra pháp thời gọi là sanh nhân. Đền hay chiếu rõ đồ vật, nên gọi là liễu nhân. Phiền não kiết sử thời gọi là sanh nhân. Cha mẹ

của chúng sanh thời gọi là liễu nhân. Như hột lúa v.v... thời gọi là sanh nhân. Đất nước phân tro v.v... thời gọi là liễu nhân. Lại có sanh nhân, chính là sáu môn Ba La Mật, vô thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhân, chính là Phật tánh vô thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhân, chính là sáu môn Ba La Mật, Phật tánh. Lại có sanh nhân, chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhân, chính là Bát Chánh Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Lại có sanh nhân, chính là tín tâm sáu môn Ba La Mật.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Như Phật nói: Thấy Như Lai và Phật tánh, ý nghĩa đó như thế nào?

Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải dài ngắn trắng đen, không có phương sở, chẳng ở trong tam giới, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải nhãn thức thấy được, như thế thời làm sao có thể thấy được, Phật tánh cũng vậy.

Phật nói: Này Thiện nam tử! Thân của Phật có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Thân vô thường chính là vì muốn

độ thoát tất cả chúng sanh nên phương tiện thị hiện, thân này con mắt thấy được. Thân thường trụ chính là thân giải thoát của Như Lai, thân này cũng gọi là con mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy.

Phật tánh cũng có hai thứ: Một là có thể thấy, hai là chẳng thể thấy. Có thể thấy là nói bậc Thập trụ Bồ Tát và chư Phật. Chẳng thể thấy là nói tất cả chúng sanh. Con mắt có thấy, chính là Thập trụ Bồ Tát và chư Phật con mắt ngó thấy Phật tánh của chúng sanh. Có nghe thấy, là tất cả chúng sanh và Cửu Trụ Bồ Tát nghe có Phật tánh.

Thân của Phật lại có hai thứ: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là thân giải thoát của Như Lai. Là chẳng phải sắc vì đức Như Lai đã dứt hẳn sắc căn.

Phật tánh lại có hai thứ: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là vô thượng Bồ Đề. Là chẳng phải sắc chính là phạm phu nhân đến Thập Trụ Bồ Tát. Vì Thập Trụ Bồ Tát thấy chẳng rõ ràng nên gọi là chẳng phải sắc. Phật tánh lại có hai thứ: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc

chính là chư Phật và Bồ Tát. Là chẳng phải sắc chính là tất cả chúng sanh. Là sắc gọi rằng con mắt thấy. Là phi sắc gọi rằng nghe thấy.

Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dầu chẳng phải trong ngoài nhưng chẳng phải là hư mất, nên gọi rằng chúng sanh đều có Phật tánh.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Như Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như trong sữa có chất lạc. Kim Cang lục sĩ, chư Phật, Phật tánh như đề hồ trong sạch. Có sao đức Như Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài?”

Phật nói: “Này Thiện nam tử! Ta cũng chẳng nói rằng trong sữa có chất lạc. Vì chất lạc từ sữa sanh ra nên nói rằng có chất lạc.

_Thế Tôn! Tất cả sanh pháp đều có thời tiết.

_Này thiện nam tử! Lúc là sữa thời không có chất lạc, cũng không có các chất sanh tô, thực tô, đề hồ. Tất cả chúng sanh cũng gọi đó là sữa. Vì thế nên ta nói rằng trong sữa không có chất lạc. Như trong sữa đồng thời

có chất lạc, có sao chẳng đồng thời có hai thứ tên. Như người có hai nghề thời gọi rằng thợ vàng sắt. Lúc là chất lạc không có sữa cũng như không có sanh tô, thực tô và đề hồ. Chúng sanh cũng gọi là chất lạc chẳng phải sữa, sanh tô thực tô và đề hồ.

Này thiện nam tử! Nhân có hai thứ: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là như sữa sanh chất lạc. Duyên nhân là như ủ ấm. Vì từ sữa sanh nên gọi là trong sữa có tánh chất lạc.

Sư Tử Hồng Bò Tát bạch rằng: Thế Tôn! Nếu sữa không tính chất lạc, trong sừng bò cũng không có, có sao chẳng từ trong sừng bò mà sanh?

_Này thiện nam tử! Sừng bò cũng sanh chất lạc. Vì ta nói rằng duyên nhân có hai thứ: Một là ủ, hai là ấm. Tánh sừng bò là ấm nên cũng có thể làm duyên sanh chất lạc.

_Bạch Thế Tôn! Nếu sừng bò có thể sanh chất lạc, người tìm chất lạc có sao lại tìm nơi sữa mà chẳng dùng sừng.

_Này thiện nam tử! Do có đó nên ta nói

có chánh nhân có duyên nhân .

_Thế Tôn! Nếu trong sữa vốn không tánh của chất lạc nay mới có, trong sữa vốn không tánh cây am ma la, có sao chẳng sanh cây am ma la, vì trong sữa cả hai tánh đều không.

_Này Thiện nam tử! Sữa cũng có thể sanh cây am ma la, nếu dùng sữa tươi trong một đêm, cây am ma la cao thêm năm thước. Do nghĩa này nên ta nói có hai thứ nhân.

Này Thiện nam tử! Nếu tất cả pháp chỉ có một nhân sanh ra thời mới có thể vãn nạn như lời của ông vừa nói.

Này Thiện nam tử! Như tứ đại làm nhân duyên có ra tất cả sắc pháp. Nhưng sắc pháp mỗi mỗi riêng khác chẳng đồng nhau, do nghĩa này nên trong sữa chẳng sanh cây am ma la.

_Bạch Thế Tôn! Như Phật nói có hai nhân là chánh nhân và duyên nhân, Phật tánh của chúng sanh thuộc về nhân nào ?

_Này Thiện nam tử! Phật tánh của chúng sanh cũng hai thứ nhân: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân đó

chính là các chúng sanh. Duyên nhân đó chính là sáu môn Ba La Mật.

_Bạch Thế Tôn! Nay tôi quyết định biết rằng trong sữa có tánh chất lạc. Vì tôi thấy trong đời những người tìm chất lạc chỉ lấy nơi trong sữa mà trọn chẳng lấy trong những vật khác. Do đây nên biết rằng trong sữa có tánh của chất lạc.

_Này Thiện nam tử! Như lời của ông hỏi, theo nghĩa thời chẳng đúng. Ví như có người muốn soi thấy hình bóng của mặt mình bèn lấy con dao sáng.

_Bạch Thế Tôn! Do nghĩa này nên trong sữa có tánh của chất lạc, vì nếu trong dao không có hình bóng của gương mặt, có gì lại lấy dao.

_Này Thiện nam tử! Nếu trong con dao này quyết định có hình bóng của gương mặt, có sao lại điên đảo: Dựng đứng thời thấy hình dài, cầm ngang thời thấy bóng rộng. Nếu là mặt của mình có sao lại thấy dài? Nếu là mặt người khác thời đâu được gọi rằng là hình bóng của mặt mình. Nếu nhân mặt mình mà thấy mặt người khác, có

sao chẳng thấy bóng của lừa của ngựa?

_Bạch Thế Tôn! Nhãn quang đến nơi kia nên thấy bóng mặt.

_Này Thiện nam tử! Thật ra nhãn quang này chẳng đến nơi kia, vì xa gần đồng một thời đều được thấy cả, vì chẳng thấy những vật ở chặng giữa vậy.

Nhãn quang nếu đến nơi kia mà được thấy, thời tất cả chúng sanh đều thấy lửa có sao chẳng bị cháy? Như người thấy vật trắng ở xa thời chẳng nên nghi rằng đó là chim hạc? Là phan? Là người? Là cây? Nếu nhãn quang đến nơi kia thế nào thấy được vật ở trong bình thủy tinh, cá cùng đá ở dưới vực sâu. Nếu nhãn quang chẳng đến mà thấy có sao thấy được vật trong bình thủy tinh, mà chẳng thấy được vật ở ngoài vách. Do lẽ này nên nếu nói rằng nhãn quang đến nơi kia mà được thấy đó là không đúng.

Này Thiện nam tử! Như ông vừa nói trong sữa có tánh của chất lạc, có sao người bán sữa chỉ lấy giá tiền sữa mà chẳng đòi tiền chất lạc. Người bán ngựa cái có sao chỉ

lấy tiền ngựa mà chẳng đòi tiền ngựa con.

Này Thiện nam tử! Người đòi vì không con cái nên cầu cưới vợ. Vợ nếu có thai nghén thời chẳng được gọi là con gái. Nếu nói là con gái có tánh của con cái nên phải cưới hỏi thời không đúng. Vì nếu có tánh của con cái lẽ ra cũng phải có tánh của cháu. Nếu có tánh của cháu thời thành ra anh em, vì đồng một bụng sanh ra vậy. Do đây nên ta nói rằng nơi người con gái không có tánh của con cái.

Nếu trong sữa kia có tánh của chất lạc có sao chẳng thấy cả năm vị đồng một thời. Nếu trong hột cây có tánh chất của cây ni câu đà cao năm trượng, có sao chẳng thấy mọng cây, nhánh lá, bông trái, hình sắc sai khác của cây đồng một thời.

Này Thiện nam tử! Lúc là sữa thời màu khác, vị khác công dụng khác, nhãn đến đề hồ cũng lại như vậy. Làm sao có thể nói được rằng trong sữa có tánh của chất lạc.

Này Thiện nam tử! Như có người sáng ngày sẽ uống chất tô, giờ đây đã sợ hôi. Nếu nói rằng trong sữa quyết định có chất lạc thời

cũng như vậy.

Ví như có người dùng viết giấy mực hòa hiệp thành chữ, mà trong giấy này vốn không có chữ, vì vốn không có nên nhờ duyên mà thành có, nếu vốn đã có thì cần gì các duyên.

Như xanh vàng hợp lại thành màu lục, nên biết hai màu này vốn không có tánh của màu lục, nếu vốn đã có cần gì phải hiệp lại mới thành.

Như chúng sanh do ăn mà được sống. Nhưng trong vật thực này thiệt không có mạng sống. Nếu vốn đã có mạng sống thì lúc chưa ăn lẽ ra vật thực này là mạng sống.

Này Thiện nam tử! Tất cả các pháp vốn không có tánh, do nghĩa này nên ta nói kệ rằng:

Trước không nay có.

Trước có nay không.

Ba đời có pháp.

Không có lẽ đó.

Này Thiện nam tử! Tất cả pháp do nhân duyên mà sanh cũng do nhân duyên mà diệt.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, thời tất cả chúng sanh lẽ ra có thân Phật như ta hôm nay.

Phật tánh của chúng sanh chẳng hư, chẳng hoại, chẳng bị kéo, bị bắt, chẳng bị trói, bị buộc. Như trong chúng sanh có hư không, vì tất cả chúng sanh đều có hư không chẳng chướng ngại, chúng sanh đều chẳng tự thấy mình có hư không này. Giả sử nếu chúng sanh chẳng có hư không, thời không có những sự đến đi đứng ngồi nằm, chẳng sống chẳng lớn. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói tất cả chúng sanh đều có hư không giới, hư không giới đây gọi là hư không. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Bạc Thập trụ Bồ Tát thấy được phần ít như châu kim cương.

Này Thiện nam tử! Phật tánh của chúng sanh là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy Phật tánh nên thường bị phiền não trói buộc mà phải lưu chuyển trong sanh tử. Chư Phật vì thấy Phật tánh nên phiền não kiết sử chẳng trói

buộc được, do đây giải thoát sanh tử được Đại Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Tất cả chúng sanh có tánh của Phật tánh như tánh chất lạc trong sữa. Nếu sữa không tánh chất lạc, tại sao Phật nói có hai thứ nhân: Chánh nhân và duyên nhân. Duyên nhân có hai: Ủ và ấm. Hư không vì là không tánh nên không có duyên nhân.

Này Thiện nam tử: Giả sử trong sữa quyết định có tánh chất lạc, cần gì đến duyên nhân?

_ Bạch Thế Tôn! Vì có tánh nên phải cần duyên nhân. Vì muốn thấy rõ vậy. Duyên nhân đó chính là liễu nhân. Như trong nhà tối đã trước có những đồ vật, vì muốn thấy rõ nên dùng đèn soi sáng. Nếu vốn không đồ vật thì đèn soi sáng những gì? Như trong đất sét có bình, nên cần nhân công, nước, vòng dây, gậy v.v... mà làm liễu nhân. Như hột ni câu đà cần đến nước, đất, phân mà làm liễu nhân. Trong sữa cũng như vậy, phải nhờ ủ ấm làm liễu nhân. Vì thế nên dầu trước đã có tánh phải nhờ liễu

nhân rồi sau mới được thấy. Do nghĩa này nên quyết định biết trong sữa trước có tánh của chất lạc.

_ Nay Thiện nam tử! Giả sử nếu trong sữa quyết định có tánh của chất lạc thì tánh này chính là liễu nhân. Nếu đã là liễu nhân lại cần gì phải dùng liễu.

Nay Thiện nam tử! Nếu liễu nhân đây tánh nó là liễu thì lẽ ra phải thường tự liễu. Nếu chẳng tự liễu thì đâu có thể liễu cái khác.

Nếu nói liễu nhân có hai thứ tánh: Một là tự liễu, hai là liễu tha, thì không đúng nghĩa. Vì một pháp liễu nhân làm sao lại có hai thứ tánh? Nếu có hai tánh thì sữa lẽ ra cũng có hai thứ. Giả sử trong sữa không có hai thứ, tại sao liễu nhân lại riêng có hai tánh?

_ Bạch Thế Tôn! Như người đời nói rằng chúng tôi cộng có tám người: Liễu nhân cũng như vậy: Tự liễu và liễu tha.

_ Nay Thiện nam tử! Liễu nhân nếu như vậy thì chẳng phải là liễu nhân, vì là số, có thể đếm, sắc của mình, sắc của người nên

được nói là tám, mà sắc tánh này tự nó không có liễu tướng, vì không liễu tướng phải nhờ trí tánh mới đếm được tự và tha. Do đây nên liễu nhân chẳng thể tự liễu cũng chẳng liễu được tha.

Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đã có Phật tánh có gì lại phải tu tập công đức? Nếu nói tu tập là liễu nhân thời đã đồng hư hoại như chất lạc.

Nếu nói trong nhân quyết định có quả thời giới, định, huệ lẽ ra không tăng trưởng. Nhưng người đời trước kia không giới, định, huệ theo sư trưởng học tập thời lần lần được có giới, định, huệ. Nếu cho rằng sư trưởng dạy dỗ là liễu nhân, chính lúc dạy dỗ thời chưa có giới, định, huệ, nếu là liễu đó, lẽ ra là liễu thứ chưa có, sao lại gọi rằng liễu giới, định, huệ làm cho được tăng trưởng.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Nếu liễu nhân là không, sao lại được rằng có sữa có lạc?

Này Thiện nam tử! Sự đáp nạn của thế gian có ba: Một là chuyên đáp, như trước kia nói có gì gọi là giới? Do vì chẳng ăn năn

nhẫn đến vì được Đại Niết Bàn. Hai là nín lặng mà đáp, như có Phạm Chí đến hỏi ta rằng: Ngã là thường ư? Lúc đó ta nín lặng. Ba là nghi đáp như trong kinh đây nói: Nếu liễu nhân có hai tánh có gì trong sữa chẳng được có hai thứ?

Này Thiện nam tử! Nay ta chuyển đáp, như người đời nói rằng có sữa có lạc, vì quyết định được nên được gọi rằng có sữa có lạc. Phật tánh cũng như vậy có chúng sanh có Phật tánh do vì sẽ được thấy.

_Bạch Thế Tôn! Như lời Phật vừa nói không được đúng nghĩa. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến thế nào gọi là có? Nếu cho rằng sẽ có mà gọi là có đó, thời không đúng. Như người đời thấy không con cái bèn nói không con. Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, tại sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

_Này Thiện nam tử! Quá khứ gọi rằng có. Ví như trồng quít mọc mọc lên thời hột hư mất. Từ mọc lên cây nhánh lá, nhẫn đến kết trái, lúc trái chín bèn có vị ngọt.

Này Thiện nam tử! Vị ngọt này đều không

từ nơi hột, mọng, cây, nhánh, bông v.v... Lúc trái chín thời sanh vị ngọt, vị ngọt này trước không nay có. Dầu trước không nay có mà chẳng phải là chẳng do nơi hột lúc trước. Thế nên hột lúc trước dầu đã quá khứ nhưng được gọi là có. Do nghĩa này nên quá khứ gọi rằng có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai là có? Ví như có người gieo trồng cây mè. Có kẻ hỏi có gì trồng thứ này? _Đáp rằng vì có dầu.

Thiệt ra thời chưa có dầu, khi cây mè đã già lấy hột hấp sôi, giã ép rồi sau mới có dầu chảy ra. Nên biết rằng người này trả lời như vậy chẳng phải là hư vọng. Do nghĩa này nên gọi rằng vị lai có.

Lại thế nào gọi rằng quá khứ có ư? Ví như có người lén mắng nhà vua, trải qua nhiều năm. Lúc sau vua nghe được đòi đến hỏi có sao mắng ta? _Tâu Đại Vương! Tôi chẳng mắng vì người mắng đó mất. _Vua bảo: Kẻ mắng cùng thân ta cả hai đều còn tại sao lại nói rằng mất? Người kia không trả lời được nên phải bị tội chết.

Này thiện nam tử! Hai tánh ấy thiệt không

mà quả chẳng mất, đây gọi là quá khứ có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai có? Như có người đến nhà thợ gốm hỏi có bình không? Đáp rằng có. Thiệt ra thợ gốm này chưa có bình vì có đất sét nên đáp rằng có bình, phải biết rằng thợ gốm này chẳng phải vọng ngữ. Trong sữa có chất lạc, chúng sanh có Phật tánh cũng như vậy, muốn thấy Phật tánh, phải nên quán sát thời tiết hình sắc, do đây nên ta nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thiệt chẳng hư vọng.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, làm sao mà được vô thượng Bồ Đề?

_Do chánh nhân, nên khiến chúng sanh được vô thượng Bồ Đề. Gì là chánh nhân? Chính là Phật tánh.

_Bạch Thế Tôn! Nếu hột Ni câu đà không có cây ni câu đà, tại sao gọi là hột ni câu đà mà chẳng gọi là hột khư đà la?

Bạch Thế Tôn! Như họ Cù Đàm chẳng được gọi là họ A Kỳ Da. Họ A Kỳ Da lại chẳng được gọi là Cù Đàm. Hột Ni Câu Đà chẳng được gọi là hột Khư Đà La, còn hột

Khu Đà La chẳng được gọi là hột Ni Câu Đà. Cũng như đức Thê Tôn chẳng được bỏ lia họ Cù Đàm. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do nghĩa này nên biết rằng chúng sanh đều có Phật tánh.

Phật bảo: Này Thiện nam tử! Nếu nói rằng trong hột có cây Ni Câu Đà thì không đúng. Vì nếu là có cơ sao chẳng thấy?

Này Thiện nam tử! Như những vật trong đời vì có nhân duyên nên chẳng thấy được. Ở xa chẳng thấy được như dấu chim bay giữa hư không. Vì gần nên chẳng thấy được như lông nheo rớt vào mắt. Vì hư hoại nên chẳng thấy như ngũ căn đã hư. Vì loạn tưởng nên chẳng thấy như tâm chẳng chuyên nhứt. Vì nhỏ nên chẳng thấy như vi trần. Vì bị che nên chẳng thấy như tinh tú bị mây phủ. Vì nhiều nên chẳng thấy như hột mè trên đồng lúa. Vì tương tợ nên chẳng thấy như chẳng thấy như hột đậu trên đồng đậu. Cây ni câu đà chẳng đồng tám thứ nhân duyên như vậy, nếu nó là có tại sao chẳng thấy? Nếu cho rằng vì nhỏ bị che nên chẳng thấy thì không đúng, vì

tướng cây to thô. Nếu cho rằng tánh vi tế thời thế nào lại thành cây lớn. Nếu cho rằng bị che ngăn thời lẽ ra luôn luôn chẳng được thấy. Cây trước kia không có tướng thô to, nay thời thấy cây to, nên biết rằng tướng to này vốn không có tánh. Trước kia không có tánh thấy nay thời thấy được, nên biết rằng sự thấy này cũng vốn không có tánh. Hột cũng như vậy: Trước không có cây nay thời có đó, như thế có lỗi gì?

_ Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói có hai thứ nhân: Chánh nhân và liễu nhân. Hột ni câu đà do đất, nước, phân làm liễu nhân khiến nhỏ được thành to.

Này Thiện nam tử! Nếu trước đã có thời cần gì đến liễu nhân? Nếu trước là không thời liễu nhân là liễu cái gì? Nếu trong hột Ni câu đà vốn không có tướng to, do liễu nhân bèn sanh to, có sao chẳng sanh cây khư đà la, vì rằng hai thứ đều là không cả.

Này Thiện nam tử! Nếu như nhỏ chẳng thấy được, thời lẽ ra to có thể thấy. Như một vi trần thời chẳng thấy được, nhiều vi trần hòa hiệp thời thấy được. Trong hột lẽ ra

cũng như vậy, to thời có thể thấy, vì trong đó đã có mộng cây, bông trái, trong mỗi trái có vô lượng hạt, trong mỗi mỗi hạt có vô lượng cây nên gọi là thô, vì là thô nên lẽ ra có thể thấy.

Nếu hạt ni câu đà có tánh cây ni câu đà mà mọc lên cây, con mắt thấy hạt này bị lửa đốt cháy thời lẽ ra tánh đốt cháy này cũng là đã có trước. Nếu tánh cháy vốn đã có thời lẽ ra cây chẳng mọc lên. Nếu tất cả pháp vốn đã có sanh diệt, có sao trước sanh rồi sau diệt mà chẳng đồng một thời ư? Do nghĩa này nên biết là không có tánh.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu hạt ni câu đà vốn không tánh cây mà sanh ra cây, thời hạt này có gì chẳng sanh ra dầu, vì cả hai tánh đều là không cả?

_Này Thiện nam tử! Hạt ấy cũng có thể sanh ra dầu, dầu vốn không có tánh dầu, nhưng do nhân duyên mà có.

_Bạch Thế Tôn! Có sao không gọi là dầu mè ư?

_Này Thiện nam tử! Vì chẳng phải là mè.

Như duyên lửa sanh ra lửa, duyên nước

sinh ra nước. Dầu hai thứ lửa và nước đều từ nơi duyên, nhưng chẳng thể có lẫn nhau được. Hột ni câu đà và dầu mè cũng như vậy, tuy cả hai đều từ nơi duyên mà đều chẳng sanh lẫn nhau.

Tánh chất của hột ni câu đà hay trị bệnh hàn lãnh. Tánh chất của dầu mè hay trị được bệnh phong.

Như cây mía, do nhân duyên mà thành các thứ đường: Đường phèn, đường đen. Dầu cả hai thứ đường đều từ nơi chất mía, nhưng sắc tướng khác nhau, đường phèn trị bệnh nhiệt, đường đen trị hàn lãnh.

_ Bạch Thế Tôn! Như trong sữa không tánh lạc, trong mè không tánh dầu, trong hột ni câu đà không tánh cây, trong đất sét không tánh bình tất cả chúng sanh không tánh Phật, cứ theo đây thời như trước kia đức Phật nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì thế nên được vô thượng Bồ Đề. Nghĩa này xét ra không được đúng, vì trời và người đều vô tánh. Vì vô tánh nên người có thể sanh làm trời, trời có thể sanh làm người. Đều là do nhân duyên của nghiệp,

không phải do nơi tánh.

Đại Bồ Tát do nhân duyên của nghiệp nên được vô thượng Bồ Đề.

Nếu các chúng sanh có Phật tánh thời do nhân duyên gì mà nhưt xiển đề dứt căn lành phải đọa địa ngục? Nếu Bồ Đề tâm là Phật tánh, thời nhưt xiển đề lẽ ra chẳng dứt. Nếu là có thể dứt được, sao lại được nói rằng Phật tánh là thường? Còn nếu chẳng phải là thường thời không gọi là Phật tánh.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, có sao gọi là sơ phát tâm ư? Tại sao lại gọi là bậc thối chuyển, bậc bất thối chuyển? Nếu là bậc thối chuyển thời nên biết rằng người này không có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát nhưt tâm hướng đến vô thượng Bồ Đề, đại từ, đại bi, thấy tội lỗi của phiền não sanh tử. Quán sát Đại Niết Bàn không có các lỗi sanh tử phiền não. Tin ngôi Tam Bảo và nghiệp nhân quả báo, thọ trì giới cấm. Những tâm hạnh như vậy gọi là Phật tánh.

Nếu rời lìa những tâm hạnh này mà có Phật tánh, thời cần gì dùng những tâm

hạnh này để làm nhân duyên.

Bạch Thế Tôn! Như sữa chẳng chờ duyên tất sẽ thành lạc, nhưng thành tô phải chờ đủ duyên: Nhân công, nước, bình, dây, khuấy.

Cũng vậy, những chúng sanh có Phật tánh lẽ ra không cần nhân duyên cũng được vô thượng Bồ Đề.

Nếu là quyết định có Phật tánh, có sao người tu hành thấy sự khổ của ba ác đạo, sanh, già, bệnh, chết mà thối tâm? Nếu quyết định có Phật tánh, cũng chẳng cần tu sáu môn Ba La Mật, lẽ ra được vô thượng Bồ Đề, như sữa chẳng cần duyên mà thành lạc. Nhưng thật ra phải nhờ tu sáu môn Ba La Mật mới được vô thượng Bồ Đề.

Do những nghĩa này nên biết rằng chúng sanh đều không có Phật tánh.

Như trước kia đức Phật nói Tăng Bảo là thường trụ. Đã là thường thì tất chẳng phải là vô thường. Đã chẳng phải vô thường, tại sao Tăng Bảo được thành vô thượng Bồ Đề.

Tăng nếu là thường, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh?

Bạch Thế Tôn! Giả sử nếu chúng sanh từ

trước đến nay không tâm Bồ Đề, cũng không tâm vô thượng Bồ Đề, về sau mới có, thời Phật tánh của chúng sanh cũng lẽ ra trước không, sau mới có.

Do nghĩa trên đây nên tất cả chúng sanh lẽ ra không có Phật tánh.

Phật nói: Lành thay! Lành thay! Ông từ lâu đã biết rõ nghĩa Phật tánh. Nay ông vì chúng sanh mà thỉnh hỏi như vậy.

Tất cả chúng sanh thiết có Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Ông nói rằng nếu chúng sanh có Phật tánh lẽ ra chẳng nên có người sơ phát tâm. Phải biết rằng tâm không phải là Phật tánh, vì tâm vốn vô thường, còn Phật tánh là thường.

Ông nói có sao có người thối tâm. Thật ra không có thối tâm. Nếu tâm có thối thời tất là trọn chẳng thể được vô thượng Bồ Đề, vì được chậm nên gọi đó là thối.

Tâm Bồ Đề này thiết chẳng phải là Phật tánh, vì nhưt xiển đề dứt căn lành đọa địa ngục.

Nếu tâm Bồ Đề là Phật tánh thời hạng nhưt xiển đề, chẳng được gọi là nhưt xiển

đề. Tâm Bồ Đề cũng chẳng được gọi là vô thường. Do đây nên biết rằng tâm Bồ Đề thiệt chẳng phải là Phật tánh.

Này Thiện nam tử! Ông nói nếu chúng sanh có Phật tánh thì lẽ ra chẳng cần nhờ nhân duyên mới được vô thượng Bồ Đề, như sữa thành lạc. Lời này không đúng nghĩa. Vì ông đã nói phải có năm duyên mới thành sanh tô, nên biết rằng Phật tánh cũng như vậy.

Như trong các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt. Bốn thứ đá đều bốn thọ chất tứ đại, đồng tên là đá, đồng là vật có thiệt, nhưng mỗi thứ đá sản xuất mỗi chất không đồng nhau, phải cần nhờ đủ các duyên mới sản xuất ra chất vàng, bạc, đồng, sắt. Do đây nên biết rằng trước vốn không có, chờ đủ duyên mà sau mới có.

Phật tánh của chúng sanh chẳng gọi là Phật. Phải do công đức được thấy Phật tánh, rồi sau chúng sanh mới thành Phật.

Ông nói chúng sanh đều có Phật tánh tại sao lại không thấy. Lời này không đúng nghĩa. Vì các duyên công đức chưa đầy đủ

nên không được thấy.

Do nghĩa này nên ta nói có hai nhân: Chánh nhân và duyên nhân.

Chánh nhân gọi là Phật tánh, duyên nhân là phát tâm Bồ Đề. Do hai nhân duyên này mà được vô thượng Bồ Đề, như đủ duyên thời sản xuất vàng.

Ông nói Tăng Bảo thường trụ thời lẽ ra chúng sanh không có Phật tánh đó. Phải biết rằng Tăng gọi là hòa hiệp. Hoà hiệp này có hai: Thế gian hòa hiệp và đệ nhưt nghĩa hòa hiệp.

Thế hòa hiệp gọi là Thanh Văn Tăng. Nghĩa hòa hiệp gọi là Bồ Tát Tăng.

Thế Tăng là vô thường. Phật tánh là thường trụ. Như Phật tánh, nghĩa Tăng cũng là thường trụ.

Lại có Tăng gọi là pháp hòa hiệp, chính là nói mười hai bộ kinh. Mười hai bộ kinh là thường, nên ta nói pháp và Tăng là thường trụ.

Này Thiện nam tử! Tăng gọi là hòa hiệp. Hòa hiệp đây chính là nói mười hai nhân duyên. Trong mười hai nhân duyên cũng có

Phật tánh. Mười hai nhân duyên là thường, Phật tánh cũng vậy. Do đây nên ta nói Tăng có Phật tánh.

Ông nói: Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao có kẻ thối, người không thối?

Này Thiện nam tử! Lóng nghe! Lóng nghe! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho:

Có mười ba điều làm cho Bồ Tát thối chuyển đạo vô thượng Bồ Đề: Một là tâm chẳng tin; hai là tâm chẳng cố làm; ba là tâm nghi; bốn là tham tiếc thân mạng và của cải; năm là có quan niệm quá sợ sệt đối với Niết Bàn: “Thế nào làm cho chúng sanh diệt độ hẳn”; sáu là tâm chẳng kham nhẫn; bảy là tâm chẳng điều nhu; tám là sâu nã; chín là chẳng thích vui; mười là phóng dật; mười một là tự khinh thân mình; mười hai là tự thấy phiền não không thể phá; mười ba là không thích những pháp môn tiến tới Bồ Đề.

Trên đây là mười ba điều làm cho Bồ Tát thối chuyển đạo Bồ Đề vô thượng.

Lại có sáu điều làm hư tâm Bồ Đề: Một là bỏn xén pháp; hai là có tâm chẳng lành

chẳng đôi với chúng sanh; ba là gần gũi bạn ác; bốn là chẳng siêng năng tinh tiến; năm là quá tự kiêu mạn; sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian.

Này Thiện nam tử! Có người được nghe chư Phật là bậc Thầy của cõi Trời và nhân gian, là đáng tôn trọng trong tất cả chúng sanh, hơn tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác, là bậc có pháp nhãn sáng suốt thấy rõ tất cả pháp, có thể đưa chúng sanh qua khỏi biển khổ lớn. Nghe như vậy rồi, người này phát nguyện lớn: Nếu trong đời có đáng vô thượng như vậy, tôi cũng sẽ được. Do đây nên người này phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Hoặc có người nhờ người khác khuyên dạy mà phát tâm Bồ Đề, hoặc có người nghe nói Bồ Tát trải qua vô số kiếp thật hành những khổ hạnh rồi sau mới được vô thượng Bồ Đề. Nghe rồi tự nghĩ rằng: Nay tôi không thể kham nổi những khổ hạnh như vậy, thời làm sao được vô thượng Bồ Đề. Do đây nên có thói tâm.

Lại còn có năm điều thói tâm Bồ Đề: Một là thích xuất gia theo ngoại đạo; hai là

chẳng tu tâm đại từ; ba là ưa tìm lỗi pháp sư; bốn là thường thích ở trong vòng sanh tử; năm là không thích thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh.

Lại cũng có hai pháp làm thối tâm Bồ Đề: Một là tham ưa ngũ dục; hai là chẳng thể cung kính tôn trọng ngôi Tam Bảo.

Này Thiện nam tử! Do những nhân duyên như vậy làm cho Bồ Tát thối tâm Bồ Đề.

Thế nào lại gọi là tâm bất thối? Có người nghe rằng đức Phật có thể độ chúng sanh khỏi sanh lão bệnh tử. Là đáng chẳng học với Thầy; tự tu tập được vô thượng Bồ Đề. Nếu đạo Bồ Đề là quả có thể được, tôi cũng tu tập quyết được quả ấy. Do đây nên người này phát tâm Bồ Đề. Bao nhiêu công đức tu tập không luận nhiều ít đều hồi hướng cả về vô thượng Bồ Đề.

Người này thệ nguyện thường được gặp Phật cùng đệ tử Phật, thường được nghe pháp đại thừa thâm diệu nhân nhĩ tử thiết thân, cả năm căn đều hoàn cụ, nếu gặp cảnh khổ nạn cũng quyết không mất tâm Bồ Đề này.

Lại nguyện rằng: Mong chư Phật, chư Bồ

Tát luôn có lòng hoan hỷ đối với tôi, nguyện tôi đủ năm căn lành. Nếu có chúng sanh nào chặt chém đánh đập giết hại tôi, đối với kẻ này, tôi khởi lòng đại từ, lòng vui mừng, vì nhờ họ mà tôi được thêm lớn công hạnh Bồ Đề. Nếu không có họ, tôi làm sao được quả vô thượng Bồ Đề.

Lại nguyện rằng: Đòi đòi tôi được khỏi những thân nữ, thân hai căn, không căn; không bị làm nô lệ, không gặp chủ hung ác, không thuộc dưới quyền vua chúa ác; chẳng sanh vào nước ác.

Nếu được thân xinh tốt, dòng họ cao sang, giàu có, nguyện tôi không có lòng kiêu mạn.

Nguyện tôi thường được nghe mười hai bộ kinh và thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết. Lúc tôi giảng thuyết cho chúng sanh, nguyện cho thính giả đều kính tin không nghi, chẳng sanh ác tâm đối với tôi.

Nguyện cho tôi thà nghe pháp ít mà hiểu được nhiều nghĩa vị, chẳng muốn nghe nhiều mà chẳng rõ nghĩa lý.

Nguyện là thầy của tâm mình, chớ chẳng

bị tâm sai sử. Thân, khẩu, ý, ba nghiệp chẳng giao tiếp với kẻ ác, điều ác. Có thể làm cho tất cả chúng sanh được an lạc. Giới hạnh nơi thân cũng như trí huệ nơi tâm đều vững chắc như núi không bị lay động. Vì muốn thọ trì chánh pháp vô thượng nên chẳng lẩn tiếc thân mạng và tài sản. Chẳng đem vật bất tịnh làm phước nghiệp. Tâm không tà vạy. Tự sống với chánh mạng. Nếu thọ ơn thời nhớ mãi, trả nhiều hơn thọ. Biết rành những sự nghiệp thế gian; hiểu rành ngôn ngữ của các địa phương, của mọi loài chúng sanh.

Đọc tụng biên chép mười hai bộ kinh không hề nhàm mỗi biếng lười.

Nếu có chúng sanh không thích nghe kinh, thời tôi tìm phương tiện tiếp dẫn cho họ ưa nghe kinh.

Tôi thường nói lời diệu hòa, miệng không tuyên điều xấu ác.

Chúng bất hòa, tôi làm cho họ hòa hiệp.

Người lo sợ, tôi làm cho họ được vững lòng.

Thời kỳ đói kém, tôi làm cho mọi người

được no đủ. Đòi tậ**h** binh thời tôi sẽ làm vị đại lương y tự có đủ tài bảo cũng như thuốc men, làm cho người bệnh đều được lành mạnh.

Kiếp binh đao, tôi sẽ có thể lực trừ dứt hết sự tương tàn tương hại.

Tôi sẽ làm cho chúng sanh khỏi các điều kinh sợ như bị giết, bị bắt giam nhốt đánh đập, những nạn về nước lụt, hỏa hoạn, nạn vua chúa, nạn giặc cướp, sự nghèo khổ, phá giới, danh xấu, ác đạo.

Với cha mẹ sư trưởng tôi rất kính mến, với kẻ thù nghịch tôi khởi lòng từ.

Tôi thường tu tập sáu chánh niệm, môn không tam muội, mười hai nhân duyên, quán sanh diệt vô thường, sở tức, thiên hạnh, phạm hạnh, thánh hạnh, Kim Cang Tam Muội, Thủ Lăng Nghiêm định. Nơi không có ngôi Tam Bảo, nguyện tôi được tâm tịch tịnh, nếu lúc thân tôi bị phải sự rất khổ, nguyện không hư mất tâm Bồ Đề vô thượng. Chẳng sanh lòng tri túc đối với Thanh Văn Bích Chi Phật.

Chỗ không ngôi Tam Bảo tôi thường xuất

gia trong hàng ngoại đạo để phá tà kiến của họ, được pháp tự tại, được tâm tự tại, nơi pháp hữu vi thấy rõ sự lỗi lầm.

Nguyện tôi sợ sệt đạo quả nhị thừa như người tiếc thân sợ chết.

Nguyện tôi vì chúng sanh nên thích ở trong ba ác đạo như chúng sanh thích ở cõi trời Đạo Lợi.

Nguyện tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu khổ địa ngục trong vô lượng kiếp chẳng sanh lòng hối hận.

Nguyện tôi thấy người khác được lợi ích chẳng sanh lòng ganh ghét, thường có lòng tùy hỷ như chính mình được.

Nếu gặp ngôi Tam Bảo, nguyện tôi sẽ đem y phục đồ uống ăn, thuốc men đồ nằm nhà cửa đèn sáng hoa hương kỹ nhạc, phan lọng, bảy báu cúng dường.

Nếu thọ giới pháp của Phật nguyện tôi giữ gìn bền chắc trọn chẳng sanh lòng hủy phạm. Nếu nghe khổ hạnh khó làm của Bồ Tát, trong lòng vui mừng chẳng hối hận.

Tự biết những việc đời trước trọn chẳng gây nghiệp tham sân si. Chẳng vì quả báo

mà chứa nhóm nghiệp nhân. Đối với sự vui hiện tại chẳng sanh lòng tham đắm.

Này Thiện nam tử! Nếu có người phát được những nguyện như vậy thời gọi là Bồ Tát trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề, cũng gọi là thí chủ có thể thấy đức Như Lai, thấy rõ Phật tánh, có thể điều phục chúng sanh độ khỏi sanh tử, có thể hộ trì chánh pháp vô thượng, có thể được đầy đủ sáu môn Ba La Mật.

Này Thiện nam tử! Do nghĩa này nên tâm bất thối chẳng gọi là Phật tánh!

Này Thiện nam tử! Ông chẳng nên vì tâm có thối chuyển mà cho rằng các chúng sanh không có Phật tánh. Thí như có hai người đều nghe phương khác có núi Thất Bảo, trong núi có suối nước trong vị ngọt. Nếu ai đến được núi ấy thời vĩnh viễn khỏi sự nghèo khổ. Ai uống được nước suối ấy thời sống lâu muôn tuổi. Chỉ hiểm đường sá xa xôi hiểm trở nhiều tai nạn. Hai người ấy đều muốn cùng nhau đi một người sắm sửa các thứ vật cần dùng đi đường, một người thời đi tay không cùng nhau đồng tiến về

hướng núi báu. Dọc đường gặp người mang nhiều của báu đi ngược chiều. Hai người hỏi rằng : Xin hỏi ông xứ đó thật có núi bảy báu ư? Đáp rằng: Thật có núi báu, chính tôi đã được bảo vật và được uống nước suối ngọt. Chỉ lo rằng đường xa hiểm trở, trộm cướp quá nhiều, hàm hồ gai chông, lại thêm thiếu nước, thiếu cỏ. Muôn ngàn người đi ít người đến được.

Nghe khách nói một người ăn năn cho rằng đường sá gian nan khôn khổ như vậy, vô lượng người đi không mấy người được đến, tôi làm thế nào có thể đến được núi báu. Hiện tại sản nghiệp của tôi cũng tạm đủ dùng. Nếu gắng gượng đi hoặc có thể chẳng toàn thân mạng. Thân mạng đã chẳng còn, còn mong gì được trường thọ.

Một người nói rằng: Có người đến được thời tôi cũng có thể đến được. Tôi quyết đến núi báu lượm lấy bảo vật cùng uống nước suối ngọt, nếu chẳng toại nguyện có chết cũng cam lòng.

Lúc đó hai người, một thời ăn năn trở về, một thời tiến tới núi báu. Người sau này

đến được núi kia, uống nước suối ngọt, mang nhiều bảo vật trở về nhà, dùng của ấy phụng dưỡng cha mẹ cung cấp họ hàng thân thuộc.

Bấy giờ người ăn năn thối về trước kia thấy kết quả tốt đẹp của người này trong lòng phát nhẫn: Anh ấy mang được bảo vật về nhà, tại sao ta cứ ở mãi bên đây mà chẳng dám đi? Liền sắm sửa hành trang đến thẳng núi báu.

Này Thiện nam tử! Núi báu kia dụ cho Đại Niết Bàn. Nước suối ngọt dụ cho Phật tánh. Hai người kia dụ cho hai vị Bồ Tát sơ phát tâm. Con đường hiểm ác dụ cho sanh tử. Người đi ngược chiều gặp dọc đường dụ cho đức Phật Thế Tôn. Trộm cướp dụ cho tứ ma. Hàm hố gai chông dụ cho các phiền não. Không nước không cỏ dụ cho chẳng tu tập đạo Bồ Đề. Người nghe khó ăn năn trở về dụ cho Bồ Tát thối chuyển. Người dừng mãi thẳng tiến dụ cho Bồ Tát bất thối.

Này Thiện nam tử! Phật tánh của chúng sanh thường trụ chẳng biến đổi. Như con đường hiểm trở kia không ai có thể bảo

rằng, vì có người ăn năn trở lại mà làm cho con đường thành vô thường. Phật tánh cũng như vậy, trong đạo Bồ Đề trọn không có sự thối thất. Như người ăn năn kia thấy bạn mình được của báu mang về nhà giàu có tự tại cúng dường cha mẹ cung cấp thân thuộc, an vui sung sướng.

Do đó bèn phát tâm thẳng đến núi báu chẳng tiếc thân mạng Bồ Tát thối chuyển cũng như vậy.

Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói tất cả chúng sanh nhẫn đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, phạm tứ trọng và nhứt xiển đề đều có Phật tánh.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Bồ Tát thế nào có thối cùng chẳng thối?

_ Này Thiện nam tử! Nếu có Bồ Tát tu tập nghiệp nhân ba mươi hai tướng tốt của Như Lai thời được gọi là bậc bất thối, thời được gọi là Đại Bồ Tát, cũng gọi là bậc bất động chuyển, là thương xót tất cả chúng sanh, gọi là hơn tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác,

là bậc A Bệ Bạt Trí.

Này Thiện nam tử! Nếu Đại Bồ Tát trì giới chẳng lay động, tâm bố thí chẳng dòi dỏ, lời nói chơn thật như núi Tu Di, nghiệp duyên trên đây được tướng tốt dưới bàn chân đầy bằng.

Nếu Đại Bồ Tát ở nơi cha mẹ, Hòa Thượng, Sư Trưởng nhìn đến các loài súc sanh, đem của cải đúng pháp cúng dường cung cấp, do nghiệp duyên này được tướng tốt dưới lòng bàn chân có tướng thiên bức luân.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng sát sanh chẳng trộm cướp, đối với cha mẹ sư trưởng thường có lòng hoan hỷ, do nghiệp duyên này được thành ba tướng tốt: Một là ngón tay dài vót, hai là gót chân dài, ba là thân mình vuông thẳng, ba tướng tốt này đồng do một nghiệp duyên.

Nếu Đại Bồ Tát tu tập tứ nhiếp pháp để nhiếp thủ chúng sanh, do nghiệp duyên này được tướng tốt ngón tay có màng lưới như ngỗng chúa trắng.

Nếu Đại Bồ Tát lúc cha mẹ sư trưởng có

bệnh khô, tự tay tắm rửa lau chùi dặt đờ thoa bóp, do nghiệp này được tướng tốt, tay chân dẹt dài.

Nếu Đại Bồ Tát trì giới nghe pháp, cùng bố thí không nhàm chán, do nghiệp duyên này được tướng tốt mắt cá lóng đốt đều no đủ, lông trong thân đều xoắn lên trên.

Nếu Đại Bồ Tát chuyên tâm nghe pháp và diễn thuyết chánh pháp, do nghiệp duyên này được tướng tốt đùi vế như nai chúa.

Nếu Đại Bồ Tát đối với chúng sanh chẳng có lòng tổn hại, ăn uống biết đủ thường ưa bố thí khám bệnh, cung cấp thuốc men do nghiệp duyên này được tướng tốt, thân hình tròn đủ như cây Ni Câu Đà, lúc đứng hai tay dài quá đầu gối, đỉnh đầu có nhục kế vô kiến đánh tướng.

Nếu Đại Bồ Tát thấy người gặp sự kinh sợ liền cứu hộ cho, thấy người lỏa lồ rách rưới thời bố thí y phục do nghiệp duyên này được tướng tốt mã âm tàng.

Nếu Đại Bồ Tát gần gũi người trí xa lìa kẻ ngu, vui vẻ hỏi đáp quét dọn đường đi, do

nghiệp này da thừa mịn màng, lông trên thân xoay về phía hữu.

Nếu Đại Bồ Tát thường dùng y phục đồ uống ăn đồ nằm thuốc men hương hoa đèn đuốc bố thí cho người, do nghiệp này được thân màu vàng ròng thường có ánh sáng chói rõ.

Nếu Đại Bồ Tát lúc bố thí những vật báu quý có thể đem cho chẳng tiếc chẳng nghĩ là phước điền hay chẳng phải phước điền, do nghiệp duyên này được tướng tốt bảy chỗ trên thân được no đủ.

Nếu Đại Bồ Tát lúc bố thí lòng chẳng nghi ngờ, do nghiệp duyên này được tiếng nói dịu dàng.

Nếu Đại Bồ Tát đúng như pháp làm ra của cải đem bố thí, do nghiệp duyên này được tướng tốt nơi thân chỗ xương thiếu đều đầy đủ thân như sư tử vương, cánh tay thon dài.

Nếu Đại Bồ Tát xa lìa lưỡng thiệt ác khẩu và tâm giận hờn, do nghiệp duyên này đủ bốn mươi cái răng trong trắng sạch sẽ, bằng thẳng khít khao.

Nếu Đại Bồ Tát có lòng đại từ bi đối với chúng sanh do nghiệp duyên này được tướng hai răng nanh tốt.

Nếu Đại Bồ Tát thường phát nguyện: Có người đến cầu xin thời cấp cho theo ý của họ xin, do nghiệp duyên này được gò má như sư tử.

Nếu Đại Bồ Tát cung cấp đồ uống ăn theo sở thích của chúng sanh do nghiệp duyên này được tướng tốt trong cổ họng thường rịn chất cam lộ thượng vị.

Nếu Đại Bồ Tát tự thật hành mười điều lành cùng giáo hóa người, do nghiệp duyên này được tướng tốt lưỡi rộng dài.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng rao nói lỗi xấu của người chẳng hủy báng chánh pháp, do nghiệp duyên này được tướng tốt tiếng phạm âm.

Nếu Đại Bồ Tát thấy kẻ thù nghịch thời sanh lòng hoan hỷ, do nhân duyên này được tướng tốt, tròng mắt màu xanh biếc.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng ẩn che tài đức của người mà phô dương điều hay của mình, do nghiệp duyên này được tướng tốt bạch hào.

Này Thiện nam tử! Nếu Đại Bồ Tát tu tập nghiệp duyên ba mươi hai tướng tốt như vậy thời được chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới và nghiệp quả của chư Phật và Phật tánh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì bốn pháp này đều là thường, vì thường trụ nên chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh vì phiền não che đậy nên gọi là thường. Vì dứt phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói rằng tất cả chúng sanh là thường, có gì lại tu tập tám thánh đạo? Tu tập để dứt các sự khổ, các sự khổ nếu đã dứt thời gọi là vô thường, sự vui được hưởng thọ thời gọi là thường. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bị phiền não che đậy mà chẳng thấy được Phật tánh, vì chẳng thấy nên chẳng được Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Như lời Phật nói tất cả các pháp có hai thứ nhân là chánh nhân và duyên nhân. Do hai nhân này lẽ ra không có trói buộc không có giải thoát: Thân ngũ ấm này niệm niệm

sanh diệt, nó đã sanh diệt thời có gì là trói buộc và giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Nhân thân ngũ ấm này mà sanh thân ngũ ấm sau. Thân này tự diệt chẳng đến thân kia nhưng có thể sanh ngũ ấm kia. Như do hột sanh mộng, hột chẳng đến mộng, dầu hột chẳng đến mộng mà có thể sanh mộng. Chúng sanh cũng như vậy, thế nào có trói buộc và giải thoát?

Phật nói: Này Thiện nam tử! Lóng nghe! Lóng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giải thuyết. Như người lúc chết rất khổ quyền thuộc bao quanh kêu khóc than thở, người này sợ hãi chẳng biết cầu cứu với ai, dầu có năm giác quan mà không hay không biết, tay chân run giựt, không thể tự chủ, thân thể lạnh lạnh sắp hết hơi nóng, thấy những tướng nghiệp báo thiện ác đã tạo từ trước. Như mặt trời sắp lặn, thời bóng của núi gò ngã về hướng đông, không bao giờ trở qua Tây. Nghiệp quả của chúng sanh cũng như vậy, lúc thân ngũ ấm này diệt thời ngũ ấm kia liền nối sanh. Như đèn cháy lên thời bóng tối mất. Đèn tắt, thời bóng tối hiện ra.

Như ấn sáp in vào đất sét, ấn cùng đất sét hiệp, ấn rã, lăn chữ nổi lên, mà ấn sáp này chẳng biến nơi đất sét, lăn chữ chẳng phải từ đất sét ra, cũng chẳng phải chỗ khác đến, do ấn làm nhân duyên mà sanh lăn chữ. Ngũ âm hiện tại diệt, thân trung âm liền sanh. Ngũ âm hiện tại này trọn chẳng biến làm thân trung âm, thân trung âm chẳng phải tự sanh, cũng chẳng từ nơi khác đến, do thân hiện tại mà sanh thân trung âm. Như ấn sáp in nơi đất sét, ấn rã lăn chữ thành, danh từ dầu không sai khác mà thời tiết đều riêng khác. Do đây nên ta nói thân trung âm chẳng phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới ngó thấy. Thân trung âm này có ba cách ăn: Tư thực, xúc thực, ý thực. Thân trung âm có hai thứ: Một là nghiệp quả lành, hai là nghiệp quả ác. Do nghiệp lành nên được giác quán lành, do nghiệp ác nên được giác quán ác. Lúc cha mẹ giao hội phán hiệp theo nhân duyên của nghiệp mà đến chỗ thọ sanh. Đối với mẹ sanh lòng thương, đối với cha sanh lòng sân. Lúc tinh của cha chảy ra cho rằng là

của mình, sanh lòng vui mừng. Do nhân duyên của ba thứ phiền não này, thân trung ấm diệt mà sanh, thân ngũ ấm sau. Như ấn sáp in vào đất sét ấn hư lần chữ thành.

Lúc sanh ra những căn thân có đầy đủ cùng chẳng đủ. Người căn đầy đủ thấy sắc thời sanh lòng tham, vì tham nên gọi là ái. Do hư dối mà sanh lòng tham, vì tham nên gọi là vô minh. Do nhân duyên tham ái và vô minh nên những cảnh giới xem thấy thấy đều điên đảo: Vô thường thấy là thường, vô ngã thấy là ngã, vô lạc thấy là lạc, bất tịnh thấy là tịnh. Do bốn thứ điên đảo này nên gây tạo những hạnh nghiệp thiện ác.

Phiền não gây ra nghiệp, nghiệp sanh ra phiền não, đây gọi là hệ phược. Do nghĩa này nên gọi là ngũ ấm sanh.

Người này nếu được gần gũi chư Phật, đệ tử của Phật cùng những thiện tri thức thời được nghe được học mười hai bộ kinh. Do nghe pháp nên quán những cảnh giới lành. Do quán cảnh giới lành nên được trí huệ lớn, đây gọi là chánh tri kiến. Vì được

chánh tri kiến nên sanh lòng hối hận đối với sanh tử. Do tâm hối hận này nên chẳng ưa thích sanh tử, vì chẳng ưa thích nên phá được lòng tham, vì phá lòng tham nên tu tám thánh đạo, do tu tám thánh đạo nên được không sanh tử, vì không sanh tử nên gọi là được giải thoát. Như lửa chẳng gặp củi gọi đó là tắt. Vì tắt diệt sanh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là thân ngũ ấm diệt.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Trong hư không chẳng có gai thê nào nói rằng nhỏ? Ngũ ấm không cột trói thê nào gọi rằng hệ phục?

Phật nói: Này Thiện nam tử! Vì xiềng xích phiền não trói buộc ngũ ấm, là ngũ ấm rồi thì không có phiền não riêng, là phiền não rồi thì không có ngũ ấm riêng.

Như cột chống đỡ nóc nhà, là nhà thì không cột, là cột thì không nhà. Thân ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy: Vì có phiền não gọi là hệ phục, vì không phiền não nên gọi là giải thoát.

Như nắm tay, chấp tay, cột gút, ba thứ

hiệp tan sanh diệt không có thứ gì riêng. Ngũ âm của chúng sanh cũng như vậy: Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não gọi là giải thoát.

Như nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu danh sắc diệt thì không chúng sanh. Lìa danh sắc không có chúng sanh riêng, lìa chúng sanh không có danh sắc riêng, cũng gọi là danh sắc hệ phược chúng sanh, cũng gọi là chúng sanh hệ phược danh sắc.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Như con mắt chẳng tự thấy, ngón tay chẳng tự chạm, dao chẳng tự cắt, thọ chẳng tự thọ sao đức Thế Tôn lại nói rằng danh sắc hệ phược danh sắc? Vì nói danh sắc thì chính là chúng sanh còn nói chúng sanh thì chính là danh sắc. Nếu nói danh sắc hệ phược chúng sanh thì là danh sắc hệ phược danh sắc.

Phật nói: Này Thiện nam tử! Như lúc hai tay chấp lại, thì không có cái gì khác đến chấp. Danh cùng sắc cũng như vậy. Do đây nên ta nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu rời danh sắc thì được giải thoát. Vì

thế nên ta nói chúng sanh giải thoát.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Nếu có danh sắc là hệ phược, các vị A La Hán chưa rời danh sắc, lẽ ra cũng là hệ phược!

Phật nói: Này Thiện nam tử! Có hai thứ giải thoát: Một là tử đoạn, hai là quả đoạn”.

Tử đoạn là dứt phiền não. Các vị A La Hán đã dứt phiền não, các kiết sử đã phá hư, nên tử kiết sử dứt chẳng hệ phược được. Vì A La Hán chưa dứt quả nên gọi là quả hệ phược. Các vị A la Hán chẳng thấy Phật tánh. Vì chẳng thấy nên chẳng được vô thượng Bồ Đề. Do đây nên có thể gọi là quả hệ phược mà chẳng được gọi là danh sắc hệ phược.

Này Thiện nam tử! Như thắp đèn, lúc dầu chưa hết thời ánh lửa chẳng tắt. Nếu đã hết dầu, thời lửa quyết phải tắt. Dầu là dụ cho phiền não. Đèn là dụ cho chúng sanh. Vì dầu phiền não nên chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Nếu dứt hết phiền não, thời tắt nhập Niết Bàn.

_ Bạch Thế Tôn! Đèn cùng dầu tính cách

riêng khác còn chúng sanh và phiền não thời không phải như vậy: Chúng sanh là phiền não, cũng như phiền não là chúng sanh. Chúng sanh gọi là ngũ ấm, chính ngũ ấm gọi là chúng sanh. Ngũ ấm gọi là phiền não, cũng như phiền não gọi là ngũ ấm. Sao đức Như Lai lại dụ như đèn?

_ Này Thiện nam tử! Có tám thứ ví dụ: Một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Thế nào là thuận dụ?

Như trong kinh nói: “Trời mưa lớn nương rãnh đều đầy nước, vì nương rãnh đầy nước nên hố nhỏ đầy, vì hố nhỏ đầy nên hố lớn đầy, vì hố lớn đầy nên suối nhỏ đầy, vì suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy, vì suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, vì ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, vì ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy, vì sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, vì sông lớn đầy nên biển lớn đầy.”

Pháp vô của đức Như Lai cũng như vậy, làm cho chúng sanh đầy đủ giới hạnh! Vì

giới đầy đủ nên tâm chẳng hối hận được đầy đủ: Vì tâm chẳng hối hận đầy nên lòng hoan hỷ đầy đủ, vì lòng hoan hỷ đầy nên sự viễn ly đầy đủ, vì sự viễn ly đầy nên sự an ổn được đầy đủ, vì sự an ổn đầy nên chánh định đầy đủ. Vì chánh định đầy nên chánh tri kiến đầy đủ. Vì chánh tri kiến đầy nên sự nhàm lìa đầy đủ. Vì sự nhàm lìa đầy nên yếm ly đầy đủ. Vì yếm ly đầy nên sự quở trách đầy đủ, vì sự quở trách đầy nên giải thoát đầy đủ, vì giải thoát đầy nên Niết Bàn đầy đủ. Đây gọi là thuận dụ vậy.

Thế nào là nghịch dụ?

Biển lớn là nguồn chính là sông lớn; sông lớn có nguồn chính là sông nhỏ, sông nhỏ có nguồn chính là ao lớn, ao lớn có nguồn chính là ao nhỏ, ao nhỏ có nguồn chính là suối lớn, suối lớn có nguồn chính là suối nhỏ, suối nhỏ có nguồn chính là hồ lớn, hồ lớn có nguồn chính là hồ nhỏ, hồ nhỏ có nguồn chính là nương rãnh, nương rãnh có nguồn chính là mưa to.

Cũng vậy, Niết Bàn có nguồn chính là giải thoát: Giải thoát từ quở trách, quở

trách từ yêm ly, yêm ly từ chánh tri kiến, chánh tri kiến từ chánh định, chánh định từ an ổn, an ổn từ viễn ly, viễn ly từ hoan hỷ, hoan hỷ từ chẳng hối hận, chẳng hối hận từ trì giới, sự trì giới bắt nguồn từ nơi pháp võ của đức Như Lai. Đây gọi là nghịch dụ vậy.

Thế nào là hiện dụ?

Như nói tâm tánh của chúng sanh như khí, vượn. Tánh của khí, vượn bỏ cái này liền bắt cái kia. Cũng vậy, tâm tánh của chúng sanh bắt lấy lục trần không lúc nào tạm dừng. Đây gọi là hiện dụ vậy.

Thế nào là phi dụ?

Như xưa kia ta bảo vua Ba Tư Nặc: Đại Vương! Có người thân tín từ bốn phương đến báo với nhà vua rằng có bốn hòn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại nhân dân. Nếu nghe như vậy Đại Vương sẽ lập kế gì?

_ Vua đáp: Bạch Thế Tôn! Nếu có như vậy thòi không còn có chỗ trốn tránh, chỉ phải chuyên tâm trì giới bố thí.

_ Ta khen rằng: Lành thay! Đại vương! Ta nói bốn hòn núi là sanh lão bệnh tử của

chúng sanh. Bốn sự khổ đó thường đến bức não chúng sanh, sao Đại vương chẳng trì giới bố thí? _Vua đáp: Bạch Thế Tôn! Trì giới bố thí được quả báo gì? Ta nói: Trì giới bố thí sẽ được hưởng sự vui sướng ở cõi trời cõi người. _Vua nói: Bạch Thế Tôn! Cây Ni Câu Đà trì giới bố thí cũng được hưởng phước ư? _Ta nói cây ni câu đà chẳng thể trì giới bố thí, nếu có nó có thể làm được thì cũng được hưởng phước như người. Đây gọi là phi dụ.

Thế nào là Tiên dụ?

Trong kinh nói: Như có người ưa thích hoa đẹp, lúc hái lấy bị nước cuốn trôi, chúng sanh cũng vậy vì tham ái ngũ dục mà bị sanh tử. Đây gọi là Tiên dụ.

Thế nào là hậu dụ? Như kinh pháp cú nói:

Chớ khinh tội nhỏ,

Cho là không hại.

Giọt nước dầu ít,

Lần đầy lu lớn.

Đây gọi là hậu dụ.

Thế nào là Tiên hậu dụ?

Ví như cây chuối có trái thối chết. Người

ngu được lợi dưỡng cũng như vậy. Như con
la có thai thời mạng sống chẳng còn lâu. Đây
là Tiên hậu dụ.

Thế nào là biến dụ?

Như trong kinh nói Trời Đao Lợi có cây
Ba Lợi Chất Đa, gốc nó sâu năm do diên,
cao một trăm do diên, nhánh lá bủa ra bốn
phía năm mươi do diên, lúc lá chín thời
màu vàng, chư Thiên xem thấy sanh lòng
vui mừng. Lá này chẳng bao lâu rơi rụng.
Chư Thiên thấy lá rụng lại sanh lòng vui
mừng. Nhánh cây chẳng bao lâu sẽ đổi sắc,
chư Thiên thấy nhánh đổi sắc lại sanh lòng
vui mừng. Nhánh này chẳng bao lâu sẽ
sanh nụ tròn chư Thiên thấy nụ sanh lòng
vui mừng. Những nụ này chẳng bao lâu sẽ
dài nhọn, chư Thiên lại sanh lòng vui
mừng. Những nụ dài nhọn này chẳng bao
lâu sẽ nở ra, lúc nụ nở hơi thơm khắp năm
mươi do diên, chiếu sáng tám mươi do diên.
Lúc đó chư Thiên ba tháng mùa hạ chơi vui
dưới cây này.

Này Thiện nam tử! Hàng đệ tử của ta
cũng như vậy. Lá sắc vàng dụ cho đệ tử của

ta có tâm niệm muốn xuất gia. Lá rụng dụ cho đệ tử của ta cạo bỏ râu tóc. Nhánh cây đổi sắc dụ cho đệ tử của ta bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc. Mối sanh nụ tròn dụ cho đệ tử của ta phát tâm Bồ Đề, nụ nhọn dài dụ cho Thập Trụ Bồ Tát thấy được Phật tánh. Nở xòe ra dụ cho Bồ Tát được vô thượng Bồ Đề. Mùi thơm dụ cho vô lượng chúng sanh thọ trì cấm giới, chiếu sáng dụ cho Như Lai danh hiệu vô ngại cùng khắp mười phương. Ba tháng mùa hạ dụ cho ba môn chánh định. Chư Thiên chơi vui dụ cho chư Phật ở nơi Đại Niết Bàn được thường, lạc, ngã, tịnh. Đây gọi là biến dụ.

Này Thiện nam tử! Phàm dẫn ví dụ bất tất phải lấy trọn hết, hoặc lấy phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lấy hoàn toàn. Như nói gương mặt của Phật như mặt trăng tròn, đây gọi là lấy phần ít.

Ví như có người chưa bao giờ thấy sữa, hỏi người khác rằng: Sữa là giống gì? Đáp: Như nước, mật, vỏ ốc; nước thì là tương ướt, mật thì vị ngọt, vỏ ốc thì là màu sắc. Dầu dẫn ba thí dụ nhưng chưa phải thiệt là sữa. Ta

nói ví dụ cái đèn đem dụ cho chúng sanh cũng như vậy. Ta nói lìa nước thì không có con sông, chúng sanh cũng vậy lìa năm ám thì không còn là chúng sanh. Như ngoài thùng, gọng, trục, bánh, cãm thì không còn có cái xe. Chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử! Nếu muốn đem pháp hiệp với ví dụ cái đèn kia, thì nên lắng nghe: Tim đèn dụ cho hai mươi lăm cõi, dầu dụ cho tham ái, ánh sáng dụ cho trí huệ, trừ bóng tối dụ cho phá vô minh, hơi nóng dụ cho thánh đạo. Như đèn hết dầu thì ngọn lửa tắt, chúng sanh hết tham ái thì thấy Phật tánh, tuy có danh sắc nhưng chẳng hề phược được, tuy ở trong hai mươi lăm cõi nhưng chẳng bị các cõi làm nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn! Ngũ ám của chúng sanh rộng không chẳng có gì, ai lãnh thọ giáo pháp tu tập đạo hạnh ?

Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều có niệm tâm, huệ tâm, phát tâm, tinh tấn tâm, tín tâm, định tâm. Những tâm như vậy dầu niệm niệm diệt nhưng vẫn tương tự tương tục chẳng dứt nên gọi là tu hành.

_ Bạch Thế Tôn! Những tâm như vậy đều niệm niệm diệt, niệm niệm diệt này cũng là tương tự, tương tục, thời thế nào có sự tu tập?

_ Nay Thiện nam tử! Như ngọn đèn dầu niệm niệm diệt mà có ánh sáng trừ bóng tối. Như chúng sanh ăn uống dầu niệm niệm diệt nhưng cũng làm cho người đói được no. Như thuốc hay dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho bệnh được lành. Như ánh sáng mặt trời mặt trăng dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho cỏ cây sanh sống.

Ông nói niệm niệm diệt thế nào tu tập?

Này Thiện nam tử! Vì tâm nối luôn chẳng dứt nên gọi là tu tập thêm lên. Như người đọc tụng kinh sách, những chữ những câu đọc tụng chẳng đồng một thời gian: Chữ trước chẳng đến giữa, chữ giữa chẳng đến sau, người đọc cùng với chữ và tâm tưởng tất cả đều niệm niệm diệt, do vì tập lâu mà được thông thuộc.

Này Thiện nam tử! Như thợ kim hoàn từ lúc ban đầu tập nghề nhẫn đến đầu bạc, dầu

niệm niệm diệt trước chẳng đến sau, nhưng do tích tập nên nghề giỏi khéo, do đây được gọi là thợ kim hoàn khéo. Đọc tụng kinh sách cũng như vậy.

Như hột giống kia, đất chẳng bảo rằng người phải sanh mầm, vì tánh tự nhiên nên mầm tự mọc lên, nhân đến bông cũng chẳng bảo người nên thành trái, vì tánh tự nhiên mà trái tự thành. Chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Ví như đếm số một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, dầu niệm niệm diệt mà đếm đến ngàn muôn chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Như ngọn đèn niệm niệm diệt, ngọn trước diệt chẳng bảo ngọn sau sanh. Như con nghé sanh ra bèn tìm sữa bú, trí khôn tìm sữa thiết không ai dạy dầu niệm niệm diệt mà trước thời đỏi thời lúc sau được no. Do đây nên biết rằng trước và sau chẳng giống nhau thời lẽ ra chẳng sai khác.

Chúng sanh tu hành cũng như vậy, lúc mới tu dầu chưa tăng tiến nhưng vì tu tập lâu thời có thể phá hoại tất cả phiền não.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: “Thế Tôn! Như lời Phật nói người được chứng quả Tu Đà Hoàn rồi, dầu thác sanh cõi nước hung ác, vẫn trì giới chẳng sát sanh trộm cướp, dâm dật, vọng ngữ, uống rượu. Thân ngũ ấm của Tu Đà Hoàn đã diệt chết ở đây chẳng qua đến nơi cõi nước hung ác, người tu hành cũng chẳng đến cõi nước hung ác, nếu là tương tợ thời có sao chẳng sanh nơi cõi nước tịnh diệu? Nếu thân ngũ ấm ở cõi nước hung ác chẳng phải là ngũ ấm của Tu Đà Hoàn, do đâu mà được chẳng gây tạo nghiệp ác ?

_ Nay Thiện nam tử! Vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác nhưng vẫn chẳng mất danh hiệu Tu Đà Hoàn, thân ngũ ấm thời chẳng tương tợ, nên ta dẫn con nghé làm dụ vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác, do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Như núi Hương Sơn có Sư Tử chúa, do đây nên tất cả loài phi cầm thú không dám đến gần núi này. Có lúc Sư Tử chúa đây đến trong núi Tuyết, tất cả chim thú

cũng vẫn chẳng đến gần núi Hương Sơn. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Ví như có người uống chất cam lộ, chất cam lộ này dầu đã tiêu hóa mất, nhưng thế lực có thể làm cho người uống chẳng già chẳng chết.

Như núi Tu Di có vị thuốc thượng diệu tên là Lãng Già Lợi, người uống vị thuốc này dầu niệm niệm diệt, nhưng do năng lực của thuốc làm cho người uống chẳng bao giờ phải bệnh khổ.

Như chỗ ngự của Chuyển Luân Vương, dầu vua chẳng ngự nơi đó nhưng không ai dám đến gần, đây là do oai lực của vua. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu sanh nơi cõi nước hung ác, chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Thân ngũ ấm Tu Đà Hoàn chết mất ở đây, dầu sanh ngũ ấm khác, nhưng vẫn chẳng mất ngũ ấm Tu Đà Hoàn.

Ví như chúng sanh vì muốn được trái được hột nên đối với hột giống ra công săn sóc

vun phân bón tưới, chưa gặp được trái được hột mà hột giống lại đã hư diệt, dầu vậy nhưng cũng được gọi là nhân hột giống mà được trái. Ngũ âm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Như có người sản nghiệp to tát, chỉ có một đứa con trai chết sớm, người con này cũng có một đứa con trai ở xứ khác. Lúc người giàu có này qua đời đứa cháu nội nghe tin bèn trở về lãnh lấy sản nghiệp, dầu mọi người đều biết tài sản đó chẳng phải của nó làm ra, nhưng không ai ngăn trở, vì nó là một họ, cháu ruột của phú ông. Ngũ âm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Như bài kệ của Phật nói :

Tỳ Kheo nếu tu tập,
Giới định và trí huệ,
Nên biết là bất thối,
Gần đến Đại Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là tu giới? Thế nào là tu định? Thế nào là tu huệ?

Phật nói: Này thiện nam tử! Nếu có người trì giới chỉ vì muốn tư lợi hưởng thọ sự vui

cõi trời, cõi người, mà chẳng vì độ thoát tất cả chúng sanh, chẳng vì ủng hộ chánh pháp vô thượng, chỉ vì lợi dưỡng, sợ ba ác đạo, vì sống lâu, sắc đẹp, sức mạnh, an ổn, vô ngại biện, vì sợ luật pháp của vua, vì sợ tiếng xấu, vì sự nghiệp thế gian, vì những việc như trên mà hộ trì giới luật thời chẳng được gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là chơn thiệt tu tập giới luật? Lúc trì giới nếu vì độ thoát tất cả chúng sanh, vì hộ trì chánh pháp để độ người chưa được độ, khai ngộ người chưa tỏ ngộ, quy y người chưa quy y, người chưa nhập Niết Bàn làm cho được nhập, lúc tu tập như vậy chẳng thấy giới, chẳng thấy giới tướng, chẳng thấy người trì, chẳng thấy quả báo, chẳng tìm xem hủy phạm. Nếu có thể được như vậy thời mới gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là tu tập chánh định? Lúc tu tam muội, vì tự độ, vì lợi dưỡng, mà chẳng vì chúng sanh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy những lỗi tham dục ăn uống, vì thấy những căn nam nữ chín lỗ bất tịnh, vì tranh đấu cãi cọ đánh đâm, giết hại lẫn nhau. Nếu vì

những việc này mà tu tam muội, đây thời chẳng gọi là tu tập tam muội.

Thế nào gọi là chơn thật tu tam muội? Nếu tu tập tam muội là vì chúng sanh, đối với chúng sanh có tâm bình đẳng, vì làm cho chúng sanh được pháp bất thối, được thánh tâm, được đại thừa, vì muốn hộ trì pháp vô thượng, khiến cho chúng sanh chẳng thối tâm Bồ Đề, làm cho chúng sanh được Thủ Lăng Nghiêm tam muội, được Kim Cang tam muội, được Đà La Ni, được tứ vô ngại, được thấy Phật tánh. Lúc thật hành chẳng thấy tam muội, chẳng thấy tướng tam muội, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo. Nếu có thể như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ? Nếu có người tu hành suy nghĩ như vậy: Nếu tôi tu tập trí huệ này thời được thoát khỏi ba ác đạo? Ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh? Ai có thể ở trong đường sanh tử mà độ mọi người? Phật xuất hiện ra đời khó gặp như hoa Ưu Đàm, nay tôi có thể dứt phiền não kiết sử được quả giải thoát, nên tôi phải

siêng năng tu hành trí huệ, để sớm dứt phiền não mau được giải thoát. Tu tập như vậy chẳng được gọi là tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là chơn thật tu tập trí huệ? Người trí nếu quan sát sự khổ sanh lão bệnh tử, tất cả chúng sanh bị vô minh che đậy, chẳng biết tu tập đạo vô thượng. Nguyên thân tôi nhận lấy khổ não thay thế chúng sanh. Bao nhiêu những sự bần cùng hạ tiện phá giới, những nghiệp tham sân si của chúng sanh, nguyên tất cả đều đến nhóm chất trên thân tôi. Nguyên cho chúng sanh chẳng tham đắm, chẳng bị danh sắc trói buộc mau thoát khỏi sanh tử, chỉ để một thân tôi ở nơi sanh tử chẳng mỗi nhàm. Nguyên cho tất cả chúng sanh đều được vô thượng Bồ Đề. Lúc tu tập như vậy chẳng thấy trí huệ, chẳng thấy tướng trí huệ, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, đây thời gọi là tu tập trí huệ.

Này Thiện nam tử! Người tu tập giới định huệ như vậy thời gọi là Bồ Tát. Người không thể tu tập giới định huệ như vậy thời gọi là Thanh Văn.

Thế nào lại gọi là tu tập giới hạnh? Nếu có thể phá hoại mười sáu ác luật nghi của tất cả chúng sanh: Một là vì lợi mà nuôi dê, trừu cho mập để bán, hai là vì lợi mua dê trừu để làm thịt, ba là vì lợi nuôi heo cho mập để bán, bốn là vì lợi mua heo để làm thịt, năm là vì lợi nuôi bò con cho mập để bán, sáu là vì lợi mua bò để làm thịt, bảy là vì lợi nuôi gà cho mập để bán, tám là vì lợi mua gà để làm thịt, chín là câu cá, mười là thợ săn, mười một là cướp giựt, mười hai là thái thịt, mười ba là lưới chim, mười bốn là lưỡng thiệt, mười lăm là lính giữ ngục, mười sáu là bùa chú bắt rông. Có thể vì chúng sanh mà dứt hẳn mười sáu nghiệp ác như vậy thời gọi là tu tập giới hạnh.

Thế nào là tu định? Có thể dứt tất cả tam muội thế gian, như vô thân tam muội có thể làm cho chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn, cùng những tam muội hữu biên tâm, vô biên tâm, tịnh tụ, thế biên, thế đoạn, thế tánh, thế trượng phu, phi tướng, phi phi tướng, những môn định này có thể làm chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết

Bàn. Nếu có thể dứt hẳn những tam muội như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ? Có thể phá những ác kiến của thế gian.

Tất cả chúng sanh đều có ác kiến: Chấp sắc là ngã là ngã sở, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, nhãn đến chấp thức cũng như vậy. Thường tức là ngã, sắc diệt ngã còn. Sắc tức là ngã sắc diệt ngã cũng diệt. Lại có người cho rằng: Tác giả là ngã, thọ giả là sắc. Lại có người nói: Tác giả là sắc, thọ giả là ngã. Lại có người nói: Không tác giả, không thọ giả, tự sanh, tự diệt đều chẳng phải nhân duyên. Lại có người nói: Không tác giả, không thọ giả, đều là Tự Tại Thiên chỗ tạo ra. Lại có người nói: Không tác giả, không thọ giả, tất cả đều do thời tiết làm ra. Lại có người nói: Không tác giả, không thọ giả. Địa, thủy, hỏa, phong, không, năm đại này gọi là chúng sanh.

Nếu có thể phá hoại những ác kiến của chúng sanh như vậy thời gọi là tu tập trí huệ.

Này Thiện nam tử! Tu tập giới hạnh để

cho thân được tịch tịnh. Tu tập chánh định để cho tâm được tịch tịnh. Tu tập trí huệ để phá trừ lòng nghi. Phá trừ lòng nghi là để tu tập Phật đạo. Người tu tập Phật đạo là để được thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh để được vô thượng Bồ Đề. Được vô thượng Bồ Đề thời được vô thượng Đại Niết Bàn. Được Đại Niết Bàn để dứt tất cả sanh tử, tất cả phiền não, tất cả cõi, tất cả đế của tất cả chúng sanh. Dứt sanh tử hẳn đến dứt tất cả đế là để được thường, lạc, ngã tịnh vậy.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Như lời Phật nói nếu bất sanh bất diệt gọi là Đại Niết Bàn, thời sanh cũng là bất sanh bất diệt như vậy, có sao chẳng được gọi là Niết Bàn?

Này Thiện nam tử! Đúng như lời của ông nói. Sanh dầu cũng là bất sanh bất diệt nhưng có thì có chung.

_ Bạch Thế Tôn! Pháp sanh tử này cũng là vô thì vô chung. Nếu là vô thì vô chung thời gọi là thường, thường trụ tức là Niết Bàn, có sao chẳng gọi sanh tử là Niết Bàn?

_Này Thiện nam tử! Pháp sanh tử này

đều có nhân có quả, vì có nhân quả nên chẳng được gọi là Niết Bàn. Thể tánh của Niết Bàn vốn không nhân quả.

_ Bạch Thế Tôn! Luận về Niết Bàn cũng có nhân quả như bài kệ của Phật nói:

Từ nhân nên sanh cõi trời,
 Từ nhân mà đọa ác đạo,
 Từ nhân nên được Niết Bàn,
 Do đây nên đều có nhân.

Xưa kia Phật bảo các Tỳ Kheo: Nay ta sẽ nói đạo quả của Sa Môn. Nói là Sa Môn đó nghĩa là người có thể tu tập hoàn toàn đạo hạnh giới định huệ, đạo hạnh này là bát thánh đạo. Quả của Sa Môn chính là Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn! Niết Bàn như vậy há chẳng phải là quả ư? Cớ sao hôm nay đức Phật nói rằng thể của Niết bàn không nhân, không quả?

Này Thiện nam tử! Ta tuyên nói nhân của Niết Bàn chính là Phật tánh, tánh của Phật tánh chẳng sanh Niết Bàn, nên ta nói Niết Bàn không có nhân. Vì có thể phá phiền não nên gọi là quả Đại Niết Bàn. Niết

Bàn này chẳng từ nơi đạo hạnh sanh ra nên gọi là không có quả. Do đây nên Niết Bàn là không nhân, không quả.

_ Bạch Thế Tôn! Phật tánh của chúng sanh là chung có hay là riêng có? Nếu là chung có thì một người lúc được vô thượng Bồ Đề lẽ ra tất cả chúng sanh cũng đồng được. Như hai mươi người đồng có một kẻ oán thù, nếu một người trừ được kẻ thù, thì mười chín người kia cũng đồng hết người thù. Phật tánh cũng như vậy, lúc một người được thì lẽ ra những người khác cũng đồng được.

Nếu mỗi chúng sanh riêng có Phật tánh thì Phật tánh là vô thường, vì có thể tính đếm được. Nhưng Phật nói: Phật tánh của chúng sanh chẳng phải một chẳng phải hai. Nếu là riêng có, thì lẽ ra chẳng nên nói rằng chư Phật bình đẳng, cũng chẳng nên nói rằng Phật tánh như hư không.

_ Nay Thiện nam tử! Phật tánh của chúng sanh chẳng một chẳng hai. Chư Phật bình đẳng, dường như hư không. Tất cả chúng sanh đồng chung có đó. Nếu người có thể tu

bát thánh đạo, nên biết người này được thấy rõ.

Này Thiện nam tử! Trên núi Tuyết có thứ cỏ tên nhãn nhục, nếu bò ăn cỏ này thời sanh ra chất đề hồ, Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

_ Bạch Thế Tôn! Cỏ nhãn nhục đó là một hay là nhiều? Như là một, bò ăn thời hết. Nếu là nhiều sao Phật lại nói Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy?

Như Phật nói: Nếu có người tu tập bát thánh đạo thời được thấy Phật tánh. Lời đây chẳng đúng nghĩa, vì thánh đạo nếu là một như cỏ nhãn nhục thời lẽ ra phải hết. Nếu thánh đạo có hết, thời một người tu xong những người khác không có phần. Thánh đạo nếu là nhiều, thời thế nào nói rằng tu tập đầy đủ, cũng chẳng được gọi là tác bà nhã trí.

_Này Thiện nam tử! Như đường bằng thẳng, tất cả chúng sanh đồng đi trên đường không chướng ngại nhau. Giữa đường có cây to bóng mát, người đi đường nghỉ ngơi dưới bóng cây. Bóng cây này vẫn thường

như vậy, chẳng biến đổi, chẳng hư mất, cũng chẳng ai mang đi.

Đường bằng thẳng dụ cho chánh đạo, bóng mát dụ cho Phật tánh.

Ví như thành lớn chỉ có một cửa, dầu đông người đông do một cửa này ra vào nhưng đều không chướng ngại, cũng không ai phá hoại hoặc mang đem đi.

Ví như cây cầu nhiều người đi trên đó cũng không chướng ngại không ai phá hoại mang đi.

Ví như lương y trị đủ các chứng bệnh, không ai cấm ngăn lương y này trị người đây bỏ người kia.

Thánh đạo và Phật tánh cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Những điều dụ của Phật dẫn ra đây, theo nghĩa thời chẳng phải. Vì người trước ở trên đường thời trở ngại cho người đi sau, sao lại nói là không chướng ngại. Những điều dụ khác cũng như vậy.

Thánh đạo cùng Phật tánh nếu là như vậy, thời lúc một người tu hành lẽ ra trở ngại những người khác.

Này Thiện nam tử! Như lời ông vừa gạn

hỏi, xét nơi nghĩa thời chẳng tương ưng. Những điều dụ của ta dẫn ra là dụ phân ít chẳng phải dụ tất cả.

Này Thiện nam tử! Con đường ở đời thời có chướng ngại, kia khác với đây, không có bình đẳng. Đạo vô lậu thời chẳng như vậy, có thể làm cho chúng sanh không có chướng ngại, luôn bình đẳng không hai, không có kia đây sai khác. Thánh đạo như vậy có thể làm liễu nhân cho Phật tánh của tất cả chúng sanh, mà chẳng làm sanh nhân. Như ngọn đèn sáng soi rõ các đồ vật.

Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều đồng vô minh làm nhân duyên cho hành nghiệp. Không thể nói rằng một người vô minh làm nhân duyên cho hành nghiệp rồi những người khác lẽ ra không có. Tất cả chúng sanh đều có vô minh làm nhân duyên cho hành nghiệp, do đây nên nói rằng mười hai nhân duyên tất cả đều bình đẳng.

Chúng sanh tu hành đạo vô lậu cũng như vậy, đồng dứt phiền não tứ sanh, các cõi các đường, do nghĩa này nên gọi là bình đẳng.

Những người đã chứng được, kia đây thấy biết không có chướng ngại, nên được gọi là tát bà nhã trí.

_ Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh chẳng phải đồng một thân: Hoặc là thân người, thân súc sanh, thân ngựa quý, thân địa ngục, những thân sai khác như vậy tại sao nói rằng Phật tánh là một?

_ Nay Thiện nam tử! Như có người để chất độc trong sữa, sữa thành lạc nhẩn đến thành đề hồ, danh tự dầu biến đổi nhưng chất độc chẳng mất, nếu uống đề hồ cũng có thể bị độc mà chết, thật ra chẳng để độc trong đề hồ.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy dầu ở trong thân sai khác của năm loài, nhưng Phật tánh này vẫn thường trụ duy nhất không biến đổi.

_ Bạch Thế Tôn! Trong mười sáu nước lớn, có sáu thành lớn: Thành Xá Bà Đề, thành Bà Chỉ Đa, thành Chiêm Bà, thành Tỳ Xá Ly, thành Ba La Nại, thành Vương Xá, tại sao đức Như Lai bỏ những thành lớn ấy mà đến nơi thành Câu Thi Na nhỏ hẹp

xấu xa này để nhập Niết Bàn?

_ Nay Thiện nam tử! Ông chẳng nên nói rằng thành Câu Thi Na là nhỏ hẹp xấu xa, mà nên nói rằng thành này có nhiều công đức trang nghiêm tốt đẹp, vì chỗ này là chỗ mà chư Phật và Bồ Tát thường đi đến. Như nhà của người dân hèn, nếu có vua đi qua, thời nên tán thán nhà này là phước đức trang nghiêm, nên nhà vua mới ngự giá đến.

Như người bệnh nặng uống chất thuốc dơ xấu, uống xong bệnh liền lành, thời nên vui mừng khen ngợi thuốc này là rất hay, rất tốt, chữa lành được bệnh của tôi.

Như người đi ghe ở trong biển lớn, bị ghe hư chìm nhân ôm tử thi mà được vào bờ, đã đến bờ rồi thời nên vui mừng khen ngợi rằng tôi nhờ tử thi này mà được an ổn.

Thành Câu Thi Na này cũng như vậy, là chỗ đi của chư Phật Bồ Tát, sao ông lại nói rằng là chỗ hẹp nhỏ xấu xa.

Nay Thiện nam tử! Ta nhớ thuở xa xưa cách đây hằng hà sa kiếp. Kiếp ấy hiệu là Thiện Giác. Lúc đó có vị Thánh Vương họ

Kiều Thi Ca, bảy báu, ngàn con đều đầy đủ. Vua này là người ban đầu xây dựng thành trì nơi đây, ngang rộng đều mười hai do diên, bảy báu trang nghiêm, có nhiều con sông, nước sông trong sạch nhu nhuyễn ngon ngọt: Sông Ni Liên Thiên, sông Y La Bạt Đề, sông Hy Liên Thiên, sông Y Suu Mạc Hoàn, sông Tỳ Bà Xá Na. Tất cả có năm trăm con sông như vậy. Hai bên bờ sông cây cối rậm rạp, hoa trái sum suê. Người thời ấy sống lâu vô lượng. Vua Chuyển Luân Thánh Vương qua khỏi trăm năm bèn xưng lên rằng: Như lời Phật nói tất cả pháp đều vô thường, nếu ai có thể tu tập mười pháp lành thời dứt được sự vô thường khổ não ấy. Toàn thể nhân dân nghe Thánh Vương truyền ra như vậy, đều phụng trì mười pháp lành. Thuở đó ta nghe danh hiệu của Phật, suy nghĩ tu tập mười pháp lành, ban đầu phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Ta phát Bồ Đề tâm rồi lại đem pháp lành này chỉ dạy vô lượng vô biên chúng sanh, giảng nói tất cả pháp đều vô thường biến hoại.

Do có trên đây nên hôm nay ta ở nơi chỗ này tiếp tục giảng nói các pháp đều vô thường biến hoại, chỉ có thân của Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ việc đời trước nên đến nơi đây để nhập Niết Bàn, cũng là muốn đền đáp ơn đời trước chính tại chỗ này ta thật hành pháp lành phát tâm Bồ Đề. Vì thế nên trong kinh ta nói: “Quyến thuộc của ta thọ ơn đều có thể báo đáp.”

Này Thiện nam tử! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ vô lượng, thời thành này hiệu là Câu Xa Bạt Đề, ngang rộng năm mươi do diên. Thuở ấy trong Diêm Phù Đề người ở khít nhau. Có vua Chuyển Luân Thánh Vương hiệu là Thiện Kiến, thất bảo và ngàn con đều đầy đủ, cai trị khắp bốn cõi. Vị Thái Tử thứ nhất xuất gia tu hành được thành Bích Chi Phật. Thánh Vương thấy Thái Tử của mình thành Bích Chi Phật oai đức trang nghiêm, thần thông hy hữu, liền vất bỏ ngôi vua như nhỏ bỏ nước mũi dãi, xuất gia nơi rừng Ta La này, trải qua tám muôn năm tu tập từ tâm, tám muôn năm tu tập bi tâm, tám muôn năm tu tập hỷ tâm, tám

muôn năm tu tập xả tâm.

Này Thiện nam tử! Nên biết rằng Thánh Vương Thiện Kiến thuở xưa chính là tiền thân của ta. Do đây nên ngày nay ta thường ưa thích thật hành bốn pháp này, bốn pháp này gọi là chánh định. Do nghĩa này nên thân Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này Thiện nam tử! Vì có trên đây nên hôm nay ta đến nơi thành Câu Thi Na này ở trong rừng Ta La Song Thọ mà nhập tam muội chánh định.

Này Thiện nam tử! Ta nhớ thuở xưa cách đây vô lượng kiếp, thành này hiệu là Ca Tỳ La Vệ, trong thành có vua hiệu là Bạch Tịnh, phu nhân hiệu là Ma Da, vua chỉ có một Thái Tu tên là Tất Đạt Đa. Lúc đó Thái Tử chẳng học với Thầy, tự mình tư duy tu tập chứng được vô thượng Bồ Đề. Có hai người đệ tử: Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên. Đệ tử thị giả tên là A Nan. Đức Thế Tôn ấy ở trong rừng Song Thọ diễn nói kinh Đại Niết bàn.

Lúc đó ta được dự pháp hội, nghe Phật

nói chúng sanh đều có Phật tánh. Nghe xong ta liền được bậc bất thối chuyển, liền phát nguyện rằng. Nguyện đời vị lai lúc tôi được thành Phật, cha, mẹ, cõi nước, danh hiệu, đệ tử, thị giả, thuyết pháp giáo hóa, tất cả đều đồng như đức Thế Tôn. Do nhân duyên phát nguyện thuở xưa, nên hôm nay ta đến nơi đây diễn nói kinh Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử! Lúc ta mới xuất gia chưa được vô thượng Bồ Đề, vua Tần Bà Ta La sai sứ đến thưa với ta rằng: Thái Tử Tất Đạt Đa nếu làm Thánh Vương thời tôi sẽ là hạ thần thuộc. Nếu Thái Tử xuất gia được vô thượng Bồ Đề, xin trước đến nơi thành Vương Xá để thuyết pháp độ người và thọ sự cúng dường của tôi: Lúc đó ta yên lặng nhận lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La.

Này Thiện nam tử! Lúc ta mới được vô thượng Bồ Đề, bèn đi về hướng nước Kiệt Xà. Lúc đó nơi sông Y Liên Thiên có nhà Bà La Môn họ Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử ở bên sông cầu đạo vô thượng. Ta vì người này nên đến thuyết pháp. Ca Diếp nói: Thưa Cù Đàm! Nay tôi đã già một

trăm hai mươi tuổi, trong nước Ma Già Đà, tất cả nhân dân cùng vua Tần Bà Ta La, đều cho rằng tôi đã chứng quả A La Hán. Nếu nay tôi ở trước Cù Đàm mà nghe pháp thời tất cả mọi người sẽ sanh lòng nghi ngờ. Trông mong Cù Đàm mau đi chỗ khác. Nếu mọi người biết rõ rằng công đức của Cù Đàm hơn tôi, thời chúng tôi sẽ mất sự cúng dường.

Lúc đó ta đáp rằng: Này ông Ca Diếp! Nếu ông chẳng tôn trọng ta, chẳng thích ta ở đây, xin cho ta nghỉ nhờ một đêm sáng sớm sẽ đi.

Ca Diếp nói: Thưa Cù Đàm! Tôi không có lòng gì khác, thật ra tôi rất kính mến Cù Đàm. Ngặt vì chỗ ở của tôi có một con rồng độc tánh nó hung dữ, sợ rằng nó làm hại Cù Đàm.

Ta nói: Ông Ca Diếp! Độc trong các thứ độc không gì hơn ba thứ độc, nay ta đã dứt, tất cả thứ độc trong đời ta đều chẳng sợ.

Ca Diếp lại nói: Nếu Cù Đàm không sợ xin mời đến ở.

Lúc đó ta có ý vì Ca Diếp mà hiện mười

tám môn thân biến. Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử thấy thân thông nghe ta thuyết pháp đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó Ca Diếp lại có hai người em: Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp. Hai người này có năm trăm đệ tử, nghe ta thuyết pháp cũng đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó trong thành Vương Xá, hàng lục sư ngoại đạo nghe việc này, liền sanh lòng rất ác đối với ta. Lúc đó ta nhận lấy lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La đi đến thành Vương Xá. Giữa đường gặp vua cùng trăm ngàn người đón rước. Ta vì đại chúng này thuyết pháp. Tám muôn sáu ngàn chư Thiên cõi dục phát tâm vô thượng Bồ Đề. Mười hai muôn người đi theo vua Tần Bà Ta La được quả Tu Đà Hoàn. Vô lượng chúng sanh thành tựu nhẫn tâm.

Sau khi ta vào thành, độ ông Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên cùng hai trăm năm mươi đệ tử của hai người, đều khiến bỏ tâm ngoại đạo theo ta xuất gia. Ta liền ở nơi thành Vương Xá nhận lấy sự cúng dường của vua Tần Bà Ta La. Hàng lục sư ngoại

đạo hợp nhau qua ở nơi thành Xá Vệ.

Trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả tu Tu Đạt Đa, nhân việc hỏi vợ cho con nên đến thành Vương Xá, ngụ ở nhà của trưởng giả San Đàn Na. Giữa đêm Trưởng giả dạy bảo các quyến thuộc lo quét rửa trần thiết nhà cửa cùng sắm sửa những thức ăn uống.

Ông Tu Đạt Đa nghĩ rằng: Nhà này hoặc sắp sửa thỉnh vua, hay có lễ gả cưới hội hè gì chăng? Ông đem ý mình nghĩ mà hỏi Trưởng giả San Đàn Na. Được biết sáng ngày sẽ thỉnh Phật cùng giáo hội chư Tăng đến phó trai.

Ông Tu Đạt Đa nghe đến danh hiệu Phật, cả mình rờn ốc, liền hỏi rằng thế nào gọi là Phật? Trưởng giả đáp: Ông chẳng biết ư! Thành Ca Tỳ Đàm có Thái Tử Thích Ca hiệu là Tất Đạt Đa, họ Cù Đàm, Phụ Vương là Bạch Tịnh. Lúc Thái Tử sanh ra, các nhà tướng sư bàn quyết định sẽ được làm Chuyển Luân Thánh Vương. Lớn lên Thái Tử bỏ sự giàu sang mà xuất gia, không thầy được giác ngộ chúng vô thượng Bồ Đề, hết tham, sân, si, thường trụ không biến đổi,

chẳng sanh chẳng diệt, chẳng còn lo sợ. Đối với chúng sanh tâm ngài bình đẳng thương đồng như cha mẹ thương con một. Dầu cao thượng hơn tất cả mà ngài không kiêu mạn. Với người kính mến cũng như với người ghét hại, lòng ngài không phân biệt. Trí huệ thông suốt đối với tất cả pháp không chướng ngại, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, năm trí, đại từ, đại bi và tứ niệm xứ, do đầy đủ những công đức trên đây nên hiệu là Phật. Vì sáng ngày đức Phật sẽ đến nhà tôi thọ trai nên phải rộn ràng lo sắp đặt chẳng rời rảnh tiếp đãi nhau.

Tu Đạt Đa nói: Lành thay! Thưa trưởng giả! Đức Phật thật là công đức vô thượng, hiện nay Phật ngự tại đâu?

Trưởng giả đáp: Hiện nay Phật đang ở tại Trúc Lâm Tịnh xá nơi thành Vương Xá này.

Lúc đó ông Tu Đạt Đa nhứt tâm nghĩ tưởng đến công đức của chư Phật. Bỗng nhiên có ánh sáng như ban ngày chiếu đến. Ông liền theo ánh sáng đi đến cửa thành, do thần lực của Phật nên cửa thành tự mở.

Ra khỏi cửa thành bên đường có miếu thờ trời, ông Tu Đạt Đa vô miếu lễ cúng. Lúc đó trời tối lại như cũ, ông sanh lòng sợ sệt bèn muốn trở về nhà ngủ. Trên cửa thành có Thiên Thần bảo Tu Đạt Đa rằng: Nếu ông đến chỗ đức Như Lai thời sẽ được nhiều lợi ích lành tốt.

Ông Tu Đạt Đa thưa với thiên thần thế nào là lợi ích lành tốt?

Thiên Thần đáp: Này Trưởng giả! Giả sử có người đem trăm xe châu báu vàng bạc cùng voi ngựa và mỹ nữ, nhà cửa chạm trổ tốt đẹp, mâm vàng đựng lúa bạc, mâm bạc đựng lúa vàng, mỗi thứ đều đủ số một trăm, đem tất cả những thứ trên đây bố thí cho một người, lần lượt bố thí khắp tất cả người trong Diêm Phù Đề. Công đức bố thí này chẳng bằng có người phát tâm bước một bước đến chỗ Như Lai.

Tu Đạt Đa hỏi: Ngài là ai?

Đáp rằng: Này Trưởng giả! Tôi là Thắng Tướng Bà La Môn, bạn cũ của ông. Lúc còn sống, tôi thấy ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên sanh lòng hoan hỷ cung kính, do

đó được sanh làm Thái Tử của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, có bốn phân hộ trì thành Vương Xá này. Chỉ do cung kính ngài Xá Lợi Phất và ngài Đại Mục Kiền Liên mà tôi còn được thân trời tốt đẹp thế này, huống là được thấy đức Như Lai để đánh lễ cúng dường!

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền thẳng đường đến chỗ Phật, từ xa thấy Phật đi kinh hành thân chiếu sáng màu vàng, ông liền đến đánh lễ dưới chân Phật. Lúc đó đức Phật vì ông mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, Trưởng giả Tu Đạt Đa chứng được quả Tu Đà Hoàn. Ông lại thỉnh Phật đến thành Xá Vệ để giáo hóa mọi người.

Đức Phật hỏi: Nước Xá Vệ của ông có Tịnh Xá có thể dung nạp giáo hội của ta chăng?

Tu Đạt Đa thưa: Nếu đức Phật xót thương hứa khả, tôi xin tận lực về nước lo xây dựng. Ông lại bạch cùng Phật từ nào tới giờ tôi chưa hiểu cách thức kiến trúc Tịnh Xá. Mong đức Phật cử một vị đến Xá Vệ chỉ bày cách thức cho.

Đức Phật liền sai ngài Xá Lợi Phất theo

Trưởng giả Tu Đạt Đa qua thành Xá Vệ.

Về đến Xá Vệ, Trưởng giả Tu Đạt Đa thỉnh ngài Xá Lợi Phất chọn khu đất xứng đáng để lập Tịnh Xá. Ngài Xá Lợi Phất chọn được khu vườn của Kỳ Đà Thái Tử. Trưởng giả Tu Đạt Đa liền vào cung thưa với Thái Tử xin nhàoàn khu vườn ấy để mình lập Tịnh Xá thỉnh Phật về ở.

Thái Tử đáp rằng: Tôi không bán vườn, hoặc giả có đem vàng lót khắp mặt đất ta sẽ đổi cho.

Trưởng giả Tu Đạt Đa mừng rỡ thưa rằng: Khu vườn ấy sẽ thuộc về tôi, Thái Tử sẽ lấy vàng.

Thái Tử nói: Ta không bán vườn.

Trưởng giả Tu Đạt Đa thưa nếu Thái Tử không bằng lòng xin đến quan đoán sự để giải quyết.

Quan đoán sự bảo rằng: Cứ theo lời của Thái Tử và Trưởng giả giao ước với nhau thì vườn thuộc về Trưởng giả, Thái Tử lấy vàng.

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền cho voi ngựa chở vàng đến lót, trong một ngày lót gần

khắp cả vườn chỉ còn năm trăm bước.

Thái Tử nói: Nếu Trưởng giả hối hận thời tùy ý trả vườn lại tôi.

Trưởng giả thưa: Tôi chẳng hối hận, tôi đương suy nghĩ coi kho vàng nào đủ lót khoảng đất còn lại.

Thái Tử nghĩ rằng: Có lẽ đức Phật thiệt là đáng Pháp vương vô thượng, nên khiến ông này không tiếc vàng như vậy. Thái Tử liền bảo Trưởng giả Tu Đạt Đa thôi đừng đem vàng lót nữa, tôi xin dâng hết đất vườn, và tự xây dựng cửa ngõ lâu, để đức Như Lai thường do nơi đó mà ra vào.

Sau đó Thái Tử Kỳ Đà xây dựng cửa ngõ lâu. Trưởng giả Tu Đạt Đa trong bảy ngày dựng xong ba trăm căn phòng lớn, sáu mươi ba tòa thiên, phòng tịch tịnh, cùng nhà mùa đông, nhà mùa hạ, nhà trừ, nhà tắm, chỗ rửa chân, nhà đại tiểu tiện, tất cả cơ sở đều đầy đủ. Trưởng giả tay bụng lư hương quỳ hướng về thành Vương xá mà bạch rằng: Tịnh xá xây dựng đã xong, ngưỡng mong đức Như Lai xót thương vì chúng sanh mà nhận ở nơi Tịnh xá này.

Lúc đó đức Phật ở thành Vương Xá rõ biết tâm niệm của Trưởng giả Tu Đạt Đa, liền cùng đại chúng rời thành Vương Xá đến nước Xá Vệ. Trưởng giả đem tất cả giường nhà đã xây dựng phụng thí nơi Phật. Phật nhận lấy rồi cùng chúng tăng ở lại Tịnh xá Kỳ Hoàn.

Lúc đó hàng lục sư ngoại đạo sanh lòng tật đố, họp nhau đến ra mắt vua Ba Tư Nặc mà tâu rằng: Tâu Đại Vương, đất nước của Đại Vương nhàn tịnh bằng phẳng, thiết đáng chỗ cho người xuất gia ở tu, nên chúng tôi mới đến cư ngụ. Đại Vương đem phép nước cai trị ngăn trừ sự tai hoạn cho nhân dân. Nay có Sa Môn Cù Đàm tuổi đã nhỏ. Học lục lại kém, đạo thuật không có gì, nay đến ở nơi thành Xá Vệ này, dùng ảo thuật phỉnh gạt nhân dân, nói rằng các pháp đều vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là không tác giả, là không thọ giả. Trong kinh của đạo chúng tôi có đoạn nói rằng qua khỏi ngàn năm có một người yêu thuật huyền hóa ra đời: Lời trên đây chính là ứng chỉ Sa Môn Cù Đàm vậy. Cúi mong

Đại Vương cho phép chúng tôi cùng Sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực. Nếu Cù Đàm hơn chúng tôi, chúng tôi sẽ qui thuộc về Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm, thì họ phải qui thuộc về chúng tôi.

Vua bảo: Này các Đại Đức! Các ông đều có phương pháp tu hành riêng, có chỗ ở riêng. Tôi biết chắc rằng đức Như Lai không làm trở ngại các ông.

Sáu nhà ngoại đạo tâu rằng: Tâu Đại vương! Sa Môn Cù Đàm đối với chúng tôi có nhiều sự trở ngại, họ dùng ảo thuật gạt gẫm dụ dỗ nhân dân, làm cho mọi người qui phục theo họ đã hết. Xin Đại vương theo lẽ công bình cho phép chúng tôi cùng sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực.

Vua nói: Này các Đại Đức! Bởi các ông chưa biết đạo lực thần thông cao cả của đức Như Lai nên mới nài so sánh. Sợ rằng các ông chẳng bằng được.

_Tâu Đại Vương! Nay có lẽ Đại Vương đã mắc ảo thuật của Sa Môn Cù Đàm. Ngưỡng mong Đại Vương xét kỹ lại, chấp thuận lời yêu cầu của chúng tôi.

_Được lắm! Được lắm! Ta chấp thuận lời yêu cầu của các ông.

Sáu nhà ngoại đạo cùng đồ chúng vui mừng tạ ơn vua mà lui về.

Vua Ba Tư Nặc liền xa giá đến lễ Phật và bạch rằng: Thế Tôn! Vừa rồi sáu nhà ngoại đạo yêu cầu tôi cho phép so đạo lực với đức Như Lai, tôi mạn phép đã hứa với họ.

Phật nói: Lành thay! Lành thay! Nay Đại Vương! Chỉ có điều là nên ở trong nước này tạo lập thêm Tinh xá. Vì nếu ta cùng họ so sánh đạo lực thần thông, thời trong chúng của họ tất sẽ có nhiều người qui phục theo ta, Tinh xá Kỳ Hoàn này không đủ chỗ để dung nạp.

Lúc đó, đức Phật vì muốn điều phục sáu phái ngoại đạo, nên trong mười lăm ngày hiện đại thần thông. Vô lượng chúng sanh do đây mà phát tâm vô thượng Bồ Đề, vô lượng chúng sanh qui tín ngôi Tam Bảo. Đồ chúng của sáu nhà ngoại đạo, vô lượng người bỏ tâm tà kiến, xuất gia theo chánh pháp. Vô lượng chúng sanh được bất thối đạo vô thượng Bồ Đề. Vô lượng chúng sanh

được Đà La Ni cùng chánh định. Vô lượng chúng sanh chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Lúc đó sáu nhà ngoại đạo hồ thẹn dắt nhau qua thành Bà Chỉ Đa để truyền giáo.

Lúc đó, đức Phật lên cung trời Đạo Lợi an cư nơi cây Ba Lợi Chát Đa, để vì mẹ và chư thiên mà thuyết pháp.

Sáu nhà ngoại đạo hay tin mừng lắm, chia nhau đi truyền rao rằng: Nay thật là hân hạnh, nhà ảo thuật Cù Đàm đã diệt mất. Họ khuyến dụ vô số người tin theo tà kiến.

Vua Tần Bà Ta La, vua Ba Tư Nặc và bốn bộ chúng thưa ngài Đại Mục Kiền Liên rằng: Bạch Đại Đức! Nay cõi Diêm Phù Đề này tà kiến thịnh hành, chúng sanh đi vào chỗ tối tăm, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Đại Đức lên cung trời đánh lễ Thế Tôn, thay lời chúng tôi bạch cùng đức Phật: Như con nghé mới sanh, nếu không nhờ sữa trâu mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi và mọi người cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như Lai thương xót chúng sanh mà trở về.

Đại Mục Kiền Liên yên lặng hứa khả, như

trong khoảng co duỗi cánh tay của đại lực sĩ, ngài đã lên đến cung trời Đao Lợi bạch Phật rằng: Thế Tôn! Tứ chúng trong cõi Diêm Phù Đề khao khát được thấy Phật và được nghe pháp của đức Như Lai. Vua Tần Bà Ta La, vua Ba Tư Nặc và đại chúng đồng đánh lễ đức Như Lai. Hiện nay chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề mê theo tà kiến, đi trong bóng tối tăm thật đáng thương xót, như con nghé mới sanh, nếu rời sữa mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như Lai vì thương xót chúng sanh mà trở lại Diêm Phù Đề.

Phật bảo: Ông mau trở về báo các Quốc Vương và bốn bộ chúng rằng: Sau bảy ngày đức Phật sẽ trở xuống. Vì sáu nhà ngoại đạo, đức Phật sẽ đến nơi thành Bà Chỉ Đa.

Qua bảy ngày, đức Phật cùng Đệ Thích, Phạm Vương, với vô lượng chư thiên rời cung trời xuống đến thành Bà Chỉ Đa. Đức Phật tuyên rằng: Chỉ trong Phật pháp mới thiệt có Sa Môn và Bà La Môn. Tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, Niết Bàn tịch

tịnh rời những lỗi ác, nếu nói giáo pháp khác cũng có Sa Môn và Bà La Môn, có thường, có ngã có Niết Bàn đó thời không bao giờ đúng.

Khi Phật tuyên những lời như trên, vô lượng vô biên chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Sáu nhà ngoại đạo bảo nhau rằng: “Nếu trong giáo pháp của chúng ta thiệt không có Sa Môn và Bà La Môn, tại sao lại được người đời cúng dường. Bây giờ sáu nhà ngoại đạo lại tựu hội đồ chúng đi đến thành Tỳ Xá Ly.

Một thời gian sau, đức Phật đến thành Tỳ Xá Ly ở trong rừng cây Am La.

Hay tin đức Phật ở trong rừng này, nàng Am La muốn đến ra mắt đức Phật.

Lúc đó đức Phật bảo các Tỳ Kheo: Các ông phải quán Tứ Niệm Xứ, khéo tu trí huệ, phải tinh tấn, chớ phóng dật.

Thế nào gọi rằng quán Tứ niệm xứ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo quán sát trong thân mình chẳng thấy ngã, chẳng thấy ngã sở, quan sát ngoài thân và quan sát cả trong thân

ngoài thân, đều chẳng thấy có ngã và ngã sở. Quán sát thọ, tâm và pháp cũng như vậy. Đây gọi là quán sát niệm xứ.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo chân thật thấy tứ đế lý: Khổ tập diệt đạo, đây gọi là Thầy Tỳ Kheo tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là tâm chẳng phóng dật? Nếu có Thầy Tỳ Kheo niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên. Đây gọi là Thầy Tỳ Kheo tâm chẳng phóng dật.

Bấy giờ nàng Am La đến đánh lễ và đi nhiễu Phật ba vòng, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì nàng Am La mà giảng nói chánh pháp. Nàng Am La sau khi nghe pháp liền phát tâm vô thượng Bồ Đề. Lúc đó trong thành Tỳ Xá Ly, có năm trăm Lê Xa Tử, đồng đến chỗ Phật đánh lễ đi nhiễu, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì hàng Lê Xa Tử mà thuyết pháp rằng: Này các Thiện Nam Tử! Luận về người phóng dật có năm kết quả không tốt; Một là chẳng được của cải tự tại, hai là tiếng

xấu truyền xa, ba là chẳng thích bố thí cho người nghèo thiếu, bốn là chẳng thích thấy bốn bộ chúng, năm là chẳng được thân chư Thiên. Nay các Thiện Nam Tử! Do nơi chẳng phóng dật có thể sanh ra pháp lành thế gian và xuất thế gian. Nếu có người muốn được vô thượng Bồ Đề nên phải siêng năng tu hạnh chẳng phóng dật.

Luận về người phóng dật lại còn có mười ba quả báo: Một là thích vì đời mà làm lụng, hai là thích nói những lời vô ích, ba là thường thích nằm lâu ngủ nhiều, bốn là thích nói việc đời, năm là thích gần gũi bạn ác, sáu là thích biếng lười, bảy là thường bị người khác khinh dể, tám là dầu có học hỏi liền quên mất, chín là thích ở nơi biên địa, mười là chẳng thể điều phục các căn, mười một là ăn chẳng biết đủ, mười hai là chẳng thích vắng vẻ, mười ba là chỗ thấy biết chẳng chơn chánh.

Này các Thiện Nam Tử! Luận về người phóng dật dầu được gần Phật và Thánh chúng, nhưng vẫn là cách xa.

Các Lê Xa Tử bạch rằng: Chúng tôi tự

biết mình là người phóng dật. Vì nếu chúng tôi chẳng phóng dật, đáng Như Lai Pháp Vương sẽ ra đời trong cõi nước của chúng tôi.

Lúc đó trong đại hội có nhà Bà La Môn tên là Vô Thắng nói với các Lê Xa Tử rằng: Phải lắm! Đúng như lời các ông nói. Vua Tần Bà Ta La được lợi ích lớn, vì đức Như Lai Thế Tôn xuất hiện trong cõi nước đó. Như trong ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, hoa sen dầu mọc trong nước, nhưng nước chẳng vậy lắm được.

Đức Phật cũng như vậy, dầu xuất hiện trong nước kia mà chẳng bị pháp thế gian làm trở ngại.

Chư Phật không có xuất hiện, nhưng vì chúng sanh mà xuất hiện ra đời, chẳng bị pháp thế gian làm trệ ngại.

Các ông tự mê tham đắm nơi ngũ dục, chẳng biết gần gũi đức Như Lai để nghe pháp, do đó nên gọi là hạng người phóng dật. Chẳng phải đức Phật xuất hiện nơi nước Ma Già Đà mà gọi các ông là người phóng dật. Vì đức Như Lai như mặt trời, mặt trăng

kia, chẳng phải vì một người hai người mà xuất hiện ra đời.

Năm trăm Lê Xa Tử nghe ông Đức Vô Thắng Bà La Môn nói những lời như trên, liền phát tâm vô thượng Bồ Đề. Đồng tiếng tán thán rằng: Lành thay! Lành thay! Vô Thắng đồng tử nói những lời rất lành, rất hay như vậy. Các Lê Xa Tử mỗi người cõi y đang đắp trên thân đem cúng thí cho Vô Thắng.

Vô Thắng nhận lấy đem dâng lên Phật, bạch rằng: Thế Tôn! Những y này tôi nhận lấy của hàng Lê Xa Tử, xin dâng lên đức Thế Tôn. Ngưỡng mong đức Thế Tôn vì thương xót chúng sanh mà nạp thọ.

Đức Phật mở lòng từ bi liền lãnh lấy những y ấy.

Các Lê Xa Tử đồng chấp tay bạch rằng ngưỡng mong đức Như Lai an cư nơi nước này một mùa, và nhận sự cúng dường của chúng tôi. Đức Phật yên lặng nhận lời thỉnh cầu của Lê Xa Tử.

Lúc đó, sáu nhà ngoại đạo nghe được việc này, thầy trò kéo nhau đi qua thành Ba La

Nại. Đức Phật lại đi qua thành Ba La Nại ở bên bờ sông Ba La.

Nơi thành Ba La Nại có vị Trưởng giả tên là Bửu Xung, ông này say mê ngũ dục chẳng biết lý vô thường. Do Phật đến ở, Trưởng giả Bửu Xung tự nhiên chứng được bạch cốt quán: Tự thấy nhà cửa, điện đường, vợ con, quyền thuộc, tôi tớ, đều toàn là những bộ xương trắng. Lòng ông kinh sợ như sợ dao, rắn độc, giặc cướp, lửa. Ông liền ra khỏi nhà, thẳng đến chỗ Phật. Dọc đường, luôn miệng kêu rằng: Sa Môn Cù Đàm! Nay tôi như là bị giặc rượt đuổi, lòng tôi quá kinh sợ, xin mau cứu tôi!

Phật bảo Trưởng giả: Nay Thiên Nam Tử! Phật pháp và chúng Tăng vẫn an ổn, không sự lo sợ .

Trưởng giả bạch rằng: Nếu trong Tam Bảo không sự kinh sợ, nay tôi cũng sẽ được không kinh sợ.

Đức Phật liền cho Trưởng giả xuất gia tu hành.

Trưởng giả này lại có năm mươi người bạn thân, nghe tin Trưởng giả Bửu Xung nhàm

chán đục lạc trong đời mà xuất gia, liền cùng nhau đồng xuất gia.

Sáu nhà ngoại đạo nghe việc này, liền dắt đồ chúng đi qua thành Chiêm Bà.

Lúc đó tất cả nhân dân trong nước Chiêm Bà đều cùng nhau phụng sự sáu nhà ngoại đạo, họ chưa từng nghe danh hiệu của Phật, Pháp, Tăng, phần đông gây tạo những nghiệp rất ác.

Đức Phật vì chúng sanh nên lại đi qua thành Chiêm Bà.

Trong thành này có vị đại Trưởng giả không con nối giòng, bèn phụng thờ sáu nhà ngoại đạo để cầu con. Thời gian sau vợ trưởng giả có thai. Trưởng giả vui mừng đến thưa với sáu nhà ngoại đạo: Vợ tôi có thai là nam hay nữ?

Sáu nhà ngoại đạo đáp rằng: Chắc chắn sẽ sanh con gái.

Trưởng giả nghe lời này sanh lòng sầu não. Thân hữu hỏi Trưởng giả: Có sao ông quá sầu não như vậy?

Trưởng giả đáp vợ tôi có thai chưa biết là nam hay nữ nên tôi đến hỏi lục sư, các ngài

bảo chắc chắn là con gái. Tôi tự nghĩ tuổi đã già, sự nghiệp to lớn, tài sản vô lượng. Nếu không phải con trai thì không người giao phó. Do đây nên tôi sầu não.

Thân hữu nói rằng: Ông không có trí huệ, ngày trước ông cũng đã nghe rằng ba anh em Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp là đệ tử của ai? Đệ tử của Phật hay đệ tử của lục sư? Nếu lục sư là bậc nhứt thiết trí, sao ba anh em Ca Diếp bỏ họ mà làm đệ tử của Phật? Lại Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, các vị Quốc Vương như Tần Bà Ta La, các vị phu nhân như Bà Mạt Lợi, các vị đại Trưởng giả như ông Tu Đạt Đa, những người ấy chẳng phải là đệ tử của Phật ư?

Khoáng Dã quý thân, vua A Xà Thế, Voi say, Ưon Quật Ma La ác tâm muốn hại mẹ, những người này há chẳng phải nhờ đức Phật điều phục ư?

Đức Như Lai Thế Tôn biết rõ tất cả Pháp không bị chướng ngại nên hiệu là Phật. Lời nói ra duy nhứt, không dôi đổi, nên hiệu là Như Lai. Dứt hết phiền não nên gọi là A La Hán. Đức Thế Tôn phạm có nói ra trọn

không sai. Lục sư chẳng phải như vậy, đâu đáng tin được.

Nay đức Như Lai đang ở nước này gần nơi đây, nếu ông muốn biết sự thiệt thòi nên đến Phật.

Lúc đó Trưởng giả cùng thân hữu đến chỗ Phật đánh lễ đi nhiễu ba vòng, rồi quỳ chấp tay bạch rằng: Đức Thế Tôn đối với chúng sanh bình đẳng không oán không thân. Tôi còn bị tham ái ràng buộc, nay muốn hỏi đức Thế Tôn một việc, nhưng tự mình hổ thẹn chưa dám nói ra.

Bạch Thế Tôn! Vợ tôi có thai, lục sư bảo rằng chắc chắn là con gái. Xin đức Phật phán việc ấy thế nào?

Phật nói: Này Trưởng giả, vợ ông có thai quyết định là trai, đứa trẻ này sau khi sanh ra thời phước đức không ai bằng.

Trưởng giả nghe lời Phật dạy vui mừng làm lễ tạ đức Phật mà trở về nhà.

Sáu nhà ngoại đạo nghe Phật huyền ký vợ Trưởng giả quyết định sẽ sanh con trai có phước đức lớn, lòng họ ganh ghét, họ liền lấy trái Am La tẩm thuốc độc, rồi mang đến

nhà biểu Trương giả mà nói rằng: Tốt thay! Ông Cù Đàm bàn điều ấy rất hay. Gần ngày sanh vợ ông nên uống thuốc này sẽ bảo đảm cho mẹ cùng con lúc sanh sản không bịnh hoạn.

Trương giả mừng lắm nhận lấy thuốc của lục sư cho vợ uống. Uống xong vợ Trương giả trúng độc mà chết.

Lục sư vui mừng chia nhau đi khắp trong thành truyền rao rằng: Sa Môn Cù Đàm tự khoe là nhứt thiết trí, nói vợ Trương giả sẽ sanh con trai phước đức không ai sánh bằng, nay con chưa sanh mà mẹ đã chết.

Trương giả lại đối với Phật mất cả lòng tin. Ông liền theo nghi lễ thế gian tẩn liệm thầy vợ, rồi đưa ra ngoài thành chôn cất củi để thiêu.

Do đạo nhân thấy rõ việc này, đức Phật bảo A Nan đem y đến cho Phật đắp và bảo rằng : Ta muốn đến chỗ hỏa táng để trừ dứt tà kiến cho chúng sanh.

Lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương bảo Thiên tướng là Na Ni Bạt Đà rằng: Nay đức Như Lai muốn đến khu gò mã, khanh phải mau

đến đó sửa sang quét tước trải tòa sư tử, rải những hoa đẹp hương thơm, trần thiết trang nghiêm chỗ ấy.

Lục sư thấy Phật đàng xa đi đến họ bảo nhau rằng: Sa Môn Cù Đàm đến trong gò mã này hoặc giả muốn ăn thịt u!

Lúc bảy giờ nơi ấy có nhóm Ưu Bà Tắc chưa chứng được pháp nhãn, nghe lời nói của lục sư thời đều hổ thẹn cùng nhau đón Phật bạch rằng: Vợ của Trưởng giả đã chết, xin Thế Tôn chớ đến đó.

A Nan liền nói với các vị Ưu Bà Tắc: Các ông chớ giây lát, đức Như Lai sẽ hiển bày cảnh giới của chư Phật.

Phật đến gò mã lên ngôi tòa Sư Tử.

Trưởng giả đến trước Phật trách rằng: Bậc nhưt thiết trí lời nói ra đúng sự thật không sai mới đáng gọi là Thế Tôn. Nay mẹ thời đã chết mất làm sao sanh được con trai phước đức?

Phật bảo Trưởng giả: Hôm trước ông chẳng hỏi tôi về sự chết sống của bà mẹ. Chỉ hỏi có thai là trai hay gái.

Chư Phật Như Lai phạm lời nói ra đúng

thật không sai, do đây nên phải biết rằng ông quyết định sẽ được con trai phước đức.

Lúc đó lửa thiêu tử thi bụng nứt ra, có đứa trẻ trai từ trong bụng lọt ra ngồi ngay thẳng trong lửa như chim Oan Ương đậu trên gương sen.

Lục sư ngó thấy lại to tiếng la lên rằng: Sa Môn Cù Đàm là yêu quái khéo làm ảo thuật.

Trưởng giả vui mừng quở trách lục sư: Nếu cho là ảo thuật tại sao các ông chẳng làm. Phật liền bảo Kỳ Bà: Ông vào trong lửa bồng đứa bé lại đây.

Kỳ Bà đi đến gần đồng lửa, lục sư lật đật đi đến kéo lại nói rằng: Sa Môn Cù Đàm làm ảo thuật chưa ắt là luôn được hoàn toàn, nếu ông vào trong lửa e không khỏi bị hại. Sao ông lại quá tin lời của Cù Đàm.

Kỳ Bà đáp rằng: Giả sử đức Như Lai ra vào địa ngục A Tỳ, lửa dữ trong địa ngục còn không đốt cháy được huống là lửa trong thế gian.

Lúc đó Kỳ Bà đi thẳng vào trong đồng lửa như vào trong nước mát mẻ, bồng đứa trẻ

trở ra đến chỗ Phật, hai tay trao đưa trẻ cho Phật.

Đức Phật tiếp lấy đứa trẻ mà bảo Trưởng giả rằng: Tất cả chúng sanh thọ mạng chẳng quyết định như bóng nước nổi trên mặt nước. Nếu chúng sanh không có nghiệp quả sâu nặng thì lửa chẳng cháy được, độc chẳng hại được. Phước đức của trẻ này chẳng phải là ta làm ra.

Trưởng giả bạch rằng: Lành thay! Bạch Thế Tôn! Ngưỡng mong đức Như Lai đặt tên cho nó. Đức Phật nói: Này Trưởng giả! Trẻ này sanh ở trong đồng lửa lớn, lửa gọi là thọ đề, nên đặt tên cho nó là Thọ Đề.

Lúc đó quần chúng hiện diện nghe và thấy việc này vô lượng người phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Sau đó sáu nhà ngoại đạo kéo nhau đi khắp cả sáu nước lớn không chỗ nào ở yên được, họ lại đến nơi thành Câu Thi Na, họ chia nhau đi truyền rao rằng: Mọi người nên biết rằng Sa Môn Cù Đàm là nhà đại ảo thuật, phỉnh gạt trong thiên hạ khắp hết sáu nước lớn. Như nhà ảo thuật hóa làm

bốn đạo binh chiến xa, chiến mã, voi trận, bộ binh. Lại biến hóa làm các thứ châu báu, cung điện, thành trì, sông ngòi, cây cối. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, huyền hóa làm ra thân vua để thuyết pháp, hoặc biến làm Sa Môn, Bà La Môn, biến làm thân nam, người nữ, thân nhỏ, thân lớn, hoặc biến làm thân súc sanh quý thần, hoặc nói vô thường, hoặc nói thường trụ, có lúc nói là khổ, có lúc nói là vui, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, có tịnh, không tịnh, lúc thì nói có lúc lại nói không, đó là những lời hư vọng nên gọi là ảo thuật.

Như nhân hột giống mà có trái, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, do bà Ma Da sanh ra, mẹ đã là huyền ảo thời con không thể chẳng phải là huyền ảo. Sa Môn Cù Đàm không có tri kiến chơn thật. Các vị Bà La Môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh giữ gìn cấm giới còn tự nói rằng chưa có tri kiến chơn thật. Huống là Cù Đàm tuổi còn trẻ, học lực cạn cợt, chẳng tu khổ hạnh, làm sao có được tri kiến chơn thật, nếu có thể khổ hạnh đủ bảy năm còn chẳng phải là

nhiều, huông là Cù Đàm tu tập khổ hạnh chẳng đầy sáu năm. Có người ngu vô trí mới tin học theo giáo pháp của Cù Đàm. Như nhà huyền thuật phỉnh gạt người ngu, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy. Sáu nhà ngoại đạo ở trong thành Câu Thi Na này làm cho chúng sanh thêm nhiều tà kiến.

Phật bảo Sư Tử Hống Bồ Tát: Ta thấy việc như vậy sanh lòng xót thương, nên dùng thần lực triệu thỉnh các vị Bồ Tát ở mười phương vân tập trong rừng này chập cả bốn mươi do điền. Nay ở nơi đây ta hiện đại Sư Tử Hống.

Ở nơi chỗ trống trải vắng vẻ dầu có thuyết pháp nhiều cũng chẳng được gọi là Sư Tử Hống. Ở trong đại chúng toàn bậc trí huệ như đây mà thuyết pháp mới được gọi là chơn thật đại Sư Tử Hống.

Sư Tử Hống là thuyết minh tất cả pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Chỉ nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lục sư lại nói rằng: Nếu Cù Đàm có ngã ta cũng có ngã. Chỗ nói là ngã đó: Cái thấy gọi là ngã.

Này Cù Đàm! Ví như có người hướng trong đây thấy đồ vật, ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho con mắt, người thấy dụ cho ngã.

Phật bảo lục sư: Nếu nói cái thấy gọi là ngã, thì không đúng nghĩa. Vì điều dụ của các ông vừa dẫn ra nhân hướng mà thấy, người ở một hướng, sáu căn đều có tác dụng. Nếu quyết định có ngã nhân nơi con mắt mà thấy, sao lại chẳng như trong một nhãn căn kia đều nhận biết các trần cảnh? Nếu trong một căn chẳng thể đồng thời nghe cả sáu trần, phải biết rằng đó là không có ngã. Điều dụ hướng thấy vật, dầu trải qua trăm năm, người thấy nhân nơi đó chỗ thấy vẫn không khác. Nhãn căn nếu như vậy, đến lúc tuổi già mắt kém lẽ ra không khác. Người cùng hướng khác nhau, thấy trong thấy ngoài, nhãn căn nếu như vậy lẽ ra cũng trong ngoài đồng một thời đều thấy. Nếu là chẳng thấy, sao lại có ngã.

Lục sư lại nói rằng: Này Cù Đàm! Nếu không có ngã, thì ai có thể thấy? Phật nói có sắc, có ánh sáng, có tâm, có nhãn căn,

bốn duyên này hòa hiệp nên gọi là có thấy. Trong đây thiết không có người thấy người thọ. Vì điên đảo nên chúng sanh cho là có người thấy có kẻ thọ. Do nghĩa này nên tất cả chúng sanh chỗ thấy biết đều điên đảo, chỗ thấy biết của chư Phật và Bồ Tát là chơn thật.

_ Nay Lục sư! Nếu nói rằng sắc là ngã thì cũng chẳng phải. Vì sắc thiết cũng chẳng phải là ngã. Sắc nếu là ngã lẽ ra chẳng nên có hình dạng xấu xa. Có sao lại có bốn tánh sai khác, chẳng đồng một dòng Bà La Môn sư? Sao lại có kẻ nô lệ chẳng tự do? Có người tàn tật, lúc sanh ra căn thân chẳng đầy đủ? Có sao chẳng làm thân chư thiên, mà lại thọ thân địa ngục, súc sanh, ngã quý? Nếu chẳng có thể tùy ý để làm ra thân, nếu biết rằng quyết định là không có ngã. Do vì không ngã nên gọi là vô thường. Vì vô thường nên phải khổ. Vì khổ nên là trống không. Vì trống không nên điên đảo. Vì điên đảo nên tất cả chúng sanh lưu chuyển trong vòng sanh tử. Như sắc, thọ tướng hành và thức cũng vậy.

Này Lục sư, Đức Như Lai Thế Tôn dứt hẳn sự ràng buộc của sắc cũng như dứt hẳn sự ràng buộc của thức v.v..., vì thế nên Như Lai gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại sắc chính là nhân duyên. Nếu đã là nhân duyên thì gọi là vô ngã. Nếu là vô ngã thì gọi là khổ không.

Thân của Như Lai chẳng phải nhân duyên. Vì chẳng phải nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thì chính là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lục sư lại nói: Này Cù Đàm! Sắc chẳng phải ngã hẳn đến thức cũng chẳng phải ngã, thế thì ngã khắp tất cả chỗ như hư không.

Phật nói: Nếu khắp mọi chỗ đều có ngã, thì lẽ ra chẳng nên nói rằng: Trước kia tôi chẳng thấy. Nếu trước kia chẳng thấy, thì biết rằng sự thấy này trước không nay có, nên gọi là vô thường. Nếu gọi là vô thường sao lại nói là khắp được.

Nếu ngã là khắp tất cả chỗ đều có, lẽ ra phải có đủ tất cả thân trong năm loài. Nếu có đủ thân, thì lẽ ra đều thọ báo. Nếu đã

đều thọ báo, sao lại nói rằng trở lại thọ thân người thân trời ...?

Các ông nói ngã là khắp đó, thời ngã là một hay là nhiều ?

Ngã nếu là một thời lẽ ra không có cha con, kẻ thù người thân. Ngã nếu là nhiều, căn thân của tất cả chúng sanh lẽ ra đều đồng như nhau, bao nhiêu những việc làm và trí huệ lẽ ra cũng đồng như vậy, nếu đồng như nhau, sao lại nói rằng có người thân căn đầy đủ, có người thiếu kém tàn tật, nghiệp lành nghiệp ác, kẻ ngu người trí khác nhau?

_ Nay Cù Đàm! Ngã của chúng sanh không có ngăn mé, pháp cùng phi pháp thời có chừng ngăn. Chúng sanh thật hành đúng pháp thời được thân tốt đẹp. Nếu chúng sanh thật hành phi pháp thời mang thân xấu xa. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sanh chẳng được không sai khác.

_ Nay Lục sư! Nếu pháp cùng phi pháp là như vậy thời ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã là cùng khắp thời lẽ ra đều đến tất cả. Nếu ngã đều đến tất cả thời người thật hành

pháp lành lẽ ra cũng có ác, người thật hành điều ác lẽ ra cũng có lành. Nếu không như vậy sao lại nói rằng ngã là cùng khắp.

_ Nay Cù Đàm! Như trong một nhà thấp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn tự chiếu sáng chẳng trở ngại nhau. Ngã của chúng sanh cũng như vậy, thật hành điều lành điều ác chẳng xen lộn nhau.

_ Nay Lục sư! Nếu các ông nói rằng ngã như ngọn đèn thì không đúng nghĩa. Vì ánh sáng ngọn đèn kia theo duyên mà có, ngọn đèn thêm lớn thì ánh sáng cũng thêm nhiều. Ngã của chúng sanh chẳng phải như vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn chiếu ra, chỗ của ánh sáng khác chỗ với ngọn đèn. Ngã của chúng sanh chẳng được từ nơi thân mà ra ở nơi chỗ khác. Ánh sáng của ngọn đèn kia ở chung chỗ với bóng tối, vì như trong căn nhà tối, lúc thắp một ngọn đèn chiếu chẳng sáng tỏ, thắp nhiều ngọn đèn thì được tỏ sáng. Nếu ngọn đèn ban đầu phá hết bóng tối thì lẽ ra chẳng cần đến ngọn đèn sau. Nếu cần phải nhờ ngọn đèn sau mới hết bóng tối, thì nên biết rằng

áng sáng của ngọn đèn ban đầu cùng ở chung chỗ với bóng tối.

_ Này Cù Đàm! Nếu là không có ngã thời ai làm lành làm ác?

_ Nếu là ngã tạo tác thời sao lại gọi là thường? Nếu ngã là thường, tại sao có lúc làm lành, có lúc lại làm ác? Nếu cho rằng có lúc làm lành, có lúc làm ác, tại sao lại nói rằng ngã không ngăn mé. Nếu là ngã tạo tác, có chi lại tập làm điều ác. Nếu như ngã là tác giả, là tri giả, có chi lại sanh nghi rằng chúng sanh không có ngã.

Do nghĩa trên đây nên biết rằng trong pháp của ngoại đạo quyết định không có ngã. Nếu nói là ngã, thời nên biết rằng chính là đức Như Lai, vì thân Như Lai không ngăn mé, không ngờ vực, chẳng làm chẳng thọ, nên gọi là thường trụ. Như Lai bất sanh bất diệt nên gọi là lạc, vì Như Lai không có phiền não nên gọi là tịnh, không có mùi tướng nên gọi là không. Do đây nên Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, rỗng rang không có các tướng.

Các nhà ngoại đạo nói rằng: Nếu nói Như

Lai là thường, lạc, ngã, tịnh vì không có tướng nên là không, phải biết rằng giáo pháp của Cù Đàm nói ra thời chẳng phải là không vậy. Vì thế nên nay chúng ta phải cung kính thọ trì.

Lúc đó trong hàng ngoại đạo có vô lượng người sanh lòng kính tin xuất gia theo Phật pháp.

Phật bảo Sư Tử Hồng Bồ Tát: Nay Thiện Nam Tử! Do nhân duyên nên ta ở nơi rừng Ta La Song Thọ này hiển bày Đại Sư Tử Hồng. Sư Tử Hồng gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Cặp cây bên hướng Đông tiêu biểu rằng phá vô thường mà được thường trụ. Cặp cây bên hướng Nam tiêu biểu rằng phá khổ mà được lạc. Cặp cây bên hướng Tây tiêu biểu rằng phá vô ngã mà được chơn ngã. Cặp cây bên hướng Bắc tiêu biểu rằng phá bất tịnh mà được chơn tịnh.

Này Thiện Nam Tử! Chúng sanh trong đây vì bốn cặp cây Song Thọ nên bảo hộ rừng Ta La, chẳng cho người ngoài đến bẻ nhánh hái lá đốt chặt phá hoại. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh,

nên khiến hàng đệ tử hộ trì Phật pháp.

Bốn cặp Song Thọ này bốn Đại Vương quản trị săn sóc. Ta vì bốn Đại Vương hộ trì chánh pháp của ta, nên ta ở trong đây mà nhập Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Bốn cặp cây Ta La này bông trái thường sum sê, thường có thể lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ta cũng như vậy, thường có thể lợi ích cho vô lượng Thanh Văn Duyên Giác. Bông dụ cho ngã, trái dụ cho lạc. Do nghĩa này nên ta ở trong rừng cây Ta La Song Thọ nhập đại tịch diệt. Đại tịch diệt đây gọi là Đại Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng: “Thế Tôn! Có gì Đức Như Lai nhập Niết Bàn trong tháng hai?”

_ Này Thiện Nam Tử! Tháng hai gọi là mùa xuân, tháng mùa xuân muôn vật đều sanh trưởng, gieo trồng cây cối, bông trái tươi tắn xinh đẹp, sông rạch đầy nước, trăm thú sanh sản, do đây nên chúng sanh phần nhiều có quan niệm là thường là vui.

Vì phá quan niệm cho là thường như vậy, nên ta nói tất cả pháp đều là vô thường, chỉ

nói đức Như Lai là thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện Nam Tử! Ở trong ba mùa sáu tiết, mạnh đông cây cối khô héo, mọi người chẳng ưa thích. Mạnh xuân hòa ấm mọi người tham ưa. Vì phá sự tham ưa thế gian của chúng sanh nên ta diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh. Đức Như Lai vì phá thế ngã, thế tịnh, nên nói Như Lai là chơn thiệt ngã tịnh.

Nói tháng hai là dụ cho hai thứ pháp thân của Như Lai.

Mùa đông chẳng ưa thích, là người trí chẳng thích Như Lai vô thường nhập Niết Bàn. Tháng hai mùa xuân vui thích, là dụ cho người trí ưa thích Như Lai: Thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo trồng dụ cho chúng sanh nghe pháp vui mừng phát tâm vô thượng Bồ Đề, vun trồng các căn lành. Sông rạch là dụ cho các Đại Bồ Tát ở mười phương đến chỗ ta nghe học kinh Đại Niết Bàn.

Trăm thú sanh sản là dụ cho hàng đệ tử của ta sanh các căn lành.

Bông là dụ cho bảy giác chi. Trái là dụ

cho bốn đạo quả.

Do những nghĩa này, nên ta nhập Niết Bàn trong tháng hai.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Đức Như Lai lúc sơ sanh, xuất gia, thành đạo chuyên pháp luân đều ở vào ngày mùng tám, có chi riêng nhập Niết Bàn ở đêm rằm?

Phật bảo: Lành thay! Lành thay! Nay Thiện Nam Tử! Như mặt trăng rằm tròn đầy không khuyết, chư Phật Như Lai cũng như vậy, nhập Đại Niết Bàn không có kém khuyết. Vì thế nên Như Lai nhập Niết Bàn vào đêm rằm.

Nay Thiện Nam Tử! Như đêm rằm, lúc mặt trăng tròn có mười một điều: Một là phá tối tăm; hai là khiến chúng sanh thấy rõ đường sá, ba là khiến chúng sanh thấy đường ngay đường cong; bốn là trừ nóng nực được mát mẻ; năm là phá lòng cao ngạo của lửa đom đóm; sáu là dứt tất cả tướng niệm trộm cướp; bảy là trừ lòng sợ ác thú của chúng sanh; tám là có thể làm cho hoa sen xanh nở; chín là làm cho hoa sen búp

lại; mười là dẫn phát lòng tiến lên của kẻ đi đường; mười một là làm cho chúng sanh thích ngũ dục được nhiều khoái lạc.

Như Lai cũng như vậy: Một là phá hoại vô minh; hai là diễn thuyết chánh pháp, tà pháp; ba là chỉ bày sanh tử là tà hiểm, Niết bàn là bằng phẳng; bốn là làm cho người xa lìa phiền não tham, sân si; năm là phá hoại ánh sáng của ngoại đạo; sáu là phá hoại giặc kiết sử; bảy là trừ tâm lo sợ ngũ cái; tám là làm nẩy nở lòng vun trồng căn lành của chúng sanh; chín là che trùm tâm ngũ dục của chúng sanh; mười là phát khởi hạnh tiến tu công hạnh Đại Niết Bàn cho chúng sanh; mười một là làm cho chúng sanh thích tu hạnh giải thoát.

Do đây nên ta nhập Đại Niết Bàn vào ngày rằm. Dầu vậy, nhưng thật ra ta chẳng có nhập Đại Niết Bàn. Trong hàng đệ tử của ta, những kẻ ngu si, kẻ ác cho rằng Như Lai quyết định nhập Niết Bàn.

Như bà mẹ kia có đông con. Một hôm bà mẹ bỏ đi đến nước khác, trong thời gian chưa trở về, các con đều nói rằng mẹ đã

chết mất, nhưng thật ra bà mẹ này không chết.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Hạng Tỳ Kheo nào có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ này?

_ Đây Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo nào thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, văn nghĩa đúng, thông đạt thâm nghĩa, giải thuyết cho mọi người, chỗ thuyết pháp trước sau giữa đều lành hay, vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh mà diễn thuyết phạm hạnh. Tỳ Kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn! Như chỗ tôi hiểu nghĩa của Đức Phật vừa dạy, thời Tỳ Kheo A Nan chính là người trang nghiêm vậy. Vì A Nan thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, vì đại chúng mà khai thị diễn thuyết, lời cùng nghĩa đều chơn chánh.

Như đem nước rót vào bình, A Nan cũng như vậy, đúng như chỗ đã nghe nơi đức Phật đem diễn thuyết lại cho mọi người.

_ Đây Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo được thiên nhãn thanh tịnh, thấy đại thiên

thế giới ở mười phương như thấy trái am ma lạc trong bàn tay, Tỳ Kheo này cũng có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo A Nâu Lô Đà chính là người trang nghiêm, vì A Nâu Lô Đà có thiên nhãn thấy rõ đại thiên thế giới, tất cả những loài những vật cho đến thân trung âm đều thấy rõ ràng không chướng ngại.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo thiếu dục tri túc, tâm thích tịch tịnh, siêng tu tinh tấn chánh niệm, chánh định, chánh huệ, giải thoát, Tỳ Kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Ca Diếp chính là người trang nghiêm, vì Đại Ca Diếp khéo tu những công hạnh thiếu dục tri túc v.v...

_ Này Thiện Nam Tử! Nếu Tỳ Kheo vì lợi ích chúng sanh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt vô tránh tam muội, thánh hạnh, không hạnh, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo

Tu Bồ Đề chính là người trang nghiêm. Vì Tu Bồ Đề khéo tu tập hạnh vô tránh, thánh hạnh, không hạnh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo khéo tu tập thân thông, trong khoảng một niệm có thể hiện các thứ thân thông biến hóa, một tâm một định có thể hiện làm hai thứ là nước với lửa, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Mục Kiền Liên chính là người trang nghiêm. Vì Đại Mục Kiền Liên khéo tu thân thông biến hóa vô lượng.

_ Này Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo tu tập đại trí, lợi trí, tập trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí, thành tựu đầy đủ trí huệ như vậy, tâm bình đẳng đối với người thân kẻ thù nghe đức Như Lai nhập Niết Bàn chẳng lo buồn, nếu nghe Như Lai thường trụ chẳng nhập Niết Bàn cũng chẳng mừng rỡ, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo

Xá Lợi Phất chính là người trang nghiêm. Vì Xá Lợi Phất khéo thành tựu đầy đủ đại trí huệ như vậy.

_ Nay Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo có thể nói chúng sanh đều có Phật tánh, được thân Kim Cang không có ngăn mé, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại được tám môn tự tại. Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thời chỉ có đức Như Lai mới là người trang nghiêm. Vì thân Như Lai là thân Kim Cang không ngăn mé, là thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại đủ tám môn tự tại.

Bạch Thế Tôn! Chỉ có đức Như Lai mới có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ, nếu không đức Như Lai thời chẳng trang nghiêm. Ngưỡng mong đáng Đại Từ Bi vì trang nghiêm mà thường ở trong rừng Ta La này.

_ Nay Thiện Nam Tử! Tất cả các pháp tánh vốn trụ nơi vô trụ, sao ông lại cầu mong đức Như Lai trụ.

Này Thiện Nam Tử! Phàm nói rằng trụ đó

thời gọi là sắc pháp từ nơi nhân duyên mà sanh, nên gọi là trụ. Nhân duyên không nơi chỗ nên gọi là vô trụ.

Đức Như Lai đã dứt tất cả sự ràng buộc của sắc, sao lại nói rằng Như Lai trụ? Như sắc pháp, thọ tướng hành thức cũng vậy.

Này Thiện Nam Tử! Trụ gọi là kiêu mạn, vì kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, vì chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn? Từ chỗ nào mà đến? Do đây nên được gọi là trụ nơi vô trụ.

Đức Như Lai đã dứt tất cả kiêu mạn, sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ?

Trụ đó gọi là pháp hữu vi, đức Như lai đã dứt pháp hữu vi, nên là chẳng trụ.

Trụ đó gọi là pháp không, Đức Như Lai đã dứt pháp không như vậy nên được thường, lạc, ngã, tịnh. Tại sao nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ?

Trụ đó gọi là hai mươi lăm cõi. Đức Như lai đã dứt hai mươi lăm cõi. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ?

Trụ đó chính là tất cả phàm phu. Các bậc thánh nhân thời không khứ, không lai,

không trụ. Đức Như Lai đã dứt những tướng khứ, lai, trụ. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ?

Luận về vô trụ gọi là vô biên thân. Vì thân vô biên nên chớ nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ nơi rừng Ta La. Nếu trụ nơi rừng này thì là hữu biên. Nếu là thân hữu biên thì là vô thường. Đức Như Lai là thường, sao lại nói rằng trụ?

_ Luận về vô trụ gọi là hư không, tánh của Như Lai đồng với hư không, sao lại nói rằng trụ?

Lại vô trụ gọi là Kim Cang Tam Muội. Kim Cang Tam Muội phá hoại tất cả trụ. Kim Cang Tam Muội chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ?

Lại vô trụ gọi là huyễn, Như Lai đồng huyễn, sao lại nói rằng trụ?

Lại vô trụ gọi là vô chung, vô thi, tánh Như Lai không có thi chung, sao lại gọi rằng trụ.

Lại vô trụ là pháp giới vô biên, pháp giới vô biên chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ?

Lại vô trụ gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Tam muội này biết tất cả pháp mà không chấp trước, vì không chấp trước nên gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Đức Như Lai đầy đủ chánh định Thủ Lăng Nghiêm, sao lại gọi rằng trụ?

Lại vô trụ gọi xứ phi xứ trí lực. Đức Như Lai thành tựu trí lực này, sao lại gọi rằng trụ?

Lại vô trụ gọi là Đàn Ba La Mật. Nếu Đàn Ba La Mật mà có trụ thời chẳng đến được Thi La Ba La Mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật, do nghĩa này nên Đàn Ba La Mật gọi là vô trụ. Đức Như Lai chẳng trụ Đàn Ba La Mật nhẫn đến chẳng trụ Bát Nhã Ba La Mật, sao lại nguyện rằng đức Như Lai thường trụ nơi rừng Ta La.

Lại vô trụ gọi là tu pháp Tứ Niệm Xứ. Nếu đức Như Lai trụ nơi pháp Tứ Niệm Xứ, thời không thể được Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là trụ nơi chẳng trụ.

Lại vô trụ gọi là chúng sanh giới vô biên. Đức Như Lai đã đến tột ngàn mé vô biên của tất cả chúng sanh giới mà không chỗ trụ.

Lại vô trụ gọi là không nhà cửa, không nhà cửa gọi là không chỗ có, không chỗ có gọi là vô sanh, vô sanh gọi là vô diệt, vô diệt gọi là vô tướng, vô tướng gọi là không hệ phước, không hệ phước gọi là không chấp trước, không chấp trước gọi là vô lậu, vô lậu chính là thiện, thiện chính là vô vi, vô vi chính là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn chính là thường, thường chính là ngã, ngã chính là tịnh, tịnh chính là lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh chính là Như Lai.

Này Thiện Nam Tử! Như hư không chẳng trụ mười phương, đức Như Lai cũng như vậy chẳng trụ mười phương.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có ai nói rằng thân, khẩu, ý ác mà được quả lành thì là không đúng. Thân, khẩu, ý lành mà được quả ác cũng là không đúng.

Nếu nói phạm phu được thấy Phật tánh còn Thập Trụ Bồ Tát chẳng được thấy, lời nói này không đúng.

Nếu nói hạng Nhứt Xiển Đề phạm tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Đại Thừa phá bốn giới trọng mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời

nói này cũng không đúng.

Nếu nói lục trụ Bồ Tát do phiền não mà đọa ba ác đạo, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói Đại Bồ Tát dùng thân người nữ thật mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói Nhứt Xiển Đề là thường còn, Tam Bảo là vô thường, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói đức Như Lai trụ nơi thành Câu Thi Na, là vô thường, lời nói này cũng không đúng.

Này Thiện Nam Tử! Nay đức Như Lai ở nơi thành Câu thi Na này nhập Đại Tam Muội, vào trong hang thiên định thậm thâm. Vì chúng sanh chẳng thấy Như Lai nên gọi là Đại Niết Bàn.

_ Bạch Thế Tôn! Đức Như lai có chi vào nơi hang thiên định?

Này Thiện Nam Tử! Vì muốn độ thoát Chúng sanh: Người chưa gieo trồng căn lành làm cho được gieo trồng. Người đã gieo trồng căn lành nay được tăng trưởng. Người quả lành chưa thành thực làm cho

được thành thực. Đức Như Lai vì người căn lành đã thành thực mà nói thu hướng Vô Thượng Bồ Đề. Làm cho người khinh tiện pháp lành sanh lòng tôn trọng. Làm cho những kẻ phóng dật rời bỏ sự phóng dật. Vì cùng Văn Thù Sư Lợi các vị Đại Bồ Tát luận bàn diệu nghĩa. Vì muốn giáo hóa người thích đọc tụng làm cho ưa thích thiền định. Vì đem thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh giáo hóa chúng sanh. Vì quan sát pháp tạng bất cộng thậm thâm. Vì muốn quở trách hàng đệ tử phóng dật. Đức Như Lai thường tịch tịnh mà còn ưa chuộng thiền định, huống là các ông chưa dứt hết phiền não mà sanh lòng phóng dật. Vì muốn quở trách các Tỳ Kheo ác nhận tám thứ vật bất tịnh, mà chẳng biết thiếu dục, chẳng biết tri túc. Vì khiến chúng sanh tôn trọng pháp thiền định đã nghe. Do những nhân duyên trên đây nên đức Như Lai vào hàng thiền định.

Bạch Thế Tôn! Chánh định vô tướng gọi là Đại Niết Bàn, nên Đại Niết bàn gọi là vô tướng. Do nhân duyên gì gọi là vô tướng?

_ Nay Thiện Nam Tử! Vì không có mười

tướng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, sanh, trụ, hoại, nam, nữ, đây gọi là mười tướng. Vì không mười tướng như vậy nên gọi là vô tướng.

Này Thiện Nam Tử! Luận về người chấp tướng thời hay sanh ra si, vì si mà sanh ái, vì ái nên ràng buộc, vì ràng buộc nên thọ sanh, vì sanh nên có tử, vì tử nên là vô thường. Người chẳng chấp tướng thời chẳng sanh si, vì không si nên không ái, vì không ái nên không ràng buộc, vì không ràng buộc nên chẳng thọ sanh, vì chẳng thọ sanh nên không có tử, vì không có tử nên gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết Bàn gọi là thường.

_ Bạch Thế Tôn! Tỳ Kheo nào có thể dứt được mười tướng?

_ Này Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo luôn luôn tu tập ba tướng này thời dứt được mười tướng: Luôn luôn tu tập tướng tam muội chánh định, luôn luôn tu tập tướng trí huệ, luôn luôn tu tập tướng xả.

_ Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng chánh định, tướng trí huệ và tướng xả?

Chánh định là tam muội, tất cả chúng sanh đều có tam muội, tại sao nay mới nói rằng tu tập tam muội?

Nếu tâm duyên ở một cảnh thời gọi là tam muội, nếu lại duyên cảnh khác thời chẳng gọi là tam muội. Nếu như chẳng định thời chẳng phải là nhứt thiết trí, chẳng phải là nhứt thiết trí sao lại gọi là định? Nếu do một hạnh mà được tam muội, những hạnh khác thời chẳng phải là tam muội, nếu chẳng phải là tam muội, thời chẳng phải là nhứt thiết trí, nếu chẳng phải nhứt thiết trí sao lại gọi rằng tam muội? Tướng trí huệ và tướng xả cũng như vậy.

_ Nay Thiện Nam Tử! Như lời ông nói duyên nơi một cảnh được gọi là tam muội, nếu duyên các cảnh khác chẳng gọi là tam muội, lời nói này không đúng nghĩa. Vì duyên những cảnh khác như vậy cũng vẫn là một cảnh. Do một hạnh cùng những hạnh khác cũng như vậy.

Ông lại nói chúng sanh trước đã có tam muội chẳng cần tu tập, lời này cũng chẳng phải. Vì nói tam muội đây, là nói thiện tam

muội, thật ra tất cả chúng sanh chưa có sao lại nói rằng chẳng cần tu tập? Do trụ trong thiện tam muội như vậy mà quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng thiện trí huệ. Chẳng thấy tướng tam muội cùng tướng trí huệ sai khác nhau thời gọi là tướng xả.

Lại này Thiện Nam Tử! Nếu chấp tướng sắc, không thể quan sát tướng thường tướng vô thường của sắc thời gọi là tam muội. Nếu có thể quan sát tướng thường và tướng vô thường của sắc thời gọi là tướng trí huệ. Tam muội cùng trí huệ đồng quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng xả.

Này Thiện Nam Tử! Như người đánh xe bốn ngựa giỏi, điều khiển chậm mau phải lúc. Bồ Tát cũng như vậy, nếu tam muội nhiều thời tu tập trí huệ, nếu trí huệ nhiều thời tu tập tam muội. Tam muội cùng trí huệ đồng nhau thời gọi là xả.

Này Thiện Nam Tử! Thanh Văn và Duyên Giác sức tam muội nhiều sức trí huệ ít, do đây nên chẳng thấy Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát sức trí huệ nhiều sức tam muội ít, nên thấy Phật tánh chẳng rõ ràng. Chư Phật

Thế Tôn vì tam muội cùng trí huệ đồng, nên thấy Phật tánh rõ ràng không chướng ngại như xem trái am ma lạc trong bàn tay. Thấy Phật tánh gọi đó là tướng xả.

Này Thiện Nam Tử! Xa ma tha gọi là hay dứt trừ, vì hay dứt trừ tất cả phiền não. Lại xa ma tha gọi là hay điều phục, vì hay điều phục những căn ác chẳng lành. Lại xa ma tha gọi là tịch tịnh, vì có thể làm cho thân, khẩu, ý đều tịch tịnh. Lại xa ma tha gọi là viễn ly, vì có thể làm cho chúng sanh xa lìa ngũ dục. Lại xa ma tha gọi là hay lóng trong, vì hay lóng trong ba pháp như đục tham dục, sân khuể, ngu si. Do những nghĩa này nên gọi là tướng chánh định.

Tỳ Bà Xá Na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, năng kiến, biến kiến, thứ đệ kiến, biệt tướng kiến, đây gọi là trí huệ.

Ưu Tát Xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là vô tránh, vô quán, vô hành, đây gọi là xả.

Này Thiện Nam Tử! Có hai thứ Xa Ma Tha: Thế gian và xuất thế gian.

Lại có hai thứ: Chẳng thành tựu và thành tựu. Chẳng thành tựu là nói Thanh Văn

cùng Bích Chi Phật. Thành tựu là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có ba thứ: Hạ, trung, và thượng. Hạ là nói hàng phàm phu. Trung là nói Thanh Văn và Duyên Giác. Thượng là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có bốn thứ: Một là thối, hai là trụ, ba là tấn, bốn là có thể lợi ích lớn.

Lại có năm thứ chính là năm trí tam muội: Một là vô thực tam muội, hai là vô quá tam muội, ba là thân ý thanh tịnh nhứt tâm tam muội, bốn là nhân quả câu lạc tam muội, năm là thường niệm tam muội.

Lại có sáu thứ: Một là quán cốt tam muội, hai là từ tam muội, ba là quán thập nhị nhân duyên tam muội, bốn là xuất tức nhập tức tam muội, năm là chánh niệm giác quán tam muội, sáu là quán sanh trụ dị diệt tam muội.

Lại có bảy thứ chính là bảy giác chi: Một là niệm xứ giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là tinh tấn giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là trừ giác chi, sáu là định giác

chi, bảy là xả giác chi.

Lại có bảy thứ: Một là Tu Đà Hoàn tam muội, hai là Tư Đà Hàm tam muội, ba là A Na Hàm tam muội, bốn là A La Hán tam muội, năm là Bích Chi Phật tam muội, sáu là Bồ Tát tam muội, bảy là Như Lai giác tri tam muội.

Lại có tám thứ: Chính là tám môn giải thoát tam muội: Một là trong có sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, hai là trong không sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, ba là tịnh giải thoát thân chứng tam muội, bốn là không xứ giải thoát tam muội, năm là thức xứ giải thoát tam muội, sáu là vô sở hữu xứ giải thoát tam muội, bảy là phi hữu tướng phi vô tướng xứ giải thoát tam muội, tám là diệt tận định xứ giải thoát tam muội.

Lại có chín thứ chính là cửu thứ đệ định: Tứ thiên, tứ không và diệt tận định tam muội.

Lại có mười thứ chính là mười nhưt thiết xứ tam muội: Một là địa nhưt thiết xứ tam muội, hai là thủy nhưt thiết xứ tam muội, ba là phong nhưt thiết xứ tam muội, bốn là

thanh nhứt thiết xứ tam muội, năm là huỳnh nhứt thiết xứ tam muội, sáu là xích nhứt thiết xứ tam muội, bảy là bạch nhứt thiết xứ tam muội, tám là không nhứt thiết xứ tam muội, chín là thức nhứt thiết xứ tam muội, mười là vô sở hữu nhứt thiết xứ tam muội. Lại có vô số thứ chính là chư Phật và Bồ Tát. Đây gọi là tướng tam muội.

Này Thiện Nam Tử! Huệ có hai thứ: Thế gian và xuất thế gian. Lại có ba thứ: Bát Nhã, Tỳ Bà Xá Na và Xà Na. Bát Nhã gọi là tất cả chúng sanh. Tỳ Bà Xá Na là tất cả thánh nhân. Xà Na là chư Phật và Bồ Tát. Lại Bát Nhã gọi là biệt tướng, Tỳ Bà Xá Na gọi là tổng tướng, Xà Na gọi là phá tướng.

Lại có bốn thứ huệ, chính là quán tứ chơn đế.

Này Thiện Nam Tử! Vì ba việc mà tu Xa Ma Tha: Một là vì chẳng phóng dật, hai là vì trang nghiêm đại trí, ba là vì được tự tại.

Lại vì ba việc mà tu Tỳ Bà Xá Na: Một là vì quán quả báo ác của sanh tử, hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành, ba là vì phá tất cả phiền não.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: “Thế Tôn! Như trong kinh nói nếu Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não có gì lại tu tập Xa Ma Tha?”

Phật nói: Này Thiện Nam Tử! Ông nói Tỳ Bà Xá Na phá phiền não, lời này không đúng. Vì lúc có trí huệ thời không phiền não, lúc có phiền não thời không trí huệ. Sao lại nói rằng Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não?

Ví như lúc sáng thời không tối, lúc tối thời không sáng. Nếu nói rằng sáng có thể phá tối, thời không đúng.

Này Thiện Nam Tử! Ai có trí huệ? Ai có phiền não? Sao lại nói rằng trí huệ có thể phá phiền não. Nếu phiền não là không thời không chỗ phá.

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói trí huệ có thể phá phiền não, là đến mà phá, hay chẳng đến mà phá? Nếu chẳng đến mà phá thời lẽ ra phàm phu cũng phá được. Nếu đến mà phá thời niệm ban đầu lẽ ra đã phá. Nếu niệm ban đầu chẳng phá thời niệm sau cũng chẳng phá. Nếu niệm ban đầu đến bèn đã phá đây thời là chẳng đến. Sao lại nói

rằng trí huệ hay phá phiền não? Nếu nói rằng đến cùng chẳng đến mà có thể phá đó thời không đúng nghĩa.

Lại Tỳ Bà Xá Na phá phiền não đó, là đơn độc có thể phá hay là có bạn mới phá? Nếu đơn độc có thể phá có gì Bồ Tát tu bát chánh đạo? Nếu có bạn mới phá thời nên biết rằng đơn độc chẳng phá được. Nếu đơn độc chẳng phá được thời bạn cũng chẳng phá được. Như một người mù chẳng thấy được màu sắc, dầu dặt cả lũ bạn mù cũng chẳng thấy được. Tỳ Bà Xá Na cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như địa đại tính chất là cứng, hỏa đại tính chất là nóng, thủy đại tính chất là ướt, phong đại tính chất là động. Tính chất cứng của địa đại nhân đến tính chất động của phong đại, chẳng phải nhân duyên làm ra, tánh của nó tự như vậy. Như tính chất của tứ đại, phiền não cũng vậy, tánh của nó là tự phải dứt mất. Nếu là tự dứt mất sao lại nói rằng trí huệ hay dứt. Do nghĩa này nên biết rằng Tỳ Bà Xá Na quyết định chẳng thể phá các phiền não.

Này Thiện Nam Tử! Như chất muối là mặn làm cho vật khác mặn. Chất mật là ngọt làm cho vật khác ngọt, chất nước là ướt làm cho vật khác ướt. Tánh của trí huệ là diệt làm cho các pháp diệt, nghĩa này chẳng đúng. Vì nếu pháp không diệt thì trí huệ làm thế nào diệt được. Nếu nói muối mặn làm cho vật khác mặn, tánh trí huệ là diệt cũng làm cho pháp khác diệt, lời này cũng chẳng đúng. Vì tánh của trí huệ niệm niệm diệt. Nếu niệm niệm diệt thì đâu có thể diệt pháp khác. Do nghĩa này nên biết rằng tánh trí huệ chẳng phá phiền não.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả các pháp có hai thứ diệt: Một là tánh diệt, hai là rốt ráo diệt. Nếu là tánh diệt sao lại nói rằng trí huệ có thể diệt.

Nếu nói trí huệ có thể diệt phiền não như lửa đốt cháy đồ vật, nghĩa này chẳng đúng. Vì như lửa đốt cháy đồ vật thì có tro tàn, trí huệ nếu như vậy thì lẽ ra cũng còn có tàn dư. Như búa chặt cây, chỗ bị chặt có thể thấy được, trí huệ nếu như vậy thì có gì là có thể thấy được?

Trí huệ nếu có thể làm cho phiền não rời lìa đó, thời phiền não kia lẽ ra hiện ra chỗ khác. Như các ngoại đạo rời sáu thành lớn mà hiện đến ở nơi thành Câu Thi Na. Nếu phiền não này chẳng hiện ra nơi khác, thời biết rằng trí huệ chẳng có thể làm cho phiền não rời lìa.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả các pháp nếu tánh nó tự không, thời ai có thể làm cho nó sanh? Ai có thể làm cho nó diệt? Sanh khác diệt khác, không ai tạo tác. Nếu người tu tập chánh định thời được biết được thấy chơn chánh như vậy. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói: Nếu có Tỳ Kheo tu tập chánh định, thời có thể thấy tướng sanh diệt của ngũ âm.

Này Thiện Nam Tử! Nếu chẳng tu tập chánh định, thời việc thế gian còn không thể rõ biết hướng là ở nơi đạo xuất thế.

Nếu người không có chánh định, thời té ngã nơi đất bằng, tâm duyên pháp khác, miệng nói lời khác, tai nghe tiếng khác, ý hiểu nghĩa khác, muốn đọc chữ khác, tay biên văn khác, muốn đi đường khác thân

bước nẻo khác. Nếu người có tu tập tam muội chánh định thời được lợi ích lớn nhận đến được vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát đầy đủ hai pháp thời có lợi ích lớn: Một là định, hai là trí.

Này Thiện Nam Tử! Như cắt cỏ ống nếu kéo mạnh quá thời đứt. Đại Bồ Tát tu tập hai pháp này cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như nhổ cây cứng, trước dùng tay lay động, lúc sau nhổ lên dễ. Bồ Tát cũng như vậy, trước dùng định để động, rồi sau dùng trí để nhổ.

Này thiện nam tử! Như giặt y dơ, trước dùng nước tro, sau dùng nước trong, thời y được sạch sẽ. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như trước đọc tụng rồi sau hiểu nghĩa. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như người dùng kiếm trước dùng khôi giáp đao trượng để tự vệ trang, rồi sau ra trận có thể phá tan quân địch. Định huệ của Đại Bồ Tát cũng như vậy.

Như người thợ dùng kèm cùng khuôn để

gấp và đựng vàng tự tại theo ý muốn: Khuấy trộn đốt cháy. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Ví như gương sáng chói rõ mặt mắt. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như trước dọn đất rồi sau mới gieo giống, trước theo thầy học rồi sau mới suy nghĩ nghĩa lý. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Do những nghĩa trên đây, nên Đại Bồ Tát tu tập hai pháp này thời được lợi ích rất lớn.

Đại Bồ Tát tu tập hai pháp định huệ này, điều nhiếp năm căn, kham nhẫn các sự khổ: Đói, khát, lạnh, nóng, đánh đập, mắng nhục, thú dữ cắn, muỗi mòng chích, thường nhiếp tâm mình chẳng cho phóng dật, chẳng vì lợi dưỡng mà làm việc phi pháp, khách trần phiền não chẳng nhiễm ô được, chẳng bị những thuyết tà ngoại làm mê lầm, thường có thể xa lìa những ác giác quán, chẳng bao lâu sẽ thành tựu vô thượng Bồ Đề, vì muốn thành tựu lợi ích tất cả chúng sanh.

Đại Bồ Tát tu tập hai pháp định huệ này thời

bốn luồng gió dữ tứ đảo chẳng thể thổi động, như núi Tu Di. Các tà ma dị thuật chẳng thể phỉnh lừa. Thường hưởng thọ sự vui vi diệu thứ nhất. Có thể hiểu nghĩa bí mật rất sâu của Như Lai. Được vui chẳng mừng gặp khổ chẳng buồn. Chư thiên và người đời cung kính tán thán. Thấy rõ sanh tử và chẳng sanh tử. Có thể rõ biết pháp giới pháp tánh pháp thân thường, lạc, ngã, tịnh, đây thời gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Định tướng gọi là không tam muội. Huệ tướng gọi là vô nguyện tam muội. Xả tướng gọi là vô tướng tam muội.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có Đại Bồ Tát biết rành thời gian định, thời gian huệ, thời gian xả, và biết phi thời, đây gọi là Đại Bồ Tát thật hành đạo Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát biết thời cùng phi thời?

_Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát vì hưởng thọ sự vui mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì thuyết pháp mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì tinh tấn mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì

hiếu nghĩa vẫn đáp giỏi mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì gần bạn ác mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì bố thí nhiều mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì có công đức lành thế gian mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì được người giàu sang cung kính mà sanh lòng kiêu mạn, nên biết những lúc như vậy chẳng nên tu tập trí huệ, mà phải tu tập chánh định, đây gọi là Bồ Tát biết thời cùng phi thời.

Nếu có Bồ Tát tinh tấn tu hành chưa được quả Niết Bàn an lạc, vì chẳng được mà sanh lòng hối hận, vì độn căn nên chẳng điều phục được ngũ căn, vì thế lực phiền não thanh, vì tự nghi giới luật có kém tổn, nên biết rằng lúc như vậy chẳng nên tu chánh định, mà phải tu tập trí huệ, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát hai pháp định huệ chẳng bình đẳng, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, lúc định huệ bình đẳng thời nên tu hạnh xả, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát lúc tu tập định huệ nếu có

phiền não khởi lên, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, mà phải đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm Thiên, niệm thí xả, đây gọi là tu xả.

Nếu có Bồ Tát tu tập ba pháp tướng như vậy, do nhân duyên này được vô tướng Niết Bàn.

_ Bạch Thế Tôn! Vì không mười tướng gọi là Đại Niết Bàn là vô tướng. Lại do nhân duyên gì gọi là vô sanh, vô xuất, vô tác, là nhà cửa, còn bãi, chỗ về, là an ổn, diệt độ Niết Bàn, tịch tịnh không các bệnh khổ, là không chỗ có?

_ Nay Thiện Nam Tử! Vì không nhân duyên nên gọi là vô sanh, vì vô sanh nên gọi là vô xuất. Vì không tạo nghiệp nên gọi là vô tác. Vì chẳng vào năm thứ tà kiến nên gọi là nhà cửa. Vì rời lìa bốn dòng nước mạnh nên gọi là còn bãi. Vì điều phục chúng sanh nên gọi là quy y. Vì phá hoại giấc phiền não nên gọi là an ổn. Vì lìa kiết sử tất nên gọi là diệt độ. Vì lìa giác quán

nên gọi là Niết Bàn. Vì xa ồn náo nên gọi là tịch tịnh. Vì dứt hẳn sanh tử nên gọi là không bệnh tử. Vì tất cả không có nên gọi là không chỗ có. Nếu Đại Bồ Tát quan sát như vậy thời được thấy rõ Phật tánh.

_ Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát thành tựu bao nhiêu pháp thấy được vô tướng Niết Bàn như vậy hẳn đến không chỗ có.

_ Nay Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát thành tựu mười pháp thời thấy rõ Niết Bàn vô tướng, hẳn đến không chỗ có:

Một là tín tâm đầy đủ, nghĩa là thâm tín Phật, Pháp, và Tăng là thường trụ, thập phương chư Phật phương tiện thị hiện. Tất cả chúng sanh và Nhứt Xiển Đề đều có Phật tánh. Chẳng tin đức Như Lai là sanh lão bệnh tử và tu khổ hạnh. Chẳng tin Đề Bà Đạt Đa là thật phá Tăng làm thân Phật ra máu. Chẳng tin đức Như Lai rót ráo nhập Niết Bàn, chánh định diệt hết. Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tín tâm.

Hai là đầy đủ tịnh giới: Nếu có Bồ Tát tự nói rằng giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng với người nữ kia hòa hiệp, lúc thấy người nữ

hoặc cùng nhau nói chuyện cợt đùa cười giỡn Bồ Tát như vậy thành dục pháp hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uest chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới.

Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa giỡn cười nhưng cách vách nghe những tiếng vòng vàng chuỗi ngọc của người nữ khua động, trong lòng sanh niệm ái trước, Bồ Tát như vậy, làm thành dục pháp hủy phá giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới tạp uest chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới.

Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa giỡn cười nghe tiếng khua động, nhưng lúc thấy người nam đi theo người nữ, hoặc lúc thấy người nữ đi theo người nam, bèn sanh niệm tham đắm. Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uest, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới.

Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa nghe tiếng khua thấy nam nữ theo nhau, nhưng

lại muốn sanh cõi trời thọ vui ngũ dục. Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có Bồ Tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì giới, chẳng vì Thí La Ba La Mật, chẳng vì chúng sanh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Niết Bàn, chẳng vì Bồ Đề, chẳng vì Thanh Văn và Bích Chi Phật, chỉ vì đệ nhứt nghĩa tối thượng mà hộ trì cấm giới, đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tịnh giới.

Ba là gần gũi thiện tri thức: Nếu có người có thể nói tín, giới, đa văn, bố thí, trí huệ, làm cho mọi người thọ trì thật hành, đây gọi là Bồ Tát thiện tri thức vậy.

Bốn là ưa thích nơi tịch tịnh, nghĩa là thân tâm tịch tịnh quan sát pháp tánh thâm thâm của các pháp.

Năm là tinh tấn: Nghĩa là nhiếp tâm quán bốn chơn đế, giả sử lửa cháy trên đầu cũng chẳng buông bỏ.

Sáu là đầy đủ chánh niệm: Nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm

Thiên, niệm thí xả.

Bảy là nhuyên ngữ: Nghĩa là lời nói chơn thật, lời nói hòa dịu, hỏi thăm trước, nói phải thời, nói chơn chánh.

Tám là hộ pháp: Nghĩa là mền thích chánh pháp, thường ưa diễn thuyết, đọc tụng, biên chép, tư duy ý nghĩa, tuyên dương sâu rộng làm cho chánh pháp được lưu bố, nếu thấy người khác biên chép giải thuyết đọc tụng, tán thán tư duy ý nghĩa, vì sanh sống mà cúng dường y phục, ẩm thực, đồ nằm thuốc men, vì hộ pháp nên chẳng tiếc thân mạng.

Chín là Đại Bồ Tát thấy có bạn đồng học đồng giới thiếu thốn đồ cần dùng, như y phục, thuốc men, đồ uống ăn, phòng nhà v.v..., thời đi khát xin người khác để cung cấp các vị ấy.

Mười là đầy đủ trí huệ: Nghĩa là quan sát nơi đức Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, quan sát hai tướng không và bất không của các pháp, thường cùng vô thường, lạc cùng vô lạc, ngã cùng vô ngã, tịnh cùng bất tịnh, pháp khác

có thể dứt, pháp khác chẳng thể dứt, pháp khác từ duyên sanh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên thành quả, pháp khác chẳng phải duyên thành quả, đây gọi là đầy đủ trí huệ.

Này Thiện Nam Tử! Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ mười pháp, có thể thấy rõ Niết Bàn vô tướng .

_Bạch Thế Tôn! Như trước kia đức Phật bảo Thuần Đà: Nay ông đã được thấy Phật tánh, được Đại Niết Bàn, thành vô thượng Bồ Đề, lời đó nghĩa thế nào?

Bạch Thế Tôn! Như trong kinh nói: “Nếu bố thí cho súc sanh thời được phước báu trăm lần hơn bố thí cho Nhứt Xiển Đề được phước báu ngàn lần hơn, bố thí cho người trì giới được phước báu trăm ngàn lần hơn, bố thí cho người ngoại đạo dứt phiền não được phước báu vô lượng, dâng cúng cho bậc tứ hướng nhĩn đến bậc tứ quả cùng Bích Chi Phật thời được phước báu vô lượng, dâng cúng cho bậc Bất Thối Bồ Tát, bậc Đại Bồ Tát thân rốt sau, chư Phật Thế Tôn, thời được phước báu vô lượng vô biên chẳng thể

ngũ bàn, chẳng thể tính đếm.”

Bạch Thế Tôn! Nếu ông Thuần Đà hưởng thọ vô lượng như vậy, phước báo này vô tận, thời chừng nào ông sẽ được vô thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại có nói nếu có người do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện nghiệp ác, chắc chắn được quả báo: Hoặc hiện đời, hoặc đời kế hoặc đời sau. Nay ông Thuần Đà do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, quyết định được phước báo. Nếu quyết định được phước báo thời thế nào chúng được vô thượng Bồ Đề? Thế nào lại được thấy Phật tánh?

Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói: “Bồ thí cho ba hạng người thời được phước báo vô tận: Một là người bệnh, hai là cha mẹ, ba là chư Phật Như Lai.”

Bạch Thế Tôn! Và lại trong kinh đức Phật bảo A Nan: “Tất cả chúng sanh nếu không có nghiệp cõi dục thời được vô thượng Bồ Đề không có nghiệp cõi sắc cõi vô sắc cũng như vậy.”

Bạch Thế Tôn! Như bài kệ trong kinh pháp cú:

Chẳng phải hư không, trong biển cả.
 Chẳng phải vào núi, trong kẹt đá,
 Tất cả mọi nơi, tất cả chỗ,
 Không chỗ nào thoát khỏi quả báo.

Lại thuở kia A Nậu Lôu Đà bạch Phật:
 Tôi nhớ đời trước nhờ bố thí một bữa ăn mà
 trong muôn kiếp chẳng đọa ác đạo.

Bạch Thế Tôn! Bố thí một bữa ăn còn
 được phước báo như vậy, huống là Thuần
 Đà do tâm kính tin mà cúng dường Phật
 thành tựu đầy đủ Đàn Ba La Mật.

Bạch Thế Tôn! Nếu phước báo lành là vô
 tận, thời hủy báng Đại Thừa phạm tội ngũ
 nghịch phá bốn giới trọng, tội Nhứt Xiển Đề
 thế nào hết được? Nếu chẳng hết được thời
 thế nào có thể được thấy Phật tánh, thành
 vô thượng Bồ Đề?

Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Nay
 Thiện Nam Tử! Chỉ có hai hạng người có
 thể được vô lượng vô biên công đức chẳng
 thể tính đếm chẳng thể tính nói, có thể cạn
 giòng sông sanh tử, hàng phục ma oán, xô
 ngã tràng ma, có thể chuyển pháp luân vô
 thượng: Một là người khéo hỏi, hai là người

khéo đáp.

Này Thiện Nam Tử! Trong mười trí lực của Phật, nghiệp trí lực là rất sâu hơn cả.

Có những chúng sanh ở trong nghiệp duyên lòng khinh dễ chẳng tin, vì độ họ mà Phật nói như vậy: Tất cả nghiệp gây tạo ra, có nghiệp nhẹ, có nghiệp nặng. Hai nghiệp lại đều có hai: Một là quyết định, hai là bất định.

Này Thiện Nam Tử! Hoặc có người cho rằng ác nghiệp không quả, nếu nói ác nghiệp quyết định có quả báo, tại sao Khí Hứ Chiên Đà La mà được sanh lên trời? Ưon Quật Ma La được quả giải thoát? Do đây nên biết tạo nghiệp có quyết định được quả báo và chẳng quyết định được quả báo.

Ta vì trừ tà kiến này, nên trong kinh ta nói rằng tất cả nghiệp tạo ra không nghiệp nào chẳng có quả báo.

Này Thiện Nam Tử! Hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm cho nặng. Chẳng phải tất cả người chỉ có ngu và trí. Do đây nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, dầu chẳng quyết định có quả nhưng

cũng chẳng phải là chẳng có.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả chúng sanh có hai hạng: Người trí và kẻ ngu.

Người trí nhờ sức trí huệ có thể làm cho nghiệp địa ngục rất nặng trở thành quả báo nhẹ hiện đời.

Người ngu si thời hoặc lại làm cho nghiệp nhẹ hiện đời trở thành quả báo nặng nơi địa ngục.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thời chẳng nên cầu phạm hạnh thanh tịnh cùng quả giải thoát.

_ Này Thiện Nam Tử! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả thời chẳng nên cầu phạm hạnh giải thoát. Vì nghiệp bất tịnh nên phải tu phạm hạnh và quả giải thoát.

Này Thiện Nam Tử! Nếu xa lìa được tất cả nghiệp ác thời được quả lành. Nếu xa lìa nghiệp lành thời mang quả báo ác. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cần tu tập thánh đạo, nếu chẳng nên tu thánh đạo thời không được giải thoát. Tất cả thánh nhân sở dĩ tu tập thánh đạo vì để phá hoại định nghiệp thành quả báo nhẹ và

làm cho nghiệp bất định không có quả báo. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cầu tu tập thánh đạo. Nếu ai xa lìa thánh đạo thời không bao giờ được giải thoát. Chẳng được giải thoát thời không được Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Nếu tất cả nghiệp quyết định có ngã, thời một đời tạo nghiệp thuần thiện lẽ ra phải mãi mãi thường hưởng thọ quả an vui. Một đời gây tạo tội ác rất nặng lẽ ra cũng mãi mãi chịu quả khổ lớn. Nếu nghiệp quả như vậy thời không có sự tu thánh đạo cùng giải thoát và Niết Bàn, người làm người thọ: Bà La Môn làm Bà La Môn thọ. Nếu như vậy thời lẽ ra chẳng có giòng hạ tiện người hạ tiện. Người lẽ ra luôn luôn là người, Bà La Môn lẽ ra mãi mãi là Bà La Môn. Lúc nhỏ tạo nghiệp lẽ ra lúc nhỏ thọ báo chẳng nên đến lúc trung niên và lúc già mới thọ. Lúc già tạo nghiệp ác khi sanh vào trong địa ngục, thân địa ngục lúc trẻ lẽ ra chẳng chịu khổ. Nếu lúc già chẳng sát sanh chẳng nên thọ tráng niên được sống còn, nếu thọ tráng

niên chẳng sống còn thời thế nào có tuổi già, vì nghiệp không mất, nếu nghiệp không mất thế nào mà có tu hành thánh đạo đến quả Niết bàn.

Này Thiện Nam Tử! Có hai thứ nghiệp: Định và bất định. Định nghiệp có hai: Báo định và thời định. Hoặc có báo định mà thời gian bất định, lúc duyên hiệp thời thọ báo, hoặc ba thời gian thọ báo nghĩa là đời hiện tại thọ, đời kế thọ, đời sau thọ.

Này Thiện Nam Tử! Nếu định tâm làm những nghiệp lành, nghiệp ác, làm rồi sanh lòng rất tin vui mừng, nếu phát nguyện cúng dường Tam Bảo, đây gọi là định nghiệp.

Này Thiện Nam Tử! Người trí căn lành sâu chắc khó lay động nên có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người ngu si điều bất thiện sâu dày nên có thể làm cho nghiệp nhẹ trở thành quả báo nặng.

Do nghĩa này nên tất cả nghiệp chẳng gọi là quyết định.

Đại Bồ Tát không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà phát nguyện sanh trong địa

ngục.

Này Thiện Nam Tử! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ trăm năm, có hằng sa chúng sanh bị quả báo địa ngục, lúc đó ta thấy như vậy liền phát nguyện thọ thân địa ngục. Nên biết rằng lúc đó Bồ Tát thiết không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà thọ thân địa ngục. Ở trong địa ngục cả vô lượng năm, và vì những người tội mà phân biệt giảng nói mười hai bộ kinh. Những người tội được nghe kinh pháp thoát khỏi quả báo ác làm cho địa ngục trống không, trừ hạng Nhứt Xiển Đề.

Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải nơi đời hiện tại, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác.

Này Thiện Nam Tử! Trong Hiền kiếp này có vô lượng chúng sanh đọa trong loài súc sanh chịu phải nghiệp báo ác. Ta thấy như vậy, vì muốn thuyết pháp độ chúng sanh, nên phát nguyện làm cheo, nai, gấu, khỉ, rồng, voi, kim sí điều, bồ câu, cá, trạch, thỏ, rắn, bò, ngựa.

Này Thiện nam tử! Đại Bồ Tát thiết không có nghiệp súc sanh như vậy, vì nguyện lực

muôn độ chúng sanh, nên hiện thọ thân súc sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp ác như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Trong Hiền kiếp này, lại có vô lượng vô biên chúng sanh đọa trong loài ngựa quý, hoặc ăn đờm dãi, mỡ, thịt, máu, mũ, phần dãi, thọ mạng vô lượng trăm ngàn muôn năm, không bao giờ nghe đến tên nước hướng là con mắt ngó thấy mà được uống.

Giả sử thấy nước đằng xa trong lòng muốn đến để uống, nhưng khi đến gần thời nước biến thành lửa đỏ và máu mủ. Hoặc có lúc nước chẳng biến khác, nhưng lại có nhiều người tay cầm binh khí ngăn cản không cho đến uống. Hoặc có lúc trời mưa, nước mưa rót đến thân họ liền biến thành lửa. Đây gọi là nghiệp báo ác.

Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát thiết không những nghiệp quả ác như vậy, vì hóa độ chúng sanh làm cho được giải thoát, nên phát nguyện thọ những thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời

kê, đòi sau thọ lấy nghiệp quả ác như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Trong Hiền kiếp này, ta từng sanh vào nhà hàng thịt, nuôi gà, nuôi heo, nuôi bò, dê, đi săn bắn, lưới chim, bắt cá, sanh trong nhà Chiên Đà La, làm kẻ cướp, kẻ trộm. Đại Bồ Tát thiết không nghiệp ác như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn thọ những thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp báo ác như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Trong Hiền kiếp này, ta lại sanh vào chốn biên địa, làm nhiều việc tham dục, sân khú², ngu si, quen làm những điều phi pháp, chẳng tin Tam Bảo và quả báo đời sau, chẳng cung kính cha mẹ tôn trưởng. Thiết ra lúc đó Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy. Vì muốn làm cho chúng sanh được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Trong Hiền kiếp này ta lại thọ lấy thân nữ, thân ác, thân tham,

thân sân, thân si, thân tật đố, thân bòn xẻn, thân ảo thuật, thân dối trá, thân đàn độn. Thiệt ra lúc đó Bồ Tát không có những nghiệp như vậy chỉ vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà được thọ sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác như vậy.

Đại Bồ Tát hiện thọ những thân huỳnh môn, không căn, hai căn, và căn bất định cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Trong Hiền kiếp này, ta lại học tập giáo pháp của ngoại đạo Ni Kiền Tử, tin thọ giáo pháp của họ: Không bố thí, không thờ phụng, không báo bố thí thờ phụng, không nghiệp thiện, nghiệp ác, không quả báo thiện ác, không đời hiện tại, không đời vị lai, không đây không kia, không thánh nhân, không thân biến hóa, không đạo Niết Bàn. Thiệt ra Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ học những tà pháp như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải

hiện đời, đời kế, đời sau, thọ những ác nghiệp như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Ta nhớ thuở xưa cùng Đê Bà Đạt Đa đồng làm chủ đoàn con buôn, mỗi người đều có năm trăm khách buôn, đem nhau đến trong biển lớn để tìm lấy châu báu. Vì nghiệp duyên ác nên dọc đường gặp gió to ghe thuyền hư bể, khách buôn đều chết cả. Lúc đó ta cùng Đê Bà Đạt Đa nhờ nghiệp duyên bất sát được quả báo trường thọ, nên gió thổi tấp vào đất liền. Đê Bà Đạt Đa vì tham tiếc của cải châu báu, nên quá sầu khổ mà khóc lóc. Ta bảo Đê Bà Đạt Đa chớ nên kêu khóc. Đê Bà Đạt Đa liền nói với ta rằng: Như có người nghèo cùng khốn khổ, đến trong gò mã tay nắm tử thi mà nói rằng trông mong người bỏ thi sự chết vui cho ta, ta sẽ bỏ thi đời sống nghèo cùng này cho người. Lúc đó tử thi liền ngồi dậy bảo người nghèo cùng rằng: Đời sống nghèo cùng người tự thọ lấy, nay ta rất thích sự chết vui này thiết chẳng ham đời sống nghèo cùng của người.

Đê Bà Đạt Đa nói tiếp: Nhưng ngày nay tôi

đã không được chết vui mà lại gồm cả sự nghèo cùng, bảo tôi chẳng khóc sao được.

Lúc đó ta lại an ủi rằng: Ông chớ sầu khổ, hiện nay tôi còn được hai viên bảo châu giá trị vô lượng, tôi sẽ chia cho ông. Ta liền chia một viên bảo châu cho Đề Bà Đạt Đa, rồi đến nằm ngủ dưới một cội cây.

Vì quá tham lam nên Đề Bà Đạt Đa sanh ác tâm đâm đui hai mắt của ta để cướp lấy viên bảo châu còn lại rồi bỏ đi.

Lúc đó vì quá đau đớn nên ta rên rỉ. Có một cô gái nghe tiếng rên đến gần hỏi ta. Ta liền đem tất cả việc trước thuật lại. Cô gái nghe rồi lại hỏi ta: “Ông danh hiệu là gì?” Ta đáp rằng: “Tôi tên là Thật Ngữ.” Cô gái nói: “Làm thế nào biết được ông là Thật Ngữ.” Ta liền phát thệ rằng: Nếu hiện nay tôi có lòng quấy nói vu cho Đề Bà Đạt Đa, thời cặp mắt tôi phải mù lòa vĩnh viễn, nếu tôi không hư dối thời xin đôi mắt sáng lại như cũ. Ta phát thệ vừa xong thời đôi mắt ta bình phục như cũ.

Này Thiện Nam Tử! Đây gọi là Đại Bồ Tát nói về quả báo đời hiện tại.

Này Thiên Nam Tử! Ta nhớ thuở xưa ta sanh trong nhà Bà La Môn nơi thành Phú Đôn Na ở Nam Thiên Trúc. Thuở đó có Quốc Vương tên Ca La Phú tánh tình hung dữ tự cao tự mạn, tuổi trẻ say đắm sắc đẹp ngũ dục.

Vì muốn độ chúng sanh, nên ta ở ngoài thành ngồi yên lặng tham thiền. Lúc đó Quốc Vương cùng với cung nhân thể nữ ra ngoài thành dạo chơi, dừng ở dưới rừng này. Các thể nữ nhân đi chơi giỡn bỏ Quốc Vương mà đến chỗ ta ngồi thiền. Ta liền vì các thể nữ thuyết pháp cho họ bỏ lòng tham dục.

Quốc Vương đi tìm các thể nữ, thấy họ đang ngồi quỳ xung quanh ta. Quốc Vương giận dữ hỏi ta rằng: Nay nhà ngươi đã chứng quả A La Hán chưa? Ta nói chưa chứng. Quốc Vương lại hỏi nhà ngươi đã được quả A Na Hàm chưa? Ta đáp chưa được. Quốc Vương lại nói: “Nay nhà ngươi chưa được hai quả ấy thì là người còn đầy đủ tham dục, tại sao nhà ngươi dám buông lung nhìn ngó các thể nữ của ta?”

Ta liền thưa rằng: Đại Vương nên biết cho,

nay tôi dầu chưa dứt phiền não tham dục, nhưng trong tâm tôi thiết không có niệm tham đắm.

Quốc Vương nói: Người ngu si! Trong đời có các tiên nhân khổ hạnh thấy sắc đẹp còn tham, huống là nhà người tuổi còn trai trẻ, chưa dứt tham dục, làm sao thấy sắc đẹp mà chẳng tham đắm?

_Tâu Đại Vương! Người thấy sắc đẹp chẳng tham đắm, thiết chẳng phải do khổ hạnh, mà do nhiếp tâm quán vô thường bất tịnh.

Quốc Vương nói: Nếu khinh khi người khác mà phỉ báng, thời thế nào được gọi là tu trì tịnh giới?

_Tâu Đại Vương! Nếu có tâm đồ kỵ thời có phỉ báng, tôi không tâm đồ kỵ thời đâu có phỉ báng.

Quốc Vương nói: Nay Đại Đức! Thế nào gọi là giới?

_Tâu Đại Vương! Nhẫn nhục gọi là giới.

Quốc Vương nói nếu nhẫn nhục là giới, ta sẽ cắt lỗ tai của nhà người; nếu nhà người nhẫn chịu được thời biết là nhà người trì giới.

Quốc Vương liền cắt hai tai. Ta đầu bị cắt tai, nhưng nhan sắc chẳng biến đổi. Các quan theo vua thấy việc như vậy liền can gián rằng: Bậc đại sĩ như vậy, Đại Vương chẳng nên làm hại.

Quốc Vương càng thêm giận bảo các quan: Tại sao các khanh biết là bậc đại sĩ?

_Tâu Đại Vương! Vì lúc bị cắt hai tai, chúng tôi thấy dung sắc chẳng biến đổi.

Quốc Vương nói: Ta sẽ thí nghiệm coi dung sắc biến đổi hay chẳng biến đổi. Nói xong, Quốc Vương liền theo mũi chặt tay, chặt chân của ta.

Vì Bồ Tát đã trải qua vô lượng vô biên đời tu tập từ bi thương xót chúng sanh, nên không khổ cũng không giận.

Lúc đó Tứ Thiên Vương bất bình liền làm mưa cát mưa đá. Quốc Vương sợ hãi quỳ trước ta mà thưa rằng: Ngưỡng mong xót thương cho tôi sám hối.

Ta nói: Đại Vương! Trong lòng của rôi không sân hận cũng như không tham đắm.

Quốc Vương nói: Này Đại Đức! Làm thế nào biết được rằng tâm Đại Đức không sân

hận?

Ta liền phát thệ: Nếu tôi thiệt không sân hận nguyện cho thân của tôi bình phục như cũ. Phát nguyện vừa xong thân thể của ta liền bình phục.

Đây gọi là Đại Bồ Tát nói quả báo đời hiện tại.

Này Thiện Nam Tử! Nghiệp lành có quả báo đời kế, quả báo đời sau, nghiệp chẳng lành cũng như vậy.

Đại Bồ Tát lúc được vô thượng Bồ Đề, tất cả các nghiệp đều được quả báo hiện tại.

Nghiệp ác chẳng lành mắc lấy quả báo hiện tại như Quốc Vương làm ác bị trời mưa cát mưa đá. Cũng như có người chỉ chõ ở cửa gấu và nai bảo sắc, tay người chỉ liền rụng rớt. Đây gọi là nghiệp ác thọ lấy quả báo trong hiện tại.

Đời kế thọ quả báo, như Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng và tội ngũ nghịch.

Quả báo đời sau, như người trì giới phát nguyện lớn: Nguyện đời vị lai thường được giới thân thanh tịnh như vậy. Như có chúng sanh lúc tuổi thọ trăm năm, tám chục năm,

trong thời kỳ sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương giáo hóa chúng sanh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu là nghiệp quyết định được quả báo trong hiện đời, thời không thể được quả báo đời kế cùng đời sau.

Đại Bồ Tát tu nghiệp nhân ba mươi hai tướng tốt, thời không thể được quả báo trong đời hiện tại. Nếu là nghiệp chẳng thọ lấy ba thứ quả báo như vậy thời gọi là nghiệp bất định.

Này Thiện Nam Tử! Nếu cho rằng những nghiệp nhân quyết định có quả báo, thời chẳng được có sự tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời này chẳng phải là đệ tử của Phật mà chính là quyền thuộc của ma.

Nếu nói rằng các nghiệp có định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp thời có quả báo hiện tại, quả báo đời kế, quả báo đời sau. Bất định nghiệp thời lúc nhân duyên hội hiệp bèn thọ báo, chẳng hội hiệp thời chẳng thọ báo. Do đây nên có tu phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng

người nói lời này thiệt là đệ tử Phật.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả chúng sanh gây tạo nghiệp bất định thời nhiều, tạo định nghiệp thời ít. Vì thế nên có tu tập đạo hạnh. Do tu tập đạo hạnh nên định nghiệp trọng có thể làm cho thọ báo nhẹ, những nghiệp bất định chẳng thọ quả báo đời kế.

Này Thiện Nam Tử! Có hai hạng người: Một là hạng người với nghiệp bất định làm thành quả báo quyết định, quả báo hiện đời làm thành quả báo đời kế, quả báo nhẹ làm thành quả báo nặng, đáng lẽ thọ báo trong loài người mà lại thọ báo ở địa ngục. Hai là hạng người với định nghiệp làm thành bất định nghiệp, đáng lẽ thọ báo đời kế làm cho thọ báo đời hiện tại, báo nặng làm thành báo nhẹ, đáng thọ báo địa ngục làm cho thọ báo nhẹ trong loài người. Hai hạng này: Một là kẻ ngu, một là người trí. Người trí làm thành nhẹ. Người ngu khiến cho nặng.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người mắc tội với nhà vua, người có quyền thuộc đông đảo thời tội tất sẽ nhẹ, người quyền thuộc ít tội nhẹ trở thành nặng. Người trí kẻ ngu si

cũng như vậy: Người trí nhờ nghiệp lành nhiều nên tội trọng mà thọ quả báo nhẹ. Người ngu vì nghiệp lành ít nên tội nhẹ mà thọ quả báo nặng.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người một thời mập mạnh, một thời gầy yếu. Hai người này đều té xuống bùn sâu. Người mập mạnh lên được, người gầy yếu thời lún mất.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người đồng uống thuốc độc. Một người có thần chú và thuốc a đà đà. Một người không có. Người có thần chú và thuốc thời độc chẳng làm hại được. Người không có bị chất độc hại chết.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người đồng uống nước trái cây ép: Một người nhiệt lực thanh, một người suy yếu. Người nhiệt lực nhiều thời tiêu hóa được. Người suy yếu thời bị nước ấy làm thành bịnh.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người bị nhà vua bắt trói: Một người có trí huệ, một người thời ngu si. Người có trí thời có thể được thoát khỏi. Người ngu si thời không có thời kỳ thoát khỏi.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người đồng đi trên đường hiểm trở. Một thời mắt sáng. Một thời mù lòa. Người mắt sáng đi thẳng qua không hại gì. Người mù bị sụp té xuống hố sâu.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người đồng uống rượu. Một thời ăn nhiều. Một thời ăn ít. Người ăn nhiều uống rượu không bị hại. Người ăn ít uống rượu thời thành bệnh.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người đều đối địch với giặc thù. Một người thời võ trang đầy đủ, một người thời tay không. Người có võ trang ắt phá được kẻ thù. Người tay không tất chẳng khỏi bị hại.

Này Thiện Nam Tử! Ví như hai người bị phản nơ vấy vào y phục. Một người vừa biết liền giặt y phục. Một người biết mà chẳng chịu giặt. Người giặt liền đó thời y phục sạch sẽ. Người chẳng chịu giặt thời nơ ứ càng tăng thêm.

Này Thiện Nam Tử! Lại có hai người đều ngồi xe. Một xe có trục có cãm, một xe thời không trục không cãm. Người ngồi xe có

trục có cắm thời tùy ý mà đi. Người ngồi xe không trục không cắm thời không đi đâu được.

Lại có hai người đều đi trên đường hoang vắng. Một người có mang lương thực, một người thời đi không. Người có mang lương thời qua khỏi được con đường hiểm. Người đi không ắt chẳng qua được.

Lại có hai người bị kẻ cướp giựt. Một người có kho báu kín, một người thời không. Người có kho báu kín thời không lo rầu. Người không có kho báu thời sầu khổ.

Kẻ ngu người trí cũng như vậy: Người trí có kho báu lành nên nghiệp nặng mà thọ báo nhẹ. Người không có báu lành thời nghiệp nhẹ phải thọ báo nặng.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Như lời Phật nói chẳng phải là tất cả nghiệp đều thành quả nhưt định cũng chẳng phải tất cả chúng sanh quyết định thọ báo. Bạch Thế Tôn! Chúng sanh làm thế nào khiến quả báo nhẹ hiện tại phải thọ báo nặng ở địa ngục? Làm thế nào khiến quả báo nặng địa ngục trở thành báo nhẹ trong đời hiện tại?

Phật nói: Có hai hạng chúng sanh: Một là trí hai là ngu. Nếu có thể tu tập thân, giới, tâm, huệ, nơi tâm thời gọi là người trí. Nếu chẳng thể tu tập thời gọi là kẻ ngu.

Nếu chẳng thể điều nhiếp năm căn thời gọi là chẳng tu thân. Nếu chẳng thể thọ trì bảy thứ tịnh giới thời gọi là chẳng tu giới. Vì chẳng điều tâm nên gọi là chẳng tu tâm. Chẳng tu tập thánh hạnh thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người chẳng tu giới thời nhận chứa tám thứ vật bất tịnh. Người chẳng tu tâm thời chẳng thể tu tập ba thứ tướng. Người chẳng tu huệ thời chẳng tu tập phạm hạnh.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng thể quán thân, quán sắc, và quán sắc tướng, chẳng quán thân tướng, chẳng biết thân số, chẳng biết thân này từ đây đến kia, ở trong chẳng phải thân mà tưởng là thân, ở trong chẳng phải sắc mà tưởng là sắc, do đây nên tham đắm thân và thân số, đây gọi là chẳng tu thân.

Người chẳng tu giới nếu thọ hạ giới thời chẳng gọi là tu giới, thọ trì biên giới, giới gì tự lợi, giới gì tự điều phục, chẳng thể làm cho khắp chúng sanh được an vui, chẳng phải vì hộ trì chánh pháp vô thượng, vì sanh lên cõi trời hưởng thọ ngũ dục, đây chẳng gọi là tu giới.

Người chẳng tu tâm thời tâm tán loạn không thể chuyên nhứt duyên nơi tự cảnh. Tự cảnh chính là tứ niệm xứ. Cảnh khác là nói ngũ dục. Nếu không thể tu tập tứ niệm xứ thời gọi là chẳng tu tâm.

Ở trong nghiệp ác nếu chẳng khéo giữ gìn tâm niệm thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quan sát thấu đáo thân này là vô thường, là vô trụ, là mỏng manh, là niệm niệm diệt hoại, là cảnh giới của ma.

Người chẳng thể tu giới thời không thể đầy đủ Thi La Ba La Mật. Người chẳng tu tâm thời không thể đầy đủ Thiên Na Ba La Mật. Người chẳng tu huệ thời không thể đầy đủ Bát Nhã Ba La Mật.

Lại người chẳng tu thân thời tham đắm

thân ta và thân sở hữu của ta, cho rằng thân ta thường hằng không có biến đổi. Người chẳng tu giới thời vì tự thân mà tạo mười nghiệp ác. Người chẳng tu tâm thời ở trong nghiệp ác không thể nhiếp tâm. Người chẳng tu huệ do vì không nhiếp tâm nên không phân biệt được những pháp thiện ác.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng dứt ngã kiến. Người chẳng tu giới thời không dứt được giới thủ. Người chẳng tu tâm thời tạo nghiệp tham sân mà phải đọa địa ngục. Người chẳng tu huệ thời không dứt được tâm si.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quán thân, dầu thân không lỗi lầm nhưng nó luôn là kẻ oán thù. Ví như có người bị kẻ thù theo dõi, nếu người này có trí thời cẩn thận giữ gìn, nếu không thận trọng ắt bị kẻ thù làm hại, thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải dùng đồ uống món ăn, đồ lạnh đồ ấm để nuôi dưỡng, nếu chẳng khéo giữ gìn nuôi dưỡng thời nó sẽ tan rã.

Như Bà La Môn kính thờ Lửa, họ thường dâng hương hoa tán thán lễ bái, hạn kỳ phải đủ trăm năm, nếu lúc chạm đến liền đốt cháy tay người. Dầu lửa này được cung kính cúng dường như vậy, nhưng trọn không một niệm báo ân cho người phụng sự. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, dầu trong nhiều năm dùng hương hoa châu ngọc y phục đồ uống ăn đồ nằm, thuốc men tâm bổ mà cung cấp đó, nếu gặp những duyên xấu hoặc trong hoặc ngoài thời liền hoại diệt, nó trọn chẳng nhớ tưởng đến ơn cung cấp ngày trước.

Ví như có Quốc Vương nuôi bốn con rắn độc trong một cái rương, giao phó cho một người bảo phải nuôi nâng săn sóc. Trong bốn con rắn này, nếu một con nổi giận thì có thể giết hại chết người. Người có phận sự săn sóc rắn luôn luôn lo sợ thường tìm món ăn thức uống giữ gìn nuôi nâng. Thân tứ đại của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu một đại nổi giận thì có thể làm cho thân phải hư hoại.

Như người mang bệnh lâu phải nên hết

lòng tìm y sĩ chữa trị, nếu chẳng siêng lo điều trị ắt phải chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải nhứt tâm chẳng nên buông lung, nếu buông lung thời hoại diệt.

Ví như bình đất chưa hầm thời không chịu được gió mưa đập ném dằn dè. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, chẳng chịu được đói khát lạnh nóng, gió mưa đánh đập mắng nhiếc.

Như mụn nhọt chưa muối phải thường giữ gìn chớ cho người chạm đến, nếu để đụng chạm thời đau đớn lắm. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con la mang thai nghén thời tự hại lấy thân nó. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu trong thân có phong lãnh thời thân phải bị hại.

Ví như cây chuối trở buồng thời phải khô chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như cây chuối không có lõi cứng. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như rắn, chuột, chó sói, mỗi con thường

sanh lòng oán hại lẫn nhau. Tứ đại của chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con ngỗng chúa chẳng thích gò mả. Bồ Tát cũng như vậy, đối với thân thể cũng chẳng ưa thích.

Như giòng Chiên Đà La bảy đời nối nhau chẳng bỏ nghiệp hèn, đo đây nên bị người khinh tiện. Chúng tử của thân này cũng như vậy, tinh huyết hôi tanh hoàn toàn bất tịnh. Vì bất tịnh nên chư Phật và Bồ Tát quả khinh. Thân này chẳng phải như núi Ma La Da mọc cây Chiên đàn, cũng chẳng thể sanh hoa Ưu Bát La, hoa Phân Đà Lợi, hoa Chiêm Bà, hoa Ma Lợi Ca, hoa Bà Su Ca. Chín lỗ của nó thường chảy ra máu mủ bất tịnh, chỗ nó sanh hôi dơ xấu xa đáng gớm, nó thường cùng các loài trùng đồng ở một chỗ.

Ví như trong đời dầu có vườn rừng thanh tịnh xinh đẹp, nhưng trong nhà chứa tử thi thối là bất tịnh, mọi người đều lìa bỏ chẳng ưa thích. Cõi sắc cũng như vậy, dầu là thanh tịnh tốt đẹp, nhưng vì có thân nên bị chư Phật cùng Bồ Tát lìa bỏ đó.

Này Thiện Nam Tử! Nếu người chẳng thể quan sát như vậy thời chẳng thể gọi là tu thân.

Này Thiện Nam Tử! Nếu chẳng thể quan sát giới luật là thân thang của tất cả pháp lành, cũng là cội gốc của tất cả pháp lành, như mặt đất là chỗ dựa nương của tất cả cây cối, là đạo thủ của các thiện căn, như thương chủ dẫn dắt đoàn người buôn. Giới là thắng tràng của tất cả pháp lành như thắng tràng của Thiên Đế Thích dựng. Giới có thể dứt hẳn tất cả nghiệp ác và ba ác đạo, có thể trị lành những bệnh dữ như dược thọ. Giới là tư lương trên con đường hiểm sanh tử. Giới là giáp trượng đánh dẹp những giặc phiền não hung ác. Giới là thần chú hay diệt rắn độc kiết sử. Giới là cây cầu đi qua khỏi nghiệp ác. Nếu chẳng thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Nếu không thể quan sát tâm niệm động chuyển lăng xăng, khó nắm lấy khó điều phục, lung chạy như voi dữ, nệm niệm mau chóng như chớp nhoáng, nhảy nhót chẳng dừng như khí vượn, như huyễn, như dương

diệm, tâm niệm này là cội gốc của tất cả điều ác, ngũ dục khó vừa lòng như lửa thêm củi, như biển cả nuốt hết các giòng sông, như núi Mạn Đà cỏ cây quá nhiều, chẳng thể thấy biết sanh tử hư vọng, mê lầm say đắm đến nổi thành bệnh, như cá nuốt lưỡi câu. Thường đi trước dẫn theo những tội nghiệp như con bói mấu dắt đàn con. Tham đắm ngũ dục chẳng thích Niết Bàn, như lạc đà ăn mật nhãn đến chết chẳng đoái cở non. Quá tham đắm sự vui hiện tại chẳng nhìn đến lỗi lầm ngày sau, như bò tham ăn lúa mạ chẳng sợ roi gậy. Chạy khắp hai mươi lăm cõi, như gió mạnh thổi bông nâu la. Chỗ chẳng đáng tìm cầu mà cầu đó không nhàm đủ như người vô trí cầu lửa không nóng. Thường thích sanh tử chẳng ưa giải thoát, như trùng nhiệm bà thích cây nhiệm bà. Mê lầm tham đắm sanh tử hôi nhơ, như kẻ ngục tù thích cai ngục tốt, cũng như heo trong chuồng ưa chỗ bất tịnh. Nếu có người không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Người chẳng tu huệ, chẳng quan sát trí

huệ có thể lực lớn, như kim sí điều có thể hoại nghiệp ác, như ánh sáng mặt trời phá tan tối tăm, trí tuệ có thể nhỏ cây ngũ âm như nước đẩy trôi đồ vật, đốt cháy tà kiến như lửa hừng trí tuệ là cội gốc của tất cả pháp lành, là chủng tử của Phật và Bồ Tát. Nếu không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu trí tuệ.

Này Thiện Nam Tử! Trong đệ nhứt nghĩa, nếu thấy thân, thân tướng, thân nhân, thân quả, nhiều thân, thân một, thân hai, thân đây, thân kia, thân diệt, thân bình đẳng, thân tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu thân.

Này Thiện Nam Tử! Nếu thấy giới, giới tướng, giới nhân, giới quả, giới thượng, giới hạ, giới tự, giới một, giới hai, giới đây, giới kia, giới diệt, giới bình đẳng, giới tu, người tu, giới Ba La Mật, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Này Thiện Nam Tử! Nếu thấy tâm, tâm tướng, tâm nhân, tâm quả, tâm tu, tâm vương, tâm sở, tâm một, tâm hai, tâm đây, tâm kia, tâm diệt, tâm bình đẳng, tâm tu,

người tu, tâm thượng trung hạ, tâm thiện, tâm ác, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Này Thiện Nam Tử! Nếu thấy huệ, huệ tướng, huệ nhân, huệ quả, huệ tu, huệ một, huệ hai, huệ đây, huệ kia, huệ diệt, huệ bình đẳng, huệ thượng trung hạ, huệ lợi, huệ độn, huệ tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu huệ.

Này Thiện Nam Tử! Nếu chẳng tu thân giới tâm huệ, những người như vậy ở nơi nghiệp ác nhỏ mà mắc phải quả báo lớn. Do vì khùng bô nên thường nghĩ rằng: Tôi thuộc người địa ngục làm hạnh địa ngục. Dầu nghe người trí nói khổ, địa ngục, thường nghĩ rằng như sắt đập sắt, như đá trở lại đập đá, như gỗ tự đập gỗ, như vi trùng lửa thích lửa, thân địa ngục trở lại giống địa ngục, nếu giống địa ngục thời có gì là khổ.

Ví như con lặn xanh bị dính nơi nước miếng chẳng thể bay được, người này cũng vậy ở trong tội nhỏ không thể thoát khỏi, trọn không lòng ăn năn, chẳng thể tu pháp

lành, che giấu tội lỗi, dầu có tất cả nghiệp lành thưở quá khứ, nhưng đều bị tội này làm cấu nhơ, người này có báo nhẹ đáng lẽ hiện đời thọ lấy mà trở lại thành quả báo rất nặng nơi địa ngục.

Như trong chậu nước nhỏ đổ vào một thặng muối, nước đó mặn, chát khó uống được, tội nghiệp của người này cũng như vậy.

Ví như có người mắc nợ một tiền chẳng trả được nên thân bị trói buộc chịu nhiều sự khổ, tội nghiệp của người này cũng như vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Có gì người này làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành quả địa ngục ?

Phật nói: Nay Thiên Nam Tử! Tất cả chúng sanh nếu đủ năm việc thời làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành quả địa ngục: Một là vì ngu si, hai là vì căn lành kém ít, ba là vì ác nghiệp sâu nặng, bốn là vì chẳng sám hối, năm là vì chẳng tu nghiệp lành hiện đang tu tập.

Lại có năm việc: Một là vì tu tập nghiệp ác, hai là vì không giới đức, ba là vì xa lìa

căn lành, bốn là vì chẳng tu thân giới tâm huệ, năm là vì gần gũi bạn ác.

Này Thiện nam Tử! Do vì đủ những việc trên đây, nên chúng sanh làm cho quả báo nhẹ hiện đời thành quả báo địa ngục.

_Bạch Thế Tôn! Những người nào có thể chuyển báo địa ngục thành quả báo nhẹ hiện đời?

_Này Thiện Nam Tử! Nếu có người tu tập thân giới tâm huệ như đã nói ở trên, có thể thấy các pháp đồng với hư không, chẳng thấy trí huệ cũng như chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si cũng như chẳng thấy kẻ ngu, chẳng thấy tu tập và người tu tập, đây gọi là người trí. Người này có thể tu tập thân giới tâm huệ. Người này có thể làm cho báo địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời: Giả sử người này gây tạo ác nghiệp rất nặng, nhờ tư duy quan sát có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người này nghĩ rằng: Nghiệp của ta dầu nặng nhưng chẳng bằng nghiệp lành. Như bông vải dầu nhiều nặng cả trăm cân, nhưng chẳng thể sánh bằng một lượng vàng ròng. Như đem một

thăng muối ném vào trong sông hằng, nước sông không vị mặn người uống chẳng biết. Như người giàu to dầu thiếu người ngàn muôn vật báu cũng không ai bắt bớ làm khổ được. Như đại hương tượng có thể bức dây xích sắt mà đi tự tại. Người trí huệ cũng như vậy, thường suy nghĩ rằng công đức lành của tôi nhiều, nghiệp ác yếu kém, tôi có thể phát lồ sám hối trừ hết tội ác, tôi có thể tu tập trí huệ làm cho sức trí huệ nhiều, sức vô minh ít.

Nghĩ như vậy rồi, gần gũi bạn lành tu tập chánh kiến, thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh. Sanh lòng cung kính đối với những người trì tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, và đem những y phục, đồ uống ăn, phòng nhà, giường nệm, thuốc men, hoa hương mà cúng dường, thường tôn trọng tán thán, đi đến đâu cũng đều khen ngợi hạnh lành của người đó, chẳng nói đến việc kém dở của người đó. Thường cúng dường Tam bảo kính tin pháp Đại Thừa kinh Đại Niết Bàn. Tin đức Như Lai thường hằng không có biến đổi. Tin tất

cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người này có thể làm cho báo nặng địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời.

Này Thiện Nam Tử! Do những nghĩa trên đây nên chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, cũng chẳng phải tất cả chúng sanh đều quyết định thọ báo.

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả nghiệp chẳng quyết định có quả, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, lẽ ra phải tu tập tám thánh đạo, có gì tất cả chúng sanh đều chẳng được Đại Niết Bàn này?

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thì sẽ quyết định được vô thượng Bồ Đề, cần gì phải tu tập tám thánh đạo?

Bạch Thế Tôn! Như trong kinh này nói người có bệnh nếu gặp được thuốc hay và người khám bệnh tùy theo bệnh mà cho ăn uống, hoặc chẳng được như vậy tất cả cũng đều được lành mạnh. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu gặp Thanh Văn, Bích Chi Phật, Chư Phật, Bồ Tát những bậc thiện tri thức, nghe chánh pháp, tu tập

thánh đạo hoặc chẳng được gặp được nghe, được tu tập, cũng đều sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Tại sao vậy? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn! Ví như không ai có thể ngăn mặt trời, mặt trăng đi vòng khắp bốn châu thiên hạ, tất cả chúng sanh cũng như vậy, không ai có thể ngăn trở làm cho có thể được đến vô thượng Bồ Đề. Tại sao vậy? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn! Cứ theo nghĩa này thời tất cả chúng sanh chẳng cần tu hành, do năng lực của Phật tánh đều đáng được vô thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn! Nếu Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng năm tội nghịch chẳng được vô thượng Bồ Đề lẽ ra cần phải tu tập, vì do Phật tánh quyết định sẽ được, chẳng phải do tu tập rồi sau mới được.

Bạch Thế Tôn! Ví như đá nam châm dầu cách xa sắt, nhưng do sức của nó mà sắt bị hút dính. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, nên chẳng cần siêng năng tu tập thánh đạo.

Phật nói: Lành thay! Lành thay! Đây Thiện Nam Tử! Như bên sông Hằng có bảy hạng người hoặc vì tắm rửa, hoặc vì sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa mà vào trong sông:

Người thứ nhứt vào nước thì chìm, vì yếu đuối lại chẳng biết lội.

Người thứ hai đầu bị chìm lại nổi lên, nổi rồi lại chìm, vì người này có sức mạnh nên có thể nổi lên, vì chẳng biết lội nên lại chìm.

Người thứ ba chìm rồi liền nổi lên, nổi lên chẳng chìm nữa, vì người này thân nặng nên chìm, do sức mạnh nên nổi lên, vì biết lội nên không bị chìm nữa.

Người thứ tư vào nước bèn chìm, chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi bèn chẳng chìm nữa mà ngó khắp bốn phương, vì người này thân nặng nên chìm, sức mạnh lại nổi lên, biết lội nên không chìm nữa, chẳng biết lên phía nào nên ngó khắp bốn phương.

Người thứ năm vào nước liền chìm, lại nổi lên rồi không chìm nữa, nhìn ngó phương hướng mà lội đi, vì có lòng sợ sệt.

Người thứ sáu vào nước liền lội đi, đến chỗ cạn thì đứng lại, vì để xem giặc cướp

gần hay xa.

Người thứ bảy đã qua đến bờ kia leo lên núi lớn không còn sợ sệt, thoát khỏi giặc cướp lòng rất vui sướng .

Này Thiện Nam Tử! Sông lớn sanh tử cũng như vậy, có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não mà muốn lội qua sông sanh tử, nên xuất gia cạo tóc thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi gần gũi bạn ác nghe theo lời của họ mà lãnh thọ tà pháp. Họ bảo rằng thân chúng sanh tức là năm ấm, năm ấm gọi là năm đại, chúng sanh nếu chết thời năm đại dứt hẳn, đã dứt hẳn cần gì tu tập những hạnh nghiệp lành dữ, do đây nên biết rằng không có lành dữ cũng như không có quả báo lành dữ. Hạng người này gọi là Nhứt Xiển Đề, gọi là dứt căn lành, vì căn lành đã dứt nên chìm trong sông sanh tử không thể ra được, vì nghiệp ác của họ quá nặng, vì họ không có đức tin, như người thứ nhứt bên bờ sông Hằng.

Này Thiện Nam Tử! Nhứt Xiển Đề có sáu nhân duyên phải chìm trong ba đường ác không thể thoát được: Một là vì tâm ác quá

thạnh, hai là vì chẳng thấy đời sau, ba là vì ưa huân tập phiền não, bốn là vì xa lìa căn lành, năm là vì nghiệp ác ngăn cách, sáu là vì gần gũi bạn ác. Lại có năm điều khiến họ chìm trong ba đường ác: Một là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo, hai là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo Ni, ba là tự do dùng của vật của chúng Tăng, bốn là làm việc phi pháp với mẹ, năm là sanh sự thị phi đối với năm bộ tăng. Lại có năm điều làm cho họ chìm trong ba đường ác: Một là nói không quả báo thiện ác, hai là giết chúng sanh phá Bồ Đề tâm, ba là ưa nói lỗi lầm của pháp sư, bốn là chánh pháp nói là phi pháp, còn phi pháp nói là chánh pháp, năm là vì tìm lỗi của chánh pháp mà đến nghe học. Lại có ba điều làm cho họ chìm trong ba đường ác: Một là nói Đức Như Lai vô thường nhập diệt vĩnh viễn, hai là nói chánh pháp vô thường dòi dôi, ba là nói chúng tăng thật có thể hoại diệt.

Người thứ hai muốn qua khỏi sông lớn sanh tử, vì dứt mất căn lành nên chìm không thoát được. Nói rằng thoát khỏi tức

là gần gũi bạn lành thời được tín tâm, chính lá tin bồ thí và quả bồ thí, tin nghiệp lành và quả lành, tin nghiệp ác và quả ác, tin sanh tử là khổ, là vô thường hư hoại. Do được tín tâm nên tu tập tịnh giới, trì tụng, biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, thường thích bồ thí, khéo tu trí huệ. Vì độn căn nên lại gặp bạn ác, do đây nên không thể tu tập thân giới tâm huệ, trở lại thọ lấy tà pháp, hoặc gặp thời kỳ ác ở nơi cõi nước ác, nên dứt mất những căn lành mà phải chìm luôn trong sanh tử, như người thứ hai bên sông Hằng.

Người thứ ba muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên chìm đắm ở trong sông. Người này gần gũi bạn lành nên được nôi lâu, tin Đức Như lai là bậc nhứt thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sanh mà nói đạo vô thượng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như lai chẳng phải diệt độ, Pháp và Tăng cũng không hoại diệt. Nhứt Xiển Đề nếu chẳng dứt ác pháp của họ thời trọn không thể được vô thượng Bồ Đề. Phải biết rằng cần

phải xa lìa rồi sau mới được. Do tín tâm nên tu tịnh giới, tu tịnh giới rồi thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín huệ không thoái chuyển, như người thứ ba bên sông Hằng.

Người thứ tư muốn qua khỏi sông sanh tử, vì đứt căn lành nên chìm trong sông, vì gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên. Vì được tín tâm nên được thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ tâm không thoái chuyển, quán sát khắp bốn phương, quán sát bốn phương đây là nói bốn quả Sa Môn, như người thứ tư bên sông Hằng.

Người thứ năm muốn lợi qua sông sanh tử, vì đứt mất căn lành nên phải chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên

dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ vì lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, không thối chuyển rồi bèn thẳng đến trước, thẳng đến trước, đây là nói qua Bích Chi Phật, dầu có thể tự độ nhưng chẳng độ đến chúng sanh, đây gọi là đi, như người thứ năm bên sông Hằng.

Người thứ sáu muốn qua khỏi sông sanh tử, vì mất thiện căn nên chìm trong sông, nhờ gàn gũi bạn lành mà được tín tâm, đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ cho lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, rồi bèn thẳng đến trước gặp chỗ cạn đứng lại chẳng đi nữa. Đứng lại chẳng đi là nói Bồ Tát vì muốn độ chúng sanh nên trụ lại quán sát phiền não, như người thứ sáu bên sông Hằng.

Người thứ bảy muốn thoát khỏi sông sanh tử vì mất căn lành nên chìm trong sông, nhờ gàn gũi bạn lành mà được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc

tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, liền thẳng đến bờ kia, leo lên núi cao, lìa khỏi những sự khủng bố, hưởng nhiều sự an vui.

Này Thiện Nam Tử! Núi cao bên bờ kia dụ cho đức Như Lai, hưởng sự an vui dụ cho Phật thường trụ, núi cao lớn dụ cho Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Những người ở bên bờ sông Hằng kia đều có đủ tay chân mà không thể qua được. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, thật có Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, đức Như Lai thường nói pháp yếu, có tám thánh đạo, có Đại Niết Bàn, mà chúng sanh đều chẳng thể được, đây chẳng phải lỗi của Như Lai cũng chẳng phải lỗi của thánh đạo và chúng sanh, nên biết rằng đều là lỗi ác của phiền não, do đây nên tất cả chúng sanh chẳng được Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Như lương y biết rõ bệnh nói phương thuốc, người bệnh chẳng

chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của lương y.

Này Thiện Nam Tử! Như có thí chủ đem tiền của bố thí cho mọi người, có người chẳng chịu nhận lấy, đây chẳng phải là lỗi của thí chủ.

Này Thiện Nam Tử! Như mặt trời mọc lên những chỗ tối tăm đều tỏ sáng, mà người mù lòa kia chẳng thấy đường sá, đây chẳng phải là lỗi của mặt trời.

Này Thiện Nam Tử! Như nước sông Hằng có thể giải trừ sự khát nước, có kẻ khát nước chẳng chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của nước.

Này Thiện Nam Tử! Như mặt đất bình đẳng nuôi sống tất cả cây cỏ, có nông phu kia chẳng chịu gieo trồng, đây chẳng phải là lỗi của mặt đất.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai khắp vì tất cả chúng sanh mà rộng mở bày phân biệt mười hai bộ kinh, chúng sanh chẳng chịu tin thọ, đây chẳng phải là lỗi của Như Lai.

Này Thiện Nam Tử! Nếu người tu tập thánh đạo thời được vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam Tử! Vừa rồi ông nói tất

cả chúng sanh đều có Phật tánh đáng được vô thượng Bồ Đề, như đá nam châm hút sắt.

Lành thay! Lành thay! Do có năng lực nhân duyên của Phật tánh nên chúng sanh được vô thượng Bồ Đề.

Nhưng nếu nói rằng chẳng cần tu tập thánh đạo thì không đúng.

Này Thiện Nam Tử! Như có người đi trong đồng hoang vắng khát nước gặp giếng, giếng này sâu thẳm tối đen, người này dầu chẳng thấy nước nhưng biết rằng chắc có nước, người này tìm dây gàu múc lên thì thấy nước. Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sanh mặc dầu đều có, nhưng cần phải tu tập vô lậu thánh đạo rồi sau mới được thấy.

Này Thiện Nam Tử! Như người có hột mè thì tất được thấy dầu, nhưng rời bỏ phương tiện thì chẳng thấy được. Nơi mía thấy đường cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như cung trời Đao Lợi và Bắc Cu Lô Châu dầu là có, nhưng nếu không nghiệp lành, hoặc thần thông, hoặc đạo lực, thì chẳng thấy được.

Như rễ cỏ trong đất, như mạch nước dưới đất, vì đất che nên chúng sanh chẳng thấy. Phật tánh cũng vậy, vì chẳng tu tập thánh đạo nên chẳng thấy được.

Này Thiện Nam Tử! Như vừa rồi ông nói trong đời có người bệnh nếu gặp được lương y, thuốc hay, người khám bệnh giỏi, ăn uống phải cách, hoặc chẳng gặp, đều được lành mạnh.

Này Thiện Nam Tử! Đó là ta vì bậc lục trụ Bồ Tát mà nói nghĩa ấy.

Này Thiện Nam Tử! Như hư không đối với chúng sanh, nó chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, vì không phải trong ngoài nên cũng không trở ngại. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như có người đi tài sản ở xứ khác, dầu của cải không hiện có, nhưng người này vẫn được tùy ý thọ dụng. Có người hỏi đến tiền của, người này đáp rằng tôi hứa cho. Tại sao vậy? Vì người này quyết định có của. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải đây chẳng phải kia, vì quyết định được nên ta nói tất

cả chúng sanh đều có.

Này Thiện Nam Tử! Như chúng sanh gây tạo các nghiệp, hoặc nghiệp lành, hoặc nghiệp ác, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nghiệp tánh này chẳng phải có chẳng phải không, lại cũng chẳng phải là trước không mà nay có, cũng chẳng phải không nhân mà có ra, chẳng phải đây làm rồi đây thọ, chẳng phải đây làm mà kia thọ, chẳng phải kia làm mà kia thọ, nghiệp tánh này không tác giả không thọ giả, lúc thời tiết hòa hiệp thời có quả báo. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải là trước không mà nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải chỗ khác đến, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng phải là tất cả chúng sanh chẳng thấy, có những Bồ Tát lúc thời tiết nhân duyên hòa hiệp mà được thấy. Thời tiết đây là nói bậc Thập Trụ Bồ Tát tu tám thánh đạo được tâm bình đẳng đối với chúng sanh, lúc bấy giờ được thấy Phật tánh, chẳng gọi là tạo tác.

Này Thiện Nam Tử! Ông nói rằng như đá nam châm hút sắt, cứ nơi nghĩa thời chẳng đúng. Tại sao vậy? Vì đá ấy chẳng hút sắt, bởi đá ấy không tâm nghiệp. Này Thiện Nam Tử! Do pháp kia có nên pháp này sanh ra, do pháp kia không nên pháp này diệt hoại không có tác giả cũng không có hoại giả.

Này Thiện Nam Tử! Như ngọn lửa mạnh chẳng thể đốt cháy củi, lửa ra củi hư gọi đó là cháy củi.

Như bông quỳ xoay theo mặt trời, dầu vậy nhưng bông quỳ này không có tâm cung kính, không thức cũng không nghiệp, vì tánh chất riêng của nó mà tự xoay chuyển.

Như cây chuối nhân tiếng sấm mà được tăng trưởng, cây này không lỗ tai, không có tâm ý thức, do vì có pháp kia nên pháp này tăng trưởng, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây a thục ca, người nữ rờ đụng đến thời cây này trở bông, cây này không tâm ý, cũng không giác xúc, do vì có pháp kia nên pháp này sanh ra, vì không pháp kia nên

pháp này hư hoại.

Như cây quít được tử thi thời trái thêm nhiều, cây quít này không tâm ý cũng không giác xúc, vì có pháp kia nên pháp này thêm nhiều, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây an thạch lựu do phân gạch xương thời trái thêm nhiều, cây an thạch lựu này cũng không tâm ý không giác xúc, vì có pháp khác nên pháp này thêm nhiều, vì pháp khác không nên pháp này hư hoại.

Như đá nam châm hút sắt cũng như vậy, do pháp này có nên pháp kia sanh, vì pháp này không nên pháp kia hư hoại.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng thể đến được vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Vô minh chẳng thể hút lấy hành nghiệp, hành cũng chẳng thể hút lấy thức, dầu vậy nhưng cũng gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức.

Hoặc có Phật hay không Phật, pháp giới vẫn thường trụ. Nếu nói rằng Phật tánh ở trong chúng sanh, nên biết rằng pháp thường hằng thời vô trụ, nếu có chỗ ở thời là

vô thường. Như mười hai nhân duyên không chỗ ở nhưt định, nếu có chỗ ở thời mười hai nhân duyên chẳng được gọi là thường. Pháp thân của Như lai cũng không chỗ ở. Pháp giới, pháp nhập, pháp âm, hư không đều không chỗ ở. Phật tánh cũng không chỗ ở như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như tứ đại dầu thề lực đồng nhau, nhưng có cứng, có nóng, có ướt, có động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen, mà tứ đại này cũng không có nghiệp, vì pháp giới khác nên đều chẳng giống nhau. Phật tánh cũng như vậy vì pháp giới khác đến thời kỳ thời hiện.

Này Thiện Nam Tử! Vì tất cả chúng sanh chẳng thối mất Phật tánh nên gọi là có, vì bất thối chuyển, vì sẽ có, vì quyết định được, vì quyết định sẽ thấy, nên gọi là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Ví như có Quốc Vương bảo một đại thần dắt một con voi đem chỉ cho người mù. Đại thần được lệnh Quốc Vương liền hạp bọn người mù đến bên con voi. Lúc đó bọn người mù đều lấy tay sờ voi. Đại thần trở về tâu

với Quốc Vương đã đem voi chỉ cho bọn người mù rồi. Quốc Vương liền kêu bọn người mù đến hỏi riêng từng người. Con voi hình dạng như thế nào? Trong bọn người mù kia, kẻ sờ ngà bèn nói voi hình như củ cải; kẻ sờ tai nói rằng voi giống như cái ki; kẻ sờ đầu nói rằng voi giống như khối đá, kẻ sờ vòi nói rằng voi giống như cái chày; kẻ sờ chân nói rằng voi giống như cái cối gỗ; kẻ sờ lưng nói rằng voi như cái giường; kẻ sờ bụng nói rằng voi như cái lu; kẻ sờ đuôi nói voi như sợi dây.

Này Thiện Nam Tử! Bọn người mù kia chẳng nói trúng thân hình của voi, nhưng cũng chẳng phải là chẳng nói, các hình tướng đó đều chẳng phải hình voi, nhưng rời ngoài những hình này lại không có voi.

Này Thiện Nam Tử! Quốc Vương là dụ cho Như Lai đáng chánh biến tri vậy. Đại thần dụ cho kinh Đại Thừa Đại Niết bàn. Voi dụ cho Phật tánh. Bọn mù dụ cho tất cả chúng sanh vô minh.

Những chúng sanh này cho rằng Phật đã nói xong, hoặc có kẻ nói sắc là Phật tánh, vì

sắc này dầu diệt, nhưng tuần tự nối liền do đây được ba mươi hai tướng tốt vô thường của Như Lai, sắc tướng Như Lai là thường, vì sắc tướng Như Lai thường hằng chẳng dứt, do đây nên nói sắc là Phật tánh, như vàng thật, chất vàng dầu thay đổi nhưng màu sắc vẫn thường hằng đổi khác, hoặc làm vòng, làm roi, làm mâm, màu vàng vẫn không đổi khác. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tánh chất dầu vô thường mà sắc là thường, do đây nên nói sắc là Phật tánh.

Hoặc có kẻ nói thọ là Phật tánh, vì do thọ mà được chơn lạc của Như Lai, thọ của Như Lai là thọ rốt ráo, là thọ đệ nhất nghĩa. Tánh thọ của chúng sanh dầu là vô thường nhưng nó tuần tự nối liền chẳng dứt, nên được lạc thọ chơn thường của Như Lai. Như người họ Kiều Thi Ca thân người dầu vô thường mà họ vẫn thường, trải qua ngàn muôn đời không đổi khác. Phật tánh chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thọ ấm là Phật tánh.

Lại có kẻ nói tướng ấm là Phật tánh, vì do

tướng mà được chơn thật tướng của Như Lai. Tướng của Như Lai gọi là tướng mà không tướng chẳng phải tướng của chúng sanh, chẳng phải tướng của nam của nữ, chẳng phải tướng trong sắc thọ tướng hành thức, chẳng phải tâm tướng dứt tướng như tướng của chúng sanh. Dầu tướng này vô thường nhưng do tuần tự nói nhau chẳng dứt, nên được tướng thường hằng của Như Lai. Như mười hai nhân duyên của chúng sanh, dầu chúng sanh diệt mất mà nhân duyên vẫn thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, do đây nên nói tướng là Phật tánh.

Lại có kẻ nói hành âm là Phật tánh, vì hành gọi là thọ mạng. Thọ mạng làm nhân duyên nên được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng vì tuần tự nói nhau chẳng dứt, nên được thọ mạng chơn thường của Như Lai. Như mười bộ kinh, người nói người nghe dầu là vô thường, nhưng kinh điển này thường còn chẳng biến đổi. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây

nên nói hành là Phật tánh.

Lại có kẻ nói thức ấm là Phật tánh. Do thức làm nhân duyên mà được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng thức tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tâm chơn thường của Như Lai. Như lửa tánh nóng dầu ngọn lửa vô thường, nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thức là Phật tánh.

Lại có kẻ nói rời năm ấm có ngã, ngã này là Phật tánh, vì ngã làm nhân duyên mà được ngã tự tại của Như Lai. Có các nhà ngoại đạo nói rằng: Đứng đi thấy nghe buồn vui nói năng chính đó là ngã, ngã tướng ấy dầu vô thường nhưng ngã của Như Lai chơn thiết thường trụ. Như ấm nhập giới dầu là vô thường nhưng vẫn gọi là thường. Phật tánh của chúng sanh cũng vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như bọn mù kia mỗi người tự nói hình tướng của voi, dầu chẳng được đúng, nhưng chẳng phải là chẳng nói tướng của voi.

Những người nói Phật tánh cũng như vậy,

Phật tánh chẳng phải tức sáu pháp, nhưng cũng chẳng ly sáu pháp. Vì thế nên ta nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải sắc chẳng phải ly sắc, nhãn đến chẳng phải ngã, chẳng phải ly ngã.

Có các nhà ngoại đạo đều nói có ngã, nhưng thật ra không có ngã. Ngã của chúng sanh chính là ngũ ấm, rời ngoài ngũ ấm không có ngã riêng biệt.

Ví như cọng, cánh, tua, gương hiệp lại làm hoa sen, lìa ngoài những thứ này thời không có hoa sen riêng biệt. Ngã của chúng sanh cũng như vậy.

Như tường, vách, gỗ, tranh hoà hiệp gọi đó là nhà, lìa ngoài những thứ này thời không có nhà riêng biệt.

Như cây Khu đà la, cây Ba la xa, cây Ni câu đà, cây Uất đàm bát hiệp lại thành rừng, rời ngoài những thứ này thời không có rừng riêng biệt.

Như chiến xa, voi, ngựa, bộ binh hiệp lại thành quân đội, rời ngoài những thứ này thời không có quân đội riêng biệt.

Như những chỉ năm màu hiệp lại dệt

thành vải ngũ sắc, rời ngoài những chỉ này thời không có vải ngũ sắc riêng biệt.

Như bốn họ hiệp lại gọi là đại chúng, rời ngoài những người này thời không có đại chúng riêng biệt.

Ngã của chúng sanh cũng như vậy, rời ngoài năm ấm thời không có ngã riêng biệt.

Này Thiện Nam Tử! Như Lai thường trụ thời gọi là ngã. Pháp thân của Như Lai là vô biên vô ngại, là chẳng sanh chẳng diệt, được đủ tám tự tại nên gọi là ngã.

Thiệt ra chúng sanh không có ngã như vậy, chỉ vì quyết định sẽ được rốt ráo đệ nhất nghĩa không, nên gọi là Phật tánh.

Này Thiện Nam Tử! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, vì đại từ đại bi thường theo dõi Bồ Tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại từ đại bi, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, Phật tánh gọi là Như Lai.

Đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh, vì Đại Bồ Tát nếu chẳng xả được hai mươi lăm cõi, thời không thể được vô thượng Bồ Đề. Bởi

chúng sanh quyết định sẽ được, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là đại tín tâm. Vì do tín tâm mà đại Bồ Tát được đầy đủ Đàn Ba La Mật nhân đến Bát Nhã Ba La Mật. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại tín tâm, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại tín tâm chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là nhứt tử địa. Vì do nhứt tử địa nên Bồ Tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được nhứt tử địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhứt tử địa chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là trí lực thứ tư. Vì do trí lực thứ tư, nên Bồ Tát có thể giáo hóa chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được trí lực thứ tư, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trí lực thứ tư chính là Phật tánh, Phật tánh chính là như Lai.

Phật tánh gọi là mười hai nhân duyên. Vì do nhân duyên nên đức Như Lai được thường trụ. Tất cả chúng sanh quyết định có mười hai nhân duyên như vậy, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mười hai nhân duyên chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là bốn trí vô ngại. Do bốn trí vô ngại nên giảng thuyết chữ nghĩa vô ngại. Do chữ nghĩa vô ngại nên có thể giáo hóa chúng sanh. Bốn trí vô ngại chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là đánh tam muội. Vì do tu đánh tam muội này nên có thể tổng nhiếp tất cả Phật pháp, do đây nên nói đánh tam muội gọi là Phật tánh. Thập Trụ Bồ Tát tu tam muội này chưa được đầy đủ, nên dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Vì tất cả chúng sanh quyết định được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện Nam Tử! Như các thứ pháp đã nói ở trên, vì tất cả chúng sanh quyết định sẽ được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu ta nói sắc là Phật tánh, chúng sanh nghe lời này tất sanh tà kiến điên đảo, do tà kiến điên đảo tất sẽ phải đọa A Tỳ địa ngục. Đức Như Lai thuyết pháp để dứt địa ngục nên chẳng nói sắc là Phật tánh, nhữn đến chẳng nói thức là Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Nếu chúng sanh thấy rõ Phật tánh thời chẳng cần tu tập thánh đạo. Thập Trụ Bồ Tát tu tám thánh đạo còn thấy Phật tánh một phần ít, huống là người chẳng tu mà được thấy ư!

Này Thiện Nam Tử! Các vị Đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi tu tập thánh đạo đã trải qua vô lượng đời nên thấy rõ Phật tánh. Hàng Thanh Văn Duyên Giác làm thế nào biết Phật tánh được!

Nếu chúng sanh muốn biết rõ Phật tánh, thời phải nhứt tâm thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết cúng dường cung kính tôn trọng tán thán kinh Đại Niết Bàn này. Thấy người nào trì tụng nhữn đến tán thán kinh Đại Niết Bàn này thời phải đem bốn thứ cúng dường thật tốt mà cung cấp cho

người ấy, cùng tán thán lễ bái hỏi thăm.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có người nào đã trải qua vô lượng vô biên đời gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật trồng sâu các căn lành, rồi sau mới được nghe tên của kinh này.

Này Thiện Nam Tử! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chẳng biết được đầu vậy mà cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Như Lai thường lạc ngã tịnh cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh nếu ai tin được kinh Đại Niết bàn này, kẻ ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Sư Tử Hồng Bò Tát bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Như lời đức Phật nói tất cả chúng sanh có thể tin kinh Đại Niết Bàn chẳng thể nghĩ bàn như đây. Bạch Thế Tôn! Trong đại chúng này có tám muôn năm ngàn ức người không có lòng tin đối với kinh này, do đây nên người nào tin kinh này thời gọi người đó chẳng thể nghĩ bàn.

_Này Thiện Nam Tử! Số người trên đây đến đời vị lai cũng sẽ quyết định tin được kinh điển này, được thấy Phật tánh và được vô thượng Bồ Đề.

_ Bạch Thế Tôn! Thế nào Bất Thối Bồ Tát tự biết quyết định có tâm bất thối.

_ Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát sẽ dùng khổ hạnh để thí nghiệm lấy tâm của mình: Mỗi ngày ăn một hột mè trộn bảy ngày; gạo trắng, đậu xanh đậu trắng v.v... mỗi thứ bảy ngày, mỗi ngày một hột cũng như vậy.

Lúc ăn một hột mè, Bồ Tát nghĩ rằng: Khổ hạnh như vậy đều không lợi ích, việc không lợi ích còn làm được hưởng việc lợi ích mà lại không làm.

Đôi với việc không lợi ích, trong lòng có thể nhẫn được sự khổ chẳng thối chẳng chuyển, do đây nên quyết được vô thượng Bồ Đề.

Trong những ngày tu khổ hạnh như vậy, da thịt ốm khô lần lần, như cắt trái bầu tươi phơi trong nắng. Mắt của Bồ Tát thụt sâu vào như đáy giếng. Hết thịt lòi gân như nhà tranh hư mục, xương sống lộ lên như dây

thùng, chỗ Bồ Tát ngồi như dầu chân ngựa. Muốn ngồi thời mọp xuống, muốn đứng thời ngã nghiêng. Dầu chịu lấy sự khổ, không lợi ích như vậy, nhưng chẳng thói chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát vì phá các sự khổ, ban sự an vui cho chúng sanh, nên có thể xả thí của, vật, ngoài thân trong thân đến thân mạng của mình như bỏ cỏ khô.

Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng như vậy, Bồ Tát này tự biết quyết định có tâm bất thói, tự biết tôi quyết định sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát vì pháp mà khoét thân làm đèn lấy tô du đồ vào đặt tim để đốt.

Lúc Bồ Tát thọ sự khổ lớn như vậy tự trách tâm mình rằng: Sự khổ này đối với sự khổ ở địa ngục trăm ngàn muôn phần chưa bằng một phần. Ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, ta chịu nhiều sự khổ nào đều không đem lại mảy may lợi ích, nếu ta không chịu được sự khổ nhẹ này, thời làm sao có thể ở nơi trong địa ngục để có thể cứu khổ chúng

sanh.

Lúc Bồ Tát suy nghĩ như vậy thời thân chẳng biết khổ, tâm chẳng thối chuyển, do đây Bồ Tát tự biết chắc rằng tôi quyết định sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Lúc đó Bồ Tát còn đầy đủ phiền não, vì chánh pháp mà có thể đem đầu mắt óc tủy tay chân máu thịt bố thí cho người, lấy đỉnh đống trên thân, nhảy từ gộp đá cao xuống, nhảy vào lửa. Dầu chịu lấy vô lượng sự khổ như vậy, nhưng nếu trong lòng chẳng có niệm thối chuyển, Bồ Tát này nên biết rằng nay tôi quyết định có tâm bất thối, sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát vì phá trừ khổ não cho tất cả chúng sanh, nên nguyện làm thân súc sanh to lớn, đem máu thịt bố thí cho chúng sanh.

Lúc chúng sanh đến lấy máu ăn, Bồ Tát lại sanh lòng thương xót, lúc đó Bồ Tát nín hơi chẳng thở làm như chết, để cho những kẻ đến lấy thịt chẳng có quan niệm giết hại.

Dầu Bồ Tát thọ thân súc sanh nhưng trọn chẳng tạo nghiệp súc sanh. Vì Bồ Tát đã được tâm bất thối chuyển, thời trọn chẳng gây tạo ác nghiệp. Nếu đời vị lai Bồ Tát có nghiệp quả ác nhỏ nhặt bất định, do sức nguyện lớn vì độ chúng sanh nên đều thọ lấy đó. Như người bệnh bị quỷ dựa ở ẩn trong thân, do oai lực của chú thuật, nên liền hiện tướng quỷ: Hoặc nói hoặc cười, hoặc mừng hoặc giận, hoặc mắng hoặc khóc. Đại Bồ Tát thọ lấy nghiệp quả đời vị lai cũng như vậy.

Lúc Bồ Tát thọ lấy thân gấu, thường vì chúng sanh mà diễn nói chánh pháp. Hoặc lúc thọ thân chim Ca Tân Xà La, lúc thọ thân Cù Đà thân nai, thân thỏ, thân voi, thân dê núi, thân khỉ vượn, thân bò câu trắng, thân kim sí điều, thân rồng, thân rắn, lúc thọ những thân súc sanh như vậy, nhưng trọn chẳng gây tạo nghiệp ác súc sanh, mà thường vì những súc sanh khác diễn thuyết chánh pháp, làm cho những súc sanh kia nhờ nghe pháp mà được mau khỏi thân súc sanh.

Lúc Bồ Tát thọ thân súc sanh mà chẳng gây tạo nghiệp ác nên biết rằng quyết định có tâm bất thối.

Đại Bồ Tát ở đời đói khát, thấy chúng sanh đói khát, nên nguyện làm thân cá lớn dài nhiều do diên, lại nguyện những chúng sanh nào lấy thịt của tôi, lấy rồi liền sanh trở lại, ai ăn thịt của tôi thời được khỏi đói khát, tất cả đều phát tâm vô thượng Bồ Đề, do nơi tôi mà kẻ nào được khỏi đói khát, thời đời vị lai họ sẽ mau được xa lìa khổ hoạn đói khát trong hai mươi lăm cõi.

Lúc Đại Bồ Tát chịu sự khổ như vậy mà tâm chẳng thối chuyển, thời nên biết quyết định sẽ được vô thượng Bồ Đề.

Nhằm đời tật dịch, Bồ Tát thấy nhiều người phải bệnh khổ, bèn suy nghĩ rằng như cây Dược thọ, nếu người bệnh lấy rễ lấy cây, lấy nhánh, lấy lá, lấy bông, lấy trái, lấy vỏ đều trị được lành bệnh. Nguyện thân của tôi đây cũng như vậy, nếu người bệnh nghe tiếng chạm đến thân ăn thịt uống máu, nhả đến xương tủy đều trị lành bệnh. Nguyện chúng sanh lúc ăn thịt tôi chẳng

sanh lòng ác, đều có quan niệm như ăn thịt con. Tôi trị cho họ được lành bệnh rồi sẽ thường vì họ mà thuyết pháp. Nguyên họ nghe pháp kính tin lãnh thọ suy gẫm rồi đem dạy lại người khác.

Bồ Tát đầy đủ phiền não lúc chịu sự khổ nơi thân như vậy vẫn chẳng thôi cghuyển tâm Bồ Đề, nên biết quyết định được tâm bất thối, sẽ thành vô thượng Bồ Đề.

Nếu có chúng sanh bị quỷ làm bệnh, Bồ Tát thấy việc này liền phát nguyện làm thân quỷ to lớn mạnh mẽ, quyền thuộc đông, khiến người bệnh kia nghe thấy liền hết bệnh quỷ.

Đại Bồ Tát vì độ chúng sanh nên siêng tu khổ hạnh, dầu có phiền não nhưng tâm chẳng nhiễm ô.

Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát dầu tu hành Lục Ba La Mật, cũng chẳng cầu quả Lục Ba La Mật.

Lúc tu hành Lục Ba La Mật vô thượng, Bồ Tát nguyện rằng: Nay tôi đem Lục Ba La Mật này bố thí cho tất cả chúng sanh, mỗi chúng sanh nhận lấy sự bố thí của tôi

rồi thời đều sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Tôi cũng tự vì Lục Ba La Mật mà siêng tu khổ hạnh chịu những sự khổ não. Lúc đương chịu khổ nguyện tôi chẳng thoái tâm Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát lúc suy gẫm phát nguyện như vậy thời gọi là tướng chẳng thoái chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, vì biết rõ sanh tử, có nhiều tội lỗi, quán sát Đại Niết Bàn có công đức lớn, vì chúng sanh mà ở nơi sanh tử chịu những sự khổ tâm chẳng thoái chuyển, do đây nên gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Nam Tử! Đại Bồ Tát không có nhân duyên mà vẫn sanh lòng thương xót tất cả chúng sanh, thiết chẳng thọ ơn mà còn ghi ơn. Dầu thi ơn mà chẳng cần đền trả, do đây nên lại gọi Đại Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Nam Tử! Hoặc có chúng sanh vì lợi ích cho mình mà tu các khổ hạnh. Đại Bồ Tát vì lợi ích cho người cho chúng sanh mà tu khổ hạnh, dầu vậy nhưng vẫn gọi là

lợi ích cho mình, do đây nên Đại Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, vì phá hoại quan niệm kẻ oán người thân nên thọ những sự khổ để tu tâm bình đẳng, do đây nên Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát nếu thấy những chúng sanh hung ác thời hoặc quở trách, hoặc nói dịu ngọt, hoặc đuổi, hoặc bỏ.

Với những kẻ tánh ác, Bồ Tát thị hiện nói lời dịu dàng.

Với kẻ kiêu mạn, Bồ Tát thị hiện làm ngã mạn lớn, nhưng trong tâm của Bồ Tát thiết không kiêu mạn. Đây gọi là phương tiện của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, lúc của cải ít mà người cầu xin nhiều, lòng Bồ Tát trọn chẳng hẹp nhỏ. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc Đức Phật ra đời, Bồ Tát biết công đức của Phật, nhưng vì chúng sanh mà thọ thân biên địa nơi chỗ không Phật, như đui, như điếc, như què, như thọt. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát biết rõ chúng sanh có những tội lỗi, vì muốn độ họ nên Bồ Tát thường cùng đi chung với họ, dầu làm theo ý của họ nhưng vẫn không nhiễm lấy tội lỗi. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thấy biết rõ ràng không tương chúng sanh, không phiền não nhiễm ô, không người tu tập thánh đạo xa lìa phiền não. Dầu vì Bồ Đề nhưng không hạnh Bồ Đề, cũng không có người thành tựu hạnh Bồ Đề, không người thọ khổ và người phá khổ mà cũng có thể vì chúng sanh phá hoại sự khổ thật hành hạnh Bồ Đề. Do đây nên gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thọ thân rớt sau ở cung trời Đâu Suất, đây cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì trời Đâu Suất là hơn tất cả trong cõi dục, cõi trời dưới thời tâm phóng dật, cõi trời trên thời căn tánh ám độn, do đây nên trời Đâu Suất gọi là hơn. Tu thí, tu giới thời được thân trời cõi trên và cõi dưới. Tu thí, tu giới và tu định thời được thân trời Đâu Suất.

Tất cả Bồ Tát đã tự phá hoại tất cả cõi, trọn chẳng tạo nghiệp trời Đâu Suất để thọ

thân nơi cõi trời đó. Vì Bồ Tát nếu ở nơi các cõi khác, cũng đều có thể giáo hóa thành tựu chúng sanh, thật không có dục tâm mà lại sanh vào cõi dục, do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát sanh ở trời Đâu Suất có ba việc thù thắng: Một là mạng, hai là sắc, ba là danh.

Đại Bồ Tát thật chẳng cầu mạng, sắc và danh, dầu không có tâm mong cầu mà chỗ được lại thù thắng. Đại Bồ Tát rất ưa thích Niết Bàn, nhưng có nhân duyên nên mạng, sắc và danh cũng thù thắng. Do đây nên lại gọi chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát mạng, sắc, và danh dầu hơn Chư Thiên, nhưng Chư Thiên đối với Bồ Tát chẳng có lòng giận, lòng ganh ghét, lòng kiêu mạn, thường có lòng hoan hỷ. Bồ Tát đối với Chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát chẳng tạo nghiệp nhân thọ mạng, mà ở nơi trời Đâu Suất kia, Bồ Tát được thọ mạng rất ráo, đây gọi là mạng thù thắng.

Bồ Tát không tạo nghiệp nhân sắc đẹp, mà thân sắc của Bồ Tát xinh đẹp đầy đủ ánh sáng, đây gọi là sắc thù thắng.

Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất chẳng ưa ngũ dục chỉ làm pháp sự, nên tiếng đồn khắp cả mười phương, đây gọi là danh thù thắng. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc Đại Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng sanh, cả đại địa sáu thứ chấn động, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì lúc Bồ Tát giáng sanh, chư Thiên cõi dục và cõi sắc đều đến hầu hạ đưa đi, lớn tiếng tán thán Bồ Tát, do hơi gió nơi miệng chư Thiên làm cho đại địa chấn động. Lại lúc Bồ Tát mới nhập thai, có các Long Vương ở dưới đại địa này hoặc khùng bố, hoặc hoan hỷ, nên đại địa chấn động. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát biết rõ lúc nhập thai, lúc trụ thai, lúc xuất thai, biết cha, biết mẹ, chẳng nhiễm ô bất tịnh, như bảo châu màu xanh trên búi tóc của Đế Thích nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Nam Tử! Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Như biển cả có tám điều chẳng thể nghĩ bàn: Một là lần lần càng sâu, hai là sâu khó đến đáy, ba là đồng một vị mặn, bốn là thủy triều chẳng quá hạn, năm là có nhiều thứ kho báu, sáu là những chúng sanh thân to lớn ở trong đó, bảy là chẳng chứa tử thi, tám là tất cả muôn dòng đổ về cùng mưa to xối xuống mà biển vẫn chẳng thêm chẳng bớt.

Này Thiện Nam Tử! Biển lần lần càng sâu là vì có ba điều: Một là phước lực của chúng sanh, hai là thuận theo gió mà chảy, ba là vì nước trong sông đổ ra. Nhẫn đến chẳng thêm chẳng bớt cũng đều có ba việc.

Kinh Đại Niết Bàn này cũng có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như vậy: Một là lần lần càng sâu, nghĩa là từ giới Ưu Bà Tắc, giới Sa Di, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát, quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ Tát, quả Vô Thượng Bồ Đề. Kinh Đại Niết Bàn này thuyết minh những pháp như vậy, đây

gọi là lần lần càng sâu.

Hai là sâu khó đến đáy: Đức Như Lai Thế Tôn bất sanh bất diệt, chẳng được vô thượng Bồ Đề, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn chẳng thọ, chẳng thật hành bố thí, do đây nên được thường lạc ngã tịnh.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh này chẳng phải sắc thọ tướng hành thức, chẳng rời sắc thọ tướng hành thức, là thường trụ có thể thấy: Là liễu nhân chẳng phải tác nhân. Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật sẽ được vô thượng Bồ Đề, cũng không phiền não, cũng không trụ xứ, dầu không phiền não nhưng chẳng gọi là thường, do đây nên nói là sâu.

Trong kinh này hoặc có lúc nói là ngã, hoặc có lúc nói vô ngã, hoặc có lúc nói là thường, hoặc có lúc nói là vô thường, hoặc có lúc nói là tịnh, hoặc có lúc nói là bất tịnh, hoặc có lúc nói là lạc, hoặc có lúc nói là khổ, hoặc có lúc nói là không, hoặc có lúc nói là bất không, hoặc có lúc nói tất cả đều có, hoặc có lúc nói tất cả đều không, hoặc nói nhị thừa hoặc nói nhứt thừa, hoặc nói ngũ âm

tức là Phật tánh, là Kim Cang Tam Muội, là Trung Đạo, Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, mười hai nhân duyên, đệ nhứt nghĩa không, từ bi bình đẳng đối với chúng sanh, đánh trí, tín tâm, trí lực biết các căn, trí không chướng ngại đối với tất cả pháp, dầu có Phật tánh nhưng chẳng nói quyết định. Do đây nên gọi là rất sâu.

Ba là đồng một vị: Tất cả chúng sanh đồng có Phật tánh, đều đồng nhứt thừa, đồng một giải thoát một nhân một quả, đồng một cam lộ, tất cả đều sẽ được thường lạc ngã tịnh, đây gọi là đồng một vị.

Bốn là thủy triều chẳng quá hạn: Như trong kinh này chế các Tỳ Kheo chẳng được lẫn chứa tám vật bất tịnh. Nếu đệ tử của ta có thể thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết phân biệt kinh Đại Niết Bàn này, thà chết chớ trọn chẳng hủy phạm, đây gọi là thủy triều chẳng quá hạn.

Năm là có nhiều thứ kho báu: Kinh này tức là kho báu vô lượng, nghĩa là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Thánh

Đạo, Anh Nhi Hạnh, Thánh Hạnh, Phạm Hạnh, Thiên Hạnh, những thiện phương tiện, Phật tánh của chúng sanh, công đức của Bồ Tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh Văn, công đức của Duyên Giác, Lục Ba La Mật, vô lượng Tam Muội, vô lượng Trí Huệ, đây gọi là những kho báu.

Sáu là chúng sanh thân to lớn ở trong đó: Vì chư Phật và Bồ Tát có trí huệ lớn nên gọi là chúng sanh lớn, vì thân lớn, vì tâm lớn, vì trang nghiêm lớn, vì điều phục lớn, vì phương tiện lớn, vì thuyết pháp lớn, vì thế lực lớn, vì đồ chúng lớn, vì thần thông lớn, vì từ bi lớn, vì thường chẳng biến đổi, vì tất cả chúng sanh thân không chướng ngại, vì dung thọ tất cả chúng sanh. Đây gọi là chỗ ở của những chúng sanh thân to lớn.

Bảy là chẳng chứa tử thi, tử thi là nói Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng năm tội vô gián, phi báng Đại Thừa, tà pháp nói là chánh pháp, chánh pháp nói là tà pháp, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tùy ý dùng vật của Phật, vật của Tăng, đối với Tỳ Kheo, với Tỳ Kheo Ni làm việc phi pháp, đây gọi

là tử thi, kinh Đại Niết Bàn này lìa những việc như vậy nên gọi rằng chẳng chứa tử thi.

Tám là chẳng thêm chẳng bớt, vì không ngăn mé, vì không thỉ chung, vì chẳng phải sắc, vì chẳng phải tạo tác, vì là thường trụ, vì chẳng sanh diệt, vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một tánh Phật tánh, đây gọi là không thêm không bớt. Do đây nên kinh Đại Niết Bàn này có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như biên cả kia.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! nếu cho rằng Như Lai bất sanh bất diệt là thậm thâm đó, thời tất cả chúng sanh có bốn loài sanh: Noãn, thai, thấp, hóa. Trong bốn loài sanh này thời loài người có đủ, như Tỳ Kheo Thi Bà La, Tỳ Kheo Ưu Bà Thi Bà La, mẹ của Trưởng giả Di Ca La, mẹ của Trưởng giả Ni Câu Đà, mẹ của Trưởng giả Bán Xà La, mỗi người đều sanh năm trăm con trai đồng là noãn sanh. Do đây nên biết rằng trong loài người cũng có noãn sanh.

Trong loài người mà thấp sanh, như Phật từng nói rằng: Thuở trước lúc ta tu hạnh Bồ Tát làm Đánh Sanh Vương và Thủ Sanh

Vương, và như nay cô gái Am La, cô gái Ca Bất Ba, nên biết rằng trong loài người cũng có thấp sanh.

Thuở kiếp sơ tất cả chúng sanh đều là hóa sanh.

Đức Thế Tôn đã được tám thứ tự tại, do nhân duyên gì mà chẳng hóa sanh?

Phật nói: Nay Thiện Nam Tử! Tất cả chúng sanh từ nơi bốn loài sanh mà sanh ra, khi đã được thánh pháp thời chẳng được noãn sanh và thấp sanh như trước.

Nay Thiện Nam Tử! Chúng sanh thuở kiếp sơ, thấy đều hóa sanh, trong thời kỳ đó, không có Phật ra đời.

Nay Thiện Nam Tử! Nếu có chúng sanh lúc mang bệnh khổ thời cần thầy, cần thuốc, thuở kiếp sơ chúng sanh đều hóa sanh dầu có phiền não nhưng bệnh phiền não chưa phát, do đây nên đức Như lai chẳng hiện ra đời. Lại chúng sanh thuở kiếp sơ, thân tâm của họ chẳng phải pháp khí, nên đức Như Lai chẳng hiện ra trong thời kỳ đó.

Nay Thiện Nam Tử! Phạm tất cả sự nghiệp của đức Như Lai đều hơn chúng sanh, như

giòng họ, quyền thuộc, cha mẹ. Do hơn chúng sanh, nên chỗ thuyết pháp của Như Lai mọi người đều tin thọ. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả chúng sanh, hoặc là cha làm theo nghề nghiệp của con, hoặc là con làm theo nghề nghiệp của cha. Đức Như Lai nếu hóa sanh thời không có cha mẹ, nếu không có cha mẹ thời làm sao khiến tất cả chúng thật hành những nghiệp lành. Do đây đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử! Trong chánh pháp của Phật có hai thứ hộ trì: Một là nội hai là ngoại. Nội hộ là giới cấm. Ngoại hộ là thân tộc, quyền thuộc. Nếu đức Như Lai hóa sanh thời không ngoại hộ. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử! Có người ỷ dòng họ mà sanh kiêu mạn. Vì phá sự kiêu mạn như vậy, nên đức Như Lai giáng sanh trong dòng họ cao sang, mà chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai có cha mẹ thật, cha là Vua Tịnh Phạn, mẹ là Hoàng Hậu Ma Da, mà còn có chúng sanh

nói rằng Như Lai là người huyền hóa, như thể thời đầu nên hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu Như Lai hóa sanh, thời làm thế nào có thân thể nát ra thành Xá Lợi. Đức Như Lai vì muốn cho chúng sanh tăng trưởng phước đức, nên nát rã thân thể mình thành Xá Lợi để cho chúng sanh cúng dường. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả chư Phật đều không hóa sanh, thời làm sao ta lại riêng mình hóa sanh.

Sư Tử Hồng Bồ Tát liền quỳ chấp tay nói kệ tán thán Phật:

Như Lai có vô lượng công đức,
 Tôi chẳng thể trình bày đủ hết,
 Nay vì chúng sanh nói một phần,
 Xin Phật xót thương cho tôi nói :
 Chúng sanh đi trong tối vô minh,
 Chịu đủ vô biên trăm thứ khổ,
 Phật có thể khiến họ xa lìa,
 Nên đời gọi Phật là đại bi.
 Chúng sanh đi trên dây sanh tử,
 Phóng dật mê hoan không an vui.

Phật có thể ban cho an vui,
Do đây dứt hẳn dây sanh tử.
Vì Phật cho chúng sanh an vui,
Nên chẳng tham đắm vui của mình,
Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh,
Nên trong đời đều cúng dường Phật.
Thấy người chịu khổ thân run rẩy,
Nên ở địa ngục chẳng biết đau,
Phật vì chúng sanh chịu khổ nhiều,
Nên là vô lượng không ai hơn.
Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh,
Đầy đủ sáu môn Ba La Mật,
Ở trong gió tà tâm chẳng động,
Nên hơn được đại sĩ trong đời.
Chúng sanh thường muốn được an vui,
Mà chẳng biết tu nhân an vui,
Phật có thể dạy bảo tu tập,
Dường như cha lành thương con một,
Phật thấy chúng sanh khổ phiền não,
Lòng khổ như mẹ lo con bệnh,
Thường nghĩ những phương tiện lìa bệnh,
Nên thân Phật hệ thuộc nơi người.
Tất cả chúng sanh làm điều khổ,
Lòng họ điên đảo cho là vui,

Phật diễn nói khổ vui chơn thật,
Nên đời gọi Phật là đại bi.
Đời đều ở trong vô vô minh,
Không có mỗ trí mỗ lung đượ,
Mỗ trí của Phật mỗ lung đượ,
Nên gọi Phật là mẹ lớn nhứt.
Chẳng bị nhiếp trì trong ba đời,
Không có danh tự và hiệu giả,
Hiểu biết nghĩa sâu của Niết Bàn,
Nên gọi Phật là bậc Đại Giác.
Ba cõi xoay chuyển nhận chúng sanh,
Vô minh mù lòa chẳng biết ra,
Phật tự độ mình độ đượ người,
Nên gọi Phật là đại thuyền sư.
Biết rõ đượ tất cả nhân quả,
Cũng lại thông đạt đạo tịch diệt,
Thường ban pháp đượ cho chúng sanh,
Nên đời gọi Phật là Y Vương.
Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh,
Nhân hạnh này đượ vui vô thượng,
Đức Phật diễn nói hạnh chơn lạc,
Làm cho chúng sanh hưởng an vui,
Nhu Lai Thế Tôn phá đạo tà,
Chỉ dạy chúng sanh đường chơn chánh,

Ai đi đường này được an vui,
Nên đời gọi Phật là Đạo Sư.
Chẳng phải mình và người làm ra,
Chẳng phải chung làm vô nhân làm,
Đức Phật giảng nói những sự khổ,
Đúng thật không như các ngoại đạo.
Thành tựu đầy đủ giới định huệ,
Cũng đem pháp này dạy chúng sanh,
Đem pháp bố thí không lẫn tiếc,
Phật hiệu là Đấng Vô Duyên Từ.
Không tạo tác cũng không nhân duyên,
Chúng được báo không nhân không quả,
Do đây tất cả bậc trí giả,
Khen nói đức Phật chẳng cầu báo.
Thường cùng thế gian hành phóng dật,
Mà thân chẳng làm phóng dật hạnh,
Nên gọi Phật là Bát Tư Nghì.
Tám pháp thế gian chẳng nhiễm ô.
Nhu Lai Thế Tôn không thân thù,
Nên tâm của Phật thường bình đẳng,
Tôi Sư Tử Hống, tán thán Phật,
Rỗng như vô lượng sư tử rống.

PHẨM CA DIẾP BỒ TÁT

THỨ HAI MƯƠI BỐN

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Đức Như Lai thương xót tất cả chúng sanh. Có thể điều phục kẻ chẳng điều phục, có thể thanh tịnh kẻ chẳng thanh tịnh, có thể quy y kẻ chẳng quy y, có thể giải thoát kẻ chưa giải thoát, được tám môn tự tại là bậc đại Y Sư, đại Dược Vương.

Bạch Thế Tôn! Thiện Tinh Tỳ Kheo là con trai của đức Phật lúc chưa xuất gia, sau khi làm Tỳ Kheo, Thiện Tinh thọ trì đọc tụng giải thuyết mười hai bộ kinh, phá kiết sử cõi dục chứng được tứ thiên. Tại sao đức Như Lai nói Thiện Tinh là hạng Nhứt Xiển Đề, là người hạ tiện người không thể trị được phải ở nơi địa ngục cả kiếp. Có gì đức Như Lai chẳng trước diễn nói chánh pháp cho Thiện Tinh, để được làm Bồ Tát. Nếu đức Thế Tôn chẳng cứu được Thiện Tinh Tỳ Kheo, thì đâu được gọi là có đại từ bi, có đại phương tiện?

Phật nói: Này Thiện Nam Tử! Ví như cha

mẹ chỉ có ba người con trai: Người trai thứ nhất cung kính cha mẹ có lòng tin thuận, thông minh trí huệ có thể làm xong được sự nghiệp trong đời; người trai thứ hai không cung kính tin thuận cha mẹ, thông minh trí huệ có thể làm xong sự nghiệp trong đời; người trai thứ ba không cung kính, tin thuận cha mẹ, ngu si vô trí.

Này Thiện Nam Tử! Nếu lúc cha mẹ muốn dạy bảo điều gì, thời nên dạy đứa con nào trước, thân ái đứa con nào trước, nên bảo đứa nào làm sự nghiệp trước?

_ Bạch Thế Tôn! Cha mẹ đó nên trước dạy bảo đứa con có lòng cung kính tin thuận thông minh trí huệ hiểu biết sự nghiệp trong đời, kế đến dạy bảo đứa thứ hai, rồi sau mới đến đứa con thứ ba. Hai đứa sau dầu không lòng cung kính tin thuận nhưng vì xót thương nên cũng lần lượt dạy bảo.

_ Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai cũng như vậy. Đứa con thứ nhất dụ cho Bồ Tát, đứa giữa dụ cho hàng Thanh Văn, đứa thứ ba dụ cho hạng Nhứt Xiển Đề.

Như trong kệ kinh, những nghĩa lý vi tế

ta đã trước giảng nói cho các vị Bồ Tát. Những nghĩa cạn cợt thời giảng nói cho hàng Thanh Văn. Những nghĩa thế gian thời giảng nói cho hạng Nhứt Xiển Đề phạm tội ngũ nghịch, dầu trong đời hiện tại họ không được lợi ích, nhưng cũng làm chủng tử lành cho đời sau.

Này Thiện Nam Tử! Ví như ba hạng ruộng: Hạng thứ nhứt nước chảy lưu thông, không có ngói đá gai góc, trồng một thân được trăm. Hạng thứ hai dầu không ngói đá gai góc, nhưng đường nước không được lưu thông nên hoa màu kém ruộng trên phân nửa. Hạng thứ ba đường nước khó khăn lại nhiều ngói đá gai góc cỏ mọc lan tràn trồng một chỉ thân được một.

Này Thiện Nam Tử! Đến mùa gieo trồng thời nông phu nên gieo trồng ruộng nào trước?

_ Bạch Thế Tôn! Nông phu kia nên gieo trồng ruộng thứ nhứt trước, kế đến ruộng thứ hai, sau rốt đến ruộng thứ ba.

_ Này Thiện Nam Tử! Ruộng thứ nhứt dụ cho Bồ Tát, ruộng thứ hai dụ cho Thanh Văn,

ruộng thứ ba dụ cho hạng Nhứt Xiển Đề.

Này Thiện Nam Tử! Ví như ba cái chậu: Cái thứ nhứt nguyên vẹn, cái thứ hai rịn chảy, cái thứ ba bể. Nếu muốn đựng sữa, lạc, nước, tô thời trước nên dùng chậu nào?

_ Bạch Thế Tôn! Nên trước dùng chậu lành, kế đến dùng chậu nứt, sau rốt mới đến chậu bể.

_ Này Thiện Nam Tử! Chậu lành dụ cho Bồ Tát, chậu nứt dụ hàng Thanh Văn, chậu bể dụ hạng Nhứt Xiển Đề.

Này Thiện Nam Tử! Như có ba người bệnh đồng đến y sĩ: Người thứ nhứt dễ trị, người thứ hai khó trị, người thứ ba không thể trị. Y Sĩ nên trước trị cho người nào?

_ Bạch Thế Tôn! Nên trị cho người dễ trước, kế đến người thứ hai, sau rốt đến người thứ ba, vì là hàng thân thuộc.

_ Này Thiện Nam Tử! Người bệnh dễ trị dụ cho Bồ Tát, người bệnh khó trị dụ cho Thanh Văn, người bệnh không thể trị dụ cho hạng Nhứt Xiển Đề. Dầu hạng sau rốt này đối với chánh pháp không được quả lành trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên

đức Như Lai cũng gieo trồng chủng tử lành cho họ đời sau.

Này Thiện Nam Tử! Ví như nhà vua có ba hạng ngựa: Hạng thứ nhất điều thuận mạnh mẽ, hạng thứ hai không điều thuận nhưng mạnh mẽ, hạng thứ ba không điều thuận là già yếu. Lúc muốn cỡi, nhà vua nên cỡi hạng ngựa nào trước?

_ Bạch Thế Tôn! Nhà vua nên trước cỡi hạng ngựa điều thuận mạnh mẽ, kế đến hạng thứ hai, sau cùng đến hạng thứ ba.

_ Này Thiện Nam Tử! Hạng điều thuận mạnh mẽ dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn, hạng thứ ba dụ cho Nhứt Xiển Đề. Dầu hạng sau rốt này không được lợi ích trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như Lai vun trồng chủng tử lành đời sau cho họ.

Này Thiện Nam Tử! Như lúc bố thí lớn có ba hạng người đến xin: Hạng thứ nhất dòng sang thông minh giữ giới hiền lành, hạng thứ hai dòng trung lưu ngu tối nhưng cũng giữ giới hiền lành, hạng thứ ba, dòng hạ tiện ngu tối phá giới hung ác.

Này Thiện Nam Tử! Thí chủ kia nên bố thí cho hạng nào trước?

_Bạch Thế Tôn! Nên trước bố thí cho hạng thứ nhất, kế đến hạng thứ hai, sau rốt đến hạng thứ ba.

_Này Thiện Nam Tử! Hạng thứ nhất dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn, hạng thứ ba dụ cho Nhứt Xiển Đề.

Này Thiện Nam Tử! Như đại sư tử lúc giết hương tượng thời dùng hết sức lực, lúc giết thỏ cũng dùng hết sức lực chẳng khinh thường. Chư Phật cũng như vậy, lúc thuyết pháp cho chư vị Bồ Tát dụng công cũng như lúc thuyết pháp cho hạng Nhứt Xiển Đề.

Này Thiện Nam Tử! Trước kia lúc ta ở thành Vương Xá, Thiện Tinh Tỳ Kheo làm thị giả. Đầu hôm nói pháp cho Thiên Đế Thích. Theo phép của thị giả, phải đi nằm sau Thầy.

Lúc đó vì ta ngồi lâu nên Thiện Tinh sanh niệm ác bạch với ta rằng mau đi vào thiên thất quý Bạc Câu La đến kia kia. Ta bảo Thiện Tinh, người là kẻ ngu si, người chẳng biết rằng đức Như Lai là bậc vô sở úy ư!

Đế Thích hỏi ta rằng: Bạch Thế Tôn! Hạng người như vậy mà cũng được vào trong Phật pháp ư?

Ta nói với Thiên Đế: Hạng người ấy cũng được vào trong Phật pháp, họ cũng có Phật tánh sẽ chứng được vô thượng Bồ Đề.

Dầu ta vì Thiện Tinh mà thuyết pháp, nhưng Thiện Tinh vẫn không có lòng tin.

Này Thiện Nam Tử! Lại có một lúc ta ở nước Ca Thi, thành Thi Bà Phú La, ta muốn vào thành khát thực. Vô lượng chúng sanh khao khát muốn thấy dấu chân của ta. Thiện Tinh Tỳ Kheo theo hầu phía sau chà bỏ dấu chân của ta, nhưng không chà mất được, lại làm cho chúng sanh có quan niệm chẳng lành.

Khi vào thành rồi, thấy trong nhà cất rượu có một Ni Kiên Tử ngồi xỏm khum lưng ăn bã rượu.

Thiện Tinh bạch với ta rằng: Nếu trong đời có bậc A La Hán thời người đó là hơn tất cả, vì người đó tuyên bố rằng không nhân không quả. Ta bảo Thiện Tinh: Người là người ngu si. Người chẳng nghe rằng bậc

A La Hán chẳng uống rượu, chẳng hại người, chẳng khi dối, chẳng trộm cướp, chẳng dâm dật ư! Ni Kiền Tử đó giết hại cha mẹ, ăn bã rượu sao người nói là bậc A La Hán. Người đó sau khi chết quyết định đọa địa ngục A Tỳ. Bậc A La Hán dứt hẳn ba đường ác, sao người gọi người đó là A La Hán.

Thiện Tinh liền nói: Tánh của tứ đại còn có thể chuyển đổi, quyết không có lẽ người đó đọa địa ngục A Tỳ.

Ta nói: Người là người ngu si. Người chẳng thường nghe rằng chư Phật luôn luôn nói lời thành thật ư?

Dẫu ta khuyên dạy Thiện Tinh, nhưng Thiện Tinh tuyệt không có lòng tin.

Này Thiện Nam Tử! Có một lúc kia ta cùng Thiện Tinh ở thành Vương Xá, trong thành có một Ni Kiền Tử tên là Khổ Đắc. Người này thường tuyên bố rằng: Chúng sanh phiền não không nhân, không duyên, chúng sanh giải thoát cũng không nhân không duyên.

Thiện Tinh bạch với ta rằng: Nếu trong

đòi có bậc A La Hán thời ông Khổ Đắc là trên hết.

Ta nói ngươi là kẻ ngu si. Ni Kiền Tử Khổ Đắc thiết chẳng phải A La Hán chẳng hiểu được đạo A La Hán.

Thiện Tinh nói rằng: Tại sao bậc A La Hán lại tạt đổ với A La Hán.

Ta nói ngươi là người ngu si. Ta chẳng sanh tạt đổ với A La Hán, chính là người tự sanh quan niệm ác tà. Nếu người nói Khổ Đắc là A La Hán, thời ông nên nghe đây, bảy ngày sau Khổ Đắc sẽ bị trúng thực đau bụng mà chết, chết rồi sẽ sanh trong loài quỷ ăn đồ ói mửa khạc nhổ của người. Bạn đồng học sẽ mang thân của Khổ Đắc bỏ trong rừng Tha Ma.

Thiện Tinh liền đem lời này thuật lại với Khổ Đắc rồi bảo Khổ Đắc rằng: Trưởng lão nên khéo tư duy, tu tập phương tiện, làm cho lời ông Cù Đàm thành vọng ngữ.

Sau khi nghe Thiện Tinh nói, Khổ Đắc liền đoạn thực, từ một ngày đến ngày thứ sáu, nhịn đói đủ bảy ngày, Khổ Đắc bèn ăn đường đen, rồi uống nước lã, đau bụng mà

chết. Bạn của Khổ Đắc liền mang thi hài bỏ trong rừng Tha Ma, Khổ Đắc sanh làm quỷ đói ăn đồ ối mưa, quanh quẩn ở bên tử thi.

Thiện Tinh hay được việc này liền đến trong rừng Tha Ma, thấy Khổ Đắc thọ thân quỷ đói, ở bên tử thi ngồi xôm khum lưng. Thiện Tinh hỏi quỷ đói: Đại Đức đã chết rồi ư?

Khổ Đắc đáp: Tôi đã chết.

_ Tại sao mà chết?

_ Vì đau bụng mà chết.

_ Ai mang thầy Đại Đức ra đây?

_ Bạn học của tôi.

_ Mang thầy bỏ chỗ nào?

_ Ông là người ngu! Ông há chẳng biết rằng đây là rừng Tha Ma ư?

_ Đại Đức thọ thân gì?

_ Tôi mang lấy thân quỷ ăn đồ ối mưa. Ông nên nghe kỹ! Lời nói của đức Như Lai, là lời lành, lời chân thật, lời phải thời, lời đúng nghĩa, lời đúng pháp. Sao ông lại chẳng tin lời chân thật của Như Lai. Nếu có kẻ nào chẳng tin lời nói chân thật của Như Lai thì kẻ đó cũng phải thọ lấy thân như tôi.

Thiện Tinh trở về bạch với ta rằng: Thế Tôn! Ni Kiền Tử Khổ Đắc sau khi chết được sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Ta nói: Này người ngu! Bạc A La Hán là bậc vô sanh, sao ngươi lại nói Khổ Đắc được sanh lên cõi trời Đao Lợi?

Thiện Tinh bạch rằng: Thế Tôn! Ni Kiền Tử Khổ Đắc thật chẳng sanh lên cõi trời, hiện nay đương thọ thân quỷ đói.

Ta nói: Này người ngu! Lời của chư Phật là lời thành thật, không bao giờ nói sai.

Thiện Tinh liền bạch rằng: Dầu lúc đó đức Như Lai nói như vậy, nhưng tôi trọn không có lòng tin.

Này Thiện Nam Tử! Ta cũng thường thuyết pháp cho Thiện Tinh Tỳ Kheo, mà Thiện Tinh tuyệt không có lòng tin thuần.

Này Thiện Nam Tử! Dầu Thiện Tinh đọc tụng mười hai bộ kinh, chứng được tứ thiên, nhưng chẳng hiểu nghĩa một kệ một câu nhãn đến một chữ. Vì gần gũi bạn ác nên mất tứ thiên, sanh kiến chấp tà ác mà nói rằng không Phật, không Pháp, không có Niết Bàn. Sa Môn Cù Đàm giỏi tướng số

nên có thể biết được tâm niệm của người.

Ta bảo Thiện Tinh: “Những pháp của ta giảng nói: Ban đầu, chặn giữa, rút sau, điều lành, lời khéo, nghĩa chánh, không xen tạp, thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh.

Thiện Tinh lại nói rằng: Dầu đức Như Lai vì tôi mà thuyết pháp, nhưng tôi vẫn nói quyết rằng không nhân không quả.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: Này Thiện Nam Tử! Nếu ông chẳng tin những việc như vậy, nay Thiện Tinh ở gần sông Ni Liên Thiên, ta cùng ông có thể đến đó để hỏi.

Liên đó đức Như Lai cùng ca Diếp Bồ Tát đến chỗ Thiện Tinh tỳ Kheo.

Thiện Tinh thấy Phật từ xa đi đến liền sanh tâm tà ác. Do tâm ác này, hiện thân đọa vào địa ngục A Tỳ.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: Này Thiện Nam Tử! Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp vô lượng công đức, nhưng trọn không được mảy mún lợi ích, đó là vì phóng dật, vì gần bạn ác.

Ví như có người dù vào biển lớn thấy nhiều châu báu, nhưng vì phóng dật nên

không được của báu.

Lại như người vào biển thấy châu báu, hoặc tự giết mình chết, hoặc bị ác quỷ giết chết. Cũng vậy, Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp nhưng bị bạn ác giết hại.

Này Thiện Nam Tử! Do đây nên đức Như Lai xót thương thường bảo rằng: Thiện Tinh phóng dật quá nhiều.

Này Thiện Nam Tử! Nếu là người trước kia nghèo cùng, với người này dầu có xót thương nhưng lòng thương không nhiều lắm. Nếu là người trước kia giàu lớn, về sau suy sụp nghèo cùng với người này, lòng xót thương sâu đậm hơn.

Thiện Tinh Tỳ Kheo cũng như vậy, đã thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, chúng được tứ thiên, rồi để thôi thất tất đáng xót thương. Do đây nên ta nói Thiện Tinh phóng dật quá nhiều nên dứt mất những căn lành. Hàng đệ tử của ta người nào nghe thấy việc này đều sanh lòng xót thương sâu đậm đối với Thiện Tinh Tỳ Kheo.

Từ nhiều năm ta thường cùng Thiện Tinh Tỳ Kheo gần gũi nhau, mà Thiện Tinh tự

sanh lòng tà ác, chẳng bỏ ác kiến.

Này Thiện Nam Tử! Từ xưa ta thấy Thiện Tinh có chút ít căn lành như lông tóc, trọn chẳng huyền ký Thiện Tinh là dứt tuyệt căn lành, là hạng hạ tiện Nhứt Xiển Đề phải đọa địa ngục. Bởi Thiện Tinh tuyên bố rằng không nhân không quả, không có tạo nghiệp, do đây nên ta huyền ký Thiện Tinh là hạng Nhứt Xiển Đề hạ tiện dứt hẳn căn lành phải đọa địa ngục cả kiếp.

Này Thiện Nam Tử! Như có người té chìm trong hầm phân, có bạn lành đưa tay mò đó, nếu nắm được đầu tóc, bèn muốn kéo lên, mò lâu chẳng được mới có tâm niệm thôi vớt. Cũng vậy ta tìm chút ít căn lành nơi Thiện Tinh để cứu vớt, nhưng trọn ngày tìm cầu mà chẳng được mảy lông tóc căn lành, do đây nên chẳng cứu được tội đọa địa ngục của Thiện Tinh.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Đức Như Lai có gì huyền ký Thiện Tinh sẽ đọa địa ngục A Tỳ.

_Này Thiện Nam Tử! Thiện tinh Tỳ Kheo có quyn thuộc đông, đều cho rằng Thiện

Tinh đã chứng được quả A La Hán. Vì ta muốn phá tâm niệm tà ác của họ nên huyền ký Thiện Tinh do phóng dật phải đọa địa ngục.

Này Thiện Nam Tử! Ông nên biết rằng lời nói của Như Lai là lời chơn thật không sai. Nếu Phật huyền ký sẽ đọa địa ngục, thời chẳng bao giờ không đọa.

Hàng Thanh Văn Duyên Giác huyền ký thời có hai thứ hoặc đúng, hoặc chẳng đúng. Như Mục Kiên Liên bảo người nước Ma Già Đà sau bảy ngày trời sẽ mưa, đến kỳ trời trợn chẳng mưa. Có lúc ông dự ký bò cái sẽ đẻ bò con trắng, đến lúc sanh sản lại đẻ bò con vá. Ông ấy dự ký sanh trai, về sau lại sanh con gái.

Này Thiện Nam Tử! Thiện Tinh thường tuyên bố với vô lượng chúng sanh rằng tất cả không có quả lành quả dữ, do đó dứt hẳn tất cả căn lành không còn mảy mún như lông tóc.

Từ lâu ta biết rõ Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, ta vẫn cố ý cùng Thiện Tinh ở chung cả hai mươi năm. Vì nếu ta không ở

gần Thiện Tinh, thời Thiện Tinh sẽ khuyến bảo vô lượng chúng sanh tạo những nghiệp ác. Đây gọi là trí lực thứ năm của đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Hạng Nhứt Xiển Đề do nhân duyên gì mà không có pháp lành?

_ Này Thiện Nam Tử! Vì hạng Nhứt Xiển Đề dứt căn lành. Chúng sanh đều có năm căn: Tín, tấn, niệm, định và huệ, mà hạng Nhứt Xiển Đề dứt hẳn căn lành này. Do nghĩa đây nên giết hại con kiến còn mắc phải tội sát sanh, nhưng giết hại hạng Nhứt Xiển Đề không mắc tội sát sanh.

_ Bạch Thế Tôn! Vì Nhứt Xiển Đề trọn không pháp lành nên gọi là Nhứt Xiển Đề ư?

_ Đúng như vậy!

_ Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh có ba thứ pháp lành: Quá khứ, vị lai và hiện tại. Hạng Nhứt Xiển Đề không thể dứt được pháp lành đời vị lai, sao lại nói rằng dứt hết pháp lành gọi là Nhứt Xiển Đề.

_ Này Thiện Nam Tử! Luận về sự dứt có hai thứ: Một là hiện tại dứt, hai là hiện tại chướng ngại vị lai. Hạng Nhứt Xiển Đề đủ cả

hai thứ này nên ta nói rằng Nhứt Xiển Đề dứt hết căn lành.

Này Thiện Nam Tử! Ví như có người té chìm trong hầm phẩn, dầu còn một sợi tóc chưa chìm, nhưng một sợi tóc không thể kéo nổi toàn thân. Hạng Nhứt Xiển Đề cũng như vậy dầu đời vị lai sẽ có căn lành nhưng không thể cứu được khổ địa ngục. Đời vị lai dầu có thể cứu khỏi, nhưng đời hiện tại không thể làm sao được. Do đây nên gọi là kẻ không thể cứu vớt.

Do Phật tánh làm nhân duyên thời cứu vớt được, vì Phật tánh chẳng phải quá khứ chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại, nên Phật tánh không bị dứt mất. Như hột mục hu thời không thể mọc mọng, hạng Nhứt Xiển Đề cũng như vậy.

_ Bạch Thế Tôn! Hạng Nhứt Xiển Đề chẳng dứt Phật tánh, Phật tánh là pháp lành, tại sao nói rằng dứt tất cả pháp lành?

Này Thiện Nam Tử! Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại có Phật tánh thời chẳng được gọi là Nhứt Xiển Đề. Như ngã tánh trong thế gian. Phật tánh là thường chẳng

thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời thời gọi là vô thường. Vì đời vị lai sẽ thấy Phật tánh, nên nói rằng chúng sanh đều có Phật tánh. Do nghĩa này nên bậc Thập Trụ Bồ Tát trang nghiêm đầy đủ công hạnh mới thấy được phần ít.

_Bạch Thế Tôn! Phật tánh là thường dường như hư không, tại sao đức Như Lai nói rằng vị lai? Nếu đức Như Lai nói rằng hạng Nhứt Xiển Đề không có pháp lành, lẽ đâu hạng này không có lòng thương tưởng đối với bạn bè, cha mẹ, vợ con thân quyến. Nếu họ có lòng thương tưởng thì lòng thương này chẳng phải là lành ư?

_Lành thay! Lành thay! Lời ông hỏi rất hay Phật tánh dường như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sanh có ba thứ thân; Thân quá khứ, thân vị lai, thân hiện tại. Đời vị lai chúng sanh trang nghiêm đầy đủ thân thanh tịnh thấy được Phật tánh, nên ta nói rằng Phật tánh đời vị lai.

Này Thiện Nam Tử! Ta vì chúng sanh có lúc hoặc nói nhân là quả, có lúc hoặc nói quả

là nhân, do đây nên trong kinh nói rằng mạng căn là ăn uống, thấy sắc là chạm xúc. Vì thân đời vị lai thanh tịnh nên nói Phật tánh.

_ Bạch Thế Tôn! Như ý nghĩa của đức Phật nói như vậy, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh?

_ Nay Thiện Nam Tử! Dầu Phật tánh hiện tại không, nhưng chẳng được nói rằng chúng sanh không Phật tánh. Như tánh hư không kia, dầu không hiện tại mà chẳng được nói là không. Dầu tất cả chúng sanh là vô thường, còn Phật tánh là thường trụ không biến đổi, do đây nên trong kinh ta nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dường như hư không. Nếu có trong có ngoài thì chẳng được gọi là duy nhất, là thường trụ, cũng chẳng được gọi là tất cả chỗ đều có. Dầu hư không chẳng phải trong chẳng phải ngoài nhưng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Ông nói rằng hạng Nhứt Xiển Đề có pháp lành đó, lời này không đúng nghĩa. Vì hạng

Nhứt Xiển Đề tất cả hành động nói năng đều là tà nghiệp, vì họ chẳng tin chẳng cầu nhân quả. Như gốc, cây, nhánh, lá, bông, hột, trái A Lê Lạc đều đắng, tất cả hành nghiệp của Nhứt Xiển Đề cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Đúc Như Lai thành tựu đầy đủ tri chư căn trí lực, do đây nên biết rõ căn tánh thượng trung hạ của tất cả chúng sanh: Biết rõ rằng người này từ bậc hạ lên bậc trung, biết rõ rằng người này từ bậc trung lên bậc thượng, biết rõ rằng người này từ bậc thượng thành bậc trung, biết rõ rằng người này từ bậc trung thành bậc hạ. Do đây nên biết rằng căn tánh của chúng sanh không quyết định, vì không quyết định nên hoặc đã dứt căn lành rồi trở lại sanh căn lành. Nếu căn tánh của chúng sanh là quyết định thì trọn không có đã dứt mà lại sanh, cũng chẳng nên nói rằng hạng Nhứt Xiển Đề đọa địa ngục một kiếp. Này Thiện Nam tử! Do đây nên đúc Như Lai nói rằng tất cả pháp không có tướng quyết định.

_ Bạch Thế Tôn! Đúc Như Lai đầy đủ tri

chư căn trí lực, biết chắc rằng Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, tại sao lại cho Thiện Tinh xuất gia?

_Này Thiện Nam Tử! Thuở ta mới xuất gia, em ta là Nan Đà, em họ là A Nan và Đề Bà Đạt Đa, con trai ta là La Hầu La, những người đó đều theo ta xuất gia tu hành. Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia, thời Thiện Tinh sẽ nói ngôi vua có quyền thế sẽ phá hoại Phật pháp, do đó nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Này Thiện Nam Tử! Nếu Thiện Tinh chẳng xuất gia cũng dứt mất căn lành trong vô lượng đời đều không lợi ích. Nay đã xuất gia dầu mất căn lành, nhưng có thể trì giới cung kính cúng dường bậc đức hạnh, tu tập sơ thiền nhãn đến tứ thiền những điều này gọi là nhân lành, nhân lành này có thể sanh pháp lành, pháp lành đã sanh thời có thể tu tập đạo hạnh, đã có thể tu tập đạo hạnh thời có thể được vô thượng Bồ Đề, do đây nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia thọ giới thời ta chẳng được gọi là Như Lai Thế

Tôn đầy đủ mười trí lực.

Này Thiện nam Tử! Đức Phật quán sát chúng sanh đủ cả pháp lành và pháp chẳng lành. Người này dầu đủ hai pháp như vậy, nhưng chẳng bao lâu sẽ dứt mất tất cả căn lành mà đủ cả pháp chẳng lành. Vì những chúng sanh này chẳng gần gũi bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, do đây nên sẽ dứt mất căn lành.

Đức Như Lai lại biết người này hiện đời hoặc đời vị lai, lúc trẻ hoặc lúc già, sẽ gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, thời có thể sanh căn lành trở lại.

Ví như có khe suối gần xóm làng, nước suối ngọt ngon đủ tám công đức. Có người nóng nảy khát nước muốn đến khe suối, người trí quyết định biết rằng người khát này sẽ đến bên nước, vì không còn con đường nào khác. Đức Như Lai quán sát chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên Như Lai gọi là có đủ tri chur căn trí lực.

Đức Thế Tôn lấy chút đất để trên móng tay rồi bảo Ca Diếp Bồ Tát rằng: Đất này

nhiều hay đất nơi mười phương thế giới nhiều?

_ Bạch Thế Tôn! Đất dính trên móng tay đâu có thể sánh với đất trong mười phương thế giới!

_ Nay Thiện Nam Tử! Có người đã chết trở lại được thân người, bỏ thân trong ba đường ác mà được thân người, căn thân đầy đủ, sanh nơi trung quốc, có đủ chánh tín, có thể tu tập đạo hạnh, có thể tu tập chánh đạo, có thể được giải thoát, có thể nhập Đại Niết Bàn. Được những điều trên đây thật là hy hữu như số lượng đất trên móng tay.

Bỏ thân người mang thân ba đường ác, bỏ thân ba đường ác trở lại thọ thân ba đường ác, thân căn chẳng đầy đủ, sanh nơi biên địa, tà kiến điên đảo, thật hành đạo tà, chẳng được giải thoát, chẳng được Niết Bàn, những hạng này đông nhiều như số lượng đất trong mười phương thế giới.

Nay Thiện Nam Tử! Người hộ trì cấm giới tinh tấn chẳng biến trễ, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng gây năm tội nghịch, chẳng lạm dụng vật của Tăng, chẳng dứt căn lành,

chẳng làm Nhứt Xiển Đề, tin thọ kinh điển Đại Niết bàn này, những người đây tất hy hữu như lượng số đất trên móng tay.

Người lười biếng phá giới, phạm bốn tội trọng, gây năm tội nghịch, lạm dùng của Tăng, làm Nhứt Xiển Đề dứt mất căn lành, chẳng tin kinh Niết Bàn này, số lượng đông nhiều như đất trong mười phương thế giới.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai biết rõ căn tánh thượng trung hạ của chúng sanh như vậy nên gọi là đầy đủ tri chư căn trí lực.

Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực như vậy, nên biết rõ căn tánh thượng trung hạ của tất cả chúng sanh, biết rõ căn tánh của chúng sanh đời hiện tại, cũng biết rõ căn tánh của chúng sanh đời vị lai, biết rõ những chúng sanh này sau khi Phật nhập diệt sẽ nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn hoặc nói rằng đức Như Lai không rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, hoặc cho rằng có trung âm, hoặc không trung âm, hoặc nói có thối thất, hoặc không thối thất, hoặc nói thân Như Lai là hữu vi hoặc nói là vô vi,

hoặc có kẻ nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói tâm là thường trụ, hoặc nói tâm là vô thường, hoặc có người nói hưởng vui ngũ dục thời hay chứng thánh đạo, hoặc nói chẳng chứng ngại, hoặc có kẻ nói thế đệ nhất chỉ thuộc về cõi dục hoặc nói thuộc về cả ba cõi, hoặc nói bố thí chỉ thuộc nơi ý nghiệp, hoặc nói bố thí thuộc nơi ngũ ấm, hoặc nói có ba pháp vô vi, hoặc nói không ba pháp vô vi, hoặc nói có tạo sắc, hoặc nói không tạo sắc, hoặc nói có vô tác sắc, hoặc nói không vô tác sắc, hoặc nói có tâm sở, hoặc nói không tâm sở; hoặc nói có năm đại chủng, hoặc nói có sáu đại chủng; hoặc nói giới Ưu Bà Tắc thọ đầy đủ bát quan trai, hoặc nói chẳng thọ được đầy đủ; hoặc nói Tỳ Kheo đã phạm tội tứ trọng mà giới Tỳ Kheo vẫn còn, hoặc nói chẳng còn; hoặc nói bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đều được thành Phật, hoặc nói chẳng được thành: Hoặc nói chính nơi chúng sanh có Phật tánh, hoặc nói rời chúng sanh có Phật tánh; hoặc nói hạng Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội

trọng năm tội nghịch đều có Phật tánh, hoặc nói không có Phật tánh; hoặc nói có chư Phật mười phương, hoặc nói không có chư Phật mười phương.

Đức Như Lai thành tựu đầy đủ trí chư căn trí lực như vậy, tại sao hôm nay chẳng nói quyết định?

Này Thiện Nam Tử! Những nghĩa như vậy chẳng phải là nhãn thức biết được, nhĩ đến chẳng phải là ý thức biết được, đây là chỗ biết của trí huệ. Nếu với người có trí huệ, thời ta trọn chẳng nói phân hai, người trí này cũng cho rằng Phật chẳng nói phân hai. Với người vô trí thời ta nói bất định người vô trí này cũng cho rằng Phật nói bất định.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả công hạnh lành của Như Lai đều vì điều phục chúng sanh. Như tất cả phương thuốc của lương y đều để chữa trị những bệnh khổ.

Này Thiện Nam Tử! Vì quốc độ, vì thời tiết, vì ngôn ngữ của người, vì độ người, vì căn tánh sai khác, nên đức Như Lai ở trong một pháp mà nói phân hai, nơi một danh

từ nói thành vô lượng danh từ, nơi trong một nghĩa nói thành vô lượng, nơi trong vô lượng nghĩa nói thành vô lượng.

Thế nào là một danh từ nói thành vô lượng danh từ? Như Niết Bàn, cũng gọi là Niết Bàn, là vô sanh, là vô xuất, là vô tác, là vô vi, là quy y, là nhà cửa, là giải thoát, là quang minh, là đèn sáng, là bờ kia, là vô úy, là bất thối, là chỗ an ổn, là tịch tịnh, là vô tướng, là bất nhị, là nhứt hạnh, là thanh lương, là không tối tăm, là không chướng ngại, là vô tránh, là vô trước, là quảng đại, là cam lộ, là cát tường.

Thế nào là một nghĩa nói thành vô lượng? Như Đế Thích: Cũng gọi là Đế Thích, cũng gọi là Kiều Thi Ca, là Bà Ta Bà, là Phú Lan Đà La, là Ma Pháp Bà, là Nhân Đà La, là Thiên Nhân, là Xá Chi Thiên, là Kim Cang, là Bửu Đảnh, là Bửu Tràng.

Thế nào là nơi vô lượng nghĩa nói thành vô lượng? Như Phật Như Lai cũng gọi là Như Lai, vì nghĩa khác nên tên cũng khác, gọi là A La Ha, cũng gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà, cũng gọi là Thuyền Sư, cũng gọi là

Đạo Sư, là Chánh Giác, là Minh Hạnh Túc, là Sư Tử Vương, là Sa Môn, là Bà La Môn, là Tịch Tĩnh, là Thí Chủ, là Đáo Bĩ Ngạn, là Đại Y Vương, là Đại Tượng Vương, là Đại Long Vương, là Thí Nhãn, là Đại Lực Sĩ, là Đại Vô Úy, là Bửu Tụ, là Thương Chủ, là Đắc Thoát, là Đại Trượng Phu, là Thiên Nhân Sư, là Đại Vân Đà Lợi, là Vô Đẳng Lữ, là Đại Phước Điền, là Trí Huệ Hải, là Vô Tướng, là Bát Trí.

Lại có một nghĩa mà nói thành vô lượng danh từ, như âm : Cũng gọi là âm, cũng gọi là điền đảo, là đế, là tứ niệm xứ, là tứ thực, là chỗ ở của tứ thức, là hữu, là đạo, là thời, là chúng sanh, là thế, là đệ nhứt nghĩa, là ba pháp tu: Thân, giới và tâm, là nhân quả, là phiền não, là giải thoát, là mười hai nhân duyên, là Thanh Văn, là Bích Chi Phật, là Phật, là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên, là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai vì chúng sanh nên trong rộng mà nói lược, trong lược mà nói rộng, nơi đệ nhứt nghĩa để nói thành thế đế, nơi thế đế nói thành đệ nhứt

nghĩa đế.

Thế nào trong rộng mà nói lược? Như ta bảo các Tỳ Kheo: Hôm nay ta giảng nói mười hai nhân duyên. Thế nào gọi là mười hai nhân duyên?

Chính là nhân quả.

Thế nào gọi là trong lược mà nói rộng? Như ta bảo các Tỳ Kheo: Hôm nay ta giảng nói khổ tập diệt đạo. Khổ là vô lượng sự khổ, tập là vô lượng phiền não, diệt là vô lượng giải thoát, đạo là vô lượng phương tiện.

Thế nào gọi là nơi đệ nhứt nghĩa đế nói là thế đế? Như ta bảo các Tỳ Kheo. Thân của ta đây có già bệnh chết.

Thế nào gọi là nơi thế đế nói là đệ nhứt nghĩa đế? Như ta bảo Kiều Trần Như: Vì ông đắc pháp nên gọi là A Nhã Kiều Trần Như.

Do vì tùy theo người tùy theo ý, tùy theo thời như vậy, nên gọi đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực.

Này Thiện Nam Tử! Đối với những nghĩa như vậy nếu ta nói quyết định thời ta chẳng được gọi là đức Như Lai có đủ tri chư căn trí

lục. Người có trí biết rằng chỗ mang chở của hương tượng chẳng phải lừa ngựa mang nổi. Tất cả chúng sanh có vô lượng hành nghiệp, nên đức Như Lai vì họ mà nói vô lượng pháp, đó là do vì chúng sanh có vô lượng phiền não. Nếu đức Như Lai nói một hạnh một pháp thời chẳng gọi là đức Như Lai có đủ tri chur căn trí lục. Do đây nên trong các kinh khác ta nói rằng có năm hạng chúng sanh chẳng nên vì họ nói năm thứ pháp: Vì người chẳng có lòng tin thời chẳng tán thán chánh tín, vì người phá giới cấm thời chẳng tán thán trì giới, vì người xan tham thời chẳng tán thán bố thí, vì người giải đãi thời chẳng tán thán đa văn vì người ngu si thời chẳng tán thán trí huệ. Nếu người trí vì năm hạng này mà nói năm việc trên đây, thời nên biết rằng người thuyết pháp này chẳng có đủ tri chur căn trí lục, cũng chẳng được gọi là thương xót chúng sanh. Vì năm hạng này nếu nghe giảng nói năm điều trên đây thời họ sẽ sanh lòng nghi, lòng ác, lòng sân hận, mà phải chịu quả báo khổ trong vô lượng đời. Do đây nên trước kia trong các

kinh khác ta bảo Xá Lợi Phất rằng: Ông phải cẩn thận chớ vì người lợi căn mà rộng thuyết pháp, chớ vì người độn căn mà lược thuyết pháp. Xá Lợi Phất bạch rằng tôi chỉ vì thương xót mà thuyết pháp, chẳng phải là có đủ tri chur căn trí lực mà thuyết pháp.

Này Thiện Nam Tử! Thuyết pháp hoặc rộng hoặc lược là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn và Duyên Giác biết được.

Này Thiện Nam Tử! Như ông nói rằng sau khi Phật nhập Niết Bàn hàng đệ tử đều nói khác nhau, những người đó đều vì điên đảo nên chẳng được chánh kiến, chẳng thể lợi mình lợi người.

Này Thiện Nam Tử! Chúng sanh chẳng phải chỉ có một tánh một hạnh, một căn, một quốc độ, một thiện tri thức. Do đây nên đức Như Lai vì chúng sanh mà tuyên nói nhiều pháp yếu. Do nhân duyên này nên chur Phật trong mười phương ba đời vì chúng sanh mà khai thị diễn thuyết mười hai bộ kinh.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai nói mười

hai bộ kinh đây chẳng phải để lợi cho mình mà chỉ vì lợi ích cho người, nên trí lực thứ năm của Như Lai gọi là giải lực. Do hai trí lực này nên đức Như Lai biết rõ người này hiện tại có thể dứt căn lành người này đời sau có thể dứt căn lành, người này hiện tại có thể được giải thoát, người này đời sau có thể được giải thoát, do đây nên đức Như Lai được là vô thượng lực sĩ.

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn, những người này chẳng hiểu ý của Như Lai nên nói những lời như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Trong núi Hương Sơn có năm mươi ba ngàn vị tiên nhân, những vị này đã tu tập công đức nơi đức Phật Ca Diếp thuở quá khứ, họ chưa được chánh đạo, chưa được gần gũi Phật để nghe chánh pháp. Vì muốn độ những vị tiên nhân này nên đức Như Lai bảo A Nan rằng ba tháng sau ta sẽ nhập Niết Bàn. Chư thiên truyền lời này đến núi Hương Sơn. Các vị tiên nhân nghe tin Phật sắp nhập

Niết Bàn bèn sanh lòng hối hận mà bảo nhau rằng tại sao chúng ta được sanh trong nhân đạo mà chẳng được gần gũi Phật. Chư Phật ra đời rất khó gặp như hoa Ưu Đàm. Nay chúng ta nên đến ra mắt đức Thế Tôn để được nghe chánh pháp.

Này Thiện Nam Tử! Lúc đó năm mươi ba ngàn tiên nhân liền đến ra mắt ta. Ta bèn theo cơ của họ mà thuyết pháp: Này các đại sĩ! Sắc là vô thường, vì nhân duyên của sắc là vô thường. Đã từ nhân vô thường mà sanh thời sắc đâu phải là thường trụ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các tiên nhân sau khi nghe pháp yếu trên đây tất cả đều chúng được quả A La Hán.

Này Thiện Nam Tử! Trong thành Câu Thi Na Kiệt có ba mươi muôn lực sĩ tự thị sức mạnh của mình ngạo nghễ không chịu tùng phục ai.

Vì muốn điều phục các lực sĩ này nên ta bảo Mục Liên đến điều phục các lực sĩ ấy. Lúc đó Mục Kiền Liên tuân lệnh ta, trọn năm năm giáo hóa nhiều cách, nhưng

chẳng thể điều phục được một lực sĩ. Do đây nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng đức Phật sẽ nhập Niết Bàn. Các lực sĩ nghe được tin này bèn họp nhau sửa sang đường xá.

Đến ngày ta từ nước Tỳ Xá Ly đến thành Câu Thi Na. Giữa đường thấy các lực sĩ, ta liền hóa thân làm vị Sa Môn hỏi các lực sĩ rằng: Bọn đồng tử kia làm việc gì thế? Các lực sĩ đều nổi giận nói rằng: Này Sa Môn! Tại sao ông gọi chúng ta là đồng tử?

Ta bảo các lực sĩ bọn người đến ba mươi muôn người mà không đủ sức dời nổi hòn đá nhỏ nhít này, nên ta gọi là đồng tử đâu phải lời quá đáng.

Các lực sĩ nói nếu ông gọi chúng ta là đồng tử, thì ông phải là bậc đại nhân.

Này Thiện Nam Tử! Lúc đó ta dùng hai ngón chân hất văng hòn đá ấy. Các lực sĩ thấy như vậy liền hết khinh ngạo mà nói rằng: Này Sa Môn! Nay ông có thể dời hòn đá này ra khỏi đường chẳng? _Ta nói này các đồng tử! Do nhân duyên gì mà các người sửa sang con đường này? _Các lực sĩ nói này Sa Môn ! Đức Thích Ca Như Lai sẽ

do con đường này đi đến rừng Ta La mà nhập Niết Bàn, nên chúng ta họp nhau lại sửa sang. Ta khen rằng: Lành thay! Các đồng tử đã phát tâm tốt như vậy, ta sẽ dòi hòn đá này cho các ông.

Nói xong ta liền lấy tay bung hòn đá dòi lên giữa hư không. Các lực sĩ kinh hải muốn chạy tránh. Ta liền bảo họ rằng: Các người chẳng nên kinh sợ! Rồi ta lấy tay hứng bắt hòn đá để trên bàn tay mặt.

Các lực sĩ đều vui mừng khen ngợi hỏi rằng: Nay Sa Môn! Hòn đá ấy là thường hay vô thường?

Ta liền dùng miệng thổi hòn đá tan nát ra như cát bụi.

Các lực sĩ thấy như vậy đồng cất tiếng xướng rằng hòn đá ấy là vô thường! Họ sanh lòng hổ thẹn không còn có tâm niệm kiêu mạn.

Ta liền hiện lại hình Phật mà vì họ thuyết pháp. Ba mươi muôn lực sĩ đều phát tâm vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Nơi thành Câu Thi Na có người thợ tên Thuần Đà. Người này

nơi thời kỳ đức Phật Ca Diếp đã phát nguyện rằng: Lúc Thích Ca Như Lai nhập Niết Bàn ta sẽ là người cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Phật. Do đây nên ta ở nước Tỳ Xá Ly bảo Tỳ Kheo Ưu Bà Ma Na rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La trong thành Câu Thi Na, ông nên qua cho Thuần Đà hay!

Này Thiện Nam Tử! Trong thành Vương Xá có vị Ngũ Thông Tiên Nhân tên là Tu Bạt Đà La được một trăm hai mươi tuổi. Tiên nhân này thường tự xưng là bậc nhứt thiết trí sanh lòng kiêu mạn. Tiên nhân này đã vun trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật thưở quá khứ.

Vì muốn điều phục Tiên nhân này nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn! Tu Bạt Đà La nghe tin này sẽ sanh lòng kính tin mà đến ra mắt ta. Ta sẽ độ ông chứng quả A La hán.

Này Thiện Nam Tử! Nơi thành La Duyệt Kỳ, Thái Tử Thiện Kiến muốn hại vua cha là Tần Bà Ta La, mà chưa có dịp hại được. Lúc đó Đề Bà Đạt Đa cũng muốn hại ta,

bền tu tập chứng được ngũ thông, làm bạn thân với Thái Tử Thiện Kiến. Vì Thái Tử mà hiện thân thông. Thái Tử rất kính mến cúng dường trọng hậu.

Một lúc kia Thái Tử thưa với Đè Bà Đạt Đa rằng: Bạch Đại Sư Thánh nhân, nay tôi muốn thấy hoa Mạn Đà La.

Đè Bà Đạt Đa liền đến cung trời Đao Lợi, xin bông Mạn Đà La, vì phước đã hết nên không vị trời nào chịu cho. Xin không được bông, Đè Bà Đạt Đa suy nghĩ rằng: Cây Mạn Đà La vốn không ngã, không ngã sở, nếu ta tự lấy bông nào có tội gì. Nghĩ xong Đè Bà Đạt Đa đến bên cây muốn lấy bông, liền mất thân thông, trở lại thấy thân mình ở nơi thành Vương Xá, sanh lòng hổ thẹn chẳng dám đến gặp Thái Tử Thiện Kiến. Đè Bà Đạt Đa lại nghĩ rằng nay ta nên đến chỗ Phật đòi đại chúng. Nếu Phật cho ta sẽ tùy ý sai bảo Xá Lợi Phất v.v...

Đè Bà Đạt Đa liền đến chỗ Phật mà bạch rằng: Ngưỡng mong đức Như Lai đem đại chúng này giao phó cho tôi, tôi sẽ thuyết pháp giáo hóa họ.

Phật nói: Người ngu si! Xá Lợi Phất v.v... là bậc thông minh đại trí mọi người tin phục, mà ta còn chẳng đem đại chúng giao phó, huống người là người ngu si ăn nước miếng của kẻ khác ư!

Lúc đó Đề Bà Đạt Đa càng sanh ác tâm nói rằng: Nay Cù Đàm. Nay dầu ông điều phục đại chúng, nhưng thế cũng chẳng được lâu sẽ phải bị tiêu diệt! Vừa nói xong đất liền rung động, Đề Bà Đạt Đa té xuống đất, bên thân ông ấy phát ra luồng gió mạnh thổi bụi đất lấm dơ cả mình.

Đề Bà Đạt Đa thấy tướng xấu này lại nói rằng: Nếu thân ta hiện đời phải đọa A Tỳ địa ngục, ta phải báo sự oán thù lớn này.

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Thái Tử Thiện Kiến.

Thái Tử: Hỏi Đại sư Thánh nhân có sao dung nhan tiêu tụy sắc diện lo buồn?

Đề Bà Đạt Đa nói: Ta luôn luôn như vậy mà Thái Tử chẳng biết ư?

Thái Tử hỏi: Có nhân duyên gì như vậy? Xin Đại Sư dạy rõ.

Đề Bà Đạt Đa nói: Nay ta cùng Thái Tử

thân mến nhau. Người ngoài mắng nhiếc Thái Tử, lẽ đâu ta chẳng lo buồn.

Thái Tử hỏi: Người ta mắng nhiếc tôi như thế nào?

Đề Bà Đạt Đa nói: Mọi người mắng Thái Tử là vị sanh oán.

Thái Tử hỏi: Sao lại gọi tôi là vị sanh oán? Ai đặt ra danh từ này?

Đề Bà Đạt Đa nói: Lúc chưa sanh Thái Tử, tất cả tướng sư đều bảo rằng lúc đứa trẻ này lớn lên sẽ giết cha do đó người ngoài đều gọi Thái Tử là vị sanh oán. Người trong cung vì muốn Thái Tử vui lòng nên đặt là Thiện Kiến.

Vi Đề Hy phu nhân nghe lời tướng sư, lúc sanh Thái Tử từ trên lầu cao ném xuống đất, làm gãy mất một ngón tay của Thái Tử. Do có này nên mọi người lại gọi tên Thái Tử là Chiết Chi. Ta nghe những việc này trong lòng lo buồn, nhưng lại chẳng dám nói với Thái Tử.

Đề Bà Đạt Đa đem những việc ác như vậy xúi Thái Tử giết vua cha mà bảo rằng: Nếu Thái Tử giết vua cha, thì ta cũng có

thê giết Sa Môn Cù Đàm.

Thái Tử hỏi đại thần Võ Hành. Đại thần thuật sự tích đặt tên đúng như lời của Đề Bà Đạt Đa.

Thái Tử nghe xong liền cùng đại thần bắt vua cha giam ở ngoài thành sai bốn đội binh giữ gìn nghiêm ngặt. Phu nhân Vi Đề Hy đến thăm vua. Người giữ cửa nhà giam chẳng cho vào. Phu nhân cả giận bèn quở mắng. Người giữ cửa đem việc này thưa với Thái Tử. Thái Tử Thiện Kiến giận dữ vào cung nắm tóc mẹ rút gươm muốn chém.

Kỳ Bà liền đến can rằng: Tâu Đại Vương! Từ khi lập quốc đến nay, dầu tội rất nặng cũng chẳng xử đến người nữ, huống là mẹ đẻ.

Thái Tử vì nể Kỳ Bà nên không giết phu nhân. Dứt hẳn sự uống ăn thuốc men của vua cha. Quá bảy ngày vua cha chết. Thiện Kiến Thái Tử mới sanh lòng hối hận.

Đại Thần Võ Hành tâu rằng: Tất cả hành nghiệp đều không có tội, sao Đại Vương lại sanh lòng hối hận buồn rầu.

Kỳ Bà tâu rằng: Đại Vương nên biết rằng

việc làm của Đại Vương gồm hai tội nặng: một là tội giết cha, hai là tội giết Tu Đà Hoàn. Tội nặng như vậy trừ Phật không ai có thể làm cho tội đó được trừ diệt.

Vua nói Đức Như Lai thanh tịnh ta là người tội như uest làm sao dám đến thấy Phật.

Này Thiện Nam Tử! Ta biết việc này nên bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Thái Tử Thiện Kiến nghe tin này liền đến ra mắt ta. Ta vì Thiện Kiến mà thuyết pháp, do đây tội nặng được bớt nhẹ, Thiện Kiến được vô căn tín.

Này Thiện Nam Tử! Hàng đệ tử của ta nghe những lời này chẳng hiểu ý của ta, nên cho rằng đức Như Lai quyết định nói rõ ráo nhập Niết Bàn.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát có hai hạng: Một là thật nghĩa, hai là giả danh.

Giả danh Bồ Tát nghe tin Phật sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn, đều sanh lòng thối thất mà nói rằng: Đức Như Lai còn là vô

thường, tại sao chúng ta lại vì sự vô thường mà lại cần khổ trong vô lượng đời. Đức Như Lai thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà còn không thể phá hoại được tử ma, huống là bọn ta.

Này Thiện Nam Tử! Ta vì hạng Bồ Tát này mà nói rằng Như Lai thường trụ không có biến đổi.

Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như Lai trọn chẳng rớt nhập Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Có những chúng sanh chấp đoạn kiến bảo rằng tất cả chúng sanh sau khi thân thể chết mất, những nghiệp thiện, nghiệp ác không có người lãnh thọ. Ta vì những người này mà nói rằng quả báo lành cũng như quả báo ác thiết có người lãnh thọ. Do đâu biết rằng có?

Như thuở quá khứ nơi thành Câu Thi Na có Thiện Kiến Vương: Lúc làm đồng tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, thời kỳ làm Thái tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, đến lúc lên ngôi vua cũng trải qua tám

muôn bốn ngàn tuổi. Thiện Kiến Vương ngồi riêng một mình suy nghĩ rằng: Chúng sanh phước mỏng tuổi thọ ngắn ngủi, thường có bốn thứ oan gia theo dõi mà chúng sanh chẳng hay biết, mãi phóng dật. Ta nên xuất gia tu hành dứt tuyệt bốn thứ oan gia sanh, già, bệnh, chết. Nhà vua sai quan xây nhà thất bảo ở ngoài thành rồi bảo quần thần, hậu phi, các vương tử cùng tất cả quyến thuộc: Nay ta muốn xuất gia các người có bằng lòng không? Các đại thần cùng quyến thuộc đều bằng lòng. Thiện Kiến Vương đem theo một người hầu hạ qua ở nơi nhà thất bảo tu tập từ tâm trải qua tám muôn bốn ngàn năm. Do sự tu tập từ tâm này nên sau đó trải qua tám muôn bốn ngàn đời thường làm Chuyển Luân Thánh Vương, ba mươi đời làm Thích Đề Hoàn Nhân, vô lượng đời làm tiểu quốc vương.

Này Thiện Nam Tử! Thiện Kiến Vương thưở xưa đó chính là tiền thân của ta. Các đệ tử của ta nghe những lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng: Đức Như Lai quyết định nói có ngã và có ngã sở.

Lại một thời kỳ kia ta vì chúng sanh mà nói rằng ngã chính là tánh, nghĩa là những nhân duyên trong thân ngoài cảnh, mười hai nhân duyên, ngũ âm, tâm, giới, công đức, hành nghiệp, tự tại thiên chính đây gọi là ngã. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có ngã.

Này Thiện Nam Tử! Ngày kia có một Tỳ Kheo đến bạch rằng: Thế Tôn! Thế nào gọi là ngã, ai là ngã? Duyên gì mà có ngã? Ta bảo Tỳ Kheo đó rằng: Này Tỳ Kheo không có ngã không có ngã sở. Ngã đó chính là trước không mà nay có, có rồi trở lại không. Lúc nó sanh không từ đâu lại, lúc nó diệt cũng không đến đâu. Dầu có nghiệp quả mà không có tác giả, không có ai rời bỏ ngũ âm cũng như không có ai thọ lấy ngũ âm. Như lời ông hỏi thế nào là ngã? Ngã đó chính là thời kỳ vậy. Ai là ngã? Chính là nghiệp vậy. Duyên gì mà có ngã? Chính là ái vậy. Này Tỳ Kheo! Như hai tay vỗ nhau trong đó phát ra tiếng. Ngã cũng như vậy, chúng sanh, nghiệp, ái, do ba nhân duyên này mà

gọi đó là ngã. Này Tỳ Kheo! Noi tất cả chúng sanh, sắc chẳng phải là ngã, trong ngã không có sắc, trong sắc không có ngã, thọ tưởng hành thức cũng như vậy. Này Tỳ Kheo! Các ngoại đạo đều nói là có ngã nhưng trọn chẳng lìa ngũ ấm. Không bao giờ có thể nói rằng riêng có ngã rời ngoài ngũ ấm. Tất cả chúng sanh, hành nghiệp như huyễn hóa như dương diệm. Này Tỳ Kheo! Ngũ ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Này Thiện Nam Tử! Lúc ta giảng dạy những lời trên đây, có vô lượng Tỳ Kheo quán ngũ ấm là vô ngã, là không ngã sở, mà chúng được quả A La Hán.

Này Thiện Nam Tử! Các đệ tử của ta nghe lời nói trên đây chẳng hiểu được ý của ta cho rằng đức Như Lai quyết định nói vô ngã.

Này Thiện Nam Tử! Trong khế kinh ta lại nói rằng do ba sự hòa hiệp mà có thân: Cha mẹ, trung ấm. Hoặc có lúc ta nói bậc A Na Hàm nơi hiện thân nhập Niết Bàn, hoặc nói nơi thân trung ấm nhập Niết Bàn. Hoặc nói

rằng thân căn của trung âm minh mẫn sáng suốt đều do nơi hạnh nghiệp đời trước, như đê hồ trong sạch.

Này Thiện Nam Tử! Có lúc ta nói rằng chúng sanh tệ ác thọ thân trung âm xấu xí như vải bố thô. Chúng sanh thuần thiện thọ thân trung âm tốt đẹp như lụa trắng. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có thân trung âm.

Này Thiện Nam Tử! Ta lại vì những chúng sanh phạm tội nghịch mà nói rằng kẻ tạo tội ngũ nghịch sau khi chết thẳng vào địa ngục A Tỳ.

Ta lại nói rằng Tỳ Kheo Đàm Ma Lưu Chi, sau khi chết thẳng vào địa ngục A Tỳ, nơi khoảng giữa không chỗ dừng ở.

Ta lại bảo Phạm Chí Độc Tử: Này Phạm Chí! Nếu có thân trung âm thời có sáu sự có. Ta lại nói có chúng sanh cõi vô sắc không có thân trung âm. Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng đức Phật quyết định nói không thân trung âm.

Này Thiện Nam Tử! Trong khế kinh ta lại nói có thói thất. Nhân nơi vô lượng sự giải đãi biếng trễ, các Tỳ Kheo chẳng tu hành đạo hạnh nên nói có năm điều thói thất: Một là thích nhiều việc, hai là thích nói việc đời, ba là ưa ngủ nghỉ, bốn là ưa gần người tại gia, năm là ưa thường dạo đi, do năm nhân duyên này làm cho Tỳ Kheo thói thất.

Nhân duyên thói thất lại có hai thứ: Một là nội nhân, hai là ngoại nhân, bậc A La Hán dầu rời khỏi nội nhân chẳng lìa ngoại nhân. Do nhân duyên ngoài nên sanh phiền não. Vì sanh phiền não thời thói thất.

Có Tỳ Kheo tên là Cù Đàm, sáu phen thói thất, sanh lòng hổ thẹn lại tiến tu lần thứ bảy bèn được, được rồi sợ thói thất lấy dao tự đâm mình mà chết.

Ta lại nói có lúc giải thoát, hoặc nói sáu hạng A La Hán. Các đệ tử của ta nghe những lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như lai quyết định nói có thói thất.

Này Thiện Nam Tử! Trong kinh lại nói như đã cháy thành than thời chẳng còn trở lại làm cây gỗ. Như bình đã bể thời không

còn công dụng của bình. Phiền não cũng như vậy, A La Hán đã dứt thời trọn chẳng có lại nữa.

Ta cũng nói chúng sanh nhân duyên có phiền não do ba điều: Một là chưa dứt phiền não, hai là chẳng dứt nhân duyên, ba là chẳng khéo suy nghĩ. Bậc A La Hán không có hai điều: Nghĩa là đã dứt phiền não và đã khéo suy nghĩ. Các đệ tử của ta nghe lời này, chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói không thối thất.

Trong kệ kinh ta nói thân của Như Lai có hai thứ: Một là sanh thân, hai là pháp thân. Sanh thân là thân phương tiện ứng hóa. Thân này có thể nói là sanh già bệnh chết, cao thấp đen trắng, là đây là kia là học là vô học. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp hữu vi. Pháp thân là thường lạc ngã tịnh, là hẳn tất cả sanh già bệnh chết, chẳng phải trắng đen, chẳng phải cao thấp, chẳng phải đây kia, chẳng phải học vô học, Phật ra đời

hoặc chẳng ra đời vẫn thường trụ chẳng động không biến đổi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như lai quyết định nói thân Phật là pháp vô vi.

Này Thiện Nam Tử! Trong khế kinh ta nói mười hai nhân duyên: Từ vô minh sanh ra hành, từ hành sanh ra thức, từ thức sanh ra danh sắc, từ danh sắc sanh ra lục nhập, từ lục nhập sanh ra xúc, từ xúc sanh ra thọ, từ thọ sanh ra ái, từ ái sanh ra thủ, từ thủ sanh ra hữu, từ hữu sanh ra sanh, từ sanh thời có già chết buồn khổ. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng đức Như Lai nói mười hai nhân duyên quyết định là hữu vi.

Lại một ngày kia ta bảo các Tỳ Kheo rằng mười hai nhân duyên tánh tướng là thường trụ không luận có Phật hay không Phật. Có mười hai duyên chẳng từ duyên sanh, có từ duyên sanh chẳng phải mười hai duyên, có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên, có chẳng phải duyên sanh mà cũng chẳng phải là mười hai duyên.

Có mười hai duyên chẳng phải là duyên sanh, chính là mười hai chi đời vị lai. Có từ duyên sanh mà chẳng phải là mười hai chính là thân ngũ ấm của A La Hán. Có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên chính là thân ngũ ấm của phàm phu. Mười hai nhân duyên chẳng phải là duyên sanh, chẳng phải mười hai duyên chính là hư không Niết Bàn.

Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai nói mười hai nhân duyên quyết định là vô vi.

Này Thiện Nam Tử! Trong khế kinh ta nói tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác, lúc chết, tứ đại này liền hư hoại. Người tạo nghiệp thuần thiện tâm thức liền đi lên, người tạo nghiệp thuần ác tâm thức liền đi xuống. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói tâm quyết định là thường trụ.

Này Thiện Nam Tử! Một thuở kia ta nói với vua Tần Bà Ta La rằng: Này Đại vương! Sắc là vô thường vì từ nhân vô thường mà sanh ra sắc. Nếu sắc đã từ nhân vô thường

mà sanh, người trí không bao giờ nói sắc là thường. Nếu sắc là thường lẽ ra chẳng hoại diệt sanh các khổ não. Nay thấy sắc hoại diệt nên biết rằng sắc là vô thường. Như sắc, thọ tướng hành thức cũng như vậy.

Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói tâm quyết định đoạn diệt.

Này Thiện Nam Tử! Trong khế kinh ta nói hàng đệ tử lãnh thọ những hoa hương vàng bạc vật báu vợ con tôi tớ, tám vật bất tịnh chúng được chánh đạo cũng chẳng rời bỏ những vật ấy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục chẳng chướng ngại thánh đạo.

Lại có lúc ta nói người tại gia không thể chúng được chánh đạo. Hàng đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục quyết định chướng ngại chánh đạo.

Trong khế kinh ta nói xa lìa phiền não chưa được giải thoát như cỡi dục tu tập pháp thế đệ nhứt. Các đệ tử của ta nghe lời này

chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói pháp thế đệ nhất chỉ là cõi dục.

Trong khế kinh ta lại nói noãn pháp, đánh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhất pháp thuộc nơi sơ thiên đến tứ thiên. Với các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói bốn pháp ấy thuộc nơi cõi sắc. Trong khế kinh ta lại nói hàng ngoại đạo đã dứt được phiền não cõi tứ thiên tu tập noãn pháp đánh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhất pháp, quán tứ đế chứng quả A Na Hàm. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói thế đệ nhất pháp thuộc nơi cõi vô sắc.

Trong khế kinh ta từng nói trong bốn thứ bố thí có ba điều trong sạch: Một là thí chủ tin nhân tin quả tin bố thí, người thọ chẳng tin nhân, chẳng tin quả cùng bố thí, hai là thí chủ chẳng tin nhân quả và bố thí, người thọ tin nhân quả và bố thí; ba là thí chủ và người thọ cả hai đều có lòng tin; bốn là thí chủ và người thọ cả hai đều chẳng tin. Bốn thứ bố thí trên đây ba hạng ban đầu là trong

sạch. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói bố thí chỉ thuộc nơi ý.

Có một lúc kia ta lại nói rằng người bố thí lúc bố thí đem năm việc ra bố thí: Một là bố thí sắc, hai là bố thí sức lực, ba là bố thí an ổn, bốn là bố thí mạng sống, năm là bố thí biện tài, do nhân duyên này nên thí chủ trở lại được năm quả báo. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói bố thí tức là năm ấm.

Có một lúc ta nói rằng: Niết Bàn tức là viễn ly, phiền não dứt hẳn không còn thừa sót, như đèn đã tắt, không còn pháp gì sanh trở lại, Niết Bàn cũng như vậy.

Nói hư không đó tức là không chỗ có, như trong đời gọi chỗ không có là hư không, chẳng phải do trí dứt mới không chỗ có. Nếu hư không là có lẽ ra phải có nhân duyên nếu đã có nhân duyên lẽ ra phải có dứt diệt, bởi hư không vốn là không nên không có dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói không có ba pháp vô vi.

Một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng luận về Niết Bàn tức là chương cú, tức là dấu vết, tức là chỗ rớt ráo, là chỗ vô sở úy, là bậc đại sư, là đại quả, là trí rớt ráo, là đại nhân, là vô ngại tam muội, là đại pháp giới, là cam lộ vị, là khó thấy biết. Này Mục Kiền Liên! Nếu nói rằng không Niết Bàn, tại sao có người sanh lòng hủy báng Niết Bàn lại phải đọa địa ngục. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có Niết Bàn.

Lại một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng nhãn căn chẳng bèn chắc nhãn đến thân cũng chẳng bèn chắc. Vì chẳng bèn chắc nên gọi là hư không. Ăn nuốt xuống rồi xoay chuyển tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có hư không vô vi.

Ta lại bảo Mục Kiền Liên có người chưa được quả Tu Đà Hoàn, lúc trụ nơi nhãn pháp, dứt vô lượng quả báo trong ba đường dữ, nên biết rằng chẳng phải trừ nơi trí mà dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời này

chẳng hiểu ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có chẳng phải do trí mà dứt diệt. Lại một lúc kia ta nói với Tỳ Kheo Bạt Ba nếu Tỳ Kheo quán nơi sắc: Hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc gần hoặc xa, hoặc thô hoặc tế, những sắc như vậy chẳng phải là ngã chẳng phải ngã sở: Quán như vậy có thể dứt được lòng tham ái nơi sắc, _ Bạt Ba bạch rằng: Thế nào gọi là sắc?

_Ta đáp: Tứ đại gọi rằng sắc, thọ tưởng hành thức bốn ấm này gọi là danh. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói sắc là tứ đại.

Này Thiện Nam Tử! Ta lại nói rằng như nhân nơi mặt gương mà có bóng hình hiện ra, sắc cũng như vậy nhân nơi tứ đại tạo thành. Chính là những thứ to, nhỏ, rít, trơn, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, vắn, vuông, tròn, cong, ngay, nhẹ, nặng, lạnh, nóng, đói khát, khói, mây, bụi mù, đây gọi là những sắc do tứ đại tạo thành dường như vang bóng. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói

có tứ đại thời có sắc do tứ đại tạo thành, hoặc nói có tứ đại mà không có sắc.

Này Thiện Nam Tử! Trước kia Phương Tử Bồ Đề nói rằng nếu có Tỳ Kheo trì giới lúc phát tâm ác, nên biết rằng lúc đó mất giới Tỳ Kheo. Ta nghe lời này bèn bảo rằng: Này Phương Tử! Giới có bảy thứ từ nơi thân và miệng mà có vô tác biểu sắc. Do nhân duyên vô tác biểu sắc này nên đầu tâm của Tỳ Kheo ở trong ác vô ký nhưng chẳng gọi là mất giới, vẫn còn gọi là trì giới. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói có vô tác biểu sắc.

Này Thiện Nam Tử! Trong các kinh khác ta có nói rằng giới chính là ngăn chế pháp ác, nếu chẳng làm ác đây gọi là trì giới. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như Lai quyết định nói không có vô tác biểu sắc.

Này Thiện Nam Tử! Trong khế kinh ta từng nói sắc âm của thánh nhân hẳn đến thức âm đều là do vô minh sanh ra. Tất cả phàm phu cũng như vậy, từ vô minh sanh ra ái, nên biết rằng ái này chính là vô

minh, từ ái sanh ra thủ, nên biết rằng thủ này chính là vô minh ái. Từ thủ sanh ra hữu, hữu này chính là vô minh ái thủ. Từ hữu sanh ra thọ, nên biết rằng thọ này chính là hành hữu. Từ nơi thọ sanh ra danh sắc, vô minh ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, lục, nhập v.v... do đây nên thọ chính là mười hai chi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói không có tâm sở.

Này Thiện Nam Tử! Trong khế kinh ta từng nói từ nơi nhãn, sắc, minh và ác dục, do bốn thứ này làm nhân duyên sanh ra nhãn thức. Ác dục trong đây chính là vô minh, lúc dục cầu thời gọi là ái, do ái mà có thủ, thủ đây gọi là nghiệp, nghiệp làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sắc, danh sắc làm duyên cho lục nhập, lục nhập làm duyên cho xúc, xúc làm duyên cho tướng thọ ái, tín, tinh tấn định và huệ, những pháp này nhân nơi xúc mà sanh nhưng chẳng phải là xúc. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có tâm sở.

Này Thiện Nam Tử! Hoặc có lúc ta nói chỉ có một cõi, hoặc nói hai ba bốn năm sáu mươi tám chín nhẫn đến hai mươi lăm cõi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có năm cõi, hoặc nói có sáu cõi.

Này Thiện Nam Tử! Ngày trước lúc ở nơi rừng Ni Câu Đà tại thành Ca Tỳ La Vệ, Thích Ma Nam bạch với ta rằng: Thế Tôn sao gọi là Ưu Bà Tắc? Ta nói: Nếu có Thiện nam tử hoặc Thiện nữ nhân nào căn thân đầy đủ thọ ba pháp quy y thời gọi là Ưu Bà Tắc. Thích Ma Nam lại hỏi: Thế Tôn sao gọi là nhứt phần Ưu Bà Tắc? Ta nói: Nếu thọ ba pháp quy y và thọ một giới thời gọi là nhứt phần Ưu Bà Tắc. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Ưu Bà Tắc được thọ từ phần.

Lại một lúc kia ta ở bên sông Hằng, Ca Chiên Diên đến bạch với ta rằng: Thế Tôn! Tôi giáo hóa chúng sanh khiến họ thọ pháp bát quan trai: Hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm, những người này được thành trai pháp chẳng? Ta

nói: Này Ca Chiên Diên, những người này chỉ được điều lành mà chẳng được gọi là được trai pháp. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn nói rằng đức Như Lai nói pháp bất quan trai thọ đủ mới được.

Trong khế kinh ta từng nói rằng nếu có Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng thời chẳng gọi là Tỳ Kheo, gọi là phá Tỳ Kheo, hư mất Tỳ Kheo chẳng còn có thể sanh chủng tử pháp lành, như hột giống đã cháy chẳng còn mọc mầm sanh bông trái, như cây đa la nếu ngọn đã bị đứt thời chẳng còn sanh trái. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói các Tỳ Kheo phạm giới trọng rồi bèn mất giới Tỳ Kheo.

Trong khế kinh, ta vì Thuần Đà mà nói bốn hạng Tỳ Kheo: Một là hạng rớt ráo đến chánh đạo, hai là hạng chỉ bày chánh đạo, ba là hạng lãnh thọ chánh đạo, bốn là hạng nhiệm ô chánh đạo. Người phạm bốn tội trọng là hạng nhiệm ô chánh đạo. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn

cho rằng đức Như Lai nói các Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng chẳng mất giới.

Trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo có nhứt thừa, nhứt đạo, nhứt hạnh, nhứt duyên, bốn pháp này có thể làm cho chúng sanh được đại tịch tịnh, dứt hẳn tất cả sự ràng buộc sâu khổ, khổ quả cùng khổ nhân, làm cho tất cả chúng sanh đến nơi nhứt thừa. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Tu Đà Hoàn hẳn đến A La Hán đều được Phật đạo.

Này Thiện Nam Tử! Trong khế kinh ta nói Tu Đà Hoàn bảy lần sanh qua lại trong nhân gian cùng cõi trời, bèn chứng A La Hán nhập Niết Bàn. Tu Đà Hàm một lần sanh trong nhân gian và cõi trời bèn nhập Niết Bàn. A Na Hàm phạm có năm hạng: Hoặc có trung gian nhập Niết Bàn hẳn đến thượng lưu nhập Niết Bàn. A La Hán phạm có hai hạng: Một là hiện tại, hai là vị lai, hiện tại cũng dứt phiền não ngũ âm, vị lai cũng dứt phiền não ngũ âm. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho

rằng đức Như Lai nói Tu Đà Hoàn đến A La Hán chẳng được Phật đạo.

Trong khế kinh ta từng nói Phật tánh đủ có sáu điều: Một là thường, hai là thật, ba là chơn, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải nội ngoại, chẳng phải sắc thính hương vị xúc, Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh dường như kho châu báu ẩn kín trong nhà của bần nữ, như Kim Cang bảo châu ẩn trên trán của lực sĩ, như suối Cam Lộ của Chuyển Luân Thánh Vương. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng

sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói hàng Nhứt Xiển Đề phạm bốn tội trọng, hủy báng kinh điển đại thừa, tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Những chúng sanh này đều không có pháp lành. Phật tánh là lành. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói chúng sanh chính là Phật tánh, vì nếu rời chúng sanh thì chẳng được vô thượng Bồ Đề. Do đây nên ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ rờ voi: Như bọn người mù nói hình dạng của voi, dầu chẳng trúng nhưng đều chẳng rời ngoài voi. Chúng sanh nói sắc, nói thọ tướng hành thức là Phật tánh cũng như vậy, dầu chẳng phải là Phật tánh nhưng chẳng phải rời Phật tánh. Như ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ ông không hầu Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn lập ra nhiều thuyết khác nhau, như người mù hỏi màu của sữa, Phật tánh cũng như vậy. Do có này, hoặc có người nói hàng Nhứt

Xiển Đề phạm bốn tội trọng hủy báng kinh Đại Thừa tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh.

Hoặc có người nói là không có Phật tánh.

Trong khế kinh nhiều lần ta nói rằng một người xuất thế thời nhiều người được lợi ích. Trong một cõi nước không có hai vua Chuyển Luân. Trong một thế giới không có hai đức Phật xuất thế. Một tứ thiên hạ không có tám Tứ Thiên Vương, nhần đến không có hai Tha Hóa Tụ Tại Thiên. Ta nói từ Diêm Phù Đề, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến trời Sắc Cứu cánh. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói không có Phật mười phương. Thật ra trong các kinh Đại Thừa ta nói có thập phương chư Phật.

Này Thiện Nam Tử! Những điều tránh tụng như vậy là cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được. Nếu người nào đối với những việc này sanh lòng nghi còn có thể phá hoại được vô lượng phiền não. Nếu người nào ở trong những việc này sanh lòng quyết định

thời gọi là chấp trước.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế nào là chấp trước?

_Này Thiện Nam Tử! Những người như vậy hoặc do người khác dạy bảo, hoặc nghe người khác nói, hoặc tự tìm kinh điển, với những điều ham thích chẳng thể buông bỏ đây gọi là chấp trước.

_ Bạch Thế Tôn! Sự chấp trước này là thiện hay là bất thiện ?

_ Này Thiện Nam Tử! Sự chấp trước như vậy chẳng gọi là thiện, vì không thể phá hoại những lưới nghi.

_ Bạch Thế Tôn! Những người này vốn tự chẳng nghi, sao lại nói rằng chẳng phá hoại lưới nghi?

_ Này Thiện Nam Tử! Luận về người chẳng nghi chính là nghi.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu có người nói rằng bậc Tu Đà Hoàn chẳng đọa ba ác đạo. Người này cũng nên gọi là chấp trước, là nghi.

_ Này Thiện Nam Tử! Nên gọi là quyết định, mà chẳng được gọi là nghi. Tại sao vậy? Này Thiện Nam Tử! Như có người

trước kia thấy cây thấy người, về sau đi ban đêm từ xa thấy gốc cây trụ, bèn nghi rằng đó là người hay là cây? Như người trước thấy Tỳ Kheo và Phạm Chí, lúc sau đi đường từ xa thấy Tỳ Kheo bèn nghi rằng đó là Sa Môn hay là Phạm Chí? Như người trước thấy bò và trâu, lúc sau từ xa thấy bò, bèn nghi rằng đó là bò hay trâu?

Này Thiện Nam Tử! Tất cả chúng sanh trước thấy hai vật về sau bèn sanh nghi, vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng.

Ta cũng chẳng nói rằng bậc tu Đà Hoàn có đọa ba đường ác hay chẳng đọa ba đường ác, có gì người này lại sanh lòng nghi!

_ Bạch Thế Tôn! Như Phật nói phải trước có thấy rồi sau mới nghi. Nhưng có người lúc chưa thấy hai vật cũng lại sanh nghi. Như đối với Niết Bàn. Như có người đi đường gặp dòng nước đục, trước kia chưa từng thấy mà cũng sanh nghi rằng dòng nước này sâu hay cạn.

_ Này Thiện Nam Tử! Luận về Niết Bàn chính là dứt khổ, chẳng phải là Niết Bàn thời chính là khổ. Tất cả chúng sanh thấy

có khổ cùng chẳng phải khổ. Như thấy đói khát, lạnh nóng, giận mừng, bệnh gầy, an ổn, trẻ, già, sống chết, trói buộc, cởi mở, ân ái biệt ly, oán thù gặp gỡ, sau khi thấy những việc này, chúng sanh bèn nghĩ rằng sẽ có những gì xa lìa vĩnh viễn những sự khổ não này chẳng? Do đây nên chúng sanh đối với Niết Bàn mà sanh nghi.

Nếu ông cho rằng người đó từ trước đến nay chưa từng thấy dòng nước đục này sao lại sanh nghi. Lời nói này không đúng nghĩa, vì người đó ở nơi chỗ khác đã từng thấy rồi, nên ở nơi chỗ mới đến này mà sanh nghi.

_ Bạch Thế Tôn! Người đó lúc trước thấy nước sâu cạn đã chẳng sanh nghi, nay có gì mà sanh nghi?

_ Nay Thiện Nam Tử! Vì trước kia chưa đi nên sanh nghi. Do đây nên ta nói rằng vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng nên sanh nghi.

_ Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói nghi chính là chấp trước, chấp trước chính là nghi, đây là người nào?

_ Nay Thiện Nam Tử! Là người dứt căn lành.

_ Bạch Thế Tôn! Những hạng người nào có thể dứt căn lành.

_ Nay Thiện Nam Tử! Người thông minh lanh lợi có thể khéo phân biệt, nếu xa lìa bạn lành chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này vì thiếu bốn điều trên mà tự suy nghĩ rằng: Không có vật bố thí, vì người thí là rời bỏ của cải, nếu bố thí mà có quả báo, thời thí chủ phải thường nghèo cùng, vì nhân cùng quả giống nhau. Do suy nghĩ những việc như vậy nên người này nói rằng không nhân không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Thí chủ, người thọ và tài vật đều là vô thường biến đổi, nếu không biến đổi sao lại nói rằng đây là thí chủ, đây là người thọ, đây là của cải, nếu không người thọ sao lại được quả báo, do nghĩa này nên biết rằng

không nhân không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Lúc thí chủ bố thí có năm sự bố thí: Người thọ thí khi lãnh được của cải rồi hoặc làm lành, hoặc làm điều chẳng lành, mà thí chủ này cũng chẳng mắc phải quả báo lành hay chẳng lành, như trong đời từ hột sanh ra trái, rồi từ trái trở lại có hột. Nhân chính là thí chủ, quả chính là người thọ, mà người thọ này không thể đem điều thiện, điều bất thiện của mình đã làm khiến cho thí chủ được quả báo thiện cùng bất thiện, do nghĩa này nên không nhân không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy, nên biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Không có vật bố thí, vì vật bố thí là vô ký, đã là vô ký thời đâu có quả báo lành, không quả báo lành tức là vô ký, của vật nếu là vô ký nên biết rằng không có quả báo thiện ác, nên không có sự bố thí không nhân không quả. Nếu nói rằng không nhân không quả

như vậy phải biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Người bố thí do nơi ý, ý này chẳng phải là sắc pháp, không thể thấy không đối tượng, đã chẳng phải là sắc pháp thời đâu có thể bố thí, do đây nên không có sự bố thí không nhân không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh lại suy nghĩ rằng: Nếu thí chủ cúng thí cho tượng Phật, tượng chư Thiên cho cha mẹ đã qua đời, như vậy là có người thí mà không người thọ, nếu không người thọ thời lẽ ra không quả báo, nếu không quả báo thời là không nhân, nếu đã không nhân thời là không quả. Nếu nói không nhân quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Không cha không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhân sanh ra chúng sanh, đúng lý phải thường sanh không có đoạn tuyệt, vì nhân là thường có, nhưng chẳng thường sanh, do

đây nên biết rằng không có cha mẹ. Người này lại nghĩ rằng: Không cha không mẹ. Vì nếu thân chúng sanh do cha mẹ mà có, lẽ ra một người phải đủ cả hai căn nam nữ, nhưng sự thật không có đủ, do đây biết rằng chúng sanh chẳng phải do cha mẹ mà có. Người này lại nghĩ rằng chẳng phải do cha mẹ mà có ra chúng sanh, vì chính mắt họ thấy chúng sanh chẳng giống với cha mẹ, nghĩa là thân hình diện mạo tâm tánh đi đứng cử động chẳng giống với cha mẹ, nên cha mẹ chẳng phải là nhân sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng trong đời có bốn thứ không có: Một là chưa sanh gọi là không có, như lúc còn là viên đất sét thời chưa có công dụng của cái bình; hai là đã diệt mất gọi là không có, như cái bình đã bể hư thời gọi là không có; ba là riêng khác nhau nên lẫn không có, như trong bò không có ngựa trong ngựa không có bò; bốn là rốt ráo gọi là không có, như sừng thỏ lông rùa. Cha mẹ cũng đồng như bốn thứ không có này. Nếu nói cha mẹ là nhân có ra chúng sanh, lúc cha mẹ chết đũa con bát tất cũng

chết, do đây nên cha mẹ chẳng phải là nhân sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng: Nếu nói cha mẹ là nhân sanh ra chúng sanh, lẽ ra nhân nơi cha mẹ thường sanh ra chúng sanh, nhưng lại có hóa sanh và thấp sanh, do đây nên biết chẳng phải nhân nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng: Tự có chúng sanh chẳng phải nhân nơi cha mẹ mà được sanh trưởng như chim công nghe tiếng sấm nổ mà có trứng, như chim thanh tước uống nước mắt của chim tước trống mà có trứng, như chim cộng mạng thấy chim trống múa bèn có trứng. Người này lúc suy nghĩ những điều trên đây nếu chẳng gặp được bậc thiện tri thức khai thị, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Trong đời không có quả thiện ác, vì có những chúng sanh tu tập đủ mười điều lành, ưa thật hành bố thí siêng làm công đức, mà những người này cũng lại bị các bệnh tật nhóm trên thân, hoặc chết yếu, hoặc mất của, hoặc nhiều sự lo khổ. Cũng có

những người tạo đủ mười điều dữ, tham lam bỏn xén tất đồ giải đãi, mà lại mạnh khỏe sống lâu, hoặc giàu có không sàu khổ, do đây nên biết rằng không có quả thiện ác. Người này lại nghĩ rằng: Tôi cũng từng nghe các thánh nhân nói có người tu tập pháp lành khi chết bị đọa trong ba đường dữ. Có người làm điều ác khi chết sanh trong loài người trên trời, do đây nên biết rằng không quả thiện ác. Người này lại nghĩ rằng: Các thánh nhân nói hai thuyết: Hoặc nói sát sanh được quả báo lành, hoặc nói sát sanh mắc quả báo dữ. Thánh nhân còn nói bất định, tại sao tôi lại nói quyết định, do đây nên biết không có quả thiện ác.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Trong đời không có thánh nhân, vì nếu nói là thánh nhân thì phải chứng được thánh đạo. Tất cả chúng sanh lúc có đủ phiền não tu hành chánh đạo, nên biết rằng người này đồng thời đủ có phiền não và chánh đạo. Nếu đồng thời có thời chánh đạo chẳng phá được kiết sử. Nếu không phiền não mà tu hành chánh đạo, thời chánh đạo ấy dùng

làm gì? Do đây nên người đủ phiền não thời chánh đạo chẳng thể phá hoại được, người không phiền não thời chánh đạo lại vô dụng. Do đây nên biết trong đời không có bậc thánh nhân.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Vô minh làm duyên cho hành, nhân đến sanh làm duyên cho lão tử, mười hai nhân duyên này tất cả chúng sanh đồng có. Tám thánh đạo tánh nó bình đẳng cũng như vậy, lúc một người được, thời tất cả người lẽ ra cũng được, lúc một người tu hành lẽ ra tất cả khổ đều diệt, vì phiền não bình đẳng. Mà nay chẳng đồng chứng được, do đây nên biết rằng không có chánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Các thánh nhân đều có những pháp đồng với phàm phu, như là uống ăn, đi đứng ngồi nằm, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, lạnh nóng, lo buồn sợ sệt. Nếu đã đồng với phàm phu có những việc như vậy, nên biết rằng bậc thánh nhân chẳng chứng được thánh đạo, nếu đã được thánh đạo lẽ ra phải dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như

vậy nếu đã chẳng dứt, do đây nên biết rằng không thánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Thánh nhân có thân thọ vui ngũ dục, cũng mắng nhiếc đánh đập người, cũng tạt đổ kiêu mạn thọ những sự khổ vui, tạo nghiệp thiện ác, do đây nên biết rằng không có thánh nhân. Nếu có chánh đạo lẽ ra đã dứt những việc này, nếu những việc này chẳng dứt nên biết rằng không chánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Người nhiều lòng từ mẫn gọi là thánh nhân. Do nhân duyên gì gọi là thánh nhân? Nhân nơi thánh đạo mà gọi là thánh nhân. Nếu tánh của thánh đạo là từ mẫn, thời nên thương xót tất cả chúng sanh, chẳng cần chờ tu hành rồi mới được. Nếu như không từ mẫn có sao thánh nhân chúng được thánh đạo lại hay từ mẫn, do đây nên biết trong đời không có thánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Tất cả tứ đại chẳng từ nhân duyên sanh. Chúng sanh đồng có tánh tứ đại này. Chẳng quán sát chúng sanh đáng đến bờ này, chẳng

đáng đến bờ kia, nếu là có thánh đạo, thời tánh của thánh đạo lẽ ra cũng như vậy, nhưng nay chẳng phải như vậy, do đây nên biết rằng trong đời không có thánh nhân.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Nếu các bậc thánh nhân có một Niết Bàn thời nên biết rằng không có thánh nhân. Vì Niết Bàn là bất khả đắc. Pháp thường trụ là bất khả đắc chẳng thể lấy chẳng thể bỏ. Nếu các bậc thánh nhân có nhiều Niết Bàn thời là vô thường, vì là pháp có thể đếm được. Niết Bàn nếu là một, lúc một người được thời lẽ ra tất cả đều được. Nếu Niết Bàn là nhiều thời là có chùng ngăn, nếu là có chùng ngăn thời đâu được gọi là thường trụ. Nếu nói rằng thể của Niết Bàn là một, mà người giải thoát là nhiều, như một cây lọng là một mà cọng cánh lá nhiều, lời nói này chẳng đúng nghĩa, vì mỗi người chứng được chẳng phải tất cả người chứng được, bởi có chùng ngăn lẽ ra là vô thường nếu đã là vô thường thời đâu được gọi là Niết Bàn. Nếu không có Niết Bàn thời ai là bậc thánh nhân? Do đây nên biết rằng không có thánh nhân.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Chánh đạo của thánh nhân chẳng phải do nhân duyên mà được. Nếu chánh đạo của thánh nhân đã chẳng phải do nhân duyên mà được, có sao tất cả chúng sanh chẳng làm thánh nhân. Nếu tất cả người chẳng phải là thánh nhân, thì biết rằng không có thánh nhân và không có thánh đạo.

Người thông minh lại nghĩ rằng: Thánh nhân nói có hai nhân duyên được chánh kiến: Một là nghe người khác thuyết pháp, hai là tự mình tư duy. Hai nhân duyên này đã từ duyên sanh, thì duyên này lại từ duyên khác mà sanh, xoay vần mãi như vậy thành ra có lỗi vô cùng. Nếu hai nhân duyên này chẳng từ duyên sanh, thì tất cả chúng sanh do có gì mà chẳng đều được.

Lúc người thông minh này suy nghĩ những điều như trên thì có thể dứt mát căn lành.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có chúng sanh nào chấp chặt những điều không nhân không quả như vậy người này có thể dứt mát năm căn: Tín, tấn, niệm, định và huệ. Người dứt mát căn lành chẳng phải là người

hạ liệt, ngu độn, cũng chẳng phải chư thiên, chẳng phải ba ác đạo. Người phá Tăng cũng như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Người như vậy, lúc nào sẽ có thể sanh căn lành trở lại.

_ Nay Thiện Nam Tử! Người này có hai lúc sanh căn lành trở lại: Lúc mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.

Nay Thiện Nam Tử! Căn lành có ba thứ: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thời tánh nó tự diệt, dầu nhân diệt nhưng quả báo chưa thực nên chẳng gọi là dứt quả quá khứ. Vì dứt nhân lành ba đời nên gọi là dứt mất.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu dứt nhân lành ba đời mà gọi là mất căn lành, người dứt căn lành vẫn có Phật tánh, Phật tánh này là quá khứ, là hiện tại, là vị lai, hay là khắp cả ba đời?

Nếu là quá khứ thế nào gọi là thường. Phật tánh là thường trụ nên biết rằng không phải là quá khứ. Nếu là vị lai thế nào gọi là thường? Cớ sao Phật nói rằng tất cả

chúng sanh quyết định sẽ được? Nếu quyết định được thì sao lại nói rằng dứt mắt? Nếu là hiện tại sao lại là thường? Có sao lại nói rằng quyết định có thể thấy?

Đức Như Lai cũng nói rằng Phật tánh cũng có sáu: Một là thường, hai là chơn, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người dứt mắt thiện căn mà có Phật tánh thì chẳng được gọi là dứt mắt căn lành. Nếu không có Phật tánh sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nếu nói rằng Phật tánh cũng có, cũng dứt, thế nào đức Như Lai lại nói Phật tánh là thường trụ?

_Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai vì chúng sanh nên có ba thứ giải đáp: Một là đáp quyết định, hai là phân biệt mà đáp, ba là theo lời hỏi mà đáp, bốn là yên lặng mà đáp.

Thế nào là quyết định đáp? Nếu có ai hỏi rằng nghiệp ác cảm quả lành hay quả chẳng lành? Thì nêu quyết định đáp rằng cảm quả chẳng lành. Hỏi thiện nghiệp cũng đáp như vậy. Nếu hỏi đức Như Lai có phải là bậc

nhứt thiết trí chăng? Thời nên quyết định đáp rằng là bậc nhứt thiết trí. Nếu hỏi Phật pháp là thanh tịnh chăng? Thời nên quyết định đáp rằng là thanh tịnh. Nếu hỏi đệ tử của Phật có ăn ở đúng như pháp chăng? Thời nên quyết định đáp rằng có đúng như pháp mà ở. Đây gọi là quyết định đáp.

Thế nào là phân biệt mà đáp? _Nhu đức Phật giảng nói bốn chân đế. _Thế nào là bốn? _Là khổ tập diệt đạo. _Sao gọi rằng khổ đế? _Vì có tám điều khổ nên gọi là khổ đế. _Thế nào là tập đế? _Vì là nhân của ngũ ấm nên gọi là tập đế. _Thế nào là diệt đế? _Vì đã dứt hẳn tham sân si nên gọi là diệt đế. _Thế nào là đạo đế? _Ba mươi bảy pháp trợ đạo gọi đó là đạo đế. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Thế nào là theo lời hỏi mà đáp? Hỏi rằng đức Thế Tôn nói những pháp gì là vô thường? _Đáp rằng đức Như Lai nói pháp hữu vi là vô thường. Vô ngã cũng như vậy. _Hỏi rằng đức Thế Tôn vì những pháp gì mà nói tất cả đốt cháy? _Đáp rằng đức Như Lai vì tham, sân, si mà nói tất cả đốt cháy.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai có mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niêm xứ, Đại Từ Đại Bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v...tám muôn ức môn Tam Muội, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, năm trí ấn v.v...ba muôn năm ngàn môn Tam Muội, Kim Cang định v.v...bốn ngàn hai trăm môn Tam Muội, vô lượng vô biên phương tiện Tam Muội, những công đức trên đây là Phật tánh của Phật. Phật tánh này có bảy điều: Thường, lạc, ngã, tịnh, chơn, thật và thiện. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Này Thiện Nam Tử! Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau có sáu điều: Thường, tịnh, chơn, thật, thiện và thiếu kiến. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Như trước kia ông hỏi: Người dứt mất căn lành có Phật tánh. Người này cũng có Phật tánh của Như Lai, cũng có Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau. Hai Phật tánh này vì chướng ngại vị lai nên được gọi là không, vì rốt ráo sẽ được nên gọi là có. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Như Lai chẳng phải quá

khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau là hiện tại và vị lai: Vì có thể thấy phần ít nên gọi là hiện tại, vì chưa thấy đầy đủ nên gọi là vị lai.

Đức Như Lai lúc chưa chứng được vô thượng Bồ Đề, về nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai. Về quả Phật tánh thời chẳng như vậy: Có là ba đời, có chẳng phải ba đời.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau về nhân cũng là ba đời, về quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Cửu Trụ Bồ Tát có sáu điều: Thường, thiện, chơn, thật, tịnh, khả kiến. Nhân Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà nói.

Bát Trụ Bồ Tát xuống đến bậc Lục Trụ, Phật tánh có năm điều: Chơn, thật, tịnh, thiện và khả kiến. Nhân Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Ngũ Trụ Bồ Tát xuống đến bậc Sơ Trụ, Phật tánh có năm điều: Chơn, thật, tịnh,

khả kiến và thiện bất thiện.

Này Thiện Nam Tử! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh, người dứt mắt căn lành quyết sẽ được nên gọi là có, đây gọi là phân biệt mà đáp.

Nếu nói rằng người dứt mắt căn lành quyết định có Phật tánh quyết định không Phật tánh. Đây gọi là yên lặng mà đáp.

_ Bạch Thế Tôn! Tôi nghe rằng chẳng đáp mới gọi là yên lặng mà đáp. Nay có gì đức Như Lai đáp mà lại gọi là yên lặng đáp?

_ Này Thiện Nam Tử! Ta cũng chẳng nói ra, để đó chẳng giải đáp nên gọi là yên lặng mà đáp.

Này Thiện Nam Tử! Yên lặng đáp như vậy lại có hai thứ: Một là ngăn dứt, hai là chẳng chấp trước. Do nghĩa này nên được gọi là yên lặng đáp.

_ Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, thế nào gọi rằng nhân Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng là ba đời, lại chẳng phải là ba đời?

_ Này Thiện Nam Tử! Ngũ âm có hai thứ: Một là nhân hai là quả. Nhân ngũ âm này cũng là ba đời, quả ngũ âm này cũng là ba

đòi mà cũng chẳng phải là ba đòi.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả những kiết sử vô minh phiền não đều là Phật tánh, vì là nhân của Phật tánh. Từ vô minh, hành và các phiền não mà được ngũ ấm lành, đây gọi là Phật tánh. Từ ngũ ấm lành nhân đến chúng được vô thượng Bồ Đề. Do đây nên trong kinh ta nói trước rằng Phật tánh của chúng sanh như sữa lẫn lộn trong máu. Máu là nói vô minh, hành v.v... tất cả những phiền não. Sữa là nói ngũ ấm lành. Nên ta nói rằng do từ những phiền não và ngũ ấm lành mà chúng được vô thượng Bồ Đề như thân chúng sanh đều do từ tinh huyết mà được thành, Phật tánh cũng như vậy.

Bậc Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm dứt phần ít phiền não, Phật tánh của những bậc này như sữa. Bậc A Na Hàm Phật tánh như lạc. Bậc A La Hán Phật tánh như sanh tô. Từ bậc Bích Chi Phật đến Thập Trụ Bồ tát, Phật tánh như thực tô. Phật tánh của đức Như Lai như đề hồ.

Này Thiện Nam Tử! Vì phiền não hiện tại chướng ngại làm cho chúng sanh chẳng

thấy được Phật tánh. Như trong núi Hương Sơn có cỏ nhứt nhục chẳng phải tất cả bò đều có thể được ăn. Phật tánh cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt và giải đáp.

_ Bạch Thế Tôn! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu là đến vị lai sẽ có, tại sao nói rằng người dứt căn lành có Phật tánh?

_ Nay Thiện Nam Tử! Như các chúng sanh có nghiệp quá khứ, do nghiệp này mà chúng sanh thọ lấy quả báo hiện tại. Có nghiệp vị lai vì chưa sanh nên trọn chẳng thành quả. Chúng sanh hiện tại có phiền não, nếu không phiền não thì tất cả chúng sanh lẽ ra phải thấy rõ Phật tánh hiện tại. Do đây nên người dứt căn lành do phiền não đời hiện tại nên có thể dứt căn lành, do năng lực Phật tánh đời vị lai nên căn lành sanh trở lại.

_ Bạch Thế Tôn! Đời vị lai thế nào có thể sanh căn lành?

_ Nay Thiện Nam Tử! Như ngọn đèn và mặt trời dầu lại là vị lai mới sáng nhưng cũng phá tối tăm. Tánh vị lai có thể sanh

ra chúng sanh, Phật tánh đời vị lai cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu nói ngũ âm là Phật tánh tại sao nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài.

Này Thiện Nam Tử! Có sao quên mất như vậy. Trước kia ta chẳng nói rằng Phật tánh của chúng sanh là trung đạo ư?

_ Bạch Thế Tôn! Thiệt ra tôi chẳng quên lời Phật dạy. Chỉ vì chúng sanh chẳng hiểu được trung đạo này nên bạch hỏi đức Phật như vậy.

_ Này Thiện Nam Tử! Chỗ mà chúng sanh chẳng hiểu được chính đó là trung đạo. Có lúc hoặc có hiểu hoặc có người chẳng hiểu. Ta vì muốn làm cho chúng sanh được hiểu rõ nên nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì kẻ phàm phu cho rằng Phật tánh ở trong ngũ âm, như trái cây đựng trong chậu. Cũng có kẻ cho rằng rời ngoài ngũ âm mà có Phật tánh, như hư không. Do đây nên đức Như Lai nói nghĩa trung đạo: Phật tánh của chúng sanh chẳng phải là sáu căn ở trong,

chẳng phải là sáu trần ở ngoài. Vì hiệp trong và ngoài nên gọi là trung đạo. Do đây đức Như Lai nói rằng: Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên gọi là trung đạo, đây là phân biệt mà giải đáp.

Này Thiện Nam Tử! Thế nào gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài?

Này Thiện Nam Tử! Có người nói rằng Phật tánh chính là ngoại đạo, vì các bậc đại Bồ Tát trải qua vô lượng kiếp ở trong ngoại đạo, mà dứt phiền não điều phục tâm của mình, giáo hóa vô lượng chúng sanh, rồi sau mới được vô thượng Bồ Đề.

Hoặc có người cho rằng Phật tánh chính là nội đạo. Vì đại Bồ Tát dầu trong vô lượng kiếp tập học ngoại đạo, nhưng nếu rời nội đạo thời chẳng thể được vô thượng Bồ Đề.

Đức Như Lai vì ngăn hai thứ chấp trước này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, đây là trung đạo.

Có người nói Phật tánh chính là thân Kim Cang của Như Lai: Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Có người nói Phật

tánh chính là mười trí lực, bốn món vô sở úy, đại từ đại bi, tam niêm xứ, Thủ Lăng Nghiêm v.v... tất cả môn Tam Muội, vì do những Tam Muội này mà sanh ra thân Kim Cang ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Đức Như Lai vì ngăn hai sự chấp trước này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện Nam Tử! Có người cho rằng Phật tánh chính là trong tâm khéo tư duy, vì rời khéo tư duy thì chẳng thể được vô thượng Bồ Đề. Có người nói rằng Phật tánh chính là do nghe pháp với người khác, vì nghe pháp với người khác thì có thể trong tâm khéo tư duy, nếu chẳng nghe pháp thì không tư duy.

Do đây nên Như Lai vì ngăn hai sự chấp trước này nên nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Lại có người nói Phật tánh là ngoài nghĩa là Đản Ba La Mật. Từ Đản Ba La Mật mà chúng được vô thượng Bồ Đề. Có người nói

Phật tánh là trong nghĩa là năm môn Ba La Mật, vì rời năm môn này thời không có nhân quả Phật tánh.

Do đây nên Như Lai vì ngăn hai thứ chấp trước này mà nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện Nam Tử! Có người nói Phật tánh ở nơi trong, như viên bảo châu trên trán của lục sĩ, vì thường, lạc, ngã, tịnh như bảo châu. Có người nói Phật tánh ở nơi ngoài như kho báu của bản nữ, vì do phương tiện mà được thấy.

Vì ngăn hai thứ chấp trước này nên đức Như Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện Nam Tử! Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có chẳng phải không. Vì Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không. Vì hư không của thế gian dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể thấy được, còn Phật tánh thời có thể thấy, do đây nên Phật tánh dầu là có

nhưng chẳng phải như hư không.

Phật tánh dầu là không nhưng chẳng đồng như sừng thỏ. Vì lông rùa, sừng thỏ dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể sanh lên được, còn Phật tánh thời có thể sanh. Do đây nên Phật tánh chẳng phải có, chẳng phải không, cũng là có, cũng là không.

Thế nào gọi là có? Tất cả chúng sanh đều có chẳng dứt chẳng diệt, dường như ngọn đèn, mãi đến chúng được vô thượng Bồ Đề, nên gọi là có Phật tánh.

Thế nào gọi là không? Tất cả chúng sanh hiện tại chưa có đủ tất cả Phật pháp thường, lạc, ngã, tịnh nên gọi là không Phật tánh.

Vì có và không hiệp lại chính là trung đạo, nên đức Như Lai nói Phật tánh chúng sanh chẳng phải có, chẳng phải không.

Này Thiện Nam Tử! Như có người hỏi trong hột giống này có trái hay không? Tất phải đáp rằng cũng có cũng không. Vì ngoài hột giống thời không thể sanh ra trái nên gọi là có, còn hột giống chưa mọc mọng nên gọi rằng không. Do nghĩa này nên nói cũng

có cũng không. Vì thời tiết có khác, nhưng thể chất của hạt giống là một. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Nếu nói rằng trong chúng sanh riêng có Phật tánh thì không đúng nghĩa. Vì chúng sanh là Phật tánh, Phật tánh là chúng sanh, chỉ do thời gian có tịnh và bất tịnh sai khác.

_ Này Thiện Nam Tử! Nếu có người hỏi hạt này có thể sanh trái chãng, trái này có thể sanh hạt chãng? Tất phải đáp rằng cũng sanh cũng chẳng sanh.

_ Bạch Thế Tôn! Như người đời nói rằng trong sữa có chất lạc, nghĩa này như thế nào?

_ Này Thiện Nam Tử! Nếu nói trong sữa có chất lạc thì là chấp trước. Nếu nói trong sữa không chất lạc thì là hư vọng. Tất phải nói rằng cũng có cũng không. Từ sữa sanh ra chất lạc: Nhân là sữa, quả là lạc, đây gọi là có. Màu sắc cùng mùi vị đều khác nhau, ăn dùng cũng chẳng đồng: Bịnh nóng thì dùng sữa, bịnh lạnh thì dùng lạc, sữa sanh bịnh lạnh, lạc sanh bịnh nóng.

Nếu nói trong sữa có tánh của lạc, sữa là

lạc, lạc là sữa, hai thứ đồng một tánh, nhân duyên gì mà sữa lại có trước, còn lạc chẳng sanh ra trước? Nếu có nhân duyên tại sao tất cả người đời chẳng nói? Nếu không nhân duyên có sao lạc chẳng sanh ra trước? Nếu lạc chẳng sanh ra trước thì ai làm ra có thứ tự: Sữa, lạc, sanh, tô, thực tô, đề hồ? Do đây nên biết rằng chất lạc trước không có nay mới có, nếu là trước không nay có thì là pháp vô thường.

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói rằng trong sữa có chất lạc có thể sanh ra lạc, trong nước không có chất lạc nên chẳng sanh ra lạc, lời này không đúng nghĩa. Vì nước cỏ cũng có tánh chất của sữa và lạc, vì do nước cỏ mà sanh ra sữa và lạc. Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, còn nước cỏ không chất lạc, lời này gọi là hư vọng, vì tâm chẳng bình đẳng nên gọi là hư vọng.

Này Thiện nam Tử! Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, thì lẽ ra trong chất lạc cũng quyết định có chất sữa. Có gì trong sữa sanh ra lạc mà trong lạc chẳng sanh ra sữa? Nếu là không duyên có thì nên biết

rằng chất lạc này trước không mà nay có. Do đây nên người trí phải nói rằng trong sữa chẳng phải có chất lạc chẳng phải không chất lạc.

Này Thiện Nam Tử! Do đây nên đức Như Lai từng nói trong kệ kinh rằng: Nếu cho tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thời gọi là chấp trước, nếu cho không Phật tánh thời gọi là hư vọng. Người trí nên nói rằng: Phật tánh của chúng sanh cũng có cũng không.

Này Thiện Nam Tử! Do bốn pháp hòa hiệp mà có nhãn thức: Nhãn căn, sắc trần, ánh sáng, tác ý. Tánh nhãn thức này chẳng phải là nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý. Do bốn pháp này hòa hiệp mà nhãn thức được sanh. Nhãn thức như vậy là trước không mà nay có, đã có trở lại không. Do đây nên biết rằng nhãn thức vốn không có tánh. Chất lạc ở trong sữa cũng như vậy.

Nếu nói rằng trong nước không chất lạc nên chẳng xuất sanh ra lạc, còn trong sữa sanh ra lạc, nên trong sữa quyết định có

chất lạc. Lời nói trên đây không đúng nghĩa. Vì tất cả pháp: Nhân khác, quả khác, cũng chẳng phải một nhân sanh tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhân sanh. Như do bốn pháp sanh ra nhãn thức, chẳng nên nói rằng từ bốn pháp này phải sanh ra nhĩ thức hay tỷ thức.

Này Thiện Nam Tử! Rời các phương tiện thời không thể được chất lạc trong sữa, cũng không thể từ chất lạc sanh ra chất tô. Do đây nên cần phải có phương tiện. Người trí chẳng nên có quan niệm rằng rời các phương tiện mà được chất lạc từ nơi sữa. Được sanh tô cũng như vậy.

Do đó nên trong khế kinh ta từng nói: Vì “nhân” sanh nên có pháp, vì “nhân” diệt nên không pháp.

Này Thiện Nam Tử! Như muối tính chất là mặn có thể làm cho vật chẳng phải mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn mà trước có tính chất mặn, có sao người đòi cho rằng chẳng phải là muối ư! Nếu trước không mặn thời nên biết rằng trước không mà nay có, do các duyên khác mà thành mặn.

Nếu nói rằng tất cả vật chẳng mặn đều có tánh chất mặn vì quá ít nên chẳng biết, do tính chất quá ít này nên muối có thể làm cho vật ấy thành mặn, nếu vốn không tính chất mặn thì dầu có muối cũng chẳng thể làm thành mặn được. Như hột giống tự nó có tứ đại, duyên nhờ tứ đại ngoài mà nó được tăng trưởng: Nảy mầm, lên cây, đâm chồi ra lá, tính chất của muối cũng vậy. Lời nói trên đây không đúng nghĩa, vì vật chẳng mặn nếu trước đã có tính chất mặn, muối lẽ ra cũng có tánh chất chút ít chẳng mặn. Muối này nếu có hai tính chất như vậy, duyên có gì rời vật chẳng mặn nó không thể riêng dùng? Do đây nên biết muối vốn không có hai tính. Như muối không có hai tính, tất cả vật chẳng mặn cũng không có hai tính như vậy.

Nếu nói rằng tứ đại ngoài có năng lực làm tăng trưởng tứ đại trong. Lời nói này không đúng nghĩa, vì là theo thứ tự mà nói chẳng phải từ phương tiện: Trong sữa được chất lạc, chất sanh tô, hẳn đến tất cả pháp đều cũng chẳng phải do phương tiện mà được, tứ

đại cũng như vậy. Nếu nói từ tứ đại trong tăng trưởng tứ đại ngoài. Như trái Thi lợi sa, từ trước không hình chất, lúc gặp sao Mão mọc thời sanh trái lớn đủ năm tác. Trái này thiệt chẳng do nơi tứ đại ngoài mà tăng trưởng.

Này Thiện Nam Tử! Như mười hai bộ kinh của ta nói: Hoặc tùy tự ý mà nói, hoặc tùy tha ý mà nói, hoặc tùy tự tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự ý mà nói? Như năm trăm Tỳ Kheo hỏi Xá Lợi Phất: Bạch Đại Đức! Phật nói nhân của thân là những gì? Xá Lợi Phất nói: Chư Đại Đức cũng đều được chánh giải thoát tự mình nên biết đó, duyên có gì mà hỏi như vậy? Có Tỳ Kheo nói: Bạch Đại Đức! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng vô minh là nhân của thân, lúc quán sát như vậy chứng được quả A La Hán.

Lại có Tỳ Kheo nói: Bạch Đại Đức! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng thọ và vô minh là nhân của thân, lúc quán sát như vậy được quả A La Hán.

Hoặc có Tỳ Kheo nói: Hành, thức, danh,

sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, ẩm thực, ngũ dục là nhân của thân.

Lúc đó năm trăm Tỳ Kheo mỗi người tự nói chỗ hiểu biết của mình rồi, bèn cùng nhau đến đánh lễ chơn Phật, đi nhiều ba vòng rồi ngồi qua một bên. Mỗi người tự đem chỗ hiểu của mình như đã nói ở trên mà bạch với Phật. Xá Lợi Phất bạch rằng: Thế Tôn! Những Tỳ Kheo này ai là chánh thuyết, ai là không chánh thuyết.

Phật nói: Lành thay! Lành thay! Tất cả Tỳ Kheo đây đều là chánh thuyết cả.

Xá Lợi Phất bạch rằng: Thế Tôn! Ý của Đức Phật thế nào?

_ Nay Xá Lợi Phất! Ta vì chúng sanh trong cõi dục mà nói cha mẹ là nhân của thân. Những kinh như vậy gọi là tùy tự ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tha ý mà nói? Như Bà Tra La Trưởng giả đến hỏi ta rằng: Thưa Cù Đàm! Ngài có biết ảo thuật chăng? Nếu biết ảo thuật thì ngài là nhà đại ảo thuật, còn nếu không biết thì ngài chẳng phải là nhưt thiết trí.

Phật nói: Này Trưởng giả! Người biết ảo thuật có gọi là người ảo thuật chăng?

Trưởng giả nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Người biết ảo thuật chính là người ảo thuật.

Phật nói: Này Trưởng giả! Trong nước Xá Vệ vua Ba Tư Nặc có gã Chiên Đà La tên là Khí Hứ, ông có biết không?

Trưởng giả thưa rằng: Từ lâu tôi đã biết người ấy.

Phật nói: Từ lâu ông đã biết người ấy mà ông có thể chính là Chiên Đà La không?

Trưởng giả thưa: Tôi đâu biết gã Chiên Đà La ấy, nhưng thân của tôi chẳng phải Chiên Đà La.

Phật nói: Ông biết được nghĩa ấy: Người biết Chiên Đà La chẳng phải là Chiên Đà La. Nay có sao ta chẳng được biết ảo thuật mà chẳng phải là ảo thuật? Này Trưởng giả, thiệt ra ta biết ảo thuật, biết người ảo thuật, biết quả báo ảo thuật, biết nghề ảo thuật. Ta biết sát nghiệp, biết người sát nghiệp, biết quả báo sát nghiệp, biết giải thoát sát nghiệp, nhân đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà

kiến.

Nếu Trưởng giả nói người chẳng phải ảo thuật gọi là người ảo thuật, người chẳng phải tà kiến gọi là người tà kiến, thì mắc vô lượng tội.

Trưởng giả nói: Thưa Cù Đàm! Cứ như lời của ngài nói thì tôi mắc tội rất lớn. Nay tất cả của cải của tôi, tôi đem dâng cho ngài tất cả. Mong ngài chớ cho vua Ba Tư Nặc biết việc của tôi.

Phật nói: Này Trưởng giả! Tội của ông bất tất mất của. Ông sẽ do tội này mà phải bị đọa trong ba ác đạo.

Trưởng giả nghe nói đến ba ác đạo, kinh sợ bạch Phật rằng: Thưa Thánh Nhân! Nay tôi vì quên sót mà mắc lấy tội lớn. Thánh nhân là bậc nhưэт thiết trí tất là biết rõ con đường giải thoát. Nay tôi phải thế nào để thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh?

Lúc đó đức Phật giảng giải về bốn lý chân đế. Nghe xong trưởng giả chứng được quả Tu Đà Hoàn. Trong lòng hổ thẹn hướng về đức Phật mà sám hối: Tôi vốn ngu si, đức Phật không phải người ảo mà nói là ảo.

Ngày nay tôi xin quy y Tam Bảo.

Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay!

Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự tha ý mà nói? Như ta từng nói: Trong tất cả thế gian, người trí nói có thời ta cũng nói có, người trí nói không thời ta cũng nói không.

Người trí trong đời nói sự vui ngũ dục có vô thường, khổ, vô ngã, đáng dứt diệt, thời ta cũng nói là có như vậy.

Người trí trong đời nói không bao giờ có vui ngũ dục, mà có thường, lạc, ngã, tịnh, thời ta cũng nói là không bao giờ có.

Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Này Thiện Nam Tử! Như ta nói bậc Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh một phần ít. Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là thấy phần ít? Thập Trụ Bồ Tát được ba ngàn môn Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội v.v...nên biết rõ mình sẽ được vô thượng Bồ Đề, mà chẳng thấy tất cả chúng sanh quyết định được vô thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói bậc Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh phần ít.

Này Thiện Nam Tử! Ta thường tuyên nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh chẳng đoạn chẳng diệt mãi đến chúng được vô thượng Bồ Đề. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên chẳng thể thấy được. Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai có lúc vì một pháp mà nói vô lượng pháp. Như trong khế kinh nói: Tất cả phạm hạnh nhân nơi thiện tri thức. Tất cả phạm hạnh đều có vô lượng nhân, nhưng nói thiện tri thức thời đã nhiếp hết cả.

Như ta từng nói: Tất cả ác hạnh nhân nơi tà kiến. Tất cả ác hạnh đều có vô lượng nhân nhưng nói tà kiến thời đã nhiếp hết cả.

Hoặc như ta nói: Tín tâm là nhân của vô thượng Bồ Đề, đều Bồ Đề có vô lượng nhân, nhưng nói tín tâm thời đã nhiếp hết cả.

Này Thiện Nam Tử! Dầu đức Như Lai nói vô lượng pháp là Phật tánh, nhưng chẳng

rời âm, nhập, giới.

Này Thiện Nam Tử! Vì chúng sanh nên đức Như Lai thuyết pháp có bảy thứ từ ngữ: Một là từ ngữ về nhân, hai là từ ngữ về quả, ba là từ ngữ về nhân quả, bốn là từ ngữ về ví dụ, năm là từ ngữ bất ưng thuyết, sáu là từ ngữ về thế để lưu bố, bảy là từ ngữ như ý.

Thế nào gọi là từ ngữ về Nhân?

Trong Nhân hiện tại nói quả báo vị lai. Như ta từng bảo Tỳ Kheo: Ông xem chúng sanh ưa sát hại nhữn đến ưa tà kiến, phải biết đó là người địa ngục vậy. Nếu có người chẳng ưa sát hại nhữn đến chẳng ưa tà kiến, phải biết đó là người cõi trời. Đây gọi là từ ngữ về Nhân.

Thế nào là từ ngữ về Quả?

Trong quả báo hiện tại nói nhân quá khứ. Như trong khế kinh, ta bảo Tỳ Kheo: Như ông thấy mấy người nghèo khó, hình dung xấu xa, không được thông thả, phải biết rằng những người ấy quyết định đời trước có phá giới, tật đố, sân hận, không lòng hổ thẹn. Nếu thấy người giàu có, lành mạnh, có thế lực, phải biết rằng người này đời trước

quyết định có trì giới, bố thí, tinh tấn, hộ thẹn, không lòng tật đố, sân hận. Đây gọi là từ ngữ về Quả.

Thế nào là từ ngữ về Nhân Quả?

Như trong kệ kinh ta bảo các Tỳ Kheo chúng sanh hiện tại lục nhập, xúc làm nhân đây gọi là nghiệp quả quá khứ. Đức Như Lai cũng gọi đó là nghiệp, nghiệp này làm nhân duyên sẽ có quả vị lai. Đây gọi là từ ngữ về nhân quả.

Thế nào là từ ngữ về Ví Dụ?

Như nói rằng Sư Tử Vương dụ cho thân của Phật. Cũng nói những ví dụ: Đại Tượng Vương, Đại Long Vương, cây Ba Lợi Chát Đa La, đấng Thất Bảo, Đại Hải, núi Tu Di, quả đất, mưa to, Thuyền Sư, Đạo Sư, Điều Ngự Trượng Phu, Đại Lực Sĩ, Ngưu Vương, Bà La Môn, Sa Môn, Đại Thành, cây Đa La, đây gọi là từ ngữ về ví dụ.

Thế nào là từ ngữ Bất Ứng Thuyết? Như trong kinh ta từng nói: Trời đất có thể hiệp, con sông chẳng chảy vào biển. Như ta nói với vua Ba Tư Nặc bốn phía núi đồng đến. Như ta vì Lộc Mẫu Ưu Bà Di nói nếu cây Ta

La có thể thọ giới Bát Quan Trai thời nó được hưởng thọ sự vui sướng cõi trời cõi người. Thà nói Thập Trụ Bồ Tát có tâm thối chuyển chẳng nên nói đức Như Lai nói hai lời. Thà nói bậc Tu Đà Hoàn đọa ba ác đạo chẳng nên nói Thập Trụ Bồ Tát có tâm thối chuyển. Đây gọi là từ ngữ Bất Ứng Thuyết.

Thế nào là từ ngữ Thế Đế Lưu Bố? Như Phật nói: Nam, nữ, lớn, nhỏ, đến, đi, nằm, ngồi, xe cộ, nhà cửa, bình, áo, chúng sanh, thường, lạc, ngã, tịnh, quân, rừng, thành, áp, tảng, phoàng, hiệp, tan. Đây gọi là từ ngữ về Thế Đế Lưu Bố.

Thế nào là từ ngữ Như Ý? Như ta quở trách người hủy phạm cấm giới khiến họ tự trách hộ trì cấm giới. Như ta khen ngợi bậc Tu Đà Hoàn, khiến hàng phàm phu sanh tâm lành. Ngợi khen Bồ Tát làm cho chúng sanh phát tâm Bồ Đề, nói những sự khổ não của ba ác đạo khiến chúng sanh tu tập các pháp lành. Chỉ vì tất cả pháp hữu vi mà nói tất cả đều đốt cháy, vô ngã cũng như vậy, nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh khiến mọi người chẳng phóng dật. Đây gọi

là từ ngữ Như Ý.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai lại có từ ngữ tùy tự ý: Như nói Phật tánh của Như Lai có hai thứ: Một là có, hai là không.

Có, là Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại từ, đại bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v... Vô lượng Tam Muội, Kim Cang v.v... Vô lượng Tam Muội, phương tiện v.v... Vô lượng Tam Muội, năm trí ấn v.v... vô lượng Tam Muội.

Không, là Như lai không có các điều thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp nhân quả báo, phiền não, ngũ âm, mười hai nhân duyên.

Này Thiện Nam Tử! Như có và không, thiện, bất thiện, hữu lậu, vô lậu, thế gian, phi thế gian, thánh, phi thánh, hữu vi, vô vi, thật, bất thật, tịch tịnh, phi tịch tịnh, tránh, phi tránh, giới, phi giới, phiền não, phi phiền não, thủ, phi thủ, thọ ký, phi thọ ký, hữu, phi hữu, tam thế, phi tam thế, thời, phi thời, thường, vô thường, ngã, vô ngã, lạc, vô lạc, tịnh, vô tịnh, sắc, thọ,

tướng, hành, thức, phi sắc thọ tướng hành thức, nội nhập, phi nội nhập, ngoại nhập, phi ngoại nhập, thập nhị nhân duyên, phi thập nhị nhân duyên. Đây là Phật tánh của Như Lai hai thứ có và không, nhân đến Nhứt Xiển Đề Phật tánh hai thứ có và không cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Dầu ta nói rằng: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chúng sanh chẳng hiểu những từ ngữ tùy tự ý của Phật như vậy. Những lời như vậy bậc tối hậu thân Bồ Tát còn chẳng hiểu được huống là những Bồ Tát khác và hàng nhị thừa.

Này Thiện Nam Tử! Trước kia có một lúc tại núi Kỳ Xà Quật, ta cùng Di Lặc Bồ Tát luận về thế đế, mà Xá Lợi Phất v.v... năm trăm vị Thanh Văn đều chẳng hiểu biết những việc ấy, huống là việc xuất thế đế nhưt nghĩa đế.

Này Thiện Nam Tử! Hoặc có Phật tánh Nhứt Xiển Đề có mà người thiện căn thời không. Hoặc có Phật tánh người thiện căn thời có còn Nhứt Xiển Đề thời không. Hoặc

có Phật tánh cả hai đều có, hoặc cả hai đều không. Nếu hàng đệ tử của ta hiểu bốn nghĩa như vậy, chẳng nên gạn rằng: Nhứt Xiển Đề quyết định có Phật tánh hay quyết định không Phật tánh.

Như nói chúng sanh đều có Phật tánh, đây là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Từ ngữ tùy tự ý của Như Lai như vậy, sao chúng sanh lại nhận hiểu quyết định một bề.

Này Thiện Nam Tử! Như trong sông Hằng có bảy hạng chúng sanh: Một là chìm luôn, hai là tạm nổi lên lại chìm, ba là nổi lên rồi thời dừng lại, bốn là nổi lên rồi xem khắp bốn phương, năm là xem khắp rồi thời đi, sáu là đi rồi lại đứng lại, bảy là dưới nước trên bờ đều đi.

Nói chìm luôn, là cá lớn mang nghiệp ác lớn thân nặng ở sâu nên chìm luôn.

Nói tạm thời nổi lên rồi lại chìm, là cá lớn vì nghiệp ác thân nặng ở chỗ cạn tạm thời thấy ánh sáng, do ánh sáng tạm thời nổi lên, rồi vì thân nặng mà lại chìm xuống.

Nói nổi lên rồi ở lại, là cá Kỳ Di ở chỗ nước cạn thích thấy ánh sáng nên nổi lên

rồi ở lại.

Nói xem khắp bốn phương, là cá Tích vì kiếm ăn mà xem khắp bốn phương.

Xem khắp rồi đi, là nói cá Tích ấy thấy vật đằng xa cho là ăn được nên mau lội đến.

Đi rồi lại đứng lại, là cá này đi rồi đã được đồ ăn bèn dừng lại.

Nói dưới nước trên bờ đều đi tức là linh quy vậy.

Này Thiện Nam Tử! Con sông Đại Niết Bàn vi diệu này, trong đó cũng có bảy hạng chúng sanh: Từ hạng ban đầu thường chìm, nhẫn đến hạng thứ bảy hoặc xuống nước hoặc lên bờ.

Nói thường chìm, là như có người nghe kinh Đại Niết Bàn, nói rằng đức Như Lai thường trụ không có biến đổi, là thường, lạc, ngã, tịnh, trọn chẳng nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đến hạng Nhứt Xiển Đề cũng ắt sẽ thành đạo Bồ Đề, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật v.v.. ắt sẽ được thành vô thượng Bồ Đề. Người này nghe lời trên đây không tin mà nghĩ và nói rằng kinh

điên Đại Niết Bàn này là sách ngoại đạo chẳng phải kinh Phật. Lúc bấy giờ người này xa lìa bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, dầu có lúc được nghe nhưng chẳng thể tư duy, dầu có tư duy nhưng chẳng tư duy pháp lành, vì chẳng tư duy pháp lành nên trụ nơi pháp ác. Người trụ nơi pháp ác có sáu hạng: Một là ác, hai là vô thiện, ba là ô pháp, bốn là tăng hữu, năm là não nhiệt, sáu là thọ quả ác, do đây nên gọi là chìm.

Cớ sao gọi là chìm? Vì không tâm lành mà thường làm việc ác, vì chẳng tu tập pháp đối trị nên gọi là chìm.

Nói rằng ác là vì thánh nhân quả trách, vì tâm sợ sệt, vì xa lìa người lành, vì không lợi ích chúng sanh, nên gọi là ác.

Nói rằng vô thiện là vì có thể sanh vô lượng quả báo ác, vì thường bị vô minh ràng buộc, vì thích cùng người ác làm bạn, vì không tu tập những phương tiện lành, vì tâm họ điên đảo luôn sai lầm.

Nói rằng ô pháp là vì thân khẩu thường nhiễm ô, vì nhiễm ô chúng sanh thanh

tĩnh, vì thêm lớn nghiệp chẳng lành, vì xa lìa pháp lành, đây gọi là ô pháp.

Nói tăng hữu là ba người như trên thật hành những pháp ác, có thể thêm địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chẳng thể tu tập pháp giải thoát, thân, khẩu, ý chẳng nhằm các cõi, đây gọi là tăng hữu.

Nói rằng não nhiệt là những người này, làm đủ bốn việc như trên có thể khiến thân tâm não nhiệt, xa lìa tịch tịnh thời gọi là nhiệt, bị quả báo địa ngục nên gọi là nhiệt, đốt cháy các chúng sanh nên gọi là nhiệt, đốt cháy các pháp lành nên gọi là nhiệt, người này chẳng có tín tâm mát mẻ nên gọi là nhiệt.

Nói rằng thọ lấy quả ác là người này làm đủ năm việc trên khi chết đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Có ba việc ác nên gọi là quả ác: Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là báo ác, đây gọi là thọ lấy quả báo ác. Người này có đủ sáu việc như trên thời có thể làm dứt mất căn lành tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam bảo, dùng của vật của chúng Tăng, có thể

làm những việc phi pháp, do đây nên chìm đắm ở trong địa ngục A Tỳ, thân hình rộng lớn tám muôn bốn ngàn do diên, vì người này nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý quá nặng nên không thể ra khỏi được, vì tâm họ chẳng thể sanh pháp lành, dầu có vô lượng chư Phật ra đời cũng chẳng được nghe được thấy, đây gọi là thường chìm. Như cá lớn trong sông Hằng.

Này Thiện Nam Tử! Dầu ta nói Nhứt Xiển Đề gọi là thường chìm, nhưng lại có hạng thường chìm, mà chẳng phải Nhứt Xiển Đề: Như người vì cõi hữu lậu mà bố thí trì giới làm các việc lành, đây cũng gọi là thường chìm.

Này Thiện Nam Tử! Có bốn việc lành mang lấy quả ác: Một là vì hơn người mà đọa tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, ba là vì hệ thuộc người khác mà làm việc bố thí, bốn là vì cõi phi tưởng, phi phi tưởng mà nhiếp niệm tư duy, đây là bốn điều lành được quả báo ác. Nếu người thật hành bốn việc như vậy thời gọi là chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm

xuống. Vì ưa thích ba cõi hữu lậu nên gọi là chìm. Vì thấy ánh sáng tức là được nghe pháp trì giới, bố thí, thiền định, đây gọi là nổi lên. Thêm lớn tà kiến, sanh kiêu mạn nên gọi là lại chìm xuống.

Do đây nên trong kệ kinh ta nói kệ rằng:

Nếu có chúng sanh thích các cõi,
 Vì các cõi mà tạo nghiệp ác,
 Người này mê mất đạo Niết Bàn,
 Đây là tạm nổi lại chìm xuống.
 Đi nơi biển sanh tử tối tăm,
 Dầu được giải thoát xem phiền não,
 Người này lại thọ quả báo ác,
 Đây là tạm ra lại chìm xuống.

Này Thiện Nam Tử! Như cá lớn kia do thấy ánh sáng tạm thời nổi lên khỏi nước, vì thân nặng nên lại chìm xuống, hai hạng người trên đây cũng lại như vậy.

Này Thiện nam Tử! Hoặc có người tham đắm ba cõi hữu lậu đây gọi là chìm. Được nghe kinh Đại Niết Bàn này mà sanh lòng tin, đây gọi là nổi lên. Duyên có gì gọi đó là nổi lên? Vì nghe kinh này rời xa lìa pháp ác tu tập pháp lành, nên gọi là nổi lên. Người

này dầu tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Duyên có gì tín tâm chẳng đầy đủ? Người này dầu tin Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh, mà nói rằng thân Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Đức Như Lai có hai thứ Niết Bàn: Một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết Bàn không có thường lạc ngã tịnh. Vô vi Niết Bàn có thường lạc ngã tịnh. Dầu tin Phật tánh là chúng sanh có, nhưng bất tất là tất cả đều có. Do đây nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Này Thiện Nam Tử! Tín tâm có hai thứ: Một là tin, hai là cầu. Người như trên đây dầu có tín tâm, nhưng chẳng thể suy cầu, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ: Một là từ nghe pháp mà sanh lòng tin, hai là từ tư duy mà sanh lòng tin.

Tín tâm của người này do nghe pháp mà sanh chẳng phải do tư duy, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ: Một là tin có thánh đạo, hai là tin người đắc đạo. Người này dầu tin có thánh đạo, nhưng trọn chẳng tin có

người đắ đạo, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ: Một là tin chánh, hai là tin tà. Nói rằng có nhân quả, có Phật, Pháp, Tăng, đây gọi là tin chánh. Nói rằng không nhân quả, tánh Tam Bảo khác nhau, tin theo những lời tà của ngoại đạo, đây gọi là tin tà. Người này dầu tin Phật pháp Tăng Tam Bảo, nhưng chẳng tin Tam Bảo đồng một tánh tướng, dầu tin nhân quả nhưng chẳng tin người đắ quả, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Người này trọn nên tín tâm chẳng đầy đủ, thọ trì cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Vì nhân chẳng đầy đủ nên chỗ được cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Lại giới có hai thứ: Một là oai nghi, hai là tòng giới. Người này dầu đầy đủ những giới về oai nghi nhưng chẳng đầy đủ những giới về tòng giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: Một là tác giới, hai là vô tác giới. Người này dầu có tác giới nhưng chẳng đủ vô tác giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: Một là từ thân khẩu mà được chánh mạng, hai là từ thân khẩu chẳng được chánh mạng. Người này dầu từ thân khẩu nhưng chẳng được chánh mạng, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: Một là cầu giới, hai là xả giới. Người này dầu đủ giới do cầu mà có nhưng chẳng được giới do xả mà có, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: Một là tùy hữu, hai là tùy đạo. Người này dầu đủ giới tùy hữu nhưng chẳng đủ giới tùy đạo, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: Một là thiện giới, hai là ác giới. Thân khẩu ý lành gọi là thiện giới. Ngưu giới, Cầu giới v.v... gọi là ác giới. Người này rất tin cả hai thứ giới đây đều có quả lành, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đầy đủ hai điều: Tín tâm và giới, nên chỗ tu tập đa văn cũng chẳng đầy đủ. Thế nào gọi là đa văn chẳng đầy đủ? Mười hai bộ kinh của đức Như Lai nói ra người này chỉ tin sáu bộ, mà chẳng tin sáu bộ, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Người

này dầu thọ trì sáu bộ kinh đây nhưng không thể đọc tụng cùng giảng giải cho người, không chỗ lợi ích, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Hoặc người này thọ trì sáu bộ kinh đây rồi mà vì luận nghị, vì hơn người, vì lợi dưỡng, vì các cõi hữu lậu mà đọc tụng giảng thuyết nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Này Thiện Nam Tử! Ở trong khế kinh ta từng nói đa văn đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Nếu có Tỳ Kheo thân khẩu ý đều lành, trước có thể cúng dường Hòa Thượng, chư Sư, những người có đức. Chư Sư này đối với người ấy sanh lòng thương mến, nên đem kinh pháp truyền dạy cho. Người này chí tâm thọ trì tụng tập, được trí huệ. Được trí huệ rồi có thể khéo tư duy thật hành đúng như pháp. Khéo tư duy rồi thời được chánh nghĩa. Được chánh nghĩa rồi thân tâm tịch tịnh. Thân tâm đã tịch tịnh thời sanh hỷ tâm. Do hỷ tâm mà được định. Do được định nên được chánh tri kiến. Được chánh tri kiến rồi sanh lòng ăn năn nhằm chán các cõi hữu lậu. Vì nhằm chán các cõi nên

được giải thoát.

Người trên đây không có những việc như vậy nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đầy đủ ba việc như vậy nên bố thí cũng chẳng đầy đủ.

Bố thí có hai thứ: Một là tài thí, hai là pháp thí, người này dầu thật hành về tài thí nhưng vì cầu cõi hữu lậu, dầu thật hành pháp thí nhưng cũng chẳng đầy đủ, vì bí ẩn chẳng nói hết sợ người hơn mình, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Hai thứ tài thí, pháp thí đều riêng có hai: Một là thánh, hai là chẳng phải thánh. Thánh nhân bố thí rồi chẳng cầu quả báo. Người chẳng phải thánh bố thí rồi cầu quả báo. Thánh nhân bố thí pháp để làm cho pháp được tăng trưởng. Người chẳng phải thánh bố thí pháp để tăng trưởng các cõi hữu lậu.

Người này vì tăng trưởng của cải mà thật hành tài thí, vì tăng trưởng cõi hữu lậu mà thật hành pháp thí, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Lại người này lãnh thọ sáu bộ kinh, thấy

người thọ pháp thời cung cấp cho, gặp người chẳng thọ pháp thời chẳng cung cấp, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đủ bốn điều như trên nên chỗ tu trí huệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí huệ là hay phân biệt. Người này chẳng thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Trong kinh Đại Niết Bàn này đức Phật nói Như Lai chính là giải thoát, giải thoát chính là Như lai. Như Lai là Niết bàn, Niết Bàn là giải thoát. Trong những nghĩa đây người này chẳng thể phân biệt được.

Đức Phật lại nói phạm hạnh là Như Lai, Như Lai là từ, bi, hỷ, xả. Từ, bi, hỷ, xả là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là từ, bi, hỷ, xả. Trong những nghĩa đây, người này không phân biệt được nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người này lại chẳng phân biệt được Phật tánh, Phật tánh là Như Lai, Như Lai là tất cả pháp bất cộng, pháp bất cộng là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là pháp bất cộng. Người này lại chẳng phân

biết được bốn đế lý khổ tập diệt đạo, vì không phân biệt được bốn đế lý nên chẳng biết thánh hạnh, vì chẳng biết thánh hạnh nên chẳng biết Như Lai, vì chẳng biết Như Lai nên chẳng biết giải thoát, vì chẳng biết giải thoát nên chẳng biết Niết Bàn, do đây nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người này chẳng có đủ năm điều như vậy, thời thêm lớn hai pháp: Một là thêm pháp lành, hai là thêm pháp ác.

Thế nào gọi là thêm lớn pháp ác? Người này chẳng biết rằng mình không đầy đủ, tự cho rằng đầy đủ mà sanh tâm tham trước, đối với người đồng hàng cho mình là hơn, do đây bèn gần gũi những bạn ác đồng với mình đã gần gũi bạn ác rồi lại được nghe những pháp chẳng đầy đủ, sanh tâm vui mừng nhiễm trước, kiêu mạn phóng dật, do phóng dật mà gần gũi người tại gia, thích nghe nói những việc tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh, do đây nên thêm lớn pháp ác, vì đã thêm pháp ác nên thân khẩu ý gây nghiệp chẳng thanh tịnh, vì ba nghiệp chẳng thanh tịnh nên thêm lớn địa

ngục, súc sanh, ngã quý. Đây gọi là tạm nổi lên lại chìm xuống.

Trong Phật pháp của ta ai là kẻ tạm nổi lên lại chìm xuống? Chính là Đề Bà Đạt Đa, Cù Hoà Ly Tỳ Kheo, Uyển Thủ Tỳ Kheo, Thiện Tinh Tỳ Kheo, Tỳ Xá Tỳ Kheo, Mãn Tú Tỳ Kheo, Từ Địa Tỳ Kheo Ni, Khoáng Dã Tỳ Kheo Ni, Phương Tỳ Kheo Ni, Mạn Tỳ Kheo Ni, Tịnh Khiết Trưởng Giả, Câu Hữu Ưu Bà Tắc, Kim Lạc Thích Chủng, Tượng Trưởng Giả, Danh Xung Ưu Bà Di, Quang Minh Ưu Bà Di, Nan Đà Ưu Bà Di, Quân Ưu Bà Di, Linh Ưu Bà Di. Như cá lớn thấy ánh sáng nên nổi lên, vì thân nặng lại chìm xuống.

Thế nào gọi là thêm lớn pháp lành? Người này biết rõ mình công hạnh chẳng đầy đủ, vì tự biết chẳng đầy đủ nên cầu gần bạn lành, vì gần bạn lành nên thích nghe hỏi chỗ chưa được nghe, nghe rồi thích thọ trì, thọ rồi thích tư duy, khéo tư duy rồi có thể ở đúng như pháp, vì ở đúng như pháp nên thêm lớn pháp lành, vì thêm lớn pháp lành nên trọn chẳng còn chìm, đây gọi là

nổi lên rồi ở lại.

Trong Phật pháp của ta ai là người nổi lên rồi ở lại? Chính là Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nhã Kiều Trần Như v.v... năm vị Tỳ Kheo Da Xá v.v... năm mươi vị Tỳ Kheo, A Nâu Lô Đà, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp v.v... ba vị Tỳ Kheo Thập Lực Ca Diếp, Sáu Cù Đàm Di Tỳ Kheo Ni, Ba Tra La Hoa Tỳ Kheo Ni, Thắng Tỳ Kheo Ni, Thiệt Nghĩa Tỳ Kheo Ni, Hải Ý Tỳ Kheo Ni, Bạt Đà Tỳ Kheo Ni, Tịnh Tỳ Kheo Ni, Bất Thối Chuyển Tỳ Kheo Ni, Tần Bà Ta La Vương, Úc Đà Trưởng Giả, Tu Đạt Đa Trưởng Giả, Thích Ma Ha Nam Trưởng Giả, Bần Tu Đạt Đa Thủ Lang Trưởng Giả, Danh Xung Trưởng Giả, Cụ Túc Trưởng Giả, Sư Tử Tướng Quân, Ưu Bà Ly Trưởng Giả, Đạo Trưởng Giả, Vô Úy Ưu Bà Di, Thiện Trụ Ưu Bà Di, Ái Pháp Ưu Bà Di, Dũng Kiện Ưu Bà Di, Thiên Đắc Ưu Bà Di, Thiện Sanh Ưu Bà Di, Cụ Thân Ưu Bà Di, Ngưu Đắc Ưu Bà Di, Khoáng Dã Ưu Bà Di, Ma Ha Tư Na Ưu Bà Di v.v...

Thế nào gọi là ở lại? Vì thường thích xem

thấy ánh sáng pháp lành. Do nhân duyên này, hoặc Phật xuất thế, hoặc chẳng xuất thế, những người trên đây trọn chẳng tạo nghiệp ác nên gọi là ở lại. Như cá Kỳ Di thích thấy ánh sáng nên chẳng lặn chẳng chìm. Hạng tứ chúng trên đây cũng như vậy. Trong kinh ta từng nói kệ rằng:

Nếu người khéo phân biệt pháp nghĩa,
 Chí tâm cầu được quả Sa Môn,
 Quả trách tất cả cõi hữu lậu,
 Người này gọi là ở đúng pháp.
 Nếu hay cúng dường vô lượng Phật,
 Trong vô lượng đời tu thánh đạo,
 Hưởng thọ vui sướng chẳng phóng dật,
 Người này gọi là ở đúng pháp.
 Gần gũi bạn lành nghe chánh pháp,
 Tâm khéo tư duy ở đúng pháp,
 Thích thấy ánh sáng tu thánh đạo,
 Chúng được giải thoát thường an ổn.

Này Thiện Nam Tử! Trí chẳng đầy đủ phàm có năm điều, người này biết rồi cầu gần bạn lành. Bạn lành này nên xem xét người trên đây nhiều tham dục hay nhiều sân khúể, ngu si, tư giác, chấp ngã?

Nếu biết là nhiều tham dục thì nên dạy cho pháp quán bất tịnh; Nhiều sân khuê dạy pháp quán từ bi; nhiều ngu si dạy pháp quán nhân duyên; nhiều tư giác dạy pháp quán số tức; nhiều chấp ngã nên dạy phân tích thập bát giới v.v...

Người này nghe rồi chí tâm thọ trì, thọ trì rồi tu hành đúng như pháp, thật hành đúng như pháp rồi lần lượt chứng được tứ niệm xứ quán thân thọ tâm pháp, được pháp quán này rồi lại quán mười hai nhân duyên, quán rồi chứng được noãn pháp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng: Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều có noãn pháp. Vì đức Phật nói ba pháp hòa hiệp gọi là chúng sanh: Một là thọ, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này thì tất cả chúng sanh lẽ ra trước đã có noãn. Tại sao đức Như Lai nói rằng noãn pháp do bạn lành mà có?

Phật nói: “Này Thiện Nam Tử! Như noãn pháp của ông hỏi thì tất cả chúng sanh đến Nhứt Xiển Đề đều có. Noãn pháp của ta nói hôm nay phải do phương tiện rồi sau mới được, chẳng phải tất cả chúng sanh đều có

trước.

Nay ông chẳng nên gạn rằng tất cả chúng sanh đều có noãn pháp.

Này Thiện Nam Tử! Noãn pháp này thuộc về cõi sắc, chẳng phải cõi dục có được. Vì cõi dục không có, nên biết rằng tất cả chúng sanh bất tất đều có.

Này Thiện Nam Tử! Cõi sắc dầu có noãn pháp nhưng chẳng phải tất cả đều có, vì đệ tử của ta thời có, còn ngoại đạo thời không.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả ngoại đạo chỉ quán được sáu hạnh. Đệ tử của ta thời quán đủ cả mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh này tất cả chúng sanh bất tất đều có.

_Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là noãn? Là tánh nó tự noãn hay vì pháp khác mà noãn?

_Này Thiện Nam Tử! Noãn pháp này tánh nó là noãn chẳng phải do pháp khác mà noãn.

_Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai trước kia nói rằng Mã Sư và Mãn Tú không có noãn pháp, vì hai người này không có tín tâm đối với Tam Bảo. Do đây nên biết rằng tín tâm

chính là noãn pháp.

_Này Thiện Nam Tử! Tín tâm chẳng phải là noãn pháp, vì do tín tâm mà chứng noãn pháp.

Này Thiện Nam Tử! Luận về noãn pháp chính là trí huệ, vì quán tứ đế nên gọi là mười sáu hạnh. Hạnh đây chính là trí.

Này Thiện Nam Tử! Như lời ông hỏi duyên có gì mà gọi là noãn?

Này Thiện Nam Tử! Luận về noãn pháp chính là tướng lửa của tám thánh đạo.

Như cọng lửa: Trước có hơi nóng, kế có lửa, rồi sau có khói, đạo vô lậu này cũng như vậy: Hơi nóng là mười sáu hạnh, lửa là quả Tu Đà Hoàn, khói là trong vị tu đạo dứt kiết sử.

_Bạch Thế Tôn! Noãn pháp này cũng là pháp có, cũng là hữu vi. Noãn pháp này được quả báo thân ngũ ấm cõi sắc nên gọi là có. Vì là nhân duyên nên lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi tại sao có thể làm tướng đạo vô lậu?

_Này Thiện Nam Tử! Đúng như vậy! Noãn pháp này dầu là pháp hữu vi hữu lậu,

nhưng trở lại có thể phá hoại pháp hữu vi hữu lậu, nên có thể làm tướng đạo vô lậu. Như người cỡi ngựa cũng thương ngựa nhưng cũng đánh ngựa. Noãn pháp cũng vậy: Vì ái mà thọ sanh, vì nhàm mà tu quán hạnh, do đây nên dầu là hữu lậu hữu vi mà có thể làm tướng cho chánh đạo kia.

Có bảy mươi ba hạng người được noãn pháp: Cõi dục mười hạng người. Mười hạng người này đầy đủ tất cả phiền não: Từ dứt một phần đến chín phần. Như cõi dục, Sơ thiên nhân đến Vô Sở Hữu Xứ cũng như vậy. Đây gọi là bảy mươi ba. Những người này được noãn pháp rồi thời chẳng còn lại có thể dứt căn lành tạo tội ngũ nghịch phạm bốn tội trọng. Những người này có hai hạng: Một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác.

Người gặp bạn ác tạm thời nổi lên rồi chìm trở lại.

Người gặp bạn lành thời quan sát khắp bốn phương. Quan sát bốn phương chính là đánh pháp, đánh pháp này dầu cũng là tánh ngũ ấm, nhưng vẫn duyên nơi bốn đế lý, nên được gọi là quan sát khắp bốn

phương. Được đánh pháp rồi kể được nhẫn pháp. Nhẫn pháp này tánh nó cũng là ngũ ấm, cũng duyên bốn đế lý. Người này kể được thế đệ nhứt pháp, pháp này dầu tánh là ngũ ấm nhưng cũng duyên bốn đế lý. Người này kể được khổ pháp nhẫn, tánh của nhẫn là huệ duyên nơi một đế lý. Pháp nhẫn này duyên một đế lý rồi nhẫn đến kiến đạo dứt phiền não được quả Tu Đà Hoàn. Đây gọi là quán sát khắp bốn phương, bốn phương chính là bốn đế lý.

Bạch Thế Tôn! Trước kia đức Phật nói rằng những phiền não của bậc Tu Đà Hoàn dứt, dường như dòng nước rộng bốn mươi dặm, những phiền não còn lại như giọt nước đầu sợi lông.

Nơi đây sao lại nói dứt ba món kiết sử gọi là bậc Tu Đà Hoàn: Một là ngã kiến, hai là chẳng phải nhân thấy là nhân, ba là lưới nghi.

Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì gọi là Tu Đà Hoàn xem khắp bốn phương? Lại do duyên gì mà gọi là Tu Đà Hoàn? Duyên có gì đem cá Tích để dụ bậc Tu Đà Hoàn?

_Này Thiện Nam Tử! Bạc Tu Đà Hoàn dầu có thể dứt vô lượng phiền não, nhưng ba món kiết này nặng nhứt và cũng nhiếp tất cả những kiết sử của bạc Tu Đà Hoàn dứt, nên nói là dứt ba món kiết sử.

Như Quốc Vương lúc đi tuần du, dầu có các quan và bốn đạo binh, nhưng người đời chỉ nói rằng nhà vua đến, nhà vua đi. Trong đây nói dứt ba món phiền não này cũng như vậy. Duyên có gì ba món kiết này là nặng? Vì tất cả chúng sanh thường khởi phiền não này và vì vi tế khó biết, nên gọi là nặng. Vì ba món kiết này khó dứt được, vì nó có thể làm nhân cho tất cả phiền não, là oán địch bị đối trị của giới, định và huệ.

Này Thiện Nam Tử! Có những chúng sanh nghe bạc Tu Đà Hoàn có thể dứt vô lượng phiền não như vậy, thời chúng nó sanh lòng thối chuyển mà nói rằng: Chúng ta thế nào có thể dứt vô lượng phiền não như vậy. Do đây nên đức Như Lai phương tiện nói dứt ba kiết sử.

Này Thiện Nam Tử! Bạc Tu Đà Hoàn quán tứ đế được bốn điều: Một là kiên cố trụ

chánh đạo, hai là có thể khắp quan sát, ba là có thể thấy đúng như thật, bốn là có thể phá hoại oán địch lớn. Bạc Tu Đà Hoàn, thành tựu tín v.v... Ngũ căn không ai có thể lay động, nên gọi là kiên cố trụ nơi chánh đạo. Bạc này đều có thể quả trách những phiền não trong và ngoài, nên gọi là khắp quan sát. Thấy đúng như thật chính là nhãn trí. Oán địch lớn là nói bốn thứ diên đảo.

Này Thiện Nam Tử! Chử Tu là vô lậu, chử Đà Hoàn là tu tập, vì tu tập vô lậu nên gọi là Tu Đà Hoàn. Lại có nghĩa chử Tu là dòng, vì ngược dòng nên gọi là Tu Đà Hoàn.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu theo nghĩa này, duyên có gì những bậc Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn?

_ Này Thiện Nam Tử! Từ bậc Tu Đà Hoàn nhãn đến chư Phật cũng đều được gọi là Tu Đà Hoàn cả. Nếu bậc Tư Đà Hàm đến chư Phật mà không có danh nghĩa Tu Đà Hoàn, thời đâu được gọi là Tư Đà Hàm nhãn đến Phật.

Tất cả chúng sanh về danh tự có hai thứ: Một là tên cũ, hai là tên mới. Lúc còn phàm phu có danh tự thế tục, lúc đã đắc đạo lại đặt tên gọi là Tu Đà Hoàn. Trước gọi là Tu Đà Hoàn, vì lúc sau đắc quả nên gọi là Tư Đà Hàm. Người này cũng gọi là Tu Đà Hoàn, cũng gọi là Tư Đà Hàm, nhĩn đến chư Phật cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Có hai thứ dòng: Một là giải thoát, hai là Niết Bàn. Tất cả Thánh nhân đều có hai dòng này, nên cũng được gọi là Tu Đà Hoàn cũng gọi là Tư Đà Hàm, nhĩn đến Phật cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Bạc Tu Đà Hoàn cũng gọi là Bồ Tát. Vì Bồ Tát chính là tận trí và vô sanh trí. Bạc Tu Đà Hoàn cũng mong cầu hai trí này, nên được gọi là Bồ Tát.

Bạc Tu Đà Hoàn cũng được gọi là giác. Vì chánh giác kiến đạo dứt phiền não, vì chánh giác nhân quả, vì chánh giác cộng đạo và bất cộng đạo. Bạc Tư Đà Hàm nhĩn đến bậc A La Hán cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Có hai hạng Tu Đà

Hoàn: Lợi căn và độn căn. Bạc độn căn bảy lần sanh cõi người cõi trời, hoặc sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần sanh cõi người trời mới chứng quả A La Hán. Bạc lợi căn hiện đời chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Này Thiện Nam Tử! Cá Tích có bốn điều: Một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là thích thấy ánh sáng, bốn là ngậm được vật thời giữ chặt.

Bạc Tu Đà Hoàn cũng có bốn điều: Một là phiền não nhỏ, nhẹ như cá Tích nhỏ xương, hai là có chỉ có quán như cá Tích có cánh, ba là kiến đạo, như cá Tích thích thấy ánh sáng, bốn là nghe thấy đức Phật nói nghĩa vô thường khổ vô ngã bất tịnh thời kiên trì chẳng bỏ như cá Tích ngậm được vật thời giữ chặt.

Như trước kia Ma Vương hóa làm thân Phật. Thủ La Trưởng Giả xem thấy trong lòng kinh sợ, Ma thấy tâm Trưởng giả động bèn bảo Trưởng giả rằng: Trước kia ta nói bốn chân đế, thuyết đó không chân thật. Nay ta vì ông mà nói năm đế, sáu âm, mười

ba nhập, mười chín giới. Thủ La Trưởng Giả nghe lời này liền quan sát pháp tướng đều không có lý do, nên kiên trì nghĩa cũ, tâm ông chẳng lay động.

_ Bạch Thế Tôn! Bạc Tu Đà Hoàn này vì đặc đạo trước mà gọi là Tu Đà Hoàn hay là vì chứng sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn? Nếu vì đặc đạo trước, thời lúc được khổ pháp nhẫn có sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn mà gọi là Hướng? Nếu vì được sơ quả, thời người ngoại đạo trước dứt phiền não đến vô sở hữu xứ tu đạo vô lậu được quả A Na Hàm, có sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn?

_Này Thiện Nam Tử! Vì được sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn, lúc đó người này đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

Bạch Thế Tôn! Người được A Na Hàm cũng đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh. Có sao chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn?

_ Này Thiện Nam Tử! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ: Cộng và bất cộng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai: Hướng quả và đặc quả. Tám trí cũng có hai, hướng quả và đặc quả. Bạc Tu Đà Hoàn rời bỏ mười sáu hạnh

cộng, chúng được mười sáu hạnh bất cộng, rời bỏ tám trí hương quả chúng được tám trí đặc quả. Bậc A Na Hàm thời chẳng như vậy. Do đây nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Này Thiện Nam Tử! Bậc Tu Đà Hoàn duyên nơi tứ đế, bậc A Na Hàm chỉ duyên nhứt đế, nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Do nhân duyên trên đây nên dùng cá Tích để ví dụ, ngó khắp bốn phương rồi bèn đi. Nói đi là chỉ cho bậc Tu Đà Hàm nhiếp tâm tu hành để dứt trừ tham, sân, si, mạn.

Như cá Tích kia nhìn xem khắp bốn phương rồi vì kiếm ăn nên đi, đi rồi lại đứng lại, đây là dụ bậc A Na Hàm được món ăn rồi thời dừng lại. Có hai hạng A Na Hàm: Một là hiện tại được quả A Na Hàm rồi tiến tu được quả A La Hán, hai là hạng tham trước Tam Muội tịch tịnh trong cõi sắc và cõi vô sắc, bậc này chẳng thọ thân cõi dục nên gọi là A Na Hàm. Bậc A Na Hàm này lại có năm hạng: Một là trung bát Niết Bàn, hai là thọ thân bát Niết Bàn, ba là hành bát Niết Bàn, bốn là vô hành bát Niết Bàn, năm là thượng lưu bát Niết Bàn. Lại

có sáu hạng là thân hiện tại bát Niết Bàn. Lại có bảy hạng là thân vô sắc giới bát Niết Bàn.

Hạng hành bát Niết Bàn có hai: Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thời gọi là lợi căn, nếu thọ bốn thân thời gọi là độn căn. Lại có hai hạng, một là tinh tấn mà không chánh định tự tại, hai là giải đãi mà có chánh định tự tại. Lại có hai hạng: Một là có đủ tinh tấn và chánh định tự tại, hai là chẳng có cả hai.

Này Thiện Nam Tử! Chúng sanh trong cõi dục, cõi sắc có hai thứ nghiệp: Tác nghiệp và thọ sanh nghiệp. Bạc A Na Hàm trung bát Niết Bàn chỉ có tác nghiệp mà không thọ sanh nghiệp, nên bỏ thân cõi dục lúc chưa đến cõi sắc, vì lợi căn mà bát Niết Bàn. Bạc A Na Hàm trung bát Niết Bàn này có bốn tâm: Một là phi học, phi vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là phi học, phi vô học nhập Niết Bàn. Thế nào lại gọi là trung bát Niết Bàn?

Này Thiện Nam Tử! Trong bốn thứ tâm của bậc A Na Hàm này hai tâm là Niết

Bàn, hai tâm là chẳng phải Niết Bàn, do đây nên gọi là trung bát Niết Bàn.

Bậc A Na Hàm thọ thân bát Niết Bàn có hai thứ: Một là tác nghiệp, hai là sanh nghiệp. Bậc này bỏ thân dục giới thọ thân sắc giới, tinh tấn tu hành mãn thọ mạng thời nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn! Nếu là thọ mạng hết nhập Niết Bàn, tại sao gọi rằng thọ thân Niết Bàn?

_Này Thiện Nam Tử! Bậc này thọ thân rồi sau mới dứt hết phiền não trong tam giới, nên gọi là thọ thân Niết Bàn.

Bậc A Na Hàm thường tu hành do sức Tam Muội hữu vi có thể dứt phiền não nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là hành bát Niết Bàn.

Bậc A Na Hàm rõ biết quyết định sẽ chứng được Niết Bàn nên giải đãi, cũng do sức Tam Muội hữu vi mãn thọ mạng thời được nhập Niết Bàn, do đây gọi là vô hành bát Niết Bàn.

Nếu bậc A Na Hàm được đệ tứ thiên rồi lại sanh lòng mến sơ thiên do đây sanh

xuống trời sơ thiên. Nơi đây có hai dòng: Dòng phiền não và dòng đạo mà mên nhị thiên, nên sanh lên trời nhị thiên, lần đến trời tứ thiên cũng như vậy.

Bậc này trong trời tứ thiên lại có hai hạng: Một là vào cõi vô sắc, hai là vào trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bậc này, bậc thích Tam Muội thời vào cõi vô sắc. Bậc thích trí huệ thời vào trời Ngũ Tịnh Cư.

Hai bậc trên đây, một hạng tu đệ tứ thiên có năm tầng cấp, một hạng chẳng tu.

Thế nào là năm tầng cấp? Là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Bậc tu thượng thượng thời ở trời Sắc Cứu cánh, bậc tu trung thượng thời ở trời Thiện Hiện, bậc tu thượng phẩm thời ở trời Thiện Kiến, bậc tu trung phẩm thời ở trời Vô Nhiệt, bậc tu hạ phẩm thời ở trời Vô Phiền.

Hai bậc này, một thời ưa luận nghị ở trời Ngũ Tịnh Cư, một thời ưa tịch tịnh vào cõi Vô Sắc.

Lại có hai hạng: Một thời tu huân thiên vào trời Ngũ Tịnh Cư, một thời chẳng tu huân thiên sanh cõi Vô Sắc mãn thọ mạng

mà nhập Niết Bàn, do đây gọi là thượng lưu bát Niết Bàn. Nếu muốn vào cõi Vô Sắc thời không thể tu năm tầng cấp tứ thiên. Nếu tu năm tầng cấp này thời có thể quả trách định Vô sắc.

_Bạch Thế Tôn! Bạc trung bát Niết Bàn là lợi căn. Nếu là lợi căn có sao chẳng hiện tại nhập Niết Bàn? Có sao dục giới có hạng trung bát Niết Bàn mà sắc giới thời không .

_Này Thiện Nam Tử! Người này thân tứ đại hiện tại yếu kém không thể hành đạo. Dầu có Tỳ Kheo thân thể tráng kiện nhưng những duyên nhà cửa y phục uống ăn thuốc men v.v... chẳng đủ, nên chẳng được hiện tại bát Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Ngày trước có một lúc ta ở nước Xá Vệ tại tịnh xá A Na Phân Chi, có một Tỳ Kheo đến bạch với ta rằng ông luôn tu hành mà chẳng thể được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Lúc đó ta liền bảo A Nan rằng: Nay ông nên lo đủ đồ cần dùng cho Tỳ Kheo này.

A Nan liền dắt Tỳ Kheo đó đến rừng Kỳ Đà cho ở phòng nhà tốt. Tỳ Kheo đó nói với

A Nan rằng: Trông mong Đại Đức vì tôi mà trần thiết phòng nhà, dọn dẹp thật sạch sẽ, dùng thất bảo trang nghiêm, treo phan lọng bằng lụa.

A Nan nói: Người nghèo trong thế gian mới gọi là Sa Môn, tôi làm sao sắm được những đồ như vậy?

Tỳ Kheo nói: Nếu Đại Đức có thể sắm sửa được cho tôi thời tốt lắm, bằng không thời tôi sẽ trở về ra mắt Phật.

A Nan liền trở về đem việc ấy bạch với Phật. Đức Phật liền bảo A Nan sắm sửa tất cả đồ dùng theo ý của Tỳ Kheo đó.

Tỳ Kheo đó được những đồ cần dùng theo ý mình muốn, liền nhiếp niệm tu hành, không bao lâu chúng được quả Tu Đà Hoàn lần đến quả A La Hán.

Này Thiện Nam Tử! Vô lượng chúng sanh đáng được nhập Niết Bàn, nhưng vì thiếu thốn chướng ngại loạn động tâm niệm của họ, nên chẳng được.

Này Thiện Nam Tử! Lại có chúng sanh thích giáo quá nhiều, tâm họ bậc bội nhiều việc chẳng thể được chánh định nên hiện tại

không được bát Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Như lời ông nói, duyên có gì bỏ thân dục giới có hạng trung bát Niết Bàn, còn sắc giới thì không?

Này Thiện Nam Tử! Người này quán phiền não cõi dục có hai nhân duyên: Nội và ngoại, mà trong cõi sắc thì không ngại nhân duyên. Cõi dục lại có hai thứ ái tâm: Dục ái và sắc ái, quán hai ái tâm này rồi hết lòng quả trách, do quả trách này mà được nhập Niết Bàn. Trong cõi dục có thể quả trách được những phiền não thô: Xan tham, sân hận, tật đố, vô tâm, vô quý, do đây nên được nhập Niết Bàn. Lại người trong cõi dục tánh chất dững kiện, vì được hưởng quả, nên trong cõi dục có trung bát Niết bàn, trong cõi sắc thì không.

Này Thiện Nam Tử! Trung bát Niết Bàn có ba hạng: Thượng, trung và hạ. Hạng thượng lúc bỏ thân chưa rời cõi dục bèn được Niết Bàn. Hạng trung mới rời cõi dục chưa đến cõi sắc bèn được Niết Bàn. Hạng hạ rời khỏi cõi dục đến ranh cõi sắc bèn được Niết Bàn.

Như cá Tích khi đi kiếm được đồ ăn thì dừng lại, hạng này cũng vậy, ở nơi cõi sắc và cõi vô sắc mà được thọ thân nên gọi là dừng lại. Và cũng do chẳng còn thọ thân nhân, thiên, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ trong cõi dục nên gọi là dừng lại. Vì đã dứt vô lượng phiền não kiết sử còn thừa lại chút ít nên gọi là dừng lại. Lại vì vĩnh viễn chẳng gây tạo nghiệp phàm phu nên gọi là dừng lại. Lại vì tự mình chẳng còn sợ sệt, cũng chẳng làm cho người khác sợ sệt nên gọi là dừng lại. Vì xa lìa hai ác tâm: Xan tham, sân hận nên gọi là dừng lại.

Này Thiện Nam Tử! Bạc đến bờ kia là A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Chư Phật Thế Tôn, dụ như thần qui trên bờ dưới nước đều đi tự tại.

Duyên có gì dùng thần qui để ví dụ? Vì thần qui khéo giấu năm chi.

Bạc A La Hán hẳn đến chư Phật cũng khéo giấu che năm căn. Dưới nước là dụ thế gian, trên bờ là dụ xuất thế. Các bậc thánh này có thể quán sát tất cả ái phiền não lên đến bờ kia, nên dụ như thần qui dưới nước

trên bờ đều đi tự tại.

Này Thiện Nam Tử! Như bảy hạng chúng sanh trong sông Hằng, dầu có tên cá rùa nhưng chẳng rời khỏi nước, kinh Đại Niết Bàn này từ Nhứt Xiển Đề lên đến chư Phật, dầu có tên khác nhau nhưng cũng chẳng rời khỏi Phật tánh.

Này Thiện Nam Tử! Bảy hạng chúng sanh đây, hoặc pháp lành hoặc pháp ác, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ đệ, hoặc nhân, hoặc quả, tất cả đều là Phật tánh. Đây gọi là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu có nhân thời có quả, không nhân thời không quả. Niết Bàn gọi là quả, là thường trụ nên không nhân. Nếu đã không nhân tại sao gọi là quả? Niết Bàn đây cũng gọi là Sa Môn, cũng gọi là Sa Môn quả. Thế nào là Sa Môn? Thế nào là Sa Môn quả?

_ Này Thiện Nam Tử! Trong thế gian có bảy thứ quả: Một là phương tiện quả, hai là báo ân quả, ba là thân cận quả, bốn là dư tàn quả, năm là bình đẳng quả, sáu là quả

báo quả, bẫy là viễn ly quả.

Như người đời, mùa thu thâu gặt được nhiều lúa, báo nhau rằng được phương tiện quả. Phương tiện quả gọi là nghiệp hành quả. Quả này có hai nhân: Cận nhân và viễn nhân. Cận nhân là hột giống, viễn nhân là nước phân, nhân công. Đây gọi là phương tiện quả.

Như người đời phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ nói rằng nay chúng tôi đã được quả báo ơn phụng dưỡng. Người con có thể báo ơn gọi đó là quả. Quả này có hai nhân: Cận nhân và viễn nhân, cận nhân là nghiệp thuần thiện đời quá khứ của cha mẹ, viễn nhân là sanh ra người con có hiếu. Đây gọi là báo ân quả.

Như có người gận gũi bạn lành, hoặc được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Người này nói rằng nay tôi được quả báo thân cận. Quả này có hai nhân: Cận nhân và viễn nhân. Cận là tín tâm, viễn là bạn lành. Đây gọi là thân cận quả.

Như do chẳng sát sanh mà được thân thứ ba sống lâu, đây gọi là dư tàn quả. Quả này

cũng có hai nhân: Cận nhân và viễn nhân. Cận là thân khẩu ý thanh tịnh, viễn là sống lâu. Đây gọi là dư tàn quả.

Bình đẳng quả là nói khí thế giới, quả này cũng có hai nhân: Một là cận nhân, hai là viễn nhân. Cận nhân là chúng sanh tu mười nghiệp lành. Viễn nhân là đại tam tai.

Quả báo quả là như người chứng được thân thanh tịnh rồi tu ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, người này bèn nói tôi được quả báo. Quả này có hai nhân: Cận nhân và viễn nhân. Cận nhân là hiện tại thân, khẩu, ý thanh tịnh. Viễn nhân là quá khứ thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Viễn ly quả tức là Niết Bàn là các phiền não, tất cả các nghiệp lành là nhân Niết Bàn. Nhân Niết Bàn này có hai: Cận nhân và viễn nhân. Cận nhân là ba môn giải thoát, viễn nhân tức là pháp lành đã tu từ vô lượng đời.

Này Thiện Nam Tử! Như pháp thế gian hoặc nói sanh nhân, hoặc nói liễu nhân. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sanh nhân cũng nói liễu nhân. Ba môn giải

thoát, ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm cho sanh nhân của tất cả phiền não chẳng sanh được, mà cũng làm liễu nhân cho Niết Bàn. Xa lìa phiền não thời được thấy rõ Niết Bàn, nên Niết Bàn chỉ có liễu nhân mà không có sanh nhân.

Này Thiện Nam Tử! Như lời ông hỏi: Thế nào là Sa Môn? Thế nào là Sa Môn quả?

Này Thiện Nam Tử! Sa Môn Na tức là bát chánh đạo, Sa Môn Quả là từ nơi đạo rốt ráo xa lìa tất cả tham, sân, si v.v... đây gọi là Sa Môn Na và Sa Môn Quả.

_ Bạch Thế Tôn! Duyên có gì bát chánh đạo gọi là Sa Môn Na?

_ Này Thiện Nam Tử! Trong đời nói Sa Môn gọi đó là thiếu thốn, Na gọi là đạo. Đạo này dứt tất cả thiếu thốn, và dứt tất cả đạo, do nghĩa này gọi bát chánh đạo là Sa Môn Na. Từ trong đạo này chứng được thánh quả nên gọi là Sa Môn Quả.

Lại Sa Môn Na, như người đời có ai thích tịch tịnh cũng gọi là Sa Môn, đạo này cũng như vậy, có thể làm cho người tu hành xa lìa những sự ác tà mạng v.v... của thân,

khẩu, ý được vui tịch tịnh nên gọi đó là Sa Môn Na.

Như trong đời người dưới có thể làm người trên, đây gọi là Sa Môn. Đạo này cũng như vậy, có thể làm cho người dưới thành người trên nên được gọi là Sa Môn Na.

Bậc A La Hán tu đạo này được quả Sa Môn. Được gọi là đến nơi bờ kia. Quả A La Hán chính là năm phần pháp thân vô học : Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do năm phần này được đến bờ kia, nên gọi là đến bờ kia. Do đến bờ kia nên tự nói rằng tôi đã hết sanh tử, phạm hạnh đã trọn, chỗ làm đã xong, chẳng thọ thân đời sau.

Này Thiện Nam Tử! Bậc A La Hán dứt hẳn nhân duyên sanh tử ba đời, nên tự nói tôi đã hết sanh tử. Bậc này cũng dứt thân ngũ ấm trong ba cõi nên lại nói rằng tôi đã hết sanh tử. Chỗ tu phạm hạnh đã rốt ráo, nên xưng rằng phạm hạnh đã trọn, lại vì xả học đạo nên cũng gọi là đã trọn. Như chỗ mong cầu, lúc trước ngày nay đã được, nên

lại xưng rằng chỗ làm đã xong. Hành đạo được quả cũng nói rằng đã xong. Vì được tận trí và vô sanh trí nên nói rằng tôi đã hết sanh tử, dứt hết kiết sử hữu lậu. Do nghĩa này nên gọi bậc A La Hán được đến bờ kia.

Như A La Hán, bậc Bích Chi Phật cũng lại như vậy.

Bồ Tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu môn Ba La Mật gọi là đến bờ kia. Phật và Bồ Tát được vô thượng chánh giác rồi gọi là đầy đủ sáu môn Ba La Mật, vì được quả của sáu môn Ba La Mật như vậy. Do được quả nên gọi là đầy đủ.

Này Thiện Nam Tử! Bảy chúng sanh đây vì chẳng thể tu tập bốn điều: Thân, giới, tâm và huệ, nên hay gây tạo tội ngũ nghịch, dứt căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Phật, Pháp, Tăng, do đây nên gọi là thường chìm đắm.

Này Thiện Nam Tử! Trong bảy hạng chúng sanh này ai có thể gần gũi thiện tri thức chí tâm nghe và nhận lấy chánh pháp của Như Lai, trong tâm khéo tư duy ở đúng pháp, siêng năng tu tập thân, giới, tâm và huệ, do

đây nên được gọi là qua khỏi sông sanh tử đến nơi bờ kia.

Nếu có người nói rằng: Nhứt Xiển Đề được vô thượng chánh giác, lời này gọi là nhiệm trước. Nếu nói rằng chẳng được, thòi gọi là lời hư vọng.

Này Thiện Nam Tử! Bảy hạng này, hoặc có một người đủ cả bảy, hoặc mỗi người mỗi hạng.

Nếu có người nào tâm tưởng khác, miệng nói khác, cho rằng Nhứt Xiển Đề được vô thượng chánh giác, phải biết người này hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói không được thòi cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng bát thánh đạo là của phàm phu được, hoặc nói chẳng phải phàm phu được, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh, hoặc nói quyết định không Phật tánh, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Này Thiện Nam Tử! Do đây nên trong

khê kinh ta nói rằng có hai hạng người hủy báng Phật, Pháp, Tăng: Một là người chẳng tin, vì họ giận hờn; hai là người dẫu tin nhưng vì chẳng hiểu nghĩa.

Nếu người tin mà không có trí huệ thời hay thêm lớn vô minh. Nếu người có trí huệ mà không có tín tâm thời hay tăng trưởng tà kiến.

Người chẳng tin vì tâm họ giận hờn nên nói rằng không có Phật, Pháp, Tăng. Người tin mà không trí huệ giải nghĩa điên đảo làm cho người nghe pháp hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Do đây nên ta nói người chẳng tin vì lòng hờn giận, người tin lại không trí huệ, những người này hay hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói rằng Nhứt Xiển Đề chưa sanh pháp lành bèn được vô thượng chánh giác, người này cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói Nhứt Xiển Đề rời bỏ Nhứt Xiển Đề ở trong thân khác được vô thượng chánh giác, người này cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Nhứt Xiển Đề có thể sanh

căn lành, sanh căn lành rồi nói luôn chẳng dứt chúng được vô thượng chánh giác, nên gọi rằng Nhứt Xiển Đề được vô thượng Bồ Đề, phải biết rằng người này chẳng hủy báng Tam Bảo.

Nếu có người nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh, bất tác, bất sanh, do vì phiền não nên chẳng thấy được, người này là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh đều không có Phật tánh cũng như sừng thỏ, do từ phương tiện mà sanh, trước kia không nay mới có, có rồi trở lại không, người này là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì hư không là thường, sừng thỏ là không, nên được nói là cũng có cũng không. Vì có nên phá sừng thỏ, vì không nên phá hư không. Thuyết trên đây chẳng hủy báng Tam Bảo.

Này Thiện Nam Tử! Luận về Phật tánh chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười

pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là muôn pháp.

Lúc chưa được vô thượng chánh giác, tất cả thiện, bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh. Có lúc đức Như Lai trong nhân nói quả, trong quả nói nhân, đây gọi là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Vì tùy tự ý mà nói nên gọi là Như Lai, ứng cúng, chánh đẳng chánh giác.

_ Bạch Thế Tôn! Như lời của Phật nói: Phật tánh của chúng sanh dường như hư không. Thế nào gọi là như hư không?

_ Nay Thiện Nam Tử! Tánh hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Phật tánh cũng như vậy.

Hư không chẳng phải quá khứ, vì không phải hiện tại. Nếu pháp là hiện tại mới có thể nói là quá khứ, vì không hiện tại nên không quá khứ. Hiện tại cũng không, vì không vị lai. Nếu pháp là vị lai mới có thể nói là hiện tại. Vì không vị lai nên không hiện tại. Vị lai cũng không vì không hiện tại và quá khứ. Nếu pháp có hiện tại và quá khứ thì có vị lai, vì không quá khứ hiện tại

nên không vị lai.

Do nghĩa trên đây nên tánh của hư không chẳng phải nhiếp trong ba đời.

Này Thiện Nam Tử! Vì hư không là không nên không có ba đời, chẳng phải vì có mà không có ba đời. Như hoa đóm hư không vì chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Không có vật chính đó là hư không, Phật tánh cũng như vậy. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời. Vì Phật tánh là thường nên chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai đã được vô thượng Bồ Đề, đức Như Lai chỗ được Phật tánh và tất cả Phật pháp là thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời dường như hư không.

Này Thiện Nam Tử! Vì hư không là không nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì Phật tánh là thường trụ nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do đây nên nói rằng Phật tánh dường như hư không.

Này Thiện Nam Tử! Như trong đời chỗ không chướng ngại thời gọi là hư không.

Đức Như Lai được vô thượng Bồ Đề rồi, nói tất cả Phật pháp đều không có chướng ngại, nên nói rằng Phật tánh dường như hư không.

_ Bạch Thế Tôn! Phật tánh và Niết bàn của Như Lai chẳng nhiếp trong ba đời mà gọi là có, hư không cũng chẳng nhiếp trong ba đời, có sao chẳng được gọi là có ư ?

Này Thiện Nam Tử! Vì chẳng phải Niết Bàn gọi là Niết Bàn, vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai, vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh.

Thế nào gọi là chẳng phải Niết Bàn? Nghĩa là tất cả phiền não những pháp hữu vi. Vì phá những phiền não hữu vi này mà gọi là Niết Bàn.

Thế nào là chẳng phải Như Lai? Chính là Nhứt Xiển Đề nhãn đến bậc Bích Chi Phật. Vì phá Nhứt Xiển Đề nhãn đến Bích Chi Phật này mà gọi là Như Lai.

Thế nào là chẳng phải Phật tánh? Chính là tất cả vật vô tình như tường, vách, ngói,

đá v.v...lìa những vật vô tình này gọi là Phật tánh.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả thế gian không gì chẳng phải hư không đối với hư không.

_Bạch Thế Tôn! Thế gian cũng không gì chẳng phải là đối với tứ đại, mà còn được gọi tứ đại là có, hư không chẳng có đối có sao chẳng được gọi đó là có.

_Này Thiện nam Tử! Nếu cho rằng Niết Bàn chẳng nhiếp trong ba đời, hư không cũng như vậy. Lời nói này chẳng đúng nghĩa. Vì Niết Bàn là có thấy được chứng được, là dấu vết của sắc của sắc pháp, là có chương cú, là tướng, là duyên, là chỗ quy y, là bờ kia, tịch tịnh sáng suốt an ổn, do đây nên được gọi là nhiếp trong ba đời. Tánh hư không chẳng có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu có cái gì lìa những pháp như vậy mà lại là có thời nhiếp trong ba đời. Hư không nếu đồng là pháp có thời chẳng được chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện Nam Tử! Như người đời cho rằng hư không là không sắc, không đối

không thể thấy thời chính là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng tâm sở pháp, thời chẳng được chẳng nhiếp trong đời. Nếu nhiếp trong ba đời tức là bốn âm. Do đây nên rời bốn âm thời không có hư không.

Này Thiện Nam Tử! Những nhà ngoại đạo nói rằng: Hư không chính là quang minh. Nếu là quang minh thời là sắc pháp hư không, nếu là sắc pháp như vậy bèn là vô thường. Vì là vô thường nên nhiếp trong ba đời. Sao ngoại đạo lại nói là chẳng phải ba đời. Nếu đã nhiếp trong ba đời thời chẳng phải là hư không. Sao lại nói rằng hư không là thường.

Này Thiện Nam Tử! Lại có người cho rằng: Hư không là chỗ an trụ. Nếu có chỗ an trụ thời là sắc pháp. Tất cả chỗ đều là vô thường nhiếp trong ba đời, hư không là thường chẳng phải nhiếp trong ba đời. Nếu nói là chỗ thời biết rằng không phải hư không.

Lại có người nói rằng hư không là thứ đệ. Nếu là thứ đệ thời là pháp số. Nếu đã là có thể tính đếm được thời nhiếp trong ba đời, nếu nhiếp trong ba đời sao lại gọi rằng

thường?

Này Thiện Nam Tử! Lại có người nói rằng luận về hư không thời lìa ba pháp, một là không, hai là thật, ba là không thật. Nếu nói là không thời nên biết rằng hư không là pháp vô thường, vì không có trong phạm vi thật. Nếu nói là thật thời nên biết hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Nếu nói là không thật thời nên biết rằng hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Do những nghĩa này nên trong phạm vi không là không có.

Này Thiện Nam Tử! Có người nói hư không là pháp bị làm ra, như nói bỏ cây, bỏ nhà mà làm hư không, san bằng cho trống không, che hư không, lên hư không, cùng tận hư không như nước biển cả, đo đây nên hư không là pháp bị làm ra. Tất cả pháp làm ra đều là vô thường, dường như ngôi bình v.v... Hư không nếu như vậy thời phải là vô thường.

Này Thiện Nam Tử! Người đời nói trong tất cả pháp chỗ không chướng ngại gọi đó là

hư không. Chỗ không chướng ngại này nơi tất cả pháp là có tất cả hay có từng phần? Nếu là có tất cả thì những chỗ khác không có hư không. Nếu có từng phần thì là pháp kia và pháp đây có thể tính đếm. Nếu đã là tính đếm được thì là vô thường.

Có người cho rằng hư không gồm hiệp không chướng ngại cùng có chướng ngại. Và lại nói rằng hư không ở nơi sự vật như trái đưng trong bình chậu. Hai thuyết trên đều chẳng đúng. Nếu nói gồm cả hai thì có ba thứ: Một là nghiệp khác nhau mà cùng hiệp, như chim bay đậu trên cây. Hai là cộng nghiệp cùng hiệp, như hai con dê đưng nhau. Ba là đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp ở một chỗ.

Nếu nói nghiệp khác nhau cùng hiệp, khác nhau đây có hai: Một là nghiệp sự vật, hai là nghiệp hư không. Nếu nghiệp hư không hiệp với vật thì hư không là vô thường. Nếu nghiệp sự vật hiệp với hư không, sự vật thì chẳng cùng khắp, đã chẳng cùng khắp thì chẳng là vô thường. Nếu nói hư không là thường, tánh của nó

chẳng lay động mà cùng với động vật hiệp, thời không đúng nghĩa. Vì nếu hư không là thường thời vật lẽ ra cũng là thường. Nếu vật là vô thường thời hư không cũng là vô thường. Không thể nói rằng hư không cũng là thường cũng là vô thường.

Thuyết cộng nghiệp hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì hư không gọi là cùng khắp, nếu hiệp với nghiệp thời lẽ ra nghiệp cũng cùng khắp, nếu là cùng khắp thời phải khắp tất cả, nếu khắp tất cả thời lẽ ra hiệp với tất cả, chẳng nên nói rằng có hiệp cùng chẳng hiệp.

Thuyết đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì trước không có hiệp về sau mới hiệp, trước không sau có là pháp vô thường. Nên chẳng được nói rằng hư không đã hiệp rồi lại cùng hiệp. Như các pháp trong đời trước không sau có là vô thường, nếu hư không như vậy thời cũng phải là vô thường.

Thuyết hư không ở nơi sự vật như trái đưng trong bình chậu cũng không đúng nghĩa. Vì lúc chưa có bình chậu hư không

kia ở chỗ nào? Nếu có chỗ ở thời có nhiều hư không. Đã là nhiều sao lại nói là thường, là duy nhất, là cùng khắp. Giả sử hư không rời hư không có chỗ ở, thời sự vật lẽ ra cũng rời hư không có chỗ ở, do đây nên biết rằng không có hư không.

Này Thiện Nam Tử! Nếu cho rằng chỗ ngón tay ở gọi là hư không, theo thuyết này thời hư không là pháp vô thường, vì ngón tay có bốn phương hướng, hư không cũng phải có bốn phương, tất cả pháp thường trụ đều không có phương sở. Nếu có phương sở thời hư không là vô thường. Nếu là vô thường thời chẳng rời năm ấm. Nếu muốn rời năm ấm thời thành ra không chỗ có.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có pháp nào do nhân duyên mà tồn tại thời pháp đó là vô thường. Như tất cả chúng sanh cùng cây cối do nơi đất mà tồn tại. Vì đất là vô thường, nên những vật trên đây cũng là vô thường. Như đất nhân nơi nước, vì nước vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nhân nơi gió vì gió vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương nơi hư không, vì hư

không vô thường nên gió cũng vô thường. Sao lại nói rằng hư không là thường khắp tất cả chỗ?

Vì hư không là không chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, cũng như sừng thỏ là vật không có nên chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại. Do đây nên ta nói Phật tánh thường trụ chẳng nhiếp trong ba đời. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện Nam Tử! Ta trọn chẳng trái cãi với thế gian. Vì người trí nói có thời ta cũng nói có, vì người trí nói không thời ta cũng nói không.

_ Bạch Thế Tôn! Bồ Tát có đủ mấy pháp thời chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm?

_ Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát có đủ mười pháp thời được hai điều trên: Một là tín tâm, hai là có giới, ba là gần gũi bạn lành, bốn là trong tâm khéo tư duy, năm là có tinh tấn, sáu là có chánh niệm, bảy là có trí huệ, tám là có chánh ngữ, chín là thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sanh. Bồ Tát có đủ mười pháp này thời

chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như hoa Ưu Bát La.

_ Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói: Người trí trong đời nói có Phật cũng nói có, người trí trong đời nói không Phật cũng nói không. Những gì là có với không?

_ Này Thiện Nam Tử! Người trí trong đời nói sắc là vô thường khổ không vô ngã, nhãn đến thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói có, ta cũng nói có. Người trí nói sắc chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói không ta cũng nói không.

Bạch Thế Tôn! Người trí trong đời chính là Phật và Bồ Tát tất cả thánh nhân. Nếu sắc ấm của các thánh nhân là vô thường khổ không vô ngã, tại sao đức Như lai nói sắc thân của Phật là thường hằng không biến đổi. Người trí trong đời nói chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh, tại sao Đức Như Lai nói là có. Đức Thế Tôn nói những lời như vậy sao lại nói rằng chẳng tranh cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm ô.

Đức Như Lai đã lìa ba thứ điên đảo: Tướng đảo, tâm đảo, và kiến đảo. Lẽ ra nên nói rằng sắc thân của Phật thiết là vô thường. Nay lại nói là thường, thế nào được gọi là xa lìa điên đảo chẳng tranh cãi với thế gian?

_Này Thiện Nam Tử! Sắc thân của phàm phu từ phiền não mà sanh, nên người trí nói sắc thân là vô thường khổ không vô ngã. Sắc thân của Như Lai xa lìa phiền não, nên nói là thường hằng không biến đổi.

_ Bạch Thế Tôn! Sắc ám do phiền não sanh ra như thế nào?

_ Này Thiện Nam Tử! Phiền não có ba thứ: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người trí phải quán sát tội lỗi của ba thứ lậu này. Vì có biết tội thời có thể xa lìa. Như y sư coi mạch biết bệnh rồi mới cho thuốc.

Như dốt người mù đến trong rừng gai rồi bỏ đó mà về, người mù này rất khó ra khỏi rừng dầu được ra khỏi nhưng thân thể phải bị trầy trụa.

Phàm phu trong đời cũng như vậy, vì không biết được tội lỗi của ba món lậu nên đi theo nó. Nếu người nào thấy được tội lỗi

của ba món lậu thời có thể xa lìa. Người đã biết tội lỗi dầu có thọ quả báo nhưng quả báo cũng nhẹ nhàng.

Này Thiện Nam Tử! Có bốn hạng người: Một là lúc tạo nghiệp thời nặng, lúc thọ báo thời nhẹ, hai là lúc tạo nghiệp thời nhẹ, lúc thọ báo thời nặng, ba là lúc tạo nghiệp thời nặng, lúc thọ báo cũng nặng, bốn là lúc tạo nghiệp thời nhẹ, lúc thọ báo cũng nhẹ.

Này Thiện Nam Tử! Nếu người có thể quán sát tội lỗi của phiền não thời tạo nghiệp cùng thọ báo đều nhẹ.

Này Thiện Nam Tử! Người có trí nghĩ rằng: Ta nên xa lìa ba thứ lậu như vậy, chẳng nên gây tạo những nghiệp xấu xa như vậy, vì ngày nay ta chưa được giải thoát lục đạo. Nếu ta tu hành phải nương sức này để phá hoại các sự khổ. Suy nghĩ như vậy rồi thời tham sân si của người này kém yếu. Người này thấy phiền não của mình nhẹ nên lòng họ vui mừng, lại nghĩ rằng ta được như vậy đều do công đức tu hành, làm cho ta lìa được pháp ác, gần gũi pháp lành, nên hiện tại ta được thấy thánh đạo, vậy ta phải

nên siêng năng tu tập thêm. Do công đức siêng năng tu hành, người này xa lìa vô lượng phiền não và thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Do đây nên trong khế kinh Phật nói phải quán sát tất cả phiền não hữu lậu và nhân của hữu lậu. Vì người trí nếu chỉ quán hữu lậu mà chẳng quán nhân của hữu lậu thì không thể dứt các phiền não. Vì người trí quán sát hữu lậu do nhân này mà sanh, nay ta dứt nhân này thì lậu chẳng còn sanh. Như y sư trước từ nhân của bệnh thì bệnh chẳng còn. Do đây nên người trí phải trước quán sát nhân, kế đó quán sát quả báo, biết rằng từ nhân lành sanh ra quả lành, từ nhân ác sanh quả ác. Khi rõ biết quả báo rồi thì xa lìa nhân ác. Lại phải quán phiền não nhẹ hay nặng, trước lìa phiền não nặng thì phiền não nhẹ tự mất.

Này Thiện Nam tử! Người trí nếu biết phiền não, biết nhân của phiền não, biết quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ hay nặng, bấy giờ người này siêng năng tu hành chẳng ngừng nghỉ, chẳng hối tiếc, thường

gần gũi bạn lành chí tâm nghe pháp để dứt trừ những phiền não như vậy.

Như người bệnh tự biết bệnh nhẹ có thể trị lành, nên dầu uống thuốc đắng vẫn không ăn năn. Người trí siêng tu thánh đạo thường vui mừng chẳng sầu, chẳng nghĩ, chẳng ăn năn.

Này Thiện Nam Tử! Nếu người biết được phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ nặng, vì trừ phiền não mà tu thánh đạo, người này chẳng do phiền não sanh sắc thân, cũng chẳng do phiền não sanh thọ, tưởng, hành, thức. Nếu chẳng biết được phiền não v.v... chẳng siêng tu tập, người này từ phiền não sanh thân ngũ ấm.

Này Thiện Nam Tử! Người rõ biết phiền não v.v...vì dứt trừ phiền não mà tu hành thánh đạo, đây chính là đức Như Lai do nhân duyên này nên sắc thân của Như Lai cùng thọ, tưởng, hành, thức, đều là thường trụ.

Kế chẳng biết phiền não v.v..., chẳng tu hành thánh đạo, đây là phàm phu. Do

nhân duyên này nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức của phàm phu đều là vô thường.

Này Thiện Nam Tử! Người trí trong đời: Tất cả Thánh nhân, Bồ Tát, chư Phật đều nói hai nghĩa trên đây, ta cũng nói hai nghĩa như vậy, do đây nên ta nói rằng chẳng tranh cãi với người trí trong đời, chẳng bị thế pháp làm nhiễm ô.

_ Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu?

_ Này Thiện Nam Tử! Do trong tâm có giác quán chẳng lành, nhân nơi duyên ngoài mà sanh ra dục lậu.

Ngày trước lúc ở thành Vương Xá, ta bảo A Nan rằng: Nay ông thọ lấy bài kệ tụng của cô gái này nói. Bài kệ đây là lời của chư Phật quá khứ. Do đây nên tất cả giác quán chẳng lành trong tâm cùng những nhân duyên ngoài gọi đó là dục, đây là dục lậu.

Trừ dục lậu ở cõi dục, những ác pháp nơi trong cùng các nhân duyên nơi ngoài của cõi sắc và vô sắc gọi là hữu lậu.

Chẳng thể rõ biết ngã cùng ngã sở, chẳng biện biệt được trong cùng ngoài, đây gọi là

vô minh lậu.

Này Thiện Nam Tử! Vô minh là cội gốc của tất cả các lậu, vì tất cả chúng sanh do vô minh nên ức tưởng chấp trước nơi ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, đây gọi là chúng sanh, cũng gọi là tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Do nhân duyên này sanh ra tất cả các lậu. Vì thế nên trong mười hai bộ kinh, ta nói vô minh là nhân của tham sân si.

_ Bạch Thế Tôn! Trước kia đức Như Lai nói rằng do chẳng khéo tư duy mà có tham, sân, si. Nay duyên có gì mà nói do vô minh?

_ Này Thiện Nam Tử! Hai pháp đây làm nhân quả lẫn nhau, tăng trưởng lẫn nhau: Chẳng khéo tư duy sanh vô minh, do vô minh nên chẳng khéo tư duy.

Này Thiện nam Tử! Những gì có thể sanh trưởng các phiền não thời đều gọi là nhân duyên của phiền não. Gần gũi những nhân duyên của phiền não như vậy thời gọi là vô minh. Chẳng khéo tư duy dụ như hột giống lên mọc: Hột giống là cận nhân, nước đất là viễn nhân. Phiền não cũng như vậy.

_ Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói vô minh tức là lậu, sao lại nói rằng nhân nơi vô minh mà sanh các lậu?

_ Nay Thiện Nam Tử! Vô minh lậu là nội vô minh. Nhân nơi vô minh sanh ra các lậu là nội ngoại nhân. Nếu nói vô minh lậu thời gọi là nội đảo: Chẳng biết vô thường, khổ, không và vô ngã. Nếu nói nhân duyên của tất cả phiền não, đây gọi là chẳng rõ biết ngoài ngã và ngã sở. Nếu nói vô minh lậu, đây gọi là vô thí vô chung: Từ nơi vô minh sanh ra ám nhập giới v.v...

_ Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là biết nhân của các lậu?

_ Nay Thiện Nam Tử! Người trí nên quán sát rằng: Nhân duyên gì sanh ra phiền não này? Làm hạnh nghiệp gì sanh ra phiền não này? _Lúc ở chung với ai sanh ra phiền não này? _Ở chỗ nào sanh ra phiền não này? Quán sát việc gì sanh ra phiền não này? _Thọ lãnh đồ ăn đồ dùng của ai sanh ra phiền não này? Duyên có gì chuyển hạ làm trung, chuyển trung làm thượng? _Hạ nghiệp làm trung, trung nghiệp làm thượng?

Bồ Tát lúc quán sát như vậy thời xa lìa được nhân duyên sanh ra các lậu. Lúc quán sát như vậy những phiền não chưa sanh ngăn ngừa làm cho chẳng sanh, những phiền não đã sanh thời trừ diệt được. Do đây nên trong kệ kinh ta nói rằng người trí phải quán sát nhân duyên sanh ra phiền não.

_ Bạch Thế Tôn! Chúng sanh có một thân làm sao có thể khởi ra các thứ phiền não?

_ Nay Thiện Nam Tử! Như trong một cái chậu đựng nhiều thứ hạt giống, lúc có nước mưa thời mỗi hạt giống đều tự mọc lên. Chúng sanh cũng như vậy, thân dầu chỉ có một, do nhân duyên tham ái mà có thể sanh trưởng các thứ phiền não.

_ Bạch Thế Tôn! Người trí quán sát quá báo như thế nào?

_ Nay Thiện Nam Tử! Người trí nên quán sát nhân duyên của các lậu có thể sanh thân tam đồ, nhân duyên của các lậu được thân nhân thiên, đều là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường. Nhân duyên của các

lậu này có thể làm cho chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thọ lấy ác báo, có thể dứt mất căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam Bảo.

Người trí lại nên quán sát ngày nay ta đã có thân như vậy, chẳng nên sanh khởi những phiền não như vậy để khởi mang lấy những ác quả.

_ Bạch Thế Tôn! Có quả vô lậu. Lúc người trí dứt những quả báo, quả báo vô lậu này có ở trong số bị dứt đây chăng?

Những người đắc đạo có quả vô lậu. Người trí kia cầu quả vô lậu. Tại sao đức Phật nói rằng tất cả người trí nên dứt quả báo. Nếu dứt quả báo thời ngày nay làm sao có các bậc thánh nhân?

_ Nay Thiện Nam Tử! Có lúc đức Như Lai trong nhân mà nói quả, có lúc trong quả mà nói nhân.

Như người đời nói đất sét, chính là cái bình, những sợi chỉ chính là cái áo, đây gọi là trong nhân mà nói quả.

Như người đời nói con bò chính là nước và cỏ, người chính là đồ ăn, đây là trong quả

mà nói nhân. Ta cũng ở trong nhân mà nói quả như vậy. Như trong khế kinh trước kia ta từng nói rằng: Ta từng nơi tâm mà thân đến cõi Phạm Thiên, đây gọi là trong nhân mà nói quả. Lục nhập này là nghiệp quá khứ, đây gọi là trong quả mà nói nhân.

Này Thiện Nam Tử! Thật ra tất cả thánh nhân không có quả báo vô lậu. Tất cả thánh nhân tu hành thánh đạo được quả báo chẳng còn sanh các lậu do đây nên gọi là quả báo vô lậu.

Này Thiện Nam Tử! Người trí lúc quán sát như vậy liền dứt hẳn được quả báo của phiền não. Vì dứt quả báo phiền não này mà tu tập thánh đạo : Không vô tướng và vô nguyện. Tu tập thánh đạo này có thể dứt tất cả quả báo của phiền não.

_ Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều do phiền não mà có quả báo. Phiền não chính là ác. Từ phiền não ác sanh ra phiền não cũng gọi là ác. Phiền não như vậy có hai thứ: Nhân và quả. Vì nhân ác nên quả ác, vì quả ác nên nhân ác.

Như trái nhâm bà vì hột nó đắng, nên

bông trái cây lá tất cả đều đắng. Như cây độc vì hột nó độc nên trái cũng độc.

Nhân là chúng sanh quả cũng chúng sanh. Nhân là phiền não quả cũng phiền não. Nhân quả phiền não chính là chúng sanh. Chúng sanh chính là nhân quả phiền não.

Nếu cứ theo nghĩa này, có sao đức Như Lai trước kia nói dụ núi Tuyết cũng có cỏ độc, cũng có cây thuốc hay?

Nếu nói phiền não là chúng sanh, chúng sanh là phiền não, sao Phật lại nói trong thân chúng sanh có thuốc hay?

Lành thay! Lành thay! Nay Thiện Nam Tử! Vô lượng chúng sanh đều đồng nghi như vậy. Nay ông vì chúng sanh mà thưa hỏi. Ta cũng có thể giải thích để trừ nghi.

Ông nên lắng nghe khéo suy nghĩ và ghi nhớ đó.

Nay Thiện Nam Tử! Núi Tuyết kia dụ cho chúng sanh, cỏ độc là nói phiền não, cây thuốc hay là chỉ cho phạm hạnh thanh tịnh.

Nay Thiện Nam Tử! Nếu có chúng sanh tu tập phạm hạnh thanh tịnh như vậy, thời

gọi là trong thân có thuốc hay.

_ Bạch Thế Tôn! Thế nào chúng sanh có phạm hạnh thanh tịnh.

_ Nay Thiện Nam Tử! Như trong đời, từ hột sanh ra trái. Trái này có thứ sanh ra hột, có thứ chẳng sanh. Thứ có thể sanh hột thời gọi là quả tử. Thứ không thể sanh chỉ được gọi là quả chẳng được gọi là tử.

Tất cả chúng sanh cũng như vậy, có hai hạng: Một là có quả phiền não là nhân phiền não, hai là có quả phiền não chẳng phải nhân phiền não. Hạng sau đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Nay Thiện Nam Tử! Chúng sanh quán sát thọ ấm, biết nó là cận nhân của tất cả lậu. Vì thọ ấm làm nhân duyên nên không thể dứt tuyệt tất cả các lậu, cũng không thể ra khỏi ngục tam giới. Nhân nơi thọ mà chúng sanh chấp ngã và ngã sở, sanh ra tâm đảo, tưởng đảo và kiến đảo.

Do đây nên chúng sanh trước phải quán sát thọ ấm, thọ này là cận nhân của tất cả ái. Do đây nên người trí muốn dứt tham ái, trước phải quán sát thọ.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả chúng sanh, mười hai nhân duyên chỗ gây tạo nghiệp thiện ác đều nhân nơi thọ. Do đây nên ta từng bảo A Nan rằng: Tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác đều do nơi thọ. Nên người trí trước phải quán sát thọ.

Đã quán sát thọ rồi lại phải quán sát thọ này do nhân duyên gì mà sanh? Nếu do nhân duyên sanh, thì nhân duyên đó lại từ đâu mà sanh? Nếu không nhân duyên mà sanh, thì không nhân kia có sao chẳng sanh không thọ?

Lại quán sát thọ này chẳng phải do Tư Tại Thiên sanh, chẳng do sĩ phu sanh, chẳng do vi trần sanh, chẳng phải thời tiết sanh, chẳng do tướng sanh, chẳng do tánh sanh, chẳng phải tự sanh, chẳng phải tha sanh, chẳng phải vô nhân sanh. Thọ này từ các duyên hòa hiệp mà sanh, duyên đây chính là ái. Trong sự hòa hiệp này chẳng phải có thọ chẳng phải không thọ. Do đây nên ta phải dứt sự hòa hiệp này. Vì dứt hòa hiệp nên chẳng sanh ra thọ.

Này Thiện Nam Tử! Người trí quán sát

nhân rồi kể quán sát quả báo: Chúng sanh do nơi thọ mà thọ báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhẫn đến thọ vô lượng sự khổ não trong tam giới. Do nơi thọ mà thọ lấy sự vui hư huyền vô thường. Do nơi thọ mà dứt căn lành. Do nơi thọ mà được giải thoát. Lúc quán sát như vậy thời chẳng làm nhân cho thọ.

Thế nào gọi là chẳng làm nhân cho thọ? Chính là phân biệt thọ: Những thọ gì có thể làm nhân cho ái? Những ái gì có thể làm nhân cho thọ?

Này Thiện Nam Tử! Nếu chúng sanh có thể quán sát rành rẽ ái nhân và thọ nhân như vậy, thời có thể dứt ngã và ngã sở.

Này Thiện Nam Tử! Nếu người nào có thể quán sát những điều như vậy, thời nên biện biệt ái cùng thọ dứt tại chỗ nào? Bèn thấy ái và thọ có chỗ diệt phần ít, do đây nên biết rằng cũng phải có diệt hoàn toàn. Bấy giờ ở nơi giải thoát người này sanh tín tâm, quán sát chỗ giải thoát này do đâu mà được. Quán sát rồi biết rõ từ bát chánh đạo nên liền tu tập.

Thế nào gọi là bát chánh đạo? Đạo này quán sát thọ có ba tướng: Một là khô, hai là lạt, ba là bất khô bất lạt. Ba tướng này đều có thể làm cho thân tâm tăng trưởng.

Nhân duyên gì mà có thể tăng trưởng? Vì xúc làm nhân duyên. Xúc này có ba: Một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là phi minh phi vô minh xúc. Minh xúc đây chính là bát chánh đạo. Hai xúc kia thời tăng trưởng thân tâm và ba món thọ. Do đây nên phải dứt hai món xúc này. Xúc đã dứt nên chẳng sanh ba món thọ.

Này Thiện Nam Tử! Thọ này cũng gọi là nhân cũng gọi là quả. Người trí phải quán sát cũng nhân cũng quả này: Nhân thọ sanh ra ái gọi đó là nhân. Thọ nhân nơi xúc mà sanh đây gọi là quả.

Người trí quán sát thọ như vậy rồi, kế lại quán sát ái. Quả báo của thọ gọi là ái. Quán sát ái có hai thứ Một là tạp thực, hai là vô thực.

Tạp thực ái làm nhân sanh ra già bệnh chết tất cả những cõi hữu lậu. Vô thực ái thời dứt sanh già bệnh chết tất cả các cõi mà

tham ưa đạo vô lậu.

Lại nên nghĩ rằng: Nếu ta sanh tạp thực ái này thời không thể dứt được sanh lão bệnh tử. Nay dầu ta tham đạo vô lậu, nếu chẳng dứt thọ nhân, thời không thể được đạo quả vô lậu. Do đây nên phải dứt xúc này trước. Xúc đã dứt thời thọ tự diệt. Thọ đã diệt thời ái cũng mất theo. Đây gọi là bát chánh đạo.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có chúng sanh nào quán sát như vậy, dầu hiện tại có thân ác độc, nhưng trong đó cũng có cây thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc tốt.

Những chúng sanh này dầu do phiền não mà có quả báo, những quả báo này chẳng còn lại sanh phiền não, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện Nam Tử! Người trí phải quán sát hai thứ thọ và ái do nhân duyên gì sanh ra? Biết do nơi tưởng mà sanh. Vì chúng sanh lúc thấy sắc cũng chẳng sanh tham. Đến lúc quán thọ cũng chẳng sanh tham. Nếu ở trong sắc mà sanh tưởng điên đảo,

cho rằng sắc là thường, lạc, ngã, tịnh. Thọ là thường hằng không biến đổi. Do tướng diên đảo này mà sanh tham, sân, si. Do đây nên người trí phải quán sát.

Và phải suy nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh lúc chưa được chánh đạo đều có tướng diên đảo: Ở trong chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh mà nhận là thường, lạc, ngã, tịnh. Nơi pháp chẳng phải nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, nhà cửa v.v... mà tướng là nam, là nữ v.v...

Tướng này có ba thứ: Tiểu, đại và vô lượng. Vì nhân duyên nhỏ nên sanh tướng nhỏ. Vì nhân duyên lớn nên sanh tướng lớn. Vì vô lượng duyên nên sanh tướng vô lượng.

Lại có tướng nhỏ chính là chưa nhập định, tướng lớn là nói đã nhập định, vô lượng tướng là nói mười nhứt thiết nhập.

Lại có tướng nhỏ là tất cả tướng ở cõi dục, tướng lớn là tất cả tướng ở cõi sắc, vô lượng tướng là tất cả tướng ở cõi vô sắc.

Vì ba thứ tướng này diệt nên thọ cũng tự diệt. Vì tướng thọ diệt nên gọi là giải thoát.

_ Bạch Thế Tôn! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, sao đức Như Lai nói tướng thọ diệt gọi là giải thoát?

_ Nay Thiện Nam Tử! Như Lai có lúc nhân chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe hiểu được pháp.

Như trước kia ta bảo Đại Ca Diếp: Lúc chúng sanh diệt thời pháp lành diệt. Hoặc có lúc ta nhân nơi pháp mà nói chúng sanh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sanh. Như trước kia ta bảo A Nan rằng: Đức Phật cũng chẳng nói gần gũi tất cả pháp, lại cũng chẳng nói chẳng gần gũi tất cả pháp. Nếu đã gần nơi pháp mà pháp lành kém suy, pháp ác lừng thạnh, thời chẳng nên gần pháp đó. Nếu đã gần nơi pháp nào mà điều ác suy diệt, điều lành thêm lớn, thời nên gần gũi pháp đó.

Nay Thiện Nam Tử! Dầu đức Như Lai nói tướng thọ diệt, nhưng đã tổng nói dứt tất cả pháp nên dứt.

Người trí đã quán tướng như vậy rồi, kể lại quán nhân của tướng: Vô lượng tướng này nhân đâu mà sanh? Biết rằng nhân

xúc mà sanh. Xúc này có hai: Một là do phiền não mà có xúc, hai là do giải thoát mà có xúc. Do vô minh sanh gọi là phiền não xúc, do minh sanh gọi là giải thoát xúc. Nhân nơi phiền não xúc sanh ra đảo tưởng. Nhân nơi giải thoát xúc sanh ra bất đảo tưởng. Quán sát nhân của tưởng rồi kể lại quán sát quả báo.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu vì nhân nơi tưởng phiền não này mà sanh đảo tưởng, thì tất cả thánh nhân thiết có đảo tưởng mà không phiền não.

_ Nay Thiện Nam Tử! Thế nào là Thánh nhân mà có đảo tưởng?

_ Bạch Thế Tôn! Tất cả Thánh nhân đối với con bò con ngựa tưởng là bò là ngựa rồi cũng nói là bò là ngựa. Đối với nam nữ lớn nhỏ nhà cửa v.v... cũng như vậy, do đây nên gọi là đảo tưởng.

_ Nay Thiện Nam Tử! Tất cả phàm phu có hai thứ tưởng: Một là thế lưu bố tưởng, hai là chấp trước tưởng. Tất cả Thánh nhân chỉ có thế lưu bố tưởng, không có chấp trước tưởng. Tất cả phàm phu vì ác giác quán nên

đôi với thế lưu bố sanh ra chấp trước tướng. Tất cả Thánh nhân vì thiện giác quán nên đôi với thế lưu bố chẳng sanh tướng chấp trước. Do đây nên phàm phu gọi là đảo tướng. Thánh nhân dầu biết các pháp mà chẳng gọi là đảo tướng.

Người trí quán sát nhân của tướng rồi kể lại quán quả báo: Ác tướng này thọ quả nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân và thiên. Như ta do vì dứt ác giác quán nên vô minh xúc dứt, do đây mà tướng dứt, vì tướng dứt nên quả báo cũng dứt. Người trí vì dứt nhân của tướng nên tu bát chánh đạo.

Nếu có người quán sát được như vậy, thời gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện Nam Tử! Như trên đây gọi là trong thân ác độc của chúng sanh mà có thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Này Thiện nam Tử! Người trí kể lại quán sát dục, tức là sắc, thính, hương, vị, xúc. Đây là đức Như Lai ở trong nhân mà nói quả, vì từ năm trần này mà sanh ra dục, thiệt ra năm trần chẳng phải dục.

Này Thiện Nam Tử! Người ngu si vì tham cầu thọ lấy nên đối với sắc sanh ra tưởng điên đảo, đối với thanh, hương, vị, xúc cũng sanh ra tưởng điên đảo. Do đảo tưởng làm nhân duyên mà sanh ra thọ. Do đây nên trong đời nói rằng nhân đảo tưởng sanh ra mười món tưởng.

Do dục làm nhân duyên mà thọ lấy quả báo ác nơi thế gian. Dem sự ác làm hại cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn v.v..., chỗ chẳng nên làm ác mà cố làm chẳng tiếc thân mạng. Người trí quán sát ác tưởng này làm nhân duyên mà sanh ra dục tâm.

Quán sát nhân duyên của dục rồi kể lại quán quả báo: Dục này có nhiều quả báo ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân và thiên.

Nếu những ác tưởng này đã trừ diệt được, thời vĩnh viễn chẳng sanh dục tâm này, vì không dục tâm nên chẳng sanh ác thọ, đã không ác thọ thời không ác quả, do đây nên phải dứt ác tưởng trước. Ác tưởng đã dứt thời những pháp ác khác tự nhiên đều dứt. Do có trên đây nên người trí vì dứt ác tưởng mà tu bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh

thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Này Thiện Nam Tử! Người trí quán dục như vậy rồi kế nên quán nghiệp. Phải suy nghĩ rằng: Bốn thứ thọ, tưởng, xúc và dục chính là phiền não. Phiền não này có thể làm sanh nghiệp mà chẳng làm thọ nghiệp. Phiền não này cùng đi với nghiệp có hai thứ: Một là làm sanh nghiệp, hai là làm tác nghiệp.

Do đây nên người trí phải quán sát nơi nghiệp. Nghiệp này có ba: Thân, khẩu và ý. Hai nghiệp thân, khẩu tên là nghiệp mà cũng gọi là nghiệp quả, ý chỉ gọi là nghiệp, vì là nhân của nghiệp nên gọi là nghiệp. Hai nghiệp thân, khẩu là nghiệp ngoài, ý gọi là nghiệp trong. Ba thứ nghiệp này đi cùng với phiền não làm thành hai thứ nghiệp: Một là sanh nghiệp, hai là thọ nghiệp.

Này Thiện Nam Tử! Chánh nghiệp tức là ý, kỳ nghiệp tức là thân khẩu. Phát sanh

trước gọi là ý nghiệp, từ ý nghiệp sanh ra gọi là thân khẩu nghiệp. Do đây nên ý nghiệp được gọi là chánh.

Người trí đã quán nghiệp rồi kể lại quán nghiệp nhân. Nghiệp nhân đây là vô minh xúc. Do nơi vô minh xúc mà chúng sanh cầu lấy có. Nhân duyên cầu lấy có tức là ái. Nhân nơi ái mà gây tạo ba thứ nghiệp, thân, khẩu, ý.

Người trí quán nghiệp nhân rồi kể lại quán quả báo. Quả báo đây có bốn: Một là hắc hắc quả báo, hai là bạch bạch quả báo, ba là tạp tạp quả báo, bốn là bất hắc bất bạch quả báo.

Hắc hắc quả báo là lúc tạo nghiệp như đục quả báo cũng như đục. Bạch bạch quả báo là lúc tạo nghiệp thanh tịnh quả báo cũng thanh tịnh.

Tạp tạp quả báo là lúc tạo nghiệp tạp quả báo cũng tạp. Bất hắc bất bạch quả báo là nói vô lậu nghiệp.

_Bạch Thế Tôn Trước kia đức Như Lai nói vô lậu không có quả báo, có sao nay lại nói vô lậu là bất hắc bất bạch quả báo.

_Này Thiện Nam Tử! Nghĩa này có hai: Một là cũng quả cũng báo, hai là chỉ quả chẳng phải báo. Hắc hắc quả báo là quả cũng là báo: Do nghiệp nhân hắc mà sanh ra nên gọi là quả, nó lại có thể làm nhân nên lại gọi là báo. Bạch bạch và tạp tạp cũng như vậy. Quả vô lậu nhân nơi hữu lậu mà sanh nên gọi là quả, nó chẳng làm nhân cho pháp khác nên chẳng gọi là báo. Do đây nên vô lậu gọi là quả mà chẳng gọi là báo.

_Bạch Thế Tôn! Nghiệp vô lậu này chẳng phải là hắc pháp, duyên có gì chẳng gọi nó là bạch?

_Này Thiện Nam Tử! Vì vô lậu không có báo nên chẳng gọi là bạch. Vì đối trị hắc nên gọi là bạch. Nay ta nói thọ quả báo gọi là hắc bạch. Vì nghiệp vô lậu này chẳng thọ báo nên chẳng gọi là bạch mà gọi là tịch tịnh.

Nghiệp như vậy có chỗ định thọ báo, như mười pháp ác quyết định ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mười nghiệp lành quyết định ở nhân, thiên.

Mười pháp ác có thượng, trung và hạ:

Nghiệp thượng thọ thân địa ngục, nghiệp trung thọ thân súc sanh, nghiệp hạ thọ thân ngạ quỷ.

Mười nghiệp lành về nhân đạo có bốn hạng: Nghiệp hạ sanh Bắc Câu Lô Châu, nghiệp trung sanh Tây Ngưu Hóa Châu, nghiệp thượng sanh Đông Thắng Thần Châu, nghiệp thượng thượng sanh Diêm Phù Đề.

Người trí quán sát như vậy rồi liền nghĩ rằng: Ta phải làm thế nào dứt những quả báo ấy? Lại nghĩ rằng nhân duyên của những nghiệp này do vô minh xúc sanh ra, nếu ta dứt trừ vô minh cùng xúc, thì nghiệp quả này dứt mất chẳng còn sanh. Vì dứt trừ vô minh và xúc nên người trí tu bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay, như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

Này Thiện Nam Tử! Người trí quán sát nghiệp và quán sát phiền não rồi, kể lại quán sát quả báo của hai thứ này: Tức là khổ. Đã biết là khổ thì có thể xa lìa tất cả sự thọ sanh.

Người trí lại quán sát phiền não làm nhân duyên sanh ra phiền não, nghiệp cũng làm nhân duyên sanh ra phiền não. Phiền não lại làm nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhân duyên sanh ra khổ, khổ làm nhân duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhân duyên sanh ra hữu, hữu làm nhân duyên sanh ra khổ, khổ làm nhân duyên sanh ra hữu, hữu làm nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhân duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhân duyên sanh ra khổ, khổ làm nhân duyên sanh ra nghiệp.

Này Thiện Nam Tử! Nếu ai có thể quán sát như vậy, nên biết rằng người này có thể quán sát nghiệp khổ, vì những điều quán sát như vậy chính là mười hai nhân duyên sanh tử, người này chẳng gây tạo nghiệp mới, có thể phá hoại nghiệp cũ.

Này Thiện Nam Tử! Người trí quán sát sự khổ nơi địa ngục. Quán sát nơi địa ngục nhân đến ba trăm ba mươi sáu sở. Mỗi địa ngục đều có các sự khổ, đều do phiền não và nghiệp sanh ra. Quán sát địa ngục rồi kể lại

quán sát những sự khổ của ngã quý và súc sanh. Kế lại quán sát những sự khổ của nhân gian và của chư thiên. Những sự khổ như vậy đều do nơi phiền não và nghiệp sanh ra.

Này Thiện Nam Tử! Trên các cõi Trời dầu không những sự khổ nào lớn, nhưng thân thể của chư thiên mềm dịu mịn trơn, lúc năm tướng suy hiện ra họ cũng thọ lấy sự khổ lớn, như sự khổ của địa ngục.

Này Thiện Nam Tử! Người trí quán sát những sự khổ của tam giới đều do nơi phiền não và nghiệp mà sanh. Như đồ bằng đất chưa hàm thời dễ bể hư. Thân thể của chúng sanh cũng như vậy, là những đồ đầy sự khổ. Như cây to bông trái sum sê bày chim có thể làm hư hại. Như nhiều cỏ khô chút lửa cũng có thể cháy hết. Thân thể của chúng sanh bị những sự khổ làm hư hoại cũng như vậy. Người trí nếu có thể quán sát tám thứ khổ, người này có thể dứt được những sự khổ.

Này Thiện Nam Tử! Đã quán sát tám sự khổ rồi kế lại quán sát khổ nhân.

Khổ nhân đây là ái cùng vô minh. Có hai thứ: Một là cầu thân thể, hai là cầu của cải, hai thứ này đều là khổ, do đây nên biết ái cùng vô minh là khổ nhân. Lại có hai thứ: Một là nội, hai là ngoại. Nội có thể gây nghiệp, ngoại có thể làm tăng trưởng. Nội lại có thể gây nghiệp, ngoại làm thành nghiệp quả.

Đã dứt nội ái thì nghiệp cũng dứt, dứt được ngoại ái thì quả cũng dứt. Nội ái có thể sanh khổ đời vị lai, ngoại ái có thể sanh khổ đời hiện tại. Do đây nên ái là khổ nhân.

Đã quán khổ nhân rồi kế lại quán sát quả báo. Quả báo của khổ chính là thủ, ái quả gọi là thủ. Nhân duyên của thủ này tức là nội ái và ngoại ái do đây có ái khổ.

Người trí phải quán sát ái làm nhân duyên cho thủ, thủ nhân duyên nơi ái, nếu có thể dứt ái và thủ thì chẳng tạo nghiệp thọ khổ. Do đây nên người trí vì dứt trừ ái khổ mà tu bát chánh đạo. Đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi

Tuyệt dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

_ Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là phạm hạnh thanh tịnh?

Này Thiện Nam Tử! Chính là tất cả pháp.

_ Bạch Thế Tôn! Nghĩa của tất cả pháp chẳng nhưt định.

Vì đức Như Lai có lúc nói là thiện, bất thiện. Có lúc nói là tứ niệm xứ quán. Hoặc nói là thập nhị nhập. Hoặc nói là thiện tri thức. Hoặc nói là thập nhị nhân duyên. Hoặc nói là chúng sanh. Hoặc nói là chánh kiến, tà kiến. Hoặc nói là mười hai bộ kinh. Hoặc nói là nhị đế.

Hôm nay đức Như Lai lại nói tất cả pháp là phạm hạnh thanh tịnh, đó là những tất cả pháp gì?

Này Thiện Nam Tử! Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này là bảo tạng trong tất cả pháp.

Như biển cả là kho chứa những châu báu, kinh Đại Niết bàn này cũng như vậy, là bí tạng của tất cả chữ nghĩa.

Như núi Tu Di là cội gốc của các vị thuốc, kinh này cũng là cội gốc của giới Bồ Tát.

Như hư không là chỗ ở của tất cả vật, kinh này cũng là chỗ ở của tất cả pháp lành.

Như luồng gió mạnh không gì trói buộc được. Tất cả Bồ Tát thật hành kinh này cũng chẳng bị tất cả phiền não trói buộc.

Như chất kim cương không gì phá hoại được, kinh này dầu có ngoại đạo ác tà cũng chẳng phá hoại được.

Như cát sông Hằng không ai đếm được, ý nghĩa của kinh này cũng không ai đếm được.

Kinh này là pháp tràng của Bồ Tát, như bảo tràng của Thiên Đế Thích.

Kinh này là vị thương chủ thẳng đến thành Niết Bàn, như bậc đạo sư dẫn các thương nhân thẳng đến biển cả.

Kinh này có thể làm ánh sáng pháp cho Bồ tát, như mặt trời mặt trăng có thể phá tối tăm ở thế gian.

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho chúng sanh mang bệnh khổ, như trong núi Tuyết có cây thuốc hay trị được các thứ bệnh. Kinh này có thể làm gậy cho Nhứt Xiển Đề, như người quá yếu nhờ gậy mà

đứng dậy được.

Kinh này có thể làm cầu đò cho tất cả người ác, như cây cầu là chỗ tất cả người đi qua.

Kinh này làm bóng mát cho những ai bị nóng phiền não trong hai mươi lăm cõi, như cây lọng che nắng nóng.

Kinh này là vua đại vô úy có thể phá hoại tất cả ác ma phiền não, như Sư Tử Vương hàng phục bầy thú.

Kinh này là đại thần chú có thể phá hoại tất cả ác quỷ phiền não, như chú sư trong đời có thể đuổi trừ quỷ vọng lượng.

Kinh này là mưa đá vô thượng có thể phá hoại tất cả quả báo sanh tử.

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho người hư con mắt giới, như thuốc An Xà Na trị lành con mắt đau. Kinh này có thể làm chỗ ở cho tất cả pháp lành, như mặt đất làm chỗ ở cho muôn vật.

Kinh này là gương sáng của chúng sanh phá giới, như gương sáng soi các hình tượng.

Kinh này có thể làm y phục cho người

không tầm quý, như áo xiêm che đậy thân thể của người đời.

Kinh này làm của báu lớn cho người nghèo pháp lành, như Công Đức Thiên lợi ích ban sự lợi ích cho người nghèo.

Kinh này làm nước cam lộ cho chúng sanh khát ngưỡng chánh pháp, như nước bát công đức làm no đủ cho người khát nước.

Kinh này làm giường pháp cho người phiền não, như người đời gặp được giường nằm an ổn.

Kinh này là cỗ xe trân bảo, chuỗi ngọc hoa hương trang nghiêm thanh tịnh của bậc sơ địa Bồ Tát nhẫn đến bậc Thập Địa Bồ Tát, hơn tất cả chỗ vui vi diệu của sáu môn Ba La Mật, như cây Ba Lợi Chát Đa La trên cung Trời Đạo Lợi.

Kinh này là cây búa trí huệ cứng bén có thể chặt tất cả cây to phiền não, là dao bén có thể cắt đứt tập khí, là lực sĩ dũng kiện có thể trừ dẹp ma tà oán địch, là ngọn lửa trí huệ đốt củi phiền não, là tạng nhân duyên xuất sanh Bích Chi Phật, là tạng Thanh

Văn sanh ra bậc Thanh Văn, là con mắt của tất cả chư Thiên, là con đường chánh của mỗi người là chỗ nương của tất cả loài súc sanh, là chỗ giải thoát của ngạ quỷ, là đáng vô thượng tôn của địa ngục, là chỗ vô thượng của tất cả chúng sanh trong mười phương, là phụ mẫu của chư Phật.

Do đây nên kinh này nhiếp tất cả pháp.

Này Thiện Nam Tử! Trước kia ta nói kinh này dầu nhiếp tất cả pháp, nhưng ta nói phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nếu rời ba mươi bảy phẩm này thời trọn chẳng được quả Thanh Văn nhẫn đến quả vô thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy Phật tánh cùng quả Phật tánh. Do đây nên phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Vì ba mươi bảy phẩm này tánh của nó chẳng phải điên đảo, nó có thể phá hoại điên đảo; tánh của nó chẳng phải ác kiến, nó có thể phá hoại ác kiến; tánh của nó chẳng phải bố úy, nó có thể phá hoại bố úy; tánh của nó là phạm hạnh, nó có thể làm cho chúng sanh rốt ráo thật hành phạm hạnh thanh tịnh.

_Bạch Thế Tôn! Pháp hữu lậu cũng có thể làm nhân cho pháp vô lậu, có sao đức Như Lai chẳng nói pháp hữu lậu là phạm hạnh thanh tịnh?

_Này Thiện Nam Tử! Tất cả pháp hữu lậu là điên đảo, nên tất cả pháp hữu lậu chẳng được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

_Bạch Thế Tôn! Pháp thế đệ nhất là hữu lậu hay là vô lậu.

_Này Thiện Nam Tử! Là hữu lậu.

_Bạch Thế Tôn! Pháp thế đệ nhất dầu là hữu lậu nhưng tánh nó chẳng phải điên đảo, có sao chẳng gọi nó là phạm hạnh thanh tịnh?

Này Thiện Nam Tử! Pháp thế đệ nhất là nhân của pháp vô lậu, vì giống với vô lậu và hướng về vô lậu nên chẳng gọi là điên đảo. Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm tương tục mãi đến rốt ráo. Còn pháp thế đệ nhất chỉ là một niệm, nên chẳng được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

_Bạch Thế Tôn! Năm thức của chúng sanh cũng là hữu lậu nhưng chẳng phải là điên đảo, lại chẳng phải là một niệm, có sao

chẳng gọi là phạm hạnh thanh tịnh?

_Này Thiện Nam Tử! Năm thức của chúng sanh đều chẳng phải một niệm nhưng là hữu lậu lại là điên đảo. Vì thêm các lậu nên gọi là hữu lậu, thể của nó chẳng phải chơn thật vì là tướng chấp trước nên là điên đảo.

Thể nào gọi là thể của nó chẳng phải chơn thật vì tướng chấp trước nên điên đảo? Vì trong vật chẳng phải nam nữ nó sanh tướng nam nữ, nhĩn đến nhà cửa xe cộ v.v..cũng như vậy, nên gọi là điên đảo.

Này Thiện Nam Tử! Ba mươi bảy phẩm trợ đạo tánh của nó không điên đảo nên được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có Bồ Tát đối với ba mươi bảy phẩm này mà biết căn, biết nhân, biết nhiếp, biết tăng, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật và biết rốt ráo, Bồ Tát này được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

_ Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là biết căn, nhĩn đến biết rốt ráo?

_Này Thiện Nam Tử! Bồ Tát thừa hỏi thường vì hai điều: Một là vì mình, hai là vì người. Nay ông đã biết mà vì vô lượng

chúng sanh nên thưa hỏi những việc như vậy. Lành thay! Lành thay!

Này Thiện Nam tử! Căn bản của ba mươi bảy phẩm trợ đạo là dục, nhân là minh xúc, nhiếp thủ là thọ, tăng trưởng là thiện tư duy, chủ là niệm, đạo dẫn là định, thắng là trí huệ, thật là giải thoát, rốt ráo là Đại Bát Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Thiện dục là căn bản của sơ phát tâm nhân đến vô thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói dục là căn bản.

Như người đời nói tất cả khổ não do ái làm căn bản. Tất cả bệnh tật do ăn cách đêm làm căn bản. Tất cả sự phán đoán do đấu tranh làm căn bản. Tất cả việc ác do hư vọng làm căn bản.

_Bạch Thế Tôn! Trong kinh này trước kia đức Như Lai nói rằng tất cả pháp lành do bất phóng dật làm căn bản. Sao nay đức Phật lại nói rằng dục là căn bản?

_Này Thiện Nam Tử! Nếu luận về sanh nhân thời là thiện dục, còn liễu nhân thời là bất phóng dật. Như người đời nói rằng tất cả trái cây do hạt làm nhân, hoặc có người

nói hột là sanh nhân, đất là liễu nhân.

_Bạch Thế Tôn! Trong những kinh khác đức Phật từng nói rằng Phật là cội gốc của ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nghĩa này như thế nào?

_Này Thiện Nam Tử! Đức Như Lai ngày trước nói rằng chúng sanh mới biết ba mươi bảy phẩm trợ đạo thời Phật là căn bản. Nếu tự chúng được thời dục là căn bản.

_Bạch Thế Tôn! Sao mình xúc gọi là nhân?

_Này Thiện Nam Tử! Có lúc đức Như Lai nói mình là huệ, hoặc nói mình là tín. Do tín tâm mà gần gũi bạn lành đây gọi là xúc. Do gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, đây gọi là xúc. Do nghe chánh pháp mà thân, khẩu, ý thanh tịnh, đây gọi là xúc. Do ba nghiệp thanh tịnh mà được chánh mạng, đây gọi là xúc. Do chánh mạng được giới căn thanh tịnh, do giới căn thanh tịnh mà thích nơi tịch tịnh, do thích tịch tịnh nên có thể tư duy hiểu biết do thiện tư duy mà được an trụ đúng pháp, do an trụ đúng pháp mà được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do

đây có thể phá hoại vô lượng phiền não ác, đây gọi là xúc.

Này Thiện Nam Tử! Thọ gọi là nhiếp thủ, vì lúc chúng sanh cảm thọ có thể làm việc lành việc ác. Do nơi thọ mà sanh các phiền não. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể phá hoại những phiền não này, nên dùng thọ làm nhiếp thủ.

Do thiện tư duy có thể phá phiền não, nên gọi là tăng trưởng. Vì siêng năng tu tập nên được ba mươi phẩm trợ đạo như vậy.

Nếu quán lực có thể phá những phiền não ác cần phải nhờ chuyên niệm, do đây nên dùng niệm làm chủ. Như trong đời tất cả binh chủng đều theo ý của chủ tướng. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng đều theo nơi niệm chủ.

Này Thiện Nam Tử! Đã nhập chánh định rồi thời ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể khéo phân biệt tất cả pháp tướng, nên dùng làm dẫn đạo.

Phân biệt pháp tướng này do trí huệ là tối thắng, nên dùng huệ làm thắng.

Trí huệ này rõ biết phiền não, vì năng lực

của trí huệ và phiền não tiêu diệt. Như trong đời bốn binh chủng phá hoại oán địch, hoặc một hoặc hai người dũng kiện có công năng phá địch. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng như vậy, do năng lực của trí huệ có thể phá hoại phiền não, nên lấy trí huệ làm thắng.

Này Thiện Nam Tử! Dầu do tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chúng được tứ thiên thần thông an lạc nhưng cũng chẳng gọi là thật. Nếu phá hoại phiền não lúc chúng được giải thoát mới gọi là thật.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này từ khi phát tâm tu hành, dầu được thế lạc và xuất thế lạc, chúng bốn quả Sa Môn được giải thoát, cũng chẳng gọi là rốt ráo. Nếu có thể dứt trừ được những công hạnh do ba mươi bảy phẩm trợ đạo này thật hành, đây gọi là Niết Bàn, nên ta nói rốt ráo là Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử! Lại tâm thiện ái niệm chính là dục. Do thiện ái niệm mà gần gũi bạn lành nên gọi là xúc, đây là nhân. Do gần gũi bạn lành nên gọi là thọ, đây là nhiếp thủ. Do gần bạn lành mà có thể thiện

tư duy nên gọi là tăng trưởng. Do bốn pháp này có thể sanh trưởng chánh đạo, dục, niệm, định và trí, đây gọi là chủ, là dẫn đạo, là tối thắng vậy.

Do ba pháp này mà được hai thứ giải thoát, do dứt trừ ái nên tâm được giải thoát, do dứt trừ vô minh nên huệ được giải thoát, đây gọi là thật.

Tâm pháp như vậy rốt ráo được quả gọi là Niết Bàn, nên Đại Niết Bàn gọi là rốt ráo.

Này Thiện Nam Tử! Lại dục chính là phát tâm xuất gia, xúc là bạch tứ yết ma, đây gọi là nhân. Nhiếp thủ chính là thọ hai thứ giới: Một là Ba La Đề Mộc Xoa giới, hai là tịnh căn giới, đây gọi là thọ, đây gọi là nhiếp thủ.

Tăng trưởng là tu tập tứ thiền. Chủ là quả Tu Đà Hoàn và quả Tư Đà Hàm. Dẫn đạo là quả A Na Hàm. Tối thắng là quả A La Hán, thật là quả Bích Chi Phật. Rốt ráo là quả vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử! Lại dục gọi là thức, xúc gọi là lục nhập, nhiếp gọi là thọ, tăng

trưởng gọi là vô minh, chủ gọi là danh sắc, dẫn đạo gọi là ái, thắng gọi là thủ, thật gọi là hữu, rốt ráo gọi là sanh, lão, bịnh, tử.

_ Bạch Thế Tôn! Căn bản cùng nhân với Tăng, ba pháp này khác nhau thế nào?

_ Đây Thiện Nam Tử! Căn bản tức là sơ phát tâm. Nhân là tương tợ chẳng dứt. Tăng trưởng là tương tợ dứt rồi có thể sanh tương tợ.

Lại căn là tạo tác. Nhân chính là quả. Tăng trưởng là có thể dùng.

Này Thiện Nam Tử! Đòi vị lai dầu có quả báo, nhưng vì chưa thọ nên gọi là nhân. Đến khi thọ thời gọi là tăng trưởng.

Lại căn là mong cầu. Được tức là nhân. Dùng được tức là tăng trưởng.

Này Thiện Nam Tử! Trong kinh này, căn là kiến đạo, nhân là tu đạo, tăng là vô học đạo. Lại căn là chánh nhân, phương tiện gọi là nhân, từ chánh nhân này chứng được quả báo gọi là tăng trưởng.

_ Bạch Thế Tôn! Như đức Phật nói rốt ráo là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn này làm thế nào chứng được?

_ Này Thiện Nam Tử! Hoặc Bồ Tát hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hoặc Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di có thể tu tập mười quán tưởng, thời người này có thể được Niết bàn : Một là vô thường tưởng, hai là khổ tưởng, ba là vô ngã tưởng, bốn là yếm ly thuật tưởng, năm là nhứt thiết thế gian bất khả lạc tưởng, sáu là tử tưởng, bảy là đa tội quá tưởng, tám là lý tưởng, chín là diệt tưởng, mười là vô ái tưởng. Người nào tu tập mười thứ quán tưởng như vậy thời rốt ráo quyết định được Niết Bàn. Chẳng do nơi người, tự mình có thể phân biệt thiện bất thiện v.v..., đây gọi là thật xứng nghĩa Tỳ Kheo, hẳn đến xứng nghĩa Ưu Bà Di.

_ Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ Tát hẳn đến Ưu Bà Di tu tập vô thường tưởng?

_ Này Thiện Nam Tử! Có hai hạng Bồ Tát: Một là sơ phát tâm, hai là đã hành đạo.

Vô thường tưởng cũng có hai thứ: Thô và tế. Bồ Tát sơ phát tâm lúc quán vô thường tưởng, suy nghĩ rằng: Vạn vật trong đời phàm có hai loại: Nội và ngoại. Những loại thuộc về nội vật đều vô thường biến đổi. Tôi

thấy lúc sanh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc mạnh, lúc già, lúc chết đều khác nhau, do đây nên biết những loại thuộc về nội vật đều vô thường. Lại suy nghĩ rằng tôi thấy chúng sanh hoặc có kẻ mập mạnh tươi tốt, hoặc có kẻ bệnh hoạn héo gầy, hoặc có người giàu có dư giả, hoặc thấy người nghèo cùng thiếu thốn, hoặc thấy người có vô lượng công đức, hoặc thấy người tạo vô lượng tội lỗi, do đây nên quyết định biết rằng những loại thuộc về nội vật là vô thường.

Lại suy nghĩ rằng, những vật ngoài thời kỳ hột, thời kỳ mọc mọng, lên cây ra lá trở bông, kết trái đều chẳng đồng, lại có thứ đầy đủ, có thứ chẳng đầy đủ, do đây nên biết rằng tất cả vật ngoài quyết định là vô thường.

Đã quán sát những vật bị thấy là vô thường, kế lại là quán sát những pháp bị nghe: Tôi từng nghe chư thiên có thần thông tự tại hưởng sự vui rất vi diệu nhưng cũng có năm tướng suy, do đây nên biết rằng là vô thường. Tôi lại từng nghe thuở kiếp sơ có các chúng sanh đầy đủ công đức,

thân thể sáng chói chẳng cầu mặt trời mặt trăng, vì vô thường biến đổi mà công đức hao tổn, ánh sáng tắt mất. Tôi lại nghe thuở xưa có Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, có đủ thất bảo thể lực tự tại dầu vậy nhưng cũng không thể tránh khỏi vô thường. Lại quán quả địa cầu, ngày xưa người ở đông đảo, có đủ cây thuốc hay, rừng cây bông trái sum sê. Ngày nay vì chúng sanh phước bạc, nên những sanh vật trên mặt đất thành hư hao. Do đây nên biết rằng tất cả vật trong thân ngoài cảnh đều vô thường. Đây gọi là tướng vô thường thô.

Đã quán tướng tướng thô rồi, kế lại quán sát tướng vô thường tế.

Bồ Tát quán sát tất cả vật trong ngoài, nhãn đến vi trần, tại thời kỳ vị lai đã là vô thường, vì tất cả đều có đủ tướng phá hoại vậy. Nếu sắc uẩn vị lai chẳng phải là vô thường, thời chẳng nên nói sắc uẩn có mười thời kỳ sai biệt: Thời kỳ đông lại, thời kỳ nổi bóng, thời kỳ ung nhọt, thời kỳ khối thịt, thời kỳ mọc đầu và tứ chi, thời kỳ bé thơ, thời kỳ trẻ, thời kỳ thiếu niên thời kỳ

tráng niên, thời kỳ già suy. Nếu không phải là vô thường thời đông vắng không thành bóng, nhọt nhẩn đến không có già suy. Nếu những thời kỳ chẳng phải niệm niệm hoại diệt, thời trọn chẳng có lần lần lớn lên, đáng lẽ phải đồng thời trưởng thành tất cả. Do đây biết rằng quyết định có niệm niệm vi tế vô thường.

Lại thấy có người thân thể toàn vẹn, nhan sắc tươi đẹp, lúc sau lại thấy người ấy gầy gò tiêu tụy. Do đây biết rằng người này quyết định có niệm niệm vô thường.

Lại quán sát tứ đại và bốn oai nghi, trong ngoài đều có hai khổ nhân: Đói khát và lạnh nóng. Nếu không có niệm niệm vi tế vô thường, thời cũng lẽ ra không có bốn điều khổ ấy.

Suy xét như trên đây gọi là quán tướng vô thường tế.

Như trong thân và ngoại cảnh tâm pháp cũng như vậy, vì tâm duyên theo sáu trần hoặc sanh lòng mừng, lòng giận, lòng yêu, v.v... lần lượt thay đổi khác, không trụ một niệm. Do đây nên biết rằng tất cả sắc pháp

và tâm pháp đều vô thường cả.

Nếu Bồ Tát có thể ở trong một niệm thấy rõ tất cả pháp đều sanh diệt vô thường, đây gọi là Bồ Tát có đủ vô thường tướng.

Này Thiện Nam Tử! Người trí tu tập vô thường tướng rồi thời xa lìa quan niệm điên đảo chấp thường.

Kể lại tu tập khổ tướng. Duyên có gì có sự khổ như vậy? Biết rõ rằng sự khổ này do nơi vô thường. Do vô thường mà có sanh, già, bệnh, chết. Vì có sanh già bệnh chết nên gọi là vô thường. Vì vô thường mà chịu lấy những sự khổ: Đói, khát, lạnh, nóng v.v...

Lại quán sát thân thể này chính là khí cụ vô thường, là khổ. Vì là khí cụ khổ nên bao nhiêu sự nhận lấy của thân đều là khổ cả.

Lại quán sát sanh là khổ, diệt là khổ. Sanh diệt chính là vô thường, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, nên tu vô ngã tướng.

Lại quán sát khổ là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu đã là khổ vô thường, người trí đâu nên cho rằng có ngã! Khổ không phải là ngã, vô thường cũng vậy. Cả năm ấm đều là khổ là vô thường, sao chúng sanh

lại cho là có ngã!

Lại quán sát tất cả pháp có nhiều thứ hòa hiệp sai khác. Chẳng phải từ một hòa hiệp sanh tất cả pháp. Lại một pháp chẳng phải là quả của tất cả hòa hiệp. Tất cả hòa hiệp đều không tự tánh, cũng không một tánh, cũng không tánh sai khác, cũng không vật tánh, cũng không tự tại. Các pháp đã có những tướng như vậy, người trí đâu nên nói là có ngã.

Lại suy nghĩ rằng: Trong tất cả pháp không có một pháp nào là tác giả. Một pháp đã không phải tác giả thì nhiều pháp hòa hiệp cũng không thể là tác giả. Tánh của các pháp không thể tự sanh tự diệt, do hòa hiệp mà diệt, do hòa hiệp mà sanh. Khi pháp đã sanh, chúng sanh điên đảo tưởng rằng là hòa hiệp, từ hòa hiệp sanh. Chúng sanh điên đảo tưởng niệm không có chơn thật. Như thế thì đâu có thật ngã! Do đây nên người trí quán sát vô ngã.

Lại quán sát duyên có gì mà chúng sanh nói là ngã? Ngã này nếu là có, thì là một hay nhiều. Nếu ngã chỉ có một, thì sao lại

có Sát Đê Lợi, Bà La Môn v.v...nhân đến nhân, thiên, quý, súc? Nếu ngã là nhiều, sao lại nói rằng ngã của chúng sanh là duy nhất, là khắp, là không biến tế. Cho là một hay là nhiều, cả hai đều không có ngã cả.

Người trí đã quán vô ngã rồi, kể lại quán tưởng yêm ly thực.

Nên suy nghĩ rằng: Nếu tất cả pháp là vô thường, khổ, vô ngã, sao lại vì sự ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo ác nghiệp! Nếu có chúng sanh nào vì tham ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo nghiệp ác, bao nhiêu của cải có ra, mọi người đều cùng hưởng dụng, về sau lúc mất quả khổ, không một ai cùng chia.

Lại quán sát tất cả chúng sanh vì ăn uống mà thân tâm chịu khổ. Nếu từ các sự khổ mà được ăn uống, sao ta lại đòi với sự ăn uống mà sanh lòng tham đắm.

Kể lại nên quán sát thân nhân. Do nơi uống ăn mà thân thể tăng trưởng. Nay ta xuất gia vì muốn xả thân nên thọ giới tu hành, nếu tham đắm ăn uống thì sao gọi là xả thân! Quán sát như vậy rồi, dầu có ăn uống, nhưng coi như quý Khoáng Dã ăn

thịt con của nó, trong lòng nhàm ghét không biết ngon ngọt.

Quán sát rõ món ăn uống có lỗi như vậy rồi, kể lại quán xúc thực: Như con bò bị lột da, có vô số kiến ruồi bu cắn. Kể quán tư thực như đồng lửa lớn. Quán thức thực như ba trăm mâu nhọn.

Người trí quán sát bốn thứ thực này rồi thời không còn có quan niệm tham ưa. Nếu còn tham ưa thời nên quán bất tịnh để lìa hẳn sự ái nhiễm đối với tứ thực. Phải khéo phân biệt sự bất tịnh của tất cả thứ uống ăn. Lúc thọ ăn món ngon món dở, xem như thuốc thoa ghẻ, trọn không sanh lòng tham ái. Nếu có thể quán sát như trên đây thời gọi là người trí trọn nên quán tướng yếm ly thực.

_Bạch Thế Tôn! Người trí quán sát món ăn là bất tịnh, đó là thật quán hay hư quán? Nếu là thật quán thời thức ăn đương quán thật chẳng phải bất tịnh. Nếu là hư quán, thời sao lại gọi là thiện tướng?

_Này Thiện Nam Tử! Quán tướng như vậy, cũng là thật cũng là hư: Vì có thể trừ

quan niệm tham ăn nên gọi là thật; vì không phải trùng dồi mà thấy là trùng dồi nên gọi là hư.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả pháp hữu lậu đều gọi là hư, mà cũng có thể được thật.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khát thực, tự nghĩ rằng: Tôi sẽ đi khát thực, mong được món ăn ngon, nhiều và mau được, đừng được món ăn dở, ít và chậm lâu. Tỳ Kheo này chẳng được gọi là có yếm ly tưởng đối với sự ăn uống, pháp lành sẽ suy hao dần, pháp chẳng lành sẽ càng ngày càng tăng trưởng.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khát thực, phải nguyện trước rằng: Cầu mong cho những người khát thực đều được no đủ, người bố thí vô lượng phước. Nếu tôi được món ăn, cũng chỉ là dùng để chữa bệnh cho thân thể ác độc này, để tu tập pháp lành, cho thí chủ được lợi ích. Tỳ Kheo lúc phát nguyện thời pháp lành dần tăng trưởng, pháp chẳng lành tiêu diệt dần. Tỳ Kheo này chẳng lường ăn của tín thí.

Này Thiện Nam Tử! Người trí có đủ bốn

pháp quán tưởng như vậy thời có thể tu pháp quán tưởng “Thế gian không đáng ưa thích”. Suy nghĩ rằng: Tất cả thế gian không chỗ nào chẳng có sự sanh, già, bệnh, chết, mà thân của tôi không chỗ nào chẳng sanh. Thế gian đã không có một chỗ nào là được sự sanh, già, bệnh, chết, như vậy tại sao tôi lại ưa thích thế gian! Tất cả thế gian không có gì tiến đắc mà chẳng phải thối thất, nên thế gian quyết định là vô thường. Đã là vô thường, người trí đâu nên ưa thích thế gian.

Mỗi chúng sanh trải qua khắp tất cả thế gian, hưởng thọ đủ cả sự khổ vui, đều được thân Phạm Thiên cho đến Trời Phi Phi Tướng, lúc mạng chung cũng lại phải sa vào ba ác đạo. Dầu được thân Trời Tứ Thiên Vương cho đến Trời Tha Hóa Tự Tại, lúc mạng chung hoặc phải sanh trong loài súc sanh làm thân sư tử, cọp, sói, voi, ngựa, bò, lừa v.v...

Kể lại suy nghĩ: Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, sang giàu tự tại, lúc hết phước phải nghèo khốn

ăn mặc không đủ.

Người trí quán tưởng như trên đây rồi, thời có quan niệm thế gian không đáng ưa thích.

Người trí lại quán sát tất cả tài vật, châu báu, nhà cửa, hương hoa v.v... ở thế gian dầu dùng để đỡ khổ, nhưng những vật ấy chính nó là khổ, sao lại dùng khổ để lìa khổ.

Này Thiện Nam Tử! Người trí quán sát như vậy rồi thời chẳng còn ưa thích tài vật ở thế gian. Như có người thân mang bệnh nặng, dầu có những thứ âm nhạc ca hát hoa hương chuỗi ngọc, nhưng trọn chẳng sanh lòng ưa thích. Người trí quán sát những điều trên đây không tham ưa tài vật châu báu ở thế gian cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Người trí quán sát tất cả thế gian đều chẳng phải chỗ quy y, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ tịch tịnh, chẳng phải chỗ đáng ưa, chẳng phải bờ kia, chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu tôi tham ưa nơi thế gian thời tôi làm thế nào lìa được thế gian, như người

chẳng thích ở trong tối muốn tìm ánh sáng mà lại trở về trong tối. Trong tối là thế gian, ánh sáng là xuất thế. Nếu tôi ưa thích thế gian thì là thêm lớn sự đen tối mà muốn xa lìa đen tối.

Đen tối là vô minh, ánh sáng là trí minh. Chính quan niệm chẳng ưa thích thế gian là nhân của trí minh. Tất cả kiết sử tham ưa dầu hay trói buộc, nhưng nay tôi tham ưa trí minh mà chẳng tham ưa thế gian.

Người trí quán sát rõ những sự trên đây rồi thì có đủ quan niệm rằng thế gian là chẳng đáng ưa thích.

Này Thiện Nam Tử! Người trí kể lại tu tập tử tưởng: Quán sát thọ mạng này thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm tổn diệt không có tăng trưởng, như nước dốc trên núi không thể đứng dừng, cũng như sương móc ban mai thế chẳng còn lâu, như người tù bị dắt ra chợ mỗi bước gần đến chỗ chết, như dắt bò dê đến chỗ hàng thịt.

_Bạch Thế Tôn! Người trí quán sát niệm diệt như thế nào?

Này Thiện Nam Tử! Như bốn người đều có tài bắn giỏi họp nhau ở một chỗ, mỗi người riêng bắn qua một hướng đồng nghĩ rằng bốn mũi tên của chúng tôi đồng thời bắn ra đồng thời rơi xuống. Lại có một người nghĩ rằng lúc bốn mũi tên này chưa rơi xuống, trong một lúc tôi có thể dùng tay bắt lấy.

Này Thiện Nam Tử ! Đáng gọi người này là mau lẹ chăng?

_Bạch Thế Tôn! Người này thật mau lẹ.

_Này Thiện Nam Tử! Địa Hành quý còn lẹ hơn người này. Phi Hành quý lại mau hơn Địa Hành quý. Tứ Thiên Vương mau hơn Phi Hành quý. Nhứt Nguyệt Thần Thiên mau hơn Tứ Thiên Vương. Hành Kiên Tật Thiên mau hơn Nhứt Nguyệt Thần Thiên. Thọ mạng của chúng sanh lại mau hơn Kiên Tật Thiên.

Này Thiện Nam Tử! Một hơi thở một nháy mắt, thọ mạng của chúng sanh có bốn trăm lần sanh diệt. Nếu có thể quán sát thọ mạng như vậy thời gọi là có thể quán niệm niệm diệt.

Này Thiện Nam Tử! Người trí quán sát thọ mạng thuộc nơi vua chết, nếu tôi là được vua chết này thời dứt hẳn được thọ mạng vô thường. Lại nên quán sát thọ mạng này như cây to bên bờ sông lở, như người phạm tội lúc bị xử tử không ai xót thương, như lúc Sư Tử Vương quá đói, như lúc rắn độc hít gió to, như lúc ngựa khát nước nó giữ gìn nước, như lúc đại ác quỷ phát sân, vua chết của chúng sanh cũng dữ độc như vậy.

Người trí nếu có thể quán sát như vậy thời gọi là tu tập tử tưởng.

Này Thiện Nam Tử! Người trí lại nên quán sát rằng nay tôi xuất gia dầu thọ mạng chỉ có bảy ngày bảy đêm, trong thời gian ấy tôi sẽ tinh tấn tu hành giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh, đây là người trí tu tập tử tưởng.

Lại vì bảy ngày bảy đêm còn là nhiều, nếu được sáu ngày, hoặc năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, nhẫn đến trong khoảng một hơi thở ra vào, trong thời gian này tôi sẽ tinh tấn tu hành, giữ

gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh. Đây gọi là người trí khéo tu tập tử tưởng.

Người trí có đủ sáu pháp quán tưởng trên đây có thể làm nhân cho bảy pháp quán tưởng. Đây là bảy pháp quán tưởng: Một là quán tưởng thường tu tập, hai là quán tưởng thích tu tập, ba là quán tưởng không sân hận, bốn là quán tưởng không tật đố, năm là quán tưởng phát nguyện lành, sáu là quán tưởng không kiêu mạn, bảy là quán tưởng tam muội tự tại.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có Tỳ Kheo nào có đủ bảy pháp quán tưởng này, thời gọi là Sa Môn, là Bà La Môn, là tịch tịnh, là tịnh khiết, là giải thoát, là người trí, là chánh kiến, là đáo bĩ ngạn, là đại Y Vương, là đại thương chủ, là hiểu rõ pháp bí mật của Như Lai, là biết bảy thứ lời nói của chư Phật, là tri kiến chơn chánh, dứt được những lưới nghi trong bảy thứ lời nói của chư Phật.

Này Thiện Nam Tử! Nếu người nào có đủ sáu pháp quán tưởng như trên, nên biết rằng người đó có thể quả trách ba cõi, xa lìa

ba cõi, dứt trừ ba cõi, chẳng ưa đắm ba cõi. Đây gọi là người trí có đủ mười pháp quán tưởng.

Nếu Tỳ Kheo nào có đủ mười pháp quán tưởng này thì đáng được gọi là tướng Sa Môn.

Lúc đó Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật nói kệ tán thán :

Đấng Đại Y Vương thương thế gian,
Thân và trí huệ đều tịch tịnh,
Trong pháp vô ngã có chơn ngã,
Nên tôi kính lễ Vô Thượng Tôn.
Phát tâm và rốt ráo không sai khác,
Hai tâm này tâm trước khó hơn,
Mình chưa được độ, độ người trước,
Nên tôi kính lễ sơ phát tâm.
Sơ tâm đã là Thầy Trời, người,
Hơn bậc Thanh Văn và Duyên Giác,
Phát tâm như vậy hơn ba cõi,
Nên được gọi là Tối Vô Thượng.
Trong đời phải cầu rồi mới được,
Phật không chờ thỉnh mà làm Thầy,
Phật theo thế gian như ghé con,
Nên được gọi là đấng đại bi.

Công đức của Phật khắp mười phương,
Phàm phu vô trí chẳng thể khen,
Nay tôi tán thán tâm từ bi,
Để báo đáp hai nghiệp thân khẩu.
Thế gian thường ưa tự lợi ích,
Đức Phật trọn chẳng có như vậy,
Dứt báo thế gian cho chúng sanh,
Nên tôi kính lễ Tự Tha Lợi,
Người đời làm lợi cho thân nhân,
Đức Phật lợi ích không thân thù,
Phật không riêng biệt như người đời,
Do đây tâm Phật thường bình đẳng .
Người đời nói khác việc làm khác,
Nói làm của Phật đều không sai,
Phàm chỗ tu hành xả các hạnh,
Do đây được gọi là Như Lai.
Trước đã rõ biết lỗi phiền não,
Thị hiện ở đó vì chúng sanh,
Từ lâu đã giải thoát thế gian,
Vì từ bi mà ở sanh tử.
Dầu hiện thân trời cùng thân người,
Từ bi theo dõi như ghé con,
Đức Phật là mẹ của chúng sanh,
Từ tâm chính là ghé con nhỏ.

Tự chịu khổ não vì chúng sanh.
Do xót thương nên lòng chẳng hối.
Quá xót thương mà chẳng biết khổ,
Nên tôi cúi lạy đáng cứu khổ.
Đức Phật dầu làm vô lượng phước,
Nhưng thân khẩu ý thường thanh tịnh,
Thường vì chúng sanh chẳng vì mình,
Nên tôi kính lễ nghiệp thanh tịnh.
Đức Phật chịu khổ chẳng biết khổ,
Thấy người chịu khổ như mình khổ,
Dầu vì chúng sanh ở địa ngục,
Chẳng có niệm khổ và ăn năn.
Chúng sanh chịu khổ đều khác nhau,
Mà Như Lai một mình chịu khổ,
Biết rồi tâm Phật càng kiên cố,
Do đây siêng tu đạo vô thượng.
Phật đủ tâm đại từ duy nhứt,
Thương xót chúng sanh xem như con,
Chúng sanh chẳng biết Phật cứu mình,
Nên hủy báng Phật cùng Pháp, Tăng.
Thế gian có đủ những phiền não,
Cũng có vô lượng những lỗi ác,
Phiền não và tội lỗi như vậy,
Lúc sơ phát tâm đã dứt trừ.

Chư Phật mới tán thán được Phật,
Ngoài Phật không ai tán thán được,
Nay tôi chỉ tán thán một điều,
Là tâm đại từ thương thế gian.
Từ tâm của Phật là pháp lớn,
Từ tâm này độ được chúng sanh,
Chính đây là vô thượng giải thoát,
Giải thoát này là Đại Niết Bàn.

PHẨM KIỀU TRẦN NHƯ

THỨ HAI MƯƠI LĂM

Lúc bảy giờ đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như: Sắc là vô thường, do dứt sắc này được sắc thân thường trụ giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường, do dứt thức âm này mà được thức uẩn giải thoát thường trụ.

Này Kiều Trần Như! Sắc là khổ, dứt sắc âm này mà được sắc thân an lạc giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc là không, do dứt sắc không này mà được sắc uẩn giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc là vô ngã, do dứt sắc âm này mà được sắc uẩn giải thoát chơn ngã. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc âm là bất tịnh, do dứt sắc âm này mà được sắc uẩn giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc là tướng của

sanh, lão, bệnh, tử, do dứt sắc âm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải tướng sanh, lão, bệnh, tử. Thọ, tướng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc là nhân của vô minh do dứt sắc âm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhân của vô minh. Thọ, tướng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Nhẫn đến sắc âm là nhân của sanh, do dứt sắc âm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhân của sanh. Thọ, tướng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc âm là nhân của bốn tướng điên đảo, do dứt sắc âm điên đảo này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhân của bốn tướng điên đảo. Thọ, tướng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc âm là nhân của vô lượng ác pháp: Nào là thân nam, thân nữ v.v..., nào là thực ái, dục ái, tham sân, tật đố, ác tâm, xan tâm, đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ngũ dục, ngũ cái v.v... : Tất cả ác pháp này đều nhân nơi sắc cả. Do dứt

sắc âm này mà được sắc uẩn giải thoát không có vô lượng ác pháp như vậy. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc là trói buộc, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc là lưu chuyển, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không lưu chuyển. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc chẳng phải chỗ quy y, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc là ghẻ lở, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không tội lỗi. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Sắc chẳng tịch tịnh, do dứt sắc này được sắc Niết Bàn tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như! Người nào rõ biết được như trên đây thời gọi là Sa Môn là Bà La Môn có đủ những pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn.

Nếu ngoài Phật pháp thời không có Sa Môn, Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Tất cả ngoại đạo đối trá tự xưng, toàn hư giả không có thật hạnh. Dầu họ tưởng rằng họ có hai bậc này, nhưng thật ra thời không có. Vì nếu đã không có pháp Sa Môn và Bà La Môn, làm sao có được hai bậc Sa Môn và Bà La Môn.

Ta thường ở giữa đại chúng xưng to những lời này. Các ông cũng nên xưng to như vậy.

Bây giờ có số đông ngoại đạo sanh lòng bất bình rằng: Cù Đàm nói trong giáo phái của chúng ta không có Sa Môn và Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Chúng ta làm thế nào tỏ cho Cù Đàm biết rằng trong giáo phái của chúng ta có hai bậc và hai pháp như vậy.

Có một Phạm Chí lên tiếng nói: Này các ngài! Lời nói của Cù Đàm như điên như cuồng, cần gì kiểm giáo! Người điên cuồng trong đời hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng, hoặc khen, không phân biệt kẻ thân người thù. Sa Môn Cù

Đàm cũng như vậy: Có lúc nói ta sanh trong cung vua Tịnh Phạn, có lúc nói là chẳng sanh. Hoặc nói sau khi sanh tự đi bảy bước, lại nói là chẳng đi. Hoặc nói ta từ thuở nhỏ học tập văn võ, nghề nghiệp thế gian, rồi lại tự nói là bậc nhứt thiết trí. Có lúc ở cung hưởng lạc thú sanh con trai, rồi lại nhàm chê là ác tiện. Có lúc đích thân tu khổ hạnh sáu năm, lại quở trách sự khổ hạnh của ngoại đạo. Hoặc nói theo học với ông Uất Đầu Lam Phát, ông A La Lã v.v..., có lúc nói các ông ấy không chỗ hiểu biết. Hoặc nói nơi cội Bồ Đề ta chứng được đạo vô thượng giác, có lúc lại nói ta không có đến cây Bồ Đề, không có chứng đắc. Hoặc nói thân ta đây chính là Niết Bàn, lại nói thân diệt mới là Niết Bàn.

Lời nói của Cù Đàm như điên cuồng, các ngài lo rầu làm gì?

Có các Bà La Môn nói:

Trước kia Sa Môn Cù Đàm nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Hàng đệ tử trong giáo phái ta nghe lời này mà kinh sợ. Nay Cù Đàm đến rừng Ta La này tuyên bố

có thường, lạc, ngã, tịnh. Hàng đệ tử ta nghe lời này đều bỏ phái ta, hoặc thọ lấy lời của Cù Đàm. Như thế bảo ta không sâu khổ sao được!

Lại có một Bà La Môn bảo rằng các ngài lóng nghe tôi nói đây: Sa Môn Cù Đàm gọi rằng tu từ bi, xét ra thời lời nói này là hư vọng, chẳng phải chân thật. Vì nếu có từ bi sao ông ấy lại giáo hóa hàng đệ tử của chúng ta thọ lấy pháp của ông ấy. Lòng từ bi là tùy thuận theo ý của người, nay ông ấy làm trái bốn nguyện của chúng ta thời đâu phải là từ bi.

Nếu nói rằng Sa Môn Cù Đàm chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, lời này cũng là hư vọng: Vì nếu Cù Đàm là thiếu đức tri túc, hôm nay sao lại cướp lấy lợi dưỡng của chúng ta.

Nếu nói Cù Đàm thuộc về dòng họ cao thượng, lời này cũng hư vọng. Vì từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy Su Tử Vương tàn hại con chuột bé nhỏ. Nếu Cù Đàm là dòng cao thượng ngày nay sao lại náo loạn chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có thể lực lớn, lời này cũng là hư vọng. Vì từ xưa đến nay cũng chẳng từng thấy nghe Kim Sí Điều Vương đua tranh cùng các chim. Nếu Cù Đàm thật có thể lực lớn, việc gì lại tranh đấu với chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có tha tâm trí, xét ra cũng là hư vọng. Vì nếu có tha tâm trí có sao Cù Đàm chẳng rõ biết tâm niệm của chúng ta.

Này các ngài! Xưa kia tôi từng nghe bậc tôn túc nói rằng sau đây một trăm năm thế gian sẽ có một yêu huyễn ra đời. Yêu huyễn này chính là ông Cù Đàm. Ông ấy sắp sẽ diệt mất tại trong rừng Ta La này, các ngài chẳng nên sầu não.

Có một Ni Kiền Tử nói rằng: Nay tôi sầu khổ chẳng phải vì đệ tử và sự cúng dường của riêng mình, chỉ vì người đời ngu tối không có con mắt, chẳng thấy biết phước điền cùng chẳng phải phước điền, bỏ bậc Bà La Môn niên cao nhiều trí mà cúng dường người tuổi trẻ, do đây nên tôi lo rầu mà thôi.

Sa Môn Cù Đàm biết chú thuật, do sức chú thuật mà ông ấy có thể biến một thân thành vô lượng thân, biến vô lượng thân hoàn lại một thân, hoặc biến thân làm hình nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể trừ việc chú thuật như vậy. Chú thuật của Cù Đàm đã mất, các ngài sẽ được an vui thọ hưởng nhiều sự cúng dường”.

Lại có một Bà La Môn nói rằng: Này các ngài, Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, các ngài chẳng nên tranh đua.

Chúng ngoại đạo phản đối lại: Người ngu si kia! Sao ông lại nói Sa Môn Cù Đàm có công đức lớn? Lúc Cù Đàm sanh ra bảy ngày thời mẹ của ông ấy chết, như thế có thể được gọi là tướng phước đức chăng?

Bà La Môn đáp rằng: Bị mắng chửi giận, bị đánh chửi đánh lại, đây là tướng đại phước đức. Thân của Cù Đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, lại có vô lượng thân thông, đây là tướng đại phước đức. Không kiêu mạn thừa hỏi trước, lời nói dịu dàng không cộc cằn, lúc trai tráng chí ý

hung hạnh mà tâm chẳng nóng nảy, nước lớn của nhiều mà không tham luyến, bỏ cung điện đi xuất gia như nhỏ bỏ nước miếng. Do những điều trên đây nên tôi nói rằng Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức.

Chúng ngoại đạo nói:

Sa Môn Cù Đàm thiệt có vô lượng thần thông biến hóa như lời ông nói, chúng tôi chẳng thử thách thần thông với Cù Đàm. Cù Đàm bản tánh nhu nhuyễn, chẳng kham khổ hạnh, sanh trưởng chôn thâm cung chẳng rõ thấu được việc ngoài. Chỉ được lời nói dịu dàng mà chẳng biết nghề nghiệp văn hóa luận nghị. Chúng tôi xin tranh biện pháp yếu với Cù Đàm. Nếu ông Cù Đàm hơn, chúng tôi sẽ theo hầu Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm thì Cù Đàm phải phụng sự chúng tôi.

Lúc đó một số đông ngoại đạo họp nhau đến ra mắt vua A Xà Thế.

Vua hỏi các ngài mỗi phái riêng tu tập theo đạo của mình, đều là người xuất gia rời bỏ danh lợi, nhân dân trong nước của ta

đều kính trọng cúng dường, nay duyên có gì họp nhau đến đây?

Các ngài đều có pháp tu tập khác nhau, giới cấm khác nhau, mỗi người tự theo giáo phái của mình mà xuất gia tu hành, nay duyên có gì lại họp nhau một lòng như những lá rụng bị gió trốt thổi gom lại một chỗ.

Ta thường ủng hộ người xuất gia nhẫn đến chẳng tiếc thân mạng. Nay duyên có gì mà các ngài họp nhau đến đây ?

Chúng ngoại đạo đồng thư: Tâu Đại Vương! Nay Đại Vương là cây cầu đại pháp, có tiếng tăm lớn, có công đức lớn, là căn bản của các nước, là tấm gương sáng của tất cả nước, là hình tượng của chư thiên, là cha mẹ của nhân dân. Nhà vua coi việc nước chẳng riêng rẽ người thân kẻ thù, lòng vua bình đẳng như đất nước lửa gió, do đây nhà vua đáng gọi là công đức tạng.

Tâu Đại Vương! Dầu chúng sanh hiện tại tuổi đời ngắn ngủi, nhưng công đức của nhà vua như các vua thời kỳ trường thọ an lạc thuở xưa: Như các vua Đánh Sanh, Thiện

Kiến, Nhân Nhục, Na Hầu Sa, Da Da Đế, Thi Tỳ, Nhứt Xoa Câu v.v... Nhờ nhà vua mà trong nước an vui, nhân dân giàu mạnh. Do đây nên tất cả người xuất gia đều mến nước Ma Đà Đà này.

Tâu Đại Vương! Trong kinh của chúng tôi có nói: Nếu người xuất gia ở nơi nước nào mà tinh tấn trì giới tu hành, thời vua nước ấy cũng có phần tu công đức lành.

Tâu Đại Vương! Tất cả trộm cướp nhà vua đã dẹp xong, nên người xuất gia không còn sợ sệt. Hiện nay chỉ còn có một người đại ác là Sa Môn Cù Đàm nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất lo sợ. Cù Đàm tự thị dòng họ cao quý, thân hình đẹp mạnh, lại do phước bố thí đời trước mà được cúng dường nhiều. Cù Đàm cậy những việc này mà quá kiêu mạn, hoặc cậy chú thuật giỏi mà ngạo nghễ. Cù Đàm không thể tu khổ hạnh lãnh và chứa những y phục nệm chăn mịn nhuyễn, nên những người ác trong đời vì tham lợi dưỡng mà theo làm quyền thuộc. Do sức chú thuật, Cù Đàm điều phục Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v...

Nay đến chỗ ở của chúng tôi, nơi rừng Ta La, tuyên bố rằng thân này là thường, lạc, ngã, tịnh để khuyến dụ hàng đệ tử của chúng tôi.

Tâu Đại Vương! Ngày trước Cù Đàm nói thân người là không thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi còn có thể nhẫn được. Nay Cù Đàm tuyên bố thân này là thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi thiết chẳng chịu được.

Xin Đại Vương cho phép chúng tôi luận nghị với Cù Đàm.

Vua A Xà Thế nói: Hôm nay các ngài do ai bày vẽ mà tâm trí cuồng loạn chẳng định như vậy? Khác nào nước nổi sóng, vòng lửa xoay, khí vượn leo cây, thật đáng hổ thẹn.

Người trí nghe được việc này tất sẽ xót thương cho các ngài. Kẻ ngu nghe biết thời tất chê cười các ngài. Lời nói của các ngài chẳng phải là lời của người xuất gia. Các ngài nếu mang phải bệnh tật, ta đều có thuốc trị lành được. Nếu như mắc bệnh ma quỷ, thời anh ta là Kỳ Bà có thể trị được.

Nay các ngài muốn lấy móng tay mà chẻ núi Tu Di, muốn dùng răng để cắn nghiền

chất Kim Cang, khác nào người ngu thấy Sư Tử Vương lúc đói nằm ngủ mà muốn chọc cho thức dậy, như người lấy ngón tay muốn để trong miệng rắn độc, như muốn lấy tay đập ngọn lửa, như con chồn rừng muốn kêu rống như sư tử, như con muỗi muốn bay đua với Kim Sí Điểu, như con thỏ lội qua biển muốn chân đụng đến đáy. Nay các ngài cũng như vậy. Các ngài như chiêm bao thấy hơn Sa Môn Cù Đàm, đây là mơ mộng điên cuồng, chẳng nên tin tưởng.

Nay các ngài có quan niệm muốn tranh biện với Sa Môn Cù Đàm, khác nào con phi nga tự đập vào đồng lửa lớn. Các ngài phải theo lời của ta chẳng cần nói nữa.

Các ngài dầu tán thán ta là bình đẳng như cán cân, nhưng chớ để cho người ngoài nghe được lời này.

Các ngoại đạo lại thưa: Tâu Đại Vương! Sa Môn Cù Đàm có lẽ dùng chú thuật đến bên nhà vua, nên làm cho lòng vua nghi mà chẳng tin các vị thánh nhân này. Nhà vua chẳng nên khinh miệt chúng tôi.

Tâu Đại Vương! Mặt trăng tròn khuyết,

nước biển mặn v.v... những việc như thế ai làm ra? Há chẳng phải hàng Bà La Môn chúng tôi ư!

Nhà vua chẳng nghe nước sông Hằng dừng ở trong lỗ tai của A Kiệt Đa Tiên trọn mười hai năm ư? Nhà vua chẳng nghe Cù Đàm Tiên nhân cả hiện thân thông mười hai năm biến làm Đế Thích, rồi biến thân Đế Thích làm thân dê đực, biến ngàn nữ căn ở thân Đế Thích? Nhà vua chẳng nghe Kỳ Nâu Tiên trong một ngày uống hết nước bốn biển làm cho quả đất khô?

Nhà vua chẳng nghe bà Tẩu Tiên làm ba con mắt cho Tự Tại Thiên ư? Nhà vua chẳng nghe La Lã Tiên biến thành Ca La Phú làm nước mọi ư?

Tâu Đại Vương! Trong phái Bà La Môn có những Tiên nhân thần thông như vậy, sao nhà Vua lại khinh miệt ư?

Vua nói: Các ngài nếu chẳng tin theo lời của ta, đức Như Lai chánh giác hiện ở trong rừng Ta La, các ngài có thể qua đó tùy ý vắn nạn, Đức Như Lai cũng sẽ giải thích vừ ý các ngài.

Liên đó vua A Xà Thế cùng chúng ngoại đạo đến chỗ Phật. Vua đầu mặt làm lễ đi nhiễu ba vòng ngời qua một bên bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các nhà ngoại đạo này muốn được tùy ý vắn nạn, xin đức Như Lai tùy ý đáp đó.

Phật nói: Này Đại Vương! Như Lai tự biết phải lúc.

Trong chúng ngoại đạo có Bà La Môn Xà Đề Thủ Na lên tiếng hỏi: Này Cù Đàm ngài nói Niết Bàn là pháp thường trụ phải chăng?

_Này Đại Bà La Môn! Đúng như vậy.

_Nếu Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ thì không đúng nghĩa. Vì như những sự vật trong đời, từ hột sanh ra trái nôi luôn chẳng dứt, như từ đất sét làm ra cái bình, từ những sợi chỉ mà có cái áo. Cù Đàm thường nói rằng tu quán tưởng vô thường chứng được Niết Bàn. Nhân là vô thường sao quả lại thường trụ?

Cù Đàm lại nói giải thoát dục tham chính là Niết Bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham chính là Niết Bàn. Dứt vô minh v.v...

dứt tất cả phiền não thời là Niết Bàn. Từ dục, sắc, nhãn đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhân đã vô thường thời quả Niết Bàn cũng phải vô thường.

Cù Đàm lại nói từ nghiệp nhân nên sanh cõi Trời, do nghiệp nhân nên sanh địa ngục, do nghiệp nhân mà được giải thoát, nên các pháp đều do nơi nhân mà sanh. Nếu đã từ nơi nhân sanh mà được giải thoát, sao lại nói Niết Bàn là thường?

Cù Đàm cũng nói rằng sắc theo duyên mà sanh nên gọi là vô thường, thọ tướng hành thức cũng như vậy. Giải thoát như vậy, nếu là sắc thời là vô thường, nếu là thọ tướng hành thức cũng là vô thường. Nếu ngoài năm ấm mà có giải thoát, thời giải thoát này chính là hư không. Nếu đã là hư không thời chẳng được nói rằng do nhân duyên sanh, vì hư không là thường là duy nhất, là khắp tất cả.

Cù Đàm cũng nói rằng: Phàm do nhân duyên sanh ra thời là khổ, nếu đã là khổ sao lại nói giải thoát là lạc.

Cù Đàm lại nói: Vô thường là khổ, khổ là

vô ngã. Nếu đã là vô thường, là khổ, là vô ngã thì là bất tịnh. Tất cả những pháp do nhân duyên sanh ra, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, sao lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã tịnh?

Nếu Cù Đàm nói rằng cũng là thường cũng vô thoàntg, cũng khổ cũng vui, cũng là ngã cũng là vô ngã, cũng tịnh cũng bất tịnh, như thế há chẳng phải là hai lời ư?

Tôi cũng từng nghe bậc tôn túc nói nếu Phật ra đời thì lời nói không hai. Nay Cù Đàm nói hai lời, lại xưng rằng Phật chính là thân ta đây. Xin giải thích những điều tôi đã hỏi .

Phật nói: Nay bà La Môn! Cứ theo lời của ông, nay tôi hỏi ông tùy ý ông đáp.

Này Bà La Môn! Tánh của ông là thường hay là vô thường?

_ Tánh của tôi là thường.

Này Bà La Môn! Tánh ấy có thể làm nhân cho tất cả pháp trong và ngoài chăng?

_ Chính thế, thưa Cù Đàm.

_Này Bà La Môn! Tánh ấy làm nhân như thế nào?

_ Thưa Cù Đàm! Từ tánh sanh ra đại, từ đại sanh mạn, từ mạn sanh mười sáu pháp: Năm đại là địa, thủy, hỏa, phong, không, năm tri căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, năm nghiệp căn là tay, chân, miệng tiếng, nam căn, nữ căn, cùng tâm bình đẳng căn. Mười sáu pháp này do năm pháp: Sắc, thính, hương, vị, xúc sanh ra. Hai mươi một pháp này có ba pháp căn bản : Nhiễm, thô và đen. Nhiễm là ái, thô là sân, đen là vô minh. Hai mươi ba pháp này, đều nhân nơi tánh mà sanh.

_ Nay Bà La Môn! Những pháp đại, mạn v.v... là thường hay vô thường?

_ Thưa Cù Đàm theo giáo pháp của tôi thời tánh là thường, những pháp đại v.v... đều là vô thường.

_ Nay Bà La Môn! Như trong pháp của ông nhân là thường còn quả là vô thường. Trong pháp của ta dầu nhân là vô thường nhưng quả là thường, thời có lỗi gì?

_ Nay Bà La Môn! Trong pháp của các ông có hai nhân chẳng?

_ Thưa Cù Đàm, có.

_ Thế nào là hai?

_ Thừa Cù Đàm! Một là sanh nhân, hai là liễu nhân .

_ Thế nào là sanh nhân? Thế nào là liễu nhân?

_ Sanh nhân như đất sét làm ra cái bình. Liễu nhân như đèn soi đồ vật.

_ Hai nhân này là một tánh. Đã là một tánh có thể khiến sanh nhân làm liễu nhân chăng? Có thể khiến liễu nhân làm sanh nhân chăng?

_ Thừa Cù Đàm! Không.

_ Nếu như sanh nhân chẳng làm liễu nhân, liễu nhân chẳng làm sanh nhân, có thể nói là nhân tướng chăng?

_ Thừa Cù Đàm! Dầu hai nhân chẳng làm thành lẫn nhau, nhưng vẫn có nhân tướng.

_ Nay Bà La Môn! Vật của liễu nhân chiếu rõ có đồng với liễu nhân chăng?

_ Thừa Cù Đàm! Không .

Phật nói: Trong pháp của ta, dầu do từ vô thường chứng được Niết Bàn, nhưng Niết Bàn này chẳng phải là vô thường. Do từ liễu nhân mà được nên là thường, lạc, ngã, tịnh.

Do từ sanh nhân mà được nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do đây nên đức Như Lai nói có hai thuyết thường và vô thường. Hai thuyết này không có hai lời, nên Phật gọi là không nói hai lời.

Như lời ông nói từng nghe bậc tôn túc bảo rằng Phật ra đời không có hai lời. Lời nói trên đây rất đúng. Tất cả chư Phật mười phương ba đời không bao giờ có lời nói sai, vì có thời đồng nói có, không thời đồng nói không, nên gọi là đồng một nghĩa, do đây nên gọi Phật không nói hai lời.

Này Bà La Môn! Đức Như Lai dầu gọi là hai lời, nhưng vì dễ hiểu rõ một lời. Thế nào là hai lời dễ hiểu rõ một lời? Như nhãn căn cùng sắc trần đây là hai lời, sanh ra thức đây là một lời. Nhãn đến ý căn cùng pháp trần sanh ra thức cũng như vậy.

_Cù Đàm khéo phân biệt được ngữ nghĩa như vậy. Nay tôi chưa hiểu dùng hai lời để hiểu rõ một lời.

Đức Thế Tôn liền vì Bà La Môn mà tuyên nói pháp tứ đế: Này Bà La Môn! Khổ Đế cũng hai cũng một, nhãn đến đạo đế cũng

hai cũng một.

Bà La Môn thưa: Bạch Thế Tôn! Tôi đã hiểu biết rồi.

_ Nay Thiện Nam Tử! Ông hiểu biết như thế nào?

_ Bạch Thế Tôn! Khổ đế, tất cả phàm phu thời hai, còn thánh nhân thời một. Nhẫn đến đạo đế cũng như vậy.

_ Lành thay! Đã hiểu.

_ Bạch Thế Tôn! Nay tôi nghe pháp đã được chánh kiến, tôi quy y Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Cúi xin Đức Đại Từ cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như: Ông nên cạo bỏ râu tóc cho Xà Đề Thủ Na, cho ông xuất gia.

Ngài Kiều Trần Như vâng lời Phật cạo tóc cho Xà Đề Thủ Na. Đương lúc cạo có hai thứ rơi xuống: Một là râu tóc, hai là phiền não. Xà Đề Thủ Na liền ở nơi chỗ ngồi chứng được quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí Bà Trư Tra hỏi Phật: Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ phải chăng?

_ Này Phạm Chí! Đúng như vậy.

_ Cù Đàm toan chẳng nói rằng không phiền não là Niết Bàn ư ?

_ Này Phạm Chí! Đúng như vậy.

_ Thưa Cù Đàm! Ở thế gian có bốn thứ gọi là không: Một là những pháp chưa có ra thời gọi là không, như cái bình lúc chưa ra khỏi viên đất thời gọi là không có cái bình. Hai là những pháp đã diệt mất gọi là không, như cái bình đã hư bể thời gọi là không. Ba là lẫn không có tướng loại khác mà gọi là không, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là rốt ráo không nên gọi là không, như lông rùa sừng thỏ.

Thưa Cù Đàm! Nếu vì đã dứt trừ phiền não mà gọi là Niết Bàn, thời Niết Bàn là không có. Nếu đã là không Niết Bàn, sao lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh?

_ Này Thiện Nam Tử! Niết Bàn đây chẳng phải là trước không có như cái bình lúc còn là viên đất, cũng chẳng phải dứt mất thành không như cái bình lúc hư bể, cũng chẳng phải rốt ráo không như lông rùa sừng

thỏ. Niết Bàn này đồng với khác loại mà không.

Như lời ông nói, dầu trong bò không có ngựa, nhưng chẳng được nói rằng bò cũng là không. Dầu trong ngựa không có bò nhưng cũng chẳng được nói rằng ngựa cũng là không. Niết Bàn cũng như vậy: Trong phiên nào không Niết Bàn, trong Niết Bàn không phiên nào, do đây nên gọi là lẫn không có tướng khác nhau.

Thưa Cù Đàm! Nếu cho Niết Bàn là lẫn không tướng khác nhau, sự không này không có thường, lạc, ngã, tịnh, sao Cù Đàm lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh?

_Này Thiện Nam Tử! Như không tướng khác nhau của ông nói có ba thứ không: Bò, ngựa đều là trước không sau có, đây gọi là trước không; đã có trở thành không đây gọi là hư hoại mà không; không có tướng khác nhau thì như ông đã nói. Niết bàn không có ba tướng này, nên Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh.

Như ba thứ bệnh của người đời; Bệnh nhiệt,

bệnh phong, bệnh hàn. Ba thứ thuốc có thể trị được: Tô trị được bệnh nhiệt, dầu trị được bệnh phong, mật trị được bệnh hàn.

Này Thiện Nam Tử! Trong bệnh phong không có dầu, trong dầu không có bệnh phong, nên dầu có thể trị được bệnh phong. Hai thứ kia cũng như vậy.

Tất cả chúng sanh có ba thứ bệnh: Tham, sân và si. Có ba thứ pháp được trị được ba bệnh này: Bất tịnh quán là thuốc trị được bệnh tham, từ tâm quán là thuốc trị được bệnh sân, nhân duyên quán là thuốc trị được bệnh si.

Này Thiện Nam Tử! Vì trừ tham nên quán pháp chẳng phải tham, vì trừ sân nên quán pháp chẳng phải sân, vì trừ si nên quán pháp chẳng phải si. Trong ba thứ bệnh không ba thứ thuốc pháp, trong ba thứ thuốc pháp không ba thứ bệnh.

Này Thiện Nam Tử! Vì trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc pháp, nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Trong ba thứ thuốc pháp không có ba thứ bệnh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

_Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai vì tôi nói thường là vô thường. Xin giải thích thế nào là thường, thế nào là vô thường ?

_ Nay Thiện Nam Tử! Sắc ấm là vô thường, giải thoát sắc ấm là thường. Nhẫn đến thức ấm là vô thường, giải thoát thức ấm là thường.

Nếu có người nào quán sắc nhẫn đến thức là vô thường, nên biết rằng người này chứng được pháp thường trụ.

_Bạch Thế Tôn! Nay tôi đã biết pháp thường và pháp vô thường.

_Này Thiện Nam Tử! Ông rõ biết pháp thường và vô thường như thế nào?

_Bạch Thế Tôn! Nay tôi biết sắc ấm của tôi là vô thường, được giải thoát là thường, nhẫn đến thức cũng như vậy.

_Lành thay! Nay Thiện Nam Tử! Nay ông đã đền xong thân này.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như: Bà Tru Tra đã chứng quả A La Hán, ông nên ban cho Bà Tru Tra ba y và bát.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật trao y bát cho Bà Tru Tra.

Lãnh y bát xong, Bà Trư Tra thưa rằng: Bạch Đại Đức Kiều Trần Như! Nay tôi do thân tặc ác này mà được quả lành. Xin Đại Đức vì tôi đến bạch với đức Thế Tôn: Tôi là người ác xúc phạm đến họ Cù Đàm của đức Như Lai. Mong Đại Đức vì tôi mà sám hối tội này. Tôi cũng không thể ở lâu nơi thân ác độc này. Nay xin nhập Niết Bàn.

Ngài Kiều Trần Như liền đến bạch Phật: Thế Tôn! Tỳ Kheo Bà Trư Tra sanh lòng hổ thẹn, tự nói là hung dữ xúc phạm họ Cù Đàm của đức Như Lai. Nay ông ấy muốn diệt thân, nhờ tôi sám hối.

Phật nói: Nay Kiều Trần Như! Tỳ Kheo Bà Trư Tra đã thành tựu căn lành nơi vô lượng Phật quá khứ, nay thọ giáo với ta mà trụ đúng pháp, vì trụ đúng pháp nên chúng được chánh quả. Các ông phải cúng dường thân của ông ấy.

Ngài Kiều Trần Như nghe Phật dạy xong, đến nơi thân của Bà Trư Tra mà trần thuyết cúng dường.

Lúc thiêu thân, Bà Trư Tra hiện các thứ thần thông.

Chúng ngoại đạo thấy việc này đồng to tiếng xưng rằng: Bà Tru Tra đã được chú thuật của Sa Môn Cù Đàm, chẳng bao lâu ông sẽ hơn Sa Môn Cù Đàm.

Lại có Phạm Chí Tiên Ni hỏi Phật: Thưa Cù Đàm! Cù Đàm có ngã không?

Đức Như Lai nín lặng.

Tiên Ni lại hỏi: Thưa Cù Đàm! Cù Đàm không có ngã ư?

Đức Như Lai cũng nín lặng.

Tiên Ni hỏi luôn mấy lần như vậy, đức Phật đều nín lặng.

Tiên Ni nói: Thưa Cù Đàm! Nếu tất cả chúng sanh có ngã khắp tất cả chỗ là một tác giả, có sao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời?

Phật nói: Này Tiên Ni! Ông nói ngã đó là khắp tất cả chỗ phải chăng?

_ Thưa Cù Đàm! Chẳng những là tôi nói, mà tất cả người trí cũng nói như vậy.

_ Này Thiện Nam Tử! Nếu ngã đó cùng khắp tất cả chỗ lẽ ra phải đồng thời thọ báo trong ngũ đạo. Nếu đồng thời thọ báo nơi ngũ đạo, hàng Phạm Chí các ông duyên có

gì chẳng gây tạo những điều ác để khỏi địa ngục, mà lại tu những pháp lành để được thân Trời?

_ Thưa Cù Đàm! Ngã trong giáo pháp của chúng tôi có hai thứ: Một là ngã tác thân, hai là ngã thường thân. Vì ngã tác thân mà phải lìa nghiệp ác để khỏi địa ngục, phải tu những pháp lành để được sanh lên Trời.

_ Nay Thiện Nam Tử! Như ông đã nói ngã khắp tất cả chỗ. Ngã đó nếu ở trong tác thân thời là vô thường. Nếu trong tác thân không có ngã sao lại nói là khắp?

_ Thưa Cù Đàm! Ngã của chúng tôi lập cũng ở trong tác thân, mà cũng là thường trụ. Như người lúc để lửa cháy nhà, chủ nhà chạy ra ngoài, chẳng thể nói rằng nhà cửa bị cháy chủ nhà cũng bị cháy. Ngã này cũng như vậy, đương lúc tác thân vô thường, ngã này xuất ra đi, nên ngã này cũng là khắp, cũng là thường.

_ Nay Thiện Nam Tử! Như lời ông nói ngã đó cũng khắp cũng thường, nghĩa này không đúng. Vì khắp có hai thứ: Thường và

vô thường. Lại có hai thứ; Sắc và vô sắc. Do đây nên nếu nói rằng khắp tất cả thời cũng là thường cũng là vô thường, cũng là sắc cũng là vô sắc.

Nếu nói chủ nhà chạy ra khỏi nên chẳng gọi là vô thường, nghĩa này chẳng đúng. Vì nhà chẳng gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà. Cái bị cháy khác, người chạy ra khác, nên được như vậy. Ngã này thời chẳng như vậy, vì ngã là sắc, sắc là ngã, ngã là vô sắc, vô sắc là ngã, sao lại nói rằng đương lúc sắc thân vô thường ngã xuất ra khỏi.

Này Thiện Nam Tử! Ý ông nếu cho rằng : Tất cả chúng sanh đồng một ngã, thời trái với pháp thế gian và xuất thế gian. Vì pháp thế gian có cha mẹ, con trai, con gái. Nếu ngã là một, thời cha là con trai, con trai là cha, mẹ là con gái, con gái là mẹ, thù là thân, thân là thù, đây là kia, kia là đây. Nên nếu nói rằng tất cả chúng sanh đồng một ngã thời là trái với pháp thế gian và xuất thế gian.

Tiên Ni nói: Tôi chẳng nói tất cả chúng sanh đồng một ngã. Mà tôi nói mỗi người

đều riêng có một ngã.

_ Nay Thiện Nam Tử! Nếu ông nói một người đều riêng có một ngã, đây là nhiều ngã, thời không đúng nghĩa. Vì như trước kia ông nói, ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đã khắp tất cả thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải đồng một nghiệp căn: Lúc được Trời mà thấy thời lúc được Phật cũng thấy, lúc được thân Trời làm, thời lúc được Phật cũng làm, nghe biết và nhẫn đến tất cả pháp cũng như vậy.

Nếu được thân Trời mà thấy chẳng phải là được Phật mà thấy thời chẳng nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu ngã chẳng khắp thời là vô thường.

_Thưa Cù Đàm! Ngã của tất cả chúng sanh khắp tất cả. Còn pháp cùng phi pháp chẳng khắp tất cả. Do nghĩa này nên tác dụng của Phật khác, tác dụng của Trời khác. Chẳng nên nói rằng lúc Phật thấy lẽ ra Trời cũng thấy, lúc Phật nghe Trời cũng nên nghe.

_Nay Thiện Nam Tử! Pháp và phi pháp chẳng phải là nghiệp làm ra ư ?

_ Thưa Cù Đàm! Là nghiệp làm ra.

_ Nay Thiện Nam Tử! Nếu pháp cùng phi pháp là nghiệp làm ra thì là đồng pháp, sao nói rằng khác. Vì chỗ nghiệp của Phật có ngã của Trời, chỗ ngã của Trời có ngã của Phật, do đây nên lúc Phật tác dụng, Trời cũng tác dụng, pháp và phi pháp cũng phải như vậy.

Nay Thiện Nam Tử! Nếu tất cả chúng sanh pháp cùng phi pháp là như vậy, thì quả báo lẽ ra chẳng khác.

Nay Thiện Nam Tử! Từ nơi nhân sanh ra quả, nhân này trọn chẳng suy nghĩ phân biệt ta chỉ nên là quả Bà La Môn, chẳng làm quả cho Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà. Vì từ nhân sanh ra quả trọn chẳng trở ngại đối với bốn giòng như vậy. Pháp cùng phi pháp cũng như vậy, không thể phân biệt ta chỉ nên làm quả Phật, chẳng làm quả Trời, hoặc ta chỉ làm quả Trời chẳng làm quả Phật. Vì nghiệp bình đẳng vậy.

_ Thưa Cù Đàm! Như trong một nhà có trăm ngàn ngọn đèn, ngọn đèn có khác nhưng ánh sáng thì không khác. Ngọn

đèn khác nhau dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng không sai khác dụ cho ngã của chúng sanh.

_ Nay Thiện Nam Tử! Ông đem đèn sáng để dụ cho ngã đó, không được đúng nghĩa. Vì đèn khác nhà khác. Ánh sáng của đèn cũng ở bên ngọn đèn mà cùng khắp trong nhà. Ngã của ông nói nếu đồng như vậy thì bên pháp và phi pháp đều phải có ngã, trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp. Nếu pháp cùng phi pháp không có ngã, thì chẳng được nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đều chung có cả, đâu được dùng đèn và ánh sáng để làm ví dụ.

Nay Thiện Nam Tử! Nếu ý của ông cho rằng ngọn đèn cùng ánh sáng thật khác nhau, duyên có gì ngọn đèn thêm thời ánh sáng nhiều, ngọn đèn lụn thời ánh sáng mất. Do đây chẳng nên đem pháp cùng phi pháp dụ như ngọn đèn, ánh sáng không khác dụ cho ngã. Vì pháp và phi pháp cùng với ngã ba thứ là một.

_ Thừa Cù Đàm! Ngài dẫn ví dụ ngọn đèn, việc đó chẳng tốt. Vì ví dụ ngọn đèn

nếu là tốt thì tôi đã dẫn trước rồi. Như ví dụ đó chẳng tốt có sao ngài lại nói?

_ Nay Thiện Nam Tử! Ví dụ ta dẫn ra đó đều chẳng làm tốt cùng chẳng tốt, đó là theo ý của ông để nói. Trong ví dụ đó cũng trình bày hai nghĩa rồi ngoài ngọn đèn có ánh sáng và chính nơi ngọn đèn có ánh sáng, ý ông chẳng bình đẳng nên ông nói ngọn đèn dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng thì dụ cho ngã. Do đây nên ta trách ông: Ngọn đèn chính là ánh sáng, rồi ngọn đèn có ánh sáng. Trong pháp có ngã, trong ngã có pháp, trong phi pháp có ngã, trong ngã có phi pháp. Nay có gì ông chỉ nhận lấy một bên bỏ một bên. Ví dụ như vậy là chẳng tốt đối với ông, nên nay ta trở lại dẫn ví dụ đó để dạy bảo ông.

Nay Thiện Nam Tử! Ví dụ như vậy thì chẳng thành, vì chẳng thành ví dụ nên với ta thì tốt, mà chẳng tốt đối với ông.

Nay Thiện Nam Tử! Nếu ý ông cho rằng nếu tôi chẳng tốt thì ngài cũng chẳng tốt. Ý nghĩ này chẳng đúng, vì thấy người đời dùng sức mình để hại lấy mình, tự mình

làm ra mà người khác thọ dụng. Ví dụ của ông dẫn ra đó cũng như vậy. Nơi ta thời tốt, nơi ông thời chẳng tốt.

_ Thưa Cù Đàm! Vừa rồi ngài trách tôi tâm chẳng bình đẳng, nay lời nói của ngài cũng chẳng bình đẳng. Vì ngài lấy tốt về mình, mà chẳng tốt lại để cho tôi. Cứ đây mà suy thời thật là chẳng bình đẳng.

_Này Thiện Nam Tử! Sự bất bình của ta có thể phá được sự bất bình của ông, do đây nên ông được bình, sự bất bình của ta chính là tốt vậy. Sự bất bình của ta phá sự bất bình của ông, làm cho ông được bình cũng chính là ta bình đẳng, vì đồng được bình đẳng với các thánh nhân.

_ Thưa Cù Đàm! Ngã thường là bình đẳng, sao ngài lại nói phá hoại sự bất bình của tôi. Tất cả chúng sanh bình đẳng có ngã sao ngài nói rằng ngã là bất bình?

_ Này Thiện nam tử! Ông cũng có nói rằng: Sẽ thọ quả địa ngục, sẽ thọ quả ngạ quỷ, sẽ thọ quả súc sanh, sẽ thọ quả nhân, thiên. Nếu ngã đã khắp trong ngũ đạo, sao ông lại nói sẽ thọ quả nơi các loài?

Ông cũng nói rằng cha mẹ hòa hiệp rồi sau mới sanh con. Nếu con đã có trước, sao ông lại nói hòa hiệp rồi mới có. Nếu một người có thân trong ngũ đạo, đã là trước có thân trong ngũ đạo, duyên có gì lại vì thân mà tạo nghiệp. Do nghĩa trên đây nên là chẳng bình đẳng.

Này Thiện Nam Tử! Ý của ông nếu cho rằng ngã là tác giả, thời cũng chẳng đúng. Vì nếu ngã là tác giả, duyên có gì ngã lại tự làm ra sự khổ. Nhưng hiện nay chúng sanh thiệt có bị khổ nên biết rằng ngã chẳng phải tác giả.

Nếu ông nói sự khổ này chẳng phải ngã làm ra, chẳng do nơi nhân sanh, thời tất cả pháp cũng phải như vậy, chẳng do nhân sanh, có gì lại nói là ngã làm ra.

Này Thiện Nam Tử! Sự khổ vui của chúng sanh thiệt do nơi nhân duyên. Sự khổ vui này có thể làm chúng sanh lo và mừng. Lúc lo không mừng, lúc mừng không lo, hoặc mừng hoặc lo, người trí đâu nên nói đó là thường trụ.

Này thiện nam tử! Ông nói ngã là thường.

Nếu ngã là thường, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác. Đã là thường lẽ ra chẳng có thời kỳ đậu thai hẳn đến thời kỳ già.

Phật pháp thường như hư không còn chẳng có một thời kỳ, huống lại có cả mười thời kỳ!

Nếu ngã chẳng phải là thời kỳ đậu thai hẳn đến chẳng phải thời kỳ già, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác.

Này Thiện Nam Tử! Nếu ngã là tác giả, ngã này cũng có lúc thịnh lúc suy, chúng sanh cũng có lúc thịnh lúc suy. Nếu ngã đã như vậy sao lại là thường.

Này Thiện Nam Tử! Nếu ngã là tác giả, sao một người lại có khôn lanh, có đàn độn? Nếu ngã là tác giả, ngã này có thể làm ra thân nghiệp và khẩu nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp nếu là ngã làm ra, sao miệng lại nói rằng không có ngã ư? Sao lại tự nghi có ngã hay không có ngã?

Này Thiện Nam Tử! Nếu ý ông cho rằng rời ngoài nhãn căn có sự thấy. Lời này không đúng, vì nếu ngoài nhãn căn đã riêng có sự thấy thì cần gì đến nhãn căn

này? Như nhãn căn, nhĩ căn v.v... cũng như vậy. Nếu ý ông cho rằng dầu ngã có thể thấy nhưng cần phải do nhãn căn mới thấy, nghĩa này cũng chẳng đúng. Như có người nói rằng bông Tu mạn na có thể đốt cháy cả thôn xóm lớn, tại sao có thể cháy? Vì lửa có thể cháy. Ông lập ngã có thể thấy cũng như vậy.

_ Thưa Cù Đàm! Như người cầm liềm thời có thể cắt cỏ. Ngã nhân nơi năm căn mà có thể thấy nghe nhãn đến xúc cũng như vậy.

_ Nay Thiện Nam Tử! Liềm cùng người đều khác nhau, nên người cầm liềm thời cắt được cỏ. Rời ngoài năm căn không có ngã riêng khác, sao lại nói rằng ngã nhân nơi năm căn mà có công năng?

Nay Thiện Nam Tử! Nếu ý ông cho rằng vì cầm liềm nên có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy. Như thế thời ngã có tay hay không tay? Nếu có tay sao ngã chẳng tự cầm? Nếu ngã không có tay sao lại nói rằng ngã là tác giả?

Nay Thiện Nam Tử! Có thể cắt cỏ đó chính

là cái liềm, chẳng phải ngã cũng chẳng phải người. Nếu ngã và người có thể cắt cỏ sao lại nhân nơi cái liềm!

Này Thiện Nam Tử! Người có hai tác động: Một là nắm lấy cỏ, hai là cầm cái liềm. Cái liềm này thời chỉ có công năng xén cắt.

Chúng sanh ngộ thấy các pháp cũng như vậy: Nhân căn có thể thấy sắc, từ nhân duyên hòa hiệp mà có ra sự thấy đó. Nếu đã từ nhân duyên hòa hiệp, người trí sao lại nói là có ngã?

Này Thiện Nam Tử! Nếu ý ông cho rằng thân làm mà ngã thọ, cũng không đúng nghĩa. Vì trong đời không bao giờ thấy Trời tạo nghiệp mà Phật thọ quả.

Nếu nói rằng chẳng phải là thân làm, ngã chẳng phải thọ, có sao các ông lại từ nơi nhân duyên tu hành để cầu giải thoát?

Thân này của ông trước kia chẳng phải nhân duyên sanh. Khi được giải thoát rồi cũng lẽ ra không do nhân duyên mà lại sanh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng như vậy.

_ Thừa Cù Đàm! Ngã có hai thứ: Một là hữu tri, hai là vô tri. Ngã vô tri có thể thọ lấy thân, ngã hữu tri có thể rời bỏ thân. Như cái bình đất, khi đã bị nung rồi thì mất màu sắc đất, chẳng còn sanh trở lại, phiền não của người trí cũng như vậy, đã dứt, mất rồi thì trọn chẳng còn sanh.

_Này Thiện Nam Tử! Ông nói là hữu tri đó, là trí có thể biết hay ngã có thể biết? Nếu trí có thể biết sao lại nói rằng ngã là hữu tri? Nếu ngã có thể biết có gì phải dùng phương tiện tu hành để cầu có trí? Nếu ý ông cho rằng ngã nhân nơi trí mà có biết thì đồng với điều dụ bông đốt cháy trước kia.

Này Thiện Nam Tử! Như cây gai tánh của nó tự có thể đâm, chẳng được nói rằng cây cảm gai để đâm. Trí cũng như vậy : Trí tự có thể hiểu biết. Sao lại nói rằng ngã cảm lấy trí để biết?

Này Thiện Nam Tử! Như trong pháp của ông nói ngã được giải thoát, là ngã vô tri được giải thoát, hay là ngã hữu tri được?

Nếu là ngã vô tri được thì phải biết rằng

vẫn còn đủ phiền não. Nếu là ngã hữu tri được thời nên biết rằng đã có ngũ căn, vì ngoài ngũ căn không còn có sự biết. Nếu đã đủ ngũ căn thời sao lại nói là được giải thoát?

Nếu cho rằng tánh của ngã này thanh tịnh rời ngoài ngũ căn, sao lại nói rằng ngã khắp trong ngũ đạo, duyên có gì tu các pháp lành để được giải thoát?

Này Thiện nam Tử! Như có người nhổ gai hư không. Ông cũng như vậy: Nếu ngã đã thanh tịnh sao lại nói rằng dứt các phiền não?

Nếu ý ông cho rằng chẳng do nhân duyên mà được giải thoát, có gì tất cả chúng sanh lại chẳng được?

_ Thưa Cù Đàm! Nếu không có ngã thời cái gì có thể ghi nhớ?

_ Này Thiện Nam Tử! Nếu có ngã có gì lại quên?

Này Thiện Nam Tử! Nếu nhớ là ngã, có gì lại nhớ những niệm ác, nhớ chỗ chẳng đáng nhớ, chẳng nhớ chỗ đáng nhớ?

_ Thưa Cù Đàm! Nếu không có ngã thời

cái gì thấy, cái gì nghe?

_ Nay Thiện Nam Tử! Trong có sáu căn, ngoài có sáu trần, căn trần hòa hiệp sanh ra sáu thức. Sáu thức này theo nhân duyên mà được có tên.

Như một thứ lửa do nơi cây mà có lửa thời gọi là lửa cây, nhân nơi cỏ thời gọi là lửa cỏ, nhân nơi trấu thời gọi là lửa trấu, nhân nơi phân bò thời gọi là lửa phân bò.

Ý thức của chúng sanh cũng như vậy: Nhân nơi nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý thời gọi đó là nhãn thức. Nhãn thức này chẳng ở trong nhãn căn nhãn đến chẳng ở trong tác ý, do bốn thứ hòa hiệp nên sanh ra thức này. Nhãn đến ý thức cũng lại như vậy.

Nếu đã là nhân duyên hòa hiệp mà sanh ra, người trí chẳng nên nói rằng sự thấy chính là ngã, sự nghe nhãn đến chạm xúc chính là ngã.

Nay Thiện Nam Tử! Do nghĩa trên đây nên ta nói rằng nhãn thức nhãn đến ý thức, tất cả các pháp đều là như huyễn.

Thế nào là như huyễn? Vì trước không

nay mới có, đã có rồi trở lại không.

Như tỏi, bột, mật, gừng, tiêu, tất lãng, nho, hồ đào, thạch lựu, hột quỳ, các thứ ấy hòa hiệp lại gọi là hoàn thuốc hoan hỷ. Rời ngoài sự hòa hiệp này thời không có hoàn hoan hỷ.

Do căn nơi trong, trần nơi ngoài mà gọi là chúng sanh, là ngã, nhân, sĩ phu. Ngoài căn và trần này không riêng có chúng sanh, ngã, nhân, sĩ phu.

_ Thừa Cù Đàm! Nếu không có ngã, sao lại nói rằng; ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng?

_Này Thiện Nam Tử! Nếu cho rằng ta thấy, ta nghe v.v... gọi là có ngã đó, có gì người đời, lại nói rằng tội của người làm ra chẳng thấy nghe?

Như bốn đoàn binh hiệp lại gọi là quân đoàn, bốn đoàn binh chẳng gọi là một, mà cũng nói rằng quân ta mạnh mẽ quân ta thắng địch.

Nội căn ngoại trần hòa hiệp làm ra cũng như vậy, dầu chẳng phải là một, nhưng cũng được nói rằng: Ta làm, ta thọ, ta thấy,

ta nghe, ta khô, ta vui.

_ Thừa Cù Đàm! Cứ như lời ngài: “Nội căn và ngoại trần hòa hiệp”, thời ai ra tiếng nói rằng: Ta làm ta thọ?

_Này Tiên Ni! Từ ái vô minh nhân duyên sanh ra nghiệp, từ nghiệp sanh ra hữu, từ hữu xuất sanh vô lượng tâm sở, tâm sở sanh ra giác quán, giác quán động đến hơi gió, hơi gió theo tâm chạm xúc cổ họng lưỡi răng môi, chúng sanh điên đảo phát ra tiếng nói rằng ta làm, ta thọ, ta thấy, ta nghe.

Này Thiện Nam Tử! Như cái linh đầu cột phướn, do gió động bèn phát ra tiếng, gió lớn thời tiếng lớn, gió nhỏ thời tiếng nhỏ, không có tác giả.

Lại như sắc nóng ném vào trong nước phát ra nhiều tiếng, nơi đây thật ra cũng không có tác giả.

Này Thiện Nam Tử! Phạm phu không thể tư duy phân biệt việc như vậy, nên nói rằng có ngã và ngã sở, ngã tác, ngã thọ.

Như Cù Đàm nói không có ngã và ngã sở, duyên có gì ngài lại nói có thường, lạc, ngã,

tĩnh?

Này Thiện Nam Tử! Ta chẳng nói sáu căn sáu trần và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Mà ta tuyên bố rằng diệt sáu thức do nội căn ngoại trần sanh ra gọi đó là thường, do thường đây mà gọi là ngã, vì có thường ngã nên gọi là lạc, vì có thường lạc ngã nên gọi là tịnh.

Này Thiện Nam Tử! Chúng sanh nhàm sự khổ mà dứt khổ nhân này, được xa lìa tự tại đây gọi là vô ngã. Do nhân duyên này nên nay ta thiết thiết nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên Ni thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Xin đức Đại Từ dạy bảo cho tôi phải làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

_ Này Thiện Nam Tử! Từ trước đến nay tất cả thế gian có đủ sự ngã mạn lớn, lại tăng trưởng ngã mạn, cũng lại làm ra mạn nhân, mạn nghiệp, nên nay thọ lấy quả báo của mạn, không thể xa lìa tất cả phiền não để được thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chúng sanh muốn được xa lìa tất cả phiền não, trước hết phải xa lìa ngã mạn.

_ Bạch Thế Tôn! Phải lắm! Phải lắm! Đúng như lời Phật dạy. Từ trước tôi có ngã mạn, do ngã mạn nên gọi đức Như Lai là Cù Đàm. Nay tôi đã lìa ngã mạn đó nên thành tâm thỉnh cầu giáo pháp: Làm thế nào sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh.

_ Nay Thiện Nam Tử! Lóng nghe! Lóng nghe! Ta sẽ giải thuyết cho ông.

Nay Thiện Nam Tử! Nếu người có thể chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, thời xa lìa mạn và phiền não.

_ Bạch Thế Tôn! Tôi đã hiểu rõ đã được chánh pháp nhãn.

_ Nay Thiện Nam Tử! Do đâu mà ông nói rằng đã biết, đã hiểu, đã được chánh pháp nhãn.

_ Bạch Thế Tôn! Sắc âm chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tôi quán sát như vậy mà được chánh pháp nhãn.

Bạch Thế Tôn! Nay tôi rất muốn xuất gia tu học, xin đức Như Lai nhận cho.

Đức Phật gọi: “Thiện Lai Tỳ Kheo!”

Liền đó Tiên Ni được đầy đủ phạm hạnh

thanh tịnh chứng quả A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí họ Ca Diếp lên tiếng rằng: Thưa Cù Đàm! Thân tức là mạng, hay là thân khác mạng khác?

Đức Như Lai nín lặng.

Phạm Chí hỏi lần thứ hai lần thứ ba, đức Như Lai vẫn nín lặng.

Phạm Chí lại nói: Thưa Cù Đàm! Như người lúc chết chưa thọ lấy thân sau, chẳng giữa đó đâu được chẳng gọi rằng thân khác mạng khác. Nếu là khác tại sao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời ?

_Này Thiện Nam Tử! Ta nói thân và mạng đều từ nhân duyên, chẳng phải là không nhân duyên. Như thân mạng tất cả pháp cũng như vậy.

_ Thưa Cù Đàm! Tôi thấy thế gian cũng có pháp không từ nhân duyên.

Này Phạm Chí! Ông thấy thế gian có pháp chẳng từ nhân duyên như thế nào?

_ Tôi thấy lửa lớn đốt cháy lùm cây, gió thổi bức ngọn lửa rớt ở chỗ khác, đây há chẳng gọi là không nhân duyên ư?

_Này Thiện Nam Tử! Lửa này cũng từ nhân mà sanh, chẳng phải là không nhân.

Thưa Cù Đàm! Lúc ngọn lửa bức bay đi chẳng nhân củi than, sao lại nói rằng từ nơi nhân mà sanh.

Này Thiện Nam Tử! Dầu không củi than nhưng nhân gió mà đi, do gió nên ngọn lửa đó chẳng tắt.

_Thưa Cù Đàm! Nếu người chết lúc chưa thọ thân sau, thọ mạng ở chặn giữa cái gì làm nhân duyên?

_Này Phạm Chí! Chính vô minh cùng ái làm nhân duyên mà thọ mạng này được còn.

Này Thiện Nam Tử! Vì có nhân duyên nên thân là mạng, mạng là thân, vì có nhân duyên nên thân khác, mạng khác. Người trí chẳng nên một bề nói rằng thân khác mạng khác.

_Bạch Thế Tôn! Xin giải thuyết cho tôi rõ biết được nhân quả.

_Này Phạm Chí! Nhân là ngũ âm, quả cũng là ngũ âm.

Này Thiện Nam Tử! Nếu có chúng sanh

chẳng đốt lửa thì không khói.

_Bạch Thế Tôn! Tôi đã hiểu rồi.

Này Thiện Nam Tử! Ông hiểu biết như thế nào?

_Bạch Thế Tôn! Lửa là nói phiền não có thể đốt cháy nơi địa ngục, ngã quý, súc sanh, nhân thiên. Khói là nói quả báo phiền não: Vô thường bất tịnh hôi nhơ đáng ghét đáng nhàm. Nếu chúng sanh chẳng khởi phiền não thì không có quả báo của phiền não. Do đây nên đức Như Lai nói không đốt lửa thì không có khói.

Bạch Thế Tôn! Tôi đã được chánh kiến xin thương xót cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí này xuất gia thọ giới.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật hòa hiệp chúng Tăng cho Phạm Chí xuất gia thọ giới Cự Túc. Năm ngày sau, Phạm Chí này chứng được A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí Phú Na lên tiếng rằng: Thưa Cù Đàm! Ngài thấy thế gian là pháp thường trụ mà nói là thường phải chăng?

Nghĩa như vậy là thiệt hay hư? Là thường hay vô thường? Là cũng thường, vô thường? Là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường? Là hữu biên, là vô biên? Là cũng hữu biên cũng vô biên? Là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên? Là thân là mạng? Thân khác mạng khác? Như Lai sau khi diệt độ, như mà đi hay chẳng như mà đi? Cũng như mà đi cũng chẳng như mà đi? Chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi?

_Này Phú Na! Ta chẳng nói thế gian là thường là hư là thiệt là vô thường v.v... nhĩn đến cũng chẳng nói chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi.

_Thưa Cù Đàm! Nay thấy tội lỗi gì mà ngài chẳng nói như vậy?

_Này Phú Na! Nếu có người nói rằng thế gian là thường, chỉ đây là chơn thật ngoài ra đều là vọng ngữ. Quan niệm này gọi là kiến, chỗ bị thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, gọi là kiến trước, gọi là kiến phược, gọi là kiến khô, gọi là kiến thủ, gọi là kiến bố, gọi là kiến nhiệt, gọi là kiến triền.

Này Phú Na! Phàm phu bị kiến chấp ràng buộc nên không thể xa lìa sanh già, bệnh, chết mà lưu chuyển trong sáu đường , thọ vô lượng sự khổ. Nhẫn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi cũng như vậy.

Này Phú Na! Ta thấy kiến chấp này có lỗi như vậy, nên ta chấp trước cũng chẳng nói với người.

_Thưa Cù Đàm! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà chẳng chấp trước chẳng nói. Nay Cù Đàm thấy gì? Trước gì? Tuyên thuyết những gì?

Này Thiện Nam Tử! Luận về người kiến trước gọi là pháp sanh tử. Như Lai đã rời pháp sanh tử nên chẳng kiến trước. Như Lai gọi là năng kiến, năng thuyết, mà chẳng phải là chấp trước.

_Thưa Cù Đàm! Thế nào là năng kiến? Thế nào là năng thuyết?

_Này Thiện Nam Tử! Ta có thể thấy rõ khổ tập diệt đạo, ta phân biệt tuyên thuyết bốn đế lý này như vậy. Vì ta thấy như vậy nên xa lìa được tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất

cả lưu, tất cả mạn. Do đây nên ta có đủ phạm hạnh thanh tịnh tịch tịnh vô thượng, được thân thường trụ. Thân đây chẳng phải đông tây nam bắc.

_Thưa Cù Đàm! Có gì thân thường trụ chẳng phải đông tây nam bắc ?

_Này Thiện Nam Tử! Nay ta hỏi ông tùy ý ông đáp.

Này Thiện Nam Tử! Như ở trước ông đốt đồng lửa lớn, đương lúc lửa cháy ông có biết là lửa cháy không?

_Tôi biết là lửa cháy.

_Lúc lửa tắt ông có biết là lửa tắt không?

_Tôi biết là lửa tắt.

_Này Phú Na! Nếu có người hỏi ông đồng lửa trước mặt ông từ đâu mà cháy ? Tắt rồi đi về đâu? Thời ông sẽ đáp thế nào ?

_ Thưa Cù Đàm! Tôi sẽ đáp rằng: Lúc lửa này có ra là nhờ các duyên. Duyên cũ đã hết, duyên mới chưa đến thời lửa này phải tắt.

_ Này Phú Na! Nếu họ lại hỏi lửa này đã tắt đi đến chỗ nào? Thời ông sẽ đáp ra sao?

_ Thưa Cù Đàm! Tôi sẽ đáp rằng: Duyên

hết nên tắt chẳng đến chỗ nào.

_ Này Thiện Nam Tử! Như Lai cũng như vậy. Sắc vô thường nhẫn đến thức vô thường do ái mà cháy lên, vì cháy lên mà phải thọ lấy thân trong hai mươi lăm cõi. Lúc cháy lên đó có thể nói là Đông, Tây, Nam, Bắc. Hiện tại ái đã diệt, quả báo hai mươi lăm cõi chẳng còn cháy, vì chẳng cháy nên không thể nói là có Đông, Tây, Nam, Bắc...

Này Thiện Nam Tử Như Lai đã dứt sắc ám vô thường nhẫn đến dứt thức ám vô thường, nên thân của Như Lai là thường trụ. Thân đã là thường chẳng nói rằng có Đông Tây Nam Bắc.

Phú Na thưa rằng xin trình bày một ví dụ, mong Thế Tôn nghe cho.

_Lành thay! Lành thay! Ông cứ tùy ý mà nói.

_Bạch Thế Tôn! Như ngoài thôn lớn có rừng Ta La, trong rừng có một cây mọc trước khi thành rừng đủ một trăm năm. Lúc đó chủ rừng lấy nước tưới cây này, theo thời tiết mà săn sóc. Cây này già, mục, vỏ, lá, nhánh đều rơi rớt chỉ còn lõi chắc.

Đức Như Lai cũng như vậy: Tất cả những gì có đã cũ hư thảy đều trừ hết, chỉ còn có tất cả pháp chân thật.

Bạch Thế Tôn! Nay tôi rất thích xuất gia tu hành.

Phật bảo: “Thiện Lai Tỳ Kheo!”

Vừa dứt tiếng, Phú Na liền biến thành tướng Tỳ Kheo, dứt hết phiền não, chứng được quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí tên Thanh Tịnh lên tiếng rằng: Thưa Cù Đàm! Do chẳng biết pháp gì mà tất cả chúng sanh thấy thế gian là thường, là vô thường, cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, hẳn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi?

_ Này Thiện Nam Tử! Vì chẳng biết sắc, hẳn đến chẳng biết thức nên thấy thế gian là thường, hẳn đến thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

_ Thưa Cù Đàm! Do chúng sanh biết pháp gì mà chẳng thấy thế gian là thường hẳn đến chẳng thấy chẳng phải, chẳng như mà đi?

_Này Thiện Nam Tử! Vì biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên chẳng thấy thế gian là thường nhĩn đến chẳng thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

_Bạch Thế Tôn! Xin vì tôi mà giải thuyết thế gian là thường cùng vô thường.

_Này Thiện nam tử! Nếu người bỏ nghiệp cũ chẳng gây tạo nghiệp mới, người này có thể biết thường cùng vô thường.

_Bạch Thế Tôn! Tôi đã hiểu biết.

_Này Thiện Nam Tử! Ông thấy biết thế nào?

_Bạch Thế Tôn! Cũ là nói vô minh cùng ái, mới là nói thủ và hữu. Nếu người xa lìa vô minh ái này mà chẳng gây tạo thủ và hữu, người này thật biết thường và vô thường.

Nay tôi đã được pháp nhĩn thanh tịnh quy y Tam Bảo. Xin đức Như Lai cho tôi xuất gia.

Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí Thanh Tịnh này xuất gia.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật, dặt Thanh Tịnh đến trong Tăng làm pháp Yết

Ma cho xuất gia. Sau đó mười lăm ngày, Tỳ Kheo Thanh Tịnh dứt hết phiền não chứng quả A La Hán.

Phạm Chí Độc Tử thưa rằng: Thưa Cù Đàm! Nay tôi muốn hỏi ngài có cho phép chăng?

Đức Như Lai nín lặng.

Thưa lần thứ hai lần thứ ba, Đức Như Lai vẫn nín lặng.

Độc Tử thưa rằng: Từ lâu tôi cùng ngài vẫn là thân hữu, ngài cùng tôi nghĩa không có khác, nay tôi muốn hỏi han, có sao ngài lại nín lặng ?

Lúc đó Đức Thế Tôn nghĩ rằng: Phạm Chí này tánh tình nho nhã thuần thiện ngay thẳng. Thường vì muốn hiểu biết mà đến thưa hỏi, chẳng phải vì não loạn. Nếu ông ấy có hỏi ta nên tùy ý đáp.

Suy nghĩ xong Phật nói rằng: Lành thay! Lành thay ! Ông cứ theo chỗ nghi mà hỏi ta sẽ giải đáp cho.

Độc Tử thưa rằng: Thế gian có pháp lành chăng?

_Này Phạm Chí! Thế gian có pháp lành.

_Thưa Cù Đàm! Thế gian có pháp chẳng lành chẳng?

_Này Phạm Chí! Thế gian có pháp chẳng lành.

_Xin Cù Đàm vì tôi mà giảng nói, cho tôi biết pháp lành và pháp chẳng lành.

_Này Thiện Nam Tử! Ta có thể phân biệt giảng rộng nghĩa đó. Nay sẽ vì ông mà nói lược.

_ Này Thiện Nam Tử! Dục gọi là pháp chẳng lành, giải thoát dục gọi là pháp lành. Sân cùng si cũng như vậy. Sát sanh là pháp chẳng lành, chẳng sát sanh là pháp lành, nhẫn đến tà kiến cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Ta đã vì ông mà nói ba thứ pháp lành cùng chẳng lành và nói mười thứ pháp lành cùng chẳng lành. Nếu hàng đệ tử của ta có thể hiểu biết ba thứ nhẫn đến mười thứ pháp lành cùng chẳng lành như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt hết tham sân, si tất cả phiền não, dứt tất cả quả báo sanh tử.

_ Thưa Cù Đàm! Trong Phật pháp có một Tỷ Kheo nào được như vậy chẳng?

_ Nay Thiện Nam Tử! Trong Phật pháp chẳng phải chỉ có một hai người nhẫn đến trăm ngàn người, mà có vô lượng Tỳ Kheo dứt được tham, sân, si tất cả phiền não, tất cả quả báo sanh tử như vậy.

_ Thưa Cù Đàm! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo Ni nào được như vậy chăng?

_ Nay Thiện Nam Tử! Trong Phật pháp đây cũng có vô lượng Tỳ Kheo Ni dứt được tham, sân, si tất cả phiền não, tất cả quả báo sanh tử.

_ Thưa Cù Đàm! Trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc nào siêng năng giữ giới dứt được lưới nghi chăng?

_ Nay Thiện Nam Tử! Trong Phật pháp của ta có vô lượng Ưu Bà tặc tinh tấn giữ giới thanh tịnh, dứt được năm phẩm kiết sử bậc hạ, được quả A Na Hàm, dứt được lưới nghi.

_ Thưa Cù Đàm! Trong Phật pháp có Ưu Bà Di nào tinh cần trì giới thanh tịnh dứt được lưới nghi chăng?

_ Nay Thiện Nam Tử! Trong Phật pháp ta có vô lượng Ưu Bà Di tinh cần trì giới

thanh tịnh dứt năm phẩm kiết sử bậc hạ, dứt được lưới nghi, chứng quả A Na Hàm.

_ Thừa Cù Đàm! Ngoài những vị trên, trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nào hưởng lạc thú ngũ dục mà tâm dứt được lưới nghi chẳng?

_ Nay Thiện Nam Tử! Trong Phật pháp ta vô lượng Ưu Bà Tắc cũng như Ưu Bà Di dứt ba phẩm kiết sử được quả Tu Đà Hoàn. Người tham, sân, si mỏng thời được quả Tu Đà Hàm.

_ Bạch Thế Tôn! Nay tôi thích nói thí dụ, xin ngài cho phép.

_ Lành thay! Ông thích nói thời cứ nói.

_ Bạch Thế Tôn! Như Long Vương Nan Đà và Bạt Nan Đà bình đẳng mưa to. Pháp dụ của Như Lai cũng như vậy, bình đẳng mưa xuống hàng Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Bạch Thế Tôn! Nếu hàng ngoại đạo muốn đến Phật pháp để xuất gia, chẳng rõ đức Như Lai thử họ trong mấy tháng?

_ Nay Thiện Nam Tử! Thử họ trong bốn tháng, nhưng bắt tất hết thấy đều một hạng.

_ Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng đều một hạng,

xin đức Đại Từ cho tôi xuất gia.

Đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như cho Độc Tử xuất gia thọ giới.

Sau đó mười lăm ngày, Độc Tử được quả Tu Đà Hoàn.

Độc Tử nghĩ rằng nếu người có trí huệ do nơi học mà được, nay tôi đã được có thể đến ra mắt Phật.

Liền đến lễ Phật bạch rằng: Thế Tôn! Những người có trí huệ từ nơi học mà được, nay tôi đã được. Xin đức Thế Tôn vì tôi mà giảng thuyết cho tôi được trí huệ vô học.

_Này Thiện nam Tử! Ông nên tinh tấn tu tập hai pháp: Chỉ và quán. Nếu có Tỳ Kheo muốn được quả Tu Đà Hoàn cũng phải siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu muốn được Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo muốn được tứ thiên, tứ vô lượng tâm, lục thần thông, bát bội xả, bát thắng xứ, vô tránh trí, danh trí, tất cánh trí, tứ vô ngại trí, kim cang tam muội, tận trí, vô sanh trí, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Nếu muốn được bậc Thập Trụ, vô sanh pháp nhẫn, vô tướng pháp nhẫn, bất khả tư nghì pháp nhẫn, thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh, Bồ Tát hạnh, hư không tam muội, trí ấn tam muội, không vô tướng vô tác tam muội, địa tam muội, bất thối tam muội, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, Kim Cang tam muội, vô thượng Bồ Đề Phật hạnh, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe xong lễ Phật lui ra, ở trong rừng Ta La tu tập hai pháp chỉ quán, chẳng bao lâu được quả A La Hán.

Lúc đó lại có vô lượng Tỳ Kheo muốn đến chỗ Phật. Độc Tử hỏi rằng: Chư Đại Đức muốn đến đâu?

Các Tỳ Kheo nói: Chúng tôi muốn đến Phật.

Độc Tử lại nói: Nếu chư Đại Đức đến chỗ Phật xin vì tôi bạch cùng Phật rằng Độc Tử Tỳ Kheo đã tu tập hai pháp chỉ quán được trí vô học, nay báo ơn Phật mà nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo đem lời này đến bạch cùng Phật. Phật bảo các Tỳ Kheo: Này các Thiện

Nam Tử! Độc Tử đã được quả A La Hán, các ông nên đến cúng dường thân thể của Độc Tử.

Các Tỳ Kheo tuân lời Phật trở về cúng dường thi hài của Độc Tử.

Nạp Y Phạm Chí lại lên tiếng hỏi Phật: Thưa Cù Đàm! Như lời Cù Đàm nói trong vô lượng đời làm điều lành điều chẳng lành, đời vị lai trở lại được thân lành thân chẳng lành. Theo ý tôi, lời trên đây không đúng.

Vì như Cù Đàm từng nói nhân phiền não mà cảm lấy thân này. Đã nhân nơi phiền não mà có thân, thời thân có trước hay phiền não có trước? Nếu phiền não có trước thời ai làm và ở chỗ nào? Nếu thân có trước thời sao lại nói nhân phiền não mà có thân? Do đây nên nếu nói phiền não ở trước hay thân ở trước đều không được. Nếu nói đồng một thời cũng chẳng được. Thế là hoặc trước, hoặc sau, hoặc đồng một thời, đều chẳng được. Do đây nên tôi nói tất cả pháp đều có tự tánh chẳng phải từ nơi nhân duyên.

Thưa Cù Đàm! Lại cúng là tánh của địa

đại, ướt là tánh của thủy đại, nóng là tánh của hỏa đại, động là tánh của phong đại, không chướng ngại là tánh của hư không, tánh của năm đại này chẳng phải từ nhân duyên mà có. Nếu trong thế gian có tánh của một pháp chẳng phải từ nhân duyên mà có, thời tánh của tất cả pháp cũng phải như vậy. Nếu có một pháp từ nơi nhân duyên, có gì tánh của ngũ đại lại chẳng từ nơi nhân duyên?

Thưa Cù Đàm! Chúng sanh mà có thân lành, thân chẳng lành, hoặc được giải thoát đều là tự tánh cả, chẳng phải từ nơi nhân duyên. Nên tôi nói rằng tất cả các pháp do tự tánh mà có, chẳng phải là nhân duyên sanh.

Thưa Cù Đàm! Pháp thế gian có chỗ dùng nhưt định, như người thợ nói cây này có thể làm xe cộ, cây này có thể làm cửa, làm ván, làm giường, làm ghé. Lại như thợ kim hoàn làm ra những đồ trang sức: Đội trên trán thời gọi là tràng, đeo dưới cổ thời gọi là chuỗi, đeo trên tay thời gọi là xuyên, đeo nơi ngón tay thời gọi là nhẫn. Vì chỗ dùng

nhứt định nên gọi là định tánh. Do đây biết rằng tất cả chúng sanh cũng như vậy: Vì có tánh ngũ đạo nên có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên. Nếu đã như vậy sao lại nói rằng từ nơi nhân duyên.

Thưa Cù Đàm! Lại tất cả chúng sanh tánh của họ đều khác, nên gọi là tất cả tự tánh. Như con rùa sanh trên đất cao mà nó tự có thể lặn xuống nước, bò con lúc sanh ra nó tự có thể uống sữa, cá thấy môi tự nhiên nuốt ăn, rắn độc lúc sanh ra tự nhiên ăn đất, những việc như vậy có ai dạy bảo? Như gai sanh ra tự nhiên đầu nhọn, lông cánh của loài chim bay tự nhiên có màu sắc riêng khác. Chúng sanh trong thế gian cũng như vậy: Có khôn lanh, có đần độn, có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu, có người được giải thoát, có kẻ chẳng được. Do đây nên biết trong tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

Thưa Cù Đàm! Lại như ngài từng nói tham, sân, si từ nơi nhân duyên mà sanh, ba món độc này do nơi năm trần làm duyên. Theo ý tôi lời trên đây không đúng.

Vì chúng sanh lúc ngu xa lìa năm trần

mà cũng vẫn sanh tham, sân, si. Lúc ở trong thai cũng vậy. Lúc mới ra khỏi thai chưa phân biệt được năm trần là tốt hay xấu mà cũng sanh lòng tham, sân, si. Các vị Tiên Nhân ở nơi chỗ vắng vẻ. Không có ngũ trần mà cũng sanh tham, sân, si. Lại cũng có người nhân nơi năm trần mà sanh vô tham, vô sân, vô si. Do đây nên bắt tất từ nơi nhân duyên sanh ra tất cả pháp, vì tự tánh nó sẵn như vậy.

Thưa Cù Đàm! Tôi lại thấy trong đời có người căn thân chẳng đầy đủ mà giàu có thế lực lớn, có người thân thể hoàn bị mà nghèo cùng hèn hạ làm tôi làm tớ. Nếu có nhân duyên có sao lại như vậy? Do đây nên các pháp đều riêng có tự tánh chẳng phải do nhân duyên.

Thưa Cù Đàm! Trong đời những trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần, chúng nó hoặc cười hoặc khóc. Lúc cười biết nó mừng, lúc khóc biết nó buồn. Do đây nên biết tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

_Thưa Cù Đàm! Thế pháp có hai: Có và không. Có là hư không, không là sừng thỏ.

Hư không vì là có nên chẳng từ nơi nhân duyên, sùng thỏ vì là không nên cũng chẳng từ nơi nhân duyên. Do đây nên biết các pháp có tự tánh chẳng từ nơi nhân duyên.

Phật nói: Này Thiện Nam Tử! Như lời ông nói tất cả pháp cũng như tánh của năm đại. Nghĩa này không đúng.

Vì như trong pháp của ông cho năm đại là thường, duyên có gì mà tất cả pháp đều chẳng phải là thường? Nếu sự vật trong đời là vô thường, tánh của năm đại này duyên có gì chẳng phải vô thường. Nếu năm đại là thường thì lẽ ra sự vật trong đời cũng là thường. Do đây nên ông nói tánh của năm đại vì có tự tánh chẳng từ nơi nhân duyên, khiến tất cả pháp đồng như năm đại, thời không đúng nghĩa.

Này Thiện Nam Tử! Ông nói vì chỗ dùng nhưt định nên có tự tánh, nghĩa này không đúng. Vì tất cả đồ dùng đều từ nơi nhân duyên mà được có danh tự, nếu đã từ nhân duyên có danh tự thì cũng từ nhân duyên mà có nghĩa.

Thế nào gọi là từ nhân duyên mà có danh tự? Như đồ trang sức ở trên trán thời tên là tràng, ở dưới cổ thời tên là chuỗi, ở nơi tay thời gọi là xuyên, và như ở nơi xe thời tên là bánh xe, lửa ở nơi cỏ cây thời tên là lửa cỏ lửa cây.

Này Thiện Nam Tử! Cây gỗ lúc mới sanh không có tánh mũi tên và cây lao. Vì từ nơi nhân duyên thợ đẽo làm mũi tên, vì từ nơi nhân duyên thợ đẽo làm cây lao. Do đây chẳng nên nói rằng tất cả pháp là có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử! Ông nói như con rùa sanh trên đất mà tánh tự nó có thể lặn xuống nước, bò con mới sanh ra tánh nó có thể uống sữa, lời này không đúng. Vì nó chẳng phải nhân duyên mà rùa tự xuống nước, sao rùa lại chẳng vào lửa? Đây là vì điều chẳng phải nhân duyên. Bò con lúc sanh ra chẳng từ nơi nhân duyên mà tánh nó tự có thể mút vú, sao bò con chẳng tự mút sừng? Đây là điều chẳng phải nhân duyên cả.

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói các pháp

đều có tự tánh, chẳng cần dạy bảo tập làm, không có thêm lên, lời này không đúng nghĩa. Vì hiện nay thấy có sự dạy bảo, nhân nơi dạy bảo mà được thêm lên. Do đây nên biết rằng không có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu tất cả pháp có tự tánh riêng, thời hàng Bà La Môn chẳng nên vì được thân thanh tịnh mà giết dê để cúng tế, nếu đã vì thân mà cúng tế thời nên biết rằng không có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử! Ngũ pháp của thế gian đại phạm có ba thứ: Muốn làm, lúc làm, làm rồi. Nếu tất cả pháp đều có tự tánh có sao thế gian lại có ba ngũ pháp này? Đã có ba ngũ pháp này nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói các pháp đều có tự tánh, nên biết các pháp đều có định tánh. Nếu có định tánh thời một thứ mía duyên có gì làm ra mật mía, đường, rượu, rượu đắng. Nếu chỉ có một tự tánh duyên có gì lại sanh ra nhiều vị như vậy?

Nếu trong một thứ mà sanh ra nhiều thứ thời nên biết rằng các pháp chẳng phải

là nhứt định riêng có một tự tánh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu tất cả pháp có tánh nhứt định, có gì thánh nhân uống nước mía, ăn đường, lúc thành rượu thời chẳng uống, lúc thành rượu đắng lại uống? Do đây nên biết không có tánh nhứt định. Nếu đã không tánh nhứt định tại sao lại chẳng phải từ nhân duyên mà có?

Này Thiện Nam Tử! Ông nói tất cả pháp đều có tự tánh, tại sao ông lại nói thí dụ? Nếu đã có thí dụ thời nên biết rằng các pháp không có tự tánh. Người trí trong đời đều nói thí dụ, nên biết rằng các pháp không có tự tánh không có tánh nhứt định.

Này Thiện Nam Tử! Ông gạn hỏi thân có trước hay phiền não có trước, lời hỏi này không đúng. Vì nếu ta nói thân có trước, ông mới nên vấn nạn. Ông cũng đồng như ta cho thân chẳng có trước có gì lại vấn nạn như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Tất cả chúng sanh, thân cùng phiền não đều không có trước sau, là đồng một thời mà có. Dầu đồng một thời nhưng phải nhân nơi phiền não mà

được có thân, trọn chẳng nhân nơi thân mà có phiền não.

Nếu trong ý ông cho rằng như đôi mắt của người đồng thời mà có, mắt tả chẳng nhân hữu, mắt hữu chẳng nhân mắt tả, phiền não và thân cũng như vậy. Ý nghĩ này chẳng đúng. Vì trong đời con mắt ngó thấy ngọn đèn cùng ánh sáng dầu là đồng một thời, nhưng ánh sáng cần phải nhân nơi ngọn đèn, chẳng phải nhân nơi ánh sáng mà có ngọn đèn.

Này Thiện nam Tử! Nếu ý ông cho rằng vì thân chẳng có trước nên biết là không nhân duyên ý này chẳng đúng. Vì nếu cho rằng trước thân không có nhân duyên nên gọi là không, thì ông chẳng nên nói tất cả các pháp không có nhân duyên. Nếu nói vì chẳng thấy nên chẳng nói, nay thấy cái bình v.v... từ nơi nhân duyên mà có, có sao chẳng nói như cái bình, nhân duyên ở trước thân cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Thấy cùng chẳng thấy, tất cả các pháp có ra đều từ nơi nhân duyên, không có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói tất cả pháp đều có tự tánh không do nhân duyên, có gì ông lại nói năm đại? Tánh của năm đại này chính là nhân duyên. Dầu năm đại là nhân duyên như vậy, cũng chẳng nên nói rằng các pháp đều đồng năm đại làm nhân duyên. Như người đời nói tất cả người xuất gia tinh tấn trì giới, bọn Chiên Đà La cũng phải tinh tấn trì giới như vậy.

Này Thiện Nam Tử! Ông nói năm đại có tánh chắc nhứt định. Theo ta thấy thời tánh này chuyển biến chẳng nhứt định. Tô, bạch lạp, hồ giao, những thứ này trong pháp của ông gọi là địa, địa này chẳng nhứt định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất, nên chẳng được nói rằng tự tánh cứng chắc.

Này thiện nam tử! Nhôm, chì, kẽm, đồng, sắt, vàng, bạc, những thứ này trong pháp của ông gọi là hỏa. Hỏa này có bốn tánh: Lúc chảy là tánh nước, lúc động là tánh gió, lúc nóng là tánh lửa, lúc cứng là tánh đất, sao lại nói rằng nhứt định gọi là hỏa tánh.

Này Thiện Nam Tử! Tánh của nước gọi là chảy, nếu lúc nước đông cứng chẳng gọi là

địa mà gọi là hỏa tánh, có gì lúc sóng động chẳng gọi là phong? Nếu nổi sóng chẳng gọi là phong, thời lúc đông đặc cũng chẳng nên gọi là hỏa. Nếu bốn tánh này từ nơi nhân duyên, có sao nói rằng tất cả pháp chẳng từ nơi nhân duyên?

Này Thiện Nam Tử! Nếu nói rằng năm căn, vì tánh nó hay thấy, nghe, giác, xúc, nên đều là có tự tánh chẳng từ nơi nhân duyên. Lời này không đúng nghĩa. Vì tánh của tự tánh là không thể chuyển đổi. Nếu nói tánh của nhãn căn là thấy, lẽ ra phải thường thấy, chẳng nên có lúc thấy có lúc chẳng thấy. Do đây nên biết rằng nhãn căn thấy là có nhân duyên, chẳng phải không nhân duyên.

Này Thiện Nam Tử! Ông nói chẳng phải nhân nơi trần mà có tham cùng giải thoát, lời này không đúng nghĩa. Vì dầu chẳng phải do nơi năm trần mà có tham cùng giải thoát, nhưng vì ác giác quán thời sanh tham dục, vì thiện giác quán thời được giải thoát. Do nội nhân duyên mà có tham cùng giải thoát, do ngoại nhân duyên mà hai

món này được tặng thưởng. Do đây nên lời ông nói tất cả pháp đều riêng có tự tánh, chẳng nhân nơi năm trần sanh tham và giải thoát, là không đúng nghĩa.

Này Thiện Nam Tử! Ông nói người thân thể đầy đủ lại nghèo thiếu chẳng tự do, người tàn tật thời giàu có tự do, nhân đây chứng minh là có tự tánh, chẳng từ nơi nhân duyên. Lời này chẳng đúng.

Này Thiện Nam Tử! Chúng sanh do nơi nghiệp mà có quả báo. Quả báo này có ba: Hiện báo, sanh báo và hậu báo. Những người nghèo cùng giàu có, lành lặn hay tàn tật, đều do nghiệp riêng khác. Nếu là có tự tánh, người lành lặn lẽ ra phải giàu có, người giàu có lẽ ra phải lành lặn. Nay chẳng như vậy, nên biết rằng không có tự tánh, mà đều từ nơi nhân duyên.

Này Thiện Nam Tử! Ông nói trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần mà cũng khóc cũng cười, để chứng minh tất cả đều có tự tánh. Lời này chẳng đúng. Vì nếu có tự tánh lẽ ra cười phải thường cười, khóc phải thường khóc, chẳng nên một cười một khóc.

Nếu đã một cười một khóc, thời biết rằng tất cả đều từ nhân duyên. Do đây chẳng nên nói rằng tất cả pháp đều có tự tánh chẳng từ nơi nhân duyên.

Phạm Chí nói: Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp từ nhân duyên mà có, thân thể này từ nhân duyên nào?

_ Nay Thiện Nam Tử! Phiền não cùng nghiệp là nhân duyên của thân này.

_ Bạch Thế Tôn! Như thân này từ nơi phiền não và nghiệp mà có, vậy phiền não và nghiệp này có thể dứt được chăng?

_ Có thể dứt được.

_ Bạch Thế Tôn! Xin vì tôi giải nói, cho tôi được nghe liền đây đều dứt được phiền não và nghiệp.

_ Nay Thiện nam Tử! Nếu rõ biết hai bên và chặng giữa không chướng ngại, thời người này có thể dứt phiền não và nghiệp.

_ Bạch Thế Tôn! Tôi đã hiểu biết, đã được chánh pháp nhãn.

Ông biết thế nào?

_ Bạch Thế Tôn! Hai bên là sắc và sắc giải thoát, trung gian chính là bát chánh

đạo. Thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

_ Lành thay! Lành thay! Nay Thiện Nam Tử! Ông biết rõ hai bên phiền não và nghiệp.

_ Bạch Thế Tôn! Xin cho tôi xuất gia.

_ Thiện Lai Tỳ Kheo!

Liền đó Nạp Y Phạm Chí dứt trừ phiền não trong ba cõi được quả A La Hán.

Lại có Bà La Môn Hoằng Quảng nói rằng: Cù Đàm biết tâm niệm hiện tại của tôi chăng?

Phật nói: Nay Thiện Nam Tử! Niết Bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay là thánh đạo.

_ Có gì Cù Đàm nói như vậy?

_ Nay Thiện Nam Tử! Ý của ông thường cho rằng khát thực là thường, biệt thỉnh là vô thường, cong là cửa khóa, ngay là tròng của Thiên Đế. Do đây nên ta nói những lời vừa rồi, chẳng phải như chỗ suy nghĩ của ông.

_ Cù Đàm thiết biết được tâm niệm của tôi. Bát chánh đạo đó có thể làm cho chúng sanh, tất cả đều được tận diệt chăng?

Đức Thế Tôn nín lặng.

_Cù Đàm đã biết tâm niệm của tôi, nay tôi hỏi sao lại nín lặng mà chẳng đáp?

Lúc đó Kiều Trần Như liền nói: Nay Đại Bà La Môn! Nếu có người hỏi thế gian là hữu biên hay vô biên, thời Đức Như Lai thường nín lặng.

_Này Đại Bà La Môn! Bát thánh đạo là ngay, Niết Bàn là thường, nếu tu bát thánh đạo thời được diệt tận, nếu chẳng tu tập thời chẳng được.

Như thành lớn kia bốn vách chỉ có một cửa, người giữ cửa rất thông minh kẻ đáng cho đi thời cho, kẻ đáng ngăn thời ngăn lại, người này dầu chẳng biết được số người ra vào nhiều ít nhưng chắc chắn biết rằng tất cả người ra vào đều phải do người này.

Này Đại Bà La Môn! Đức Như Lai cũng như vậy. Thành lớn dụ cho Niết Bàn, cửa dụ bát chánh đạo, người giữ cửa dụ Đức Như Lai.

Nay Đức Như Lai dầu chẳng trả lời là diệt tận cùng chẳng diệt tận, nhưng người được diệt tận, cần phải tu tập bát chánh đạo này.

Lành thay! Lành thay! Đại Đức Kiều Trần Như! Đức Như Lai khéo nói pháp vi diệu. Nay tôi thật muốn biết thành lớn, biết đạo, tự mình làm người giữ cửa.

Kiều Trần Như nói: Lành thay! Lành thay! Ông có thể phát tâm vô thượng rộng lớn.

Phật nói: Này Kiều Trần Như! Ông Bà La Môn Hoằng Quảng này chẳng phải mới phát tâm vô thượng. Thuở quá khứ cách đây vô lượng kiếp có Phật ra đời hiệu là Phổ Quang Minh đầy đủ mười hiệu, ông Hoằng Quảng này ở chỗ Đức Phật đó đã phát tâm vô thượng Bồ Đề. Trong Hiền Kiếp này Hoằng Quảng sẽ được thành Phật. Ông ấy từ đâu đã thông đạt pháp tướng, vì chúng sanh mà hiện ở ngoại đạo. Do đây nên Kiều Trần Như chẳng nên khen ông ấy là hiện nay có thể phát tâm vô thượng.

Lúc đó đức Thế Tôn đã biết mà hỏi Kiều Trần Như rằng: A Nan Tỳ Kheo nay ở đâu?

Kiều Trần Như thưa: Bạch Thế Tôn! A Nan Tỳ Kheo ở ngoài rừng Ta La, cách đại hội này mười hai do tuần, đương bị sáu

muôn bốn ngàn ức thiên ma nhiều loạn. Chúng thiên ma này đều tự biến thân làm hình Như Lai mà tuyên nói những pháp khác nhau, hoặc lại thị hiện thân thông biến hóa.

Bạch Thế Tôn! A Nan Tỳ Kheo nghe và thấy những việc này nghĩ rằng những thân thông biến hóa từ trước chưa từng thấy. Ai làm ra? Hoặc giả Đức Thích Ca Thế Tôn hiện ra chăng? A Nan muốn đứng dậy muốn nói, mà thân thể không theo ý muốn. A Nan lọt vào trong rọ của ma, tự nghĩ rằng: Chư Phật nói pháp riêng khác chẳng đồng, nay tôi nên lãnh thọ lời của Đức Phật nào?

Bạch Thế Tôn! Hiện nay A Nan rất khổ sở, dầu nghĩ nhớ Đức Như Lai mà không ai cứu thoát, do đó nên chẳng đến trong đại chúng này.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Trong đại chúng này có hàng Bồ Tát đã từ một đời đến vô lượng đời phát tâm Bồ Đề, đã cúng dường vô lượng chư Phật, tâm chí bền chắc tu hành đầy đủ

sáu môn Ba La Mật, trọn nên công đức lớn, từ lâu đã gần gũi vô lượng chư Phật, phạm hạnh thanh tịnh, tâm Bồ Đề chẳng thối chuyển, được nhẫn bất thối, trì bất thối, được như pháp nhẫn, Thủ Lăng Nghiêm v.v... vô lượng Tam Muội.

Hàng Bồ Tát này nghe kinh Đại Thừa trọn chẳng sanh nghi mà có thể khéo phân biệt, tuyên nói Tam Bảo đồng một tánh tướng thường trụ bất biến. Nghe pháp bất tư nghi chẳng kinh sợ, nghe các pháp không lòng chẳng rung động, thông đạt rành rẽ tất cả pháp tánh, thọ trì được tất cả mười hai bộ kinh và hiểu rõ ý nghĩa, cũng có thể thọ trì mười hai bộ kinh của vô lượng chư Phật.

Hàng Bồ Tát này lo gì chẳng thọ trì được kinh Đại Niết Bàn này, có gì Đức Như Lai lại hỏi Kiều Trần Như A Nan ở đâu?

Đức Thế Tôn bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: Lóng nghe! Lóng nghe! Này Thiện Nam Tử! Ngày trước ta thành Phật đã trải qua ba mươi năm, lúc ở thành Vương Xá, ta có bảo các Tỳ Kheo rằng nay trong đại chúng này

ai có thể vì ta mà thọ trì mười hai bộ kinh, và cung cấp hầu hạ cho ta, cũng khiến nơi mình chẳng mát lợi lành. Lúc đó Kiều Trần Như đến bạch với ta để lãnh. Ta bảo Kiều Trần Như đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ ta. Lúc đó Xá Lợi Phất cũng đến lãnh, ta cũng bảo Xá Lợi Phất như đã bảo Kiều Trần Như. Lần lượt đến năm trăm vị A La Hán, ta đều chẳng nhận làm thị giả.

Lúc đó Đại Mục Kiền Liên liền nhập chánh định quán sát biết ý của Phật muốn A Nan làm thị giả liền xuất định nói với Kiều Trần Như.

Lúc đó Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đến nói với A Nan rằng: Này A Nan! Nay ông nên làm thị giả cho Đức Như Lai, nên đến thưa với Đức Như Lai để nhận lấy việc ấy.

A Nan nói: Thưa chư Đại Đức! Thật tôi chẳng kham hầu hạ Như Lai. Vì Đức Như Lai tôn trọng như Sư Tử Vương, như rồng, như lửa, tôi thời yếu đuối như nhóp dâu có thể kham được.

Các A La Hán khuyên bảo A Nan đến lần thứ ba, A Nan vẫn từ chối.

Đại Mục Kiền Liên nói rằng: Này A Nan, nay ông chưa rõ biết duyên cớ.

An Nan thưa: Bạch Đại Đức xin nói cho.

Đại Mục Kiền Liên nói: Vừa rồi, đức Như Lai cầu thị giả, năm trăm A La Hán đều xin lãnh mà Đức Như Lai chẳng bằng lòng. Tôi nhập định thấy ý của Như Lai muốn cho ông làm. Sao ông trở lại chẳng chịu.

A Nan nghe xong liền quỳ chấp tay thưa rằng: Bạch Chư Đại Đức! Nếu có việc như vậy, Đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện, tôi sẽ tuân mạng lệnh chư Tăng mà làm thị giả.

Một là giả sử Đức Như Lai đem y cũ ban cho tôi, xin cho phép tôi chẳng nhận. Hai là giả sử Đức Như Lai thọ biệt thỉnh của đàn việt, xin cho phép tôi chẳng đi theo. Ba là xin cho phép tôi ra vào không luận là giờ khắc nào.

Nếu Đức Thế Tôn bằng lòng ba điều nguyện này, thời tôi xin tuân mạng lệnh chư Tăng mà làm thị giả cho Như Lai.

Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đem việc trên mà bạch lại với Phật.

Đức Phật Thế Tôn khen ngợi A Nan rằng: Lành thay! Lành thay! A Nan Tỳ Kheo có đủ trí huệ dự thấy mà tránh trước sự cơ hiểm. Vì sẽ có người cho rằng vì y thực mà A Nan hầu hạ Đức Như Lai, nên A Nan xin phép chẳng lãnh y cũ và chẳng theo Phật thọ biệt thỉnh. Lại A Nan có đủ trí huệ, biết rằng nếu ra vào có giờ thời không thể làm lợi ích rộng cho bốn bộ chúng, nên A Nan xin phép ra vào không luận giờ nào.

Ta bằng lòng cho phép A Nan ba điều như A Nan đã xin.

Đại Mục Kiền Liên trở lại bảo A Nan rằng: Chúng tôi đã đem lời ông yêu cầu bạch lên Đức Như Lai. Đấng Đại Từ đã bằng lòng.

A Nan thưa: Bạch Đại Đức! Nếu Như Lai đã bằng lòng, tôi xin qua làm thị giả.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Hơn hai mươi năm nay, A Nan hầu hạ ta có đủ tám điều chẳng thể nghĩ bàn:

Một là hơn hai mươi năm, A Nan không bao giờ theo ta thọ biệt thỉnh. Hai là không

bao giờ lãnh lấy y cũ của ta. Ba là không bao giờ đến ta mà phi thời. Bốn là dầu còn đủ phiền não nhưng khi theo ta vào cung vua, đến nhà sang giàu, thấy các người nữ, thiên nữ, long nữ, A Nan không bao giờ có dục tâm. Năm là mười hai bộ kinh của ta nói ra, nghe qua một lần A Nan đều nhớ rõ chẳng cần hỏi lại, như nước trong bình này rót qua bình kia, chỉ trừ một lần hỏi: Thuở Lưu Ly Thái Tử giết hại họ Thích Ca, phá thành Ca Tỳ La, A Nan buồn khổ khóc lóc đến bạch với ta rằng tôi cùng Như Lai đồng sanh trưởng trong thành này, đồng một họ Thích, tại sao dung nhan của Như Lai như thường, mà tôi thời tiêu tụy. Ta đáp A Nan rằng vì ta tu không định nên chẳng đồng như ông.

Ba năm sau, A Nan trở lại hỏi ta rằng: Bạch Thế Tôn! Tôi qua thành Ca Tỳ La kia từng nghe Đức Như Lai tu không Tam Muội, việc đó là hư hay thật? Ta bảo A Nan đúng như vậy. Sáu là từ khi hầu hạ ta đến nay, dầu chưa được tha tâm trí, mà A Nan thường biết những chánh định của Như Lai

nhập. Bảy là từ khi hầu ta đến nay, dầu chưa được nguyện trí, mà A Nan có thể biết rõ người này đến chỗ Như Lai hiện tại có thể được bốn quả Sa Môn, người này ngày sau sẽ được, người này sẽ được thân Trời hay thân người. Tám là từ khi hầu ta đến nay, những lời bí mật của Như Lai, A Nan đều biết được cả.

Này Văn Thù Sư Lợi! A Nan Tỳ Kheo có đủ tám điều bát tư nghi như vậy nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Này Văn Thù Sư Lợi! A Nan lại có đủ tám pháp nên có thể thọ trì hoàn toàn mười hai bộ kinh: Một là tín căn kiên cố, hai là tâm ý chất trực, ba là thân không bệnh, bốn là thường tinh tấn, năm là có đủ niệm tâm, sáu là không kiêu mạn, bảy là thành tựu định ý, tám là có đủ trí huệ do nghe pháp mà sanh.

Này Văn Thù Sư Lợi! Thị giả của Phật Tỳ Bà Thi tên là A Thúc Ca cũng có đủ tám pháp như vậy. Thị giả của Phật Thi Khí tên là Sai Ma Ca La, thị giả của Phật Tỳ Xá Phù tên là Ưu Ba Phiến Đà, thị giả của

Phật Câu Lưu Tôn tên là Bạt Đề, thị giả của Phật Câu Na Hàm Mâu Ni tên là Tô Đàn. Thị giả của Phật Ca Diếp tên là Diệp Đà Mật Đa, đều cũng có đủ tám pháp như vậy. Nay A Nan thị giả của ta cũng có đủ tám pháp ấy, nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Này Văn Thù Sư Lợi! Trong đại chúng này dầu có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhưng các Bồ Tát này đều có trọng nhiệm là đại từ đại bi, đều có công vụ gấp rút: Điều phục quyền thuộc và trang nghiêm tự thân. Do đây nên sau khi ta nhập Niết Bàn, những vị này không thể tuyên thông mười hai bộ kinh. Nếu có Bồ Tát hoặc có lúc tuyên thuyết mà người chẳng tin thọ.

Này Văn Thù Sư Lợi! A Nan Tỳ Kheo là em của ta, hầu hạ ta hơn hai mươi năm, những pháp được nghe đều thọ trì đầy đủ như nước rót vào một cái bình. Nên nay ta cố hỏi A Nan ở đâu, muốn khiến A Nan thọ trì kinh Đại Niết Bàn này.

Này Văn Thù Sư Lợi! Sau khi ta nhập Niết Bàn, những pháp mà A Nan được nghe, ông ấy tự có thể tuyên thông, những

pháp A nan chưa được nghe thời Hoảng Quảng Bồ Tát có thể lưu bố.

Này Văn Thù Sư Lợi! Nay A Nan ở cách ngoài đại hội này mười hai do tuần, đương bị sáu muôn bốn ngàn ức thiên ma nã loạn, ông nên qua đó nói lớn rằng: Tất cả loài ma nên lắng nghe! Nay Đức Như Lai nói Đại Đà La Ni, tất cả thiên long bát bộ cùng chư vị thần kỳ đều cung kính thọ trì Đà La Ni này. Mười hằng hà sa chư Phật cũng đồng tuyên nói Đà La Ni này. Đà La Ni này có thể chuyển thân nữ, tự biết túc mạng. Nếu thọ trì năm điều: Phạm hạnh, đoạn nhục, đoạn tửu, đoạn tâm, thích ở vắng lặng, rời chí tâm, tín thọ, đọc tụng, biên chép Đà La Ni này, người này sẽ được vượt khỏi bảy mươi bảy ức thân tệ ác.

Liên đó đức Thế Tôn nói thần chú:

A Ma Lê, Tỳ Ma Lê, Niết Ma Lê, Mông Già Lê, Hê Ma La Nhã Kiệt Bệ, Tam Mạn Na Bạt Đề Lê, Ta Bà La Đà Ta Đàn Ni, Ba La Ma Tha Ta Đàn Ni, Ma Na Tư, A Chuyết Đề, Tỳ La Kỳ, Am Ma Lại, Đàn Bà Táp Ma, Tá Lệ Phú La Nê, Phú La Na, Ma

Nô Lại Đệ.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi lãnh Đà La Ni này đến chỗ A Nan y theo lời Phật to tiếng bảo chúng ma.

Ma Vương nghe Đà La Ni này rồi liền phát tâm vô thượng Bồ Đề, bỏ nghiệp ma và thả A Nan.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng A Nan đồng đến chỗ Phật, A Nan thấy Phật chí tâm kính lễ.

Phật bảo A Nan, ngoài rừng Ta La này có một Phạm Chí tên Tu Bạt Đà La đã một trăm hai mươi tuổi, ông ấy dầu được ngũ thông mà chưa bỏ kiêu mạn, được phi phi tướng định cho là nhứt thiết trí đã được Niết Bàn. Ông nên đến nói với Tu Bạt Đà La rằng: Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu Đàm. Giữa đêm nay đức Như Lai sẽ nhập Niết Bàn. Nếu có chỗ phải làm nên làm kịp thời, chớ để ngày sau sanh lòng hối hận.

Ông nói, Tu Bạt Đà La chắc sẽ tin thọ. Vì ông thưở quá khứ đã từng năm trăm đời làm con trai của Tu Bạt Đà La. Lòng yêu thương của ông ấy vẫn còn, nên có thể tin

thọ lời của ông.

A Nan tuân lời Phật đến nói với Tu Bạt Đà La. Tu Bạt Đà La bảo rằng: Lành thay! Thưa ngài A Nan! Nay tôi sẽ đến chỗ Như Lai.

A Nan cùng Tu Bạt Đà La trở về ra mắt Phật. Thăm hỏi xong, Tu Bạt Đà La nói: Thưa Cù Đàm! Nay tôi muốn hỏi xin ngài đáp cho.

Phật liền hứa khả.

Tu Bạt Đà La nói: Thưa Cù Đàm! Có các nhà Sa Môn, Bà La Môn nói rằng tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều theo nơi nghiệp đã tạo ra ngày trước. Do đây nếu có người trì giới tinh tấn, thân tâm chịu khổ thời phá hoại được nghiệp đời trước. Nghiệp cũ đã hết thời quả khổ cũng dứt hết, khổ đã dứt thời chứng được Niết Bàn. Nghĩa trên đây là thế nào?

_ Nay Thiện Nam Tử! Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn nói như vậy, ta sẽ vì xót thương mà thường đến chỗ người ấy để hỏi rằng: Quả thật ngài có nói như vậy chăng? Nếu họ đáp là có và họ bảo rằng vì họ thấy

chúng sanh làm điều ác mà giàu sang tự tại, lại thấy người làm lành mà nghèo hèn mất tự do, lại thấy có người ra công ra sức nhiều mà không có của, thấy kẻ ở không tự nhiên có của, có người từ tâm chẳng sát sanh mà chết yểu, có kẻ ưa sát sanh lại sống lâu, có người tinh tấn trì giới phạm hạnh thanh tịnh hoặc được giải thoát hoặc chẳng được, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều do nghiệp nhân ngày trước.

Này Tu Bạt Đà La! Ta sẽ hỏi họ các ngài có thiệt thấy nghiệp quá khứ chẳng? Nếu có, nghiệp ấy nhiều hay ít? Khổ hạnh hiện tại phá được nhiều ít? Các ngài biết được nghiệp này đã hết hay chẳng hết chẳng? Nghiệp này đã hết là hết tất cả chẳng? _Nếu họ đáp là họ thiệt chẳng biết, thời ta sẽ vì họ mà dẫn ví dụ: Như có người thân bị tên độc, gia quyến rước y sĩ đến để nhổ mũi tên độc, lấy độc xong người đó được lành mạnh. Sau đó mười năm, người này còn nhớ rõ rằng: Y sĩ đó nhổ tên độc cho tôi rồi dùng thuốc thoa đắp khiến tôi được lành mạnh

an vui.

Các ngài đã chẳng biết nghiệp nhân quá khứ làm sao biết được khổ hạnh hiện tại quyết định phá được nghiệp quá khứ?

Nếu họ nói rằng: Nay Cù Đàm cũng có nghiệp quá khứ, có sao lại riêng trách nghiệp quá khứ của chúng tôi? Trong kinh của Cù Đàm cũng nói rằng: Nếu thấy người giàu sang tự tại, thời nên biết người này đời trước ưa bố thí. Như vậy chẳng phải gọi là nghiệp quá khứ ư?

Ta bảo họ rằng: Nay các ngài! Biết như vậy gọi là tỉ tri, chẳng gọi là chơn tri. Trong Phật pháp hoặc có do nhân mà biết quả, hoặc có do quả mà biết nhân. Trong Phật pháp có nghiệp quá khứ có nghiệp hiện tại. Các ngài thời chẳng như vậy, chỉ có nghiệp quá khứ mà không biết nghiệp hiện tại.

Phật pháp của ta do nơi phương tiện mà dứt nghiệp, giáo pháp của các ngài thời chẳng từ nơi phương tiện mà dứt nghiệp.

Giáo pháp của các ngài cho rằng nghiệp đã hết thời khổ hết, Phật pháp của ta thời phiền não đã hết nghiệp và khổ cũng hết.

Do đây nên ta trách nghiệp quá khứ của các ngài.

Nếu họ nói rằng: Thưa Cù Đàm! Chúng tôi thật chẳng biết, đó là lời của thầy chúng tôi, không phải lỗi của chúng tôi.

Ta sẽ bảo họ rằng thầy của các ngài là ai? Nếu họ đáp là Phú Lan Na. Thì ta lại bảo họ rằng: Trước kia sao các ngài chẳng thưa hỏi cho rõ ràng coi thầy của các ngài có thật biết nghiệp quá khứ không? Nếu Thầy của các ngài bảo là chẳng biết, tại sao các ngài lại nhận lấy lời ấy. Nếu thầy của các ngài bảo là biết thì nên hỏi rằng: Hạ khổ làm nhân duyên có thọ trung và thượng khổ chăng? Trung khổ làm nhân duyên có thọ hạ và thượng khổ chăng? Thượng khổ làm nhân duyên có thọ hạ và trung khổ chăng? Nếu đáp là không thì nên lại hỏi: Sao nhà thầy nói báo khổ vui chỉ do nghiệp quá khứ mà chẳng phải nghiệp hiện tại?

Lại nên hỏi: Khổ hiện tại, quá khứ có chăng? Nếu quá khứ có khổ thì nghiệp quá khứ đều đã dứt hết, nếu đã đều dứt hết sao lại còn thọ lấy thân ngày nay? Nếu quá khứ

không khổ chỉ có nơi hiện tại, tại sao lại nói chúng sanh khổ vui đều do nghiệp quá khứ?

Này các ngài! Nếu cho rằng khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp quá khứ, lại lấy gì để phá khổ hạnh hiện tại? Nếu như chẳng phá thì khổ là thường, nếu khổ là thường sao lại nói rằng được giải thoát khổ? Nếu lại có hạnh nhiếp phá hoại khổ hạnh, thì quá khứ đã hết tại sao có khổ?

Này các ngài! Khổ hạnh như vậy có thể làm cho nghiệp vui thọ lấy quả khổ chăng? Có thể làm cho nghiệp khổ thọ lấy quả vui chăng? Có thể làm cho nghiệp không khổ không vui chẳng thọ quả chăng? Có thể làm cho báo hiện tại thành báo đời kế chăng? Có thể làm cho báo đời kế thành báo hiện tại chăng? Có thể làm cho hai báo này thành không quả báo chăng? Có thể làm cho định báo thành không quả báo chăng? Có thể làm cho không quả báo thành định báo chăng?

Nếu họ trả lời rằng không thể được, ta sẽ bảo rằng: Này các ngài! Nếu như không thể

được, duyên có gì các ngài lại thọ khổ hạnh này?

Các ngài nên biết rằng quyết định có nghiệp quá khứ và nhân duyên hiện tại. Do đây nên tôi nói nhân nơi phiền não mà sanh ra nghiệp, nhân nơi nghiệp mà thọ quả báo.

Các ngài nên biết rằng tất cả chúng sanh có nghiệp quá khứ và có nhân hiện tại. Dầu chúng sanh có nghiệp sống lâu quá khứ, nhưng phải nhờ nhân duyên ăn uống hiện tại. Nếu nói chúng sanh thọ khổ thọ vui quyết định chỉ do nơi nghiệp quá khứ thời không phải. Vì như có người trừ được kẻ thù cho nhà vua, do đây mà được vua ban cho nhiều của báu, do có nhiều tiền của mà hiện tại được sung sướng. Người này hiện tại làm nhân sung sướng nên thọ báo sung sướng hiện tại. Lại như có người giết chết Vương Tử, do đây mà phải bị tru戮. Người này hiện tại tạo nhân khổ nên phải thọ báo khổ hiện tại.

Này các ngài! Tất cả chúng sanh hiện tại nhân nơi tứ đại, thời tiết, đất đai, nhân dân

mà thọ khổ thọ vui. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bất tất đều nhân nơi nghiệp đời trước mà thọ khổ, thọ vui.

Này các ngài! Nếu do nhân duyên dứt nghiệp mà được giải thoát, thì tất cả thánh nhân chẳng được giải thoát. Vì bốn nghiệp quá khứ của tất cả chúng sanh là vô thí vô chung. Do đây nên ta nói lúc tu thánh đạo, thánh đạo này có thể ngăn nghiệp vô thí vô chung.

Này các ngài! Nếu thọ khổ hạnh bèn đắc đạo đó, thì tất cả loài súc sanh lẽ ra đều đắc đạo. Do đây nên phải trước điều phục tâm mình mà chẳng điều phục thân. Vì thế nên trong kinh ta nói chặt đốn rừng này chớ chặt đốn cây, vì do nơi rừng sanh kinh sợ chẳng phải do nơi cây. Muốn điều phục thân phải trước điều phục tâm. Tâm dụ như rừng, thân dụ nơi cây.

Tu Bạt Đà La thưa: Bạch Thế Tôn! Tôi đã trước điều phục tâm rồi.

Phật nói: Này Thiện Nam Tử ! Nay ông làm thế nào có thể trước điều phục tâm ông?

_ Bạch Thế Tôn! Tôi trước suy nghĩ rằng: Dục ái là vô thường, vô lạc, vô tịnh, quán sát sắc là thường, lạc, ngã, tịnh. Suy nghĩ như vậy rồi kiết sử cõi dục dứt mà được sắc xứ, nên gọi là trước điều phục tâm.

Kê đó tôi quán sát sắc là vô thường: Như mụn nhọt ghẻ, như thuốc độc như mũi tên, thấy vô sắc là thường tịch tịnh trong sạch. Quán sát như vậy rồi kiết sử cõi sắc dứt mà được vô sắc xứ. Do đây nên gọi là trước điều phục tâm.

Kê đó tôi lại quán sát tướng là vô thường như nhọt như ghẻ như độc như tên. Quán sát như vậy rồi được phi tướng phi phi tướng xứ. Phi phi tướng xứ này là nhứt thiết trí vắng lặng thanh tịnh thường hằng bất biến không sa đọa. Do đây nên tôi có thể điều phục lấy tâm mình.

Phật nói: Nay Thiện Nam Tử! Như thế thời ông đâu có điều phục được tâm! Phi tướng phi phi tướng xứ định của ông được vẫn còn gọi là tướng, Niết Bàn là vô tướng, sao ông nói rằng chúng được Niết Bàn?

Này Thiện Nam Tử! Trước ông đã có thể

nhằm trách thô tướng, nay sao ông lại tham trước nơi tế tướng. Chẳng biết nhằm trách phi tướng phi phi tướng xứ định, định này vẫn gọi là tướng như nhọt ghẻ như độc như tên.

Này Thiện Nam tử! Thầy của ông là Uất Đầu Lam Phát thông minh lanh lợi còn không thể dứt được phi tướng phi phi tướng xứ này mà phải thọ lấy thân ác đạo, hướng là những kẻ khác.

_Bạch Thế Tôn! Thế nào có thể dứt được tất cả các cõi?

_Này Thiện Nam Tử! Người quán thiết tướng có thể dứt tất cả các cõi.

Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thiết tướng?

_ Này Thiện Nam Tử! Tướng vô tướng gọi là thiết tướng.

_Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng vô tướng?

_ Này Thiện Nam Tử! Tất cả pháp không tự tướng, không tha tướng và không tự tha tướng, không tướng vô nhân, không tướng tác, không tướng thọ, không tướng tác giả, không tướng thọ giả, không tướng pháp,

tướng phi pháp, không tướng nam nữ, không tướng sĩ phu, không tướng vi trần, không tướng thời tiết, không tướng làm ra mình, không tướng làm ra người, không tướng làm ra mình ra người, không tướng có tướng không, không tướng sanh, tướng sanh giả, không tướng nhân, tướng nhân nhân, không tướng quả, tướng quả quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối, không tướng kiến tướng, kiến giả, không tướng văn tướng văn giả, không tướng giác tri, tướng giác tri giả, không tướng Bồ Đề, không tướng Đắc Bồ Đề giả, không tướng nghiệp, tướng nghiệp chủ, không tướng phiền não, tướng phiền não chủ.

Này Thiện Nam Tử! Những tướng như vậy tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là tướng chơn thiệt. Tất cả pháp đều là hư giả, tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là thiệt. Đây gọi là thiệt tướng, là pháp giới, là tất cánh trí, là đệ nhứt nghĩa đế, là đệ nhứt nghĩa không.

Này Thiện Nam Tử! Nơi thiệt tướng này, người hạ trí quán đó thời được Thanh Văn

Bồ Đề, người trung trí quán đó thời được Duyên Giác Bồ Đề, người thượng trí quán đó thời được vô thượng Bồ Đề.

Lúc Phật nói pháp này, có mười ngàn Bồ Tát chúng được nhứt sanh thật tướng, có mười lăm ngàn Bồ Tát chúng được nhị sanh pháp giới, có hai mươi lăm ngàn Bồ Tát được tất cánh trí, có ba mươi lăm ngàn Bồ Tát ngộ đệ nhứt nghĩa đế. Đệ nhứt nghĩa đế này cũng gọi là đệ nhứt nghĩa không, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Lại có bốn mươi lăm ngàn Bồ Tát được hư không Tam Muội, hư không Tam Muội này cũng gọi là Quảng Đại Tam Muội, cũng gọi là Trí Ấn Tam Muội. Năm mươi lăm ngàn Bồ Tát được bất thối nhãn, bất thối nhãn này cũng gọi là như pháp nhãn, cũng gọi là như pháp giới. Có sáu mươi lăm ngàn Bồ Tát được Đà La Ni, Đà La Ni này cũng gọi là Đại Niệm Tâm, cũng gọi là vô ngại trí. Có bảy mươi lăm ngàn Bồ Tát được Sư Tử Hống Tam Muội, Tam Muội này cũng gọi là Kim Cang Tam Muội, cũng gọi là Ngũ Trí Ấn Tam Muội. Có tám mươi lăm ngàn Bồ Tát được

bình đẳng Tam Muội, Tam Muội này cũng gọi là Đại Từ Đại Bi. Có vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm vô thượng Bồ Đề, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Duyên Giác, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Thanh Văn. Có hai muôn ức nhân nữ và thiên nữ hiện đời chuyển thân nữ được thân nam.

Lúc đó Tu Bạt Đà La nghe đức Phật nói pháp thậm thâm vi diệu, được pháp nhãn thanh tịnh bỏ tà kiến xin xuất gia.

Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Thiện Lai Tỳ Kheo!”

Tu Bạt Đà La vui mừng hơn hở, râu tóc tự rụng thành tướng Sa Môn, dứt hết phiền não được quả A La Hán.

Được chứng quả rồi, Tu Bạt Đà La chiêm ngưỡng tôn nhan, đầu mặt đánh lễ chơn Phật, quỳ chấp tay tự trách tội lỗi ngày trước của mình mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tôi rất hờn thân độc này nhiều kiếp đến nay luôn khi dối, làm cho tôi chìm mãi trong vô minh tà kiến trôi đắm theo giáo pháp của ngoại đạo. Rất đau đớn thay!

Thân này làm hại quá nhiều. May mắn thay! Nay nhờ ơn Như Lai mà được vào chánh pháp.

Trí huệ của Đức Thế Tôn như biển cả, lòng từ bi của đức Thế Tôn vô lượng. Tôi tự suy xét dầu nhiều kiếp nát thân cũng chưa báo được ơn đức này.

Tu Bạt Đà La buồn khóc rơi lệ không thể tự ngăn được, lại bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Tôi tuổi đã già suy, không còn sống bao lâu, bị hành khổ bức não. Xin đức Thế Tôn nán lại để dạy dỗ chớ nhập Niết Bàn.

Đức Thế Tôn nín lặng chẳng hứa.

Thỉnh Phật chẳng được, Tu Bạt Đà La sàu khổ kêu to lên rằng: Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng! Nay có gì sự kinh sợ lớn liền đến, khắp nơi phải khổ não.

Than ôi! Chúng sanh phước đã hết; huệ nhân đã dứt.

Than xong, ông càng khóc lóc nghẹn ngào, cả mình ửng máu, té xuống trước Phật hôn mê ngất xỉu.

Giây lâu tỉnh lại, ông nghẹn ngào rơi lệ

mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nay tôi không nỡ thấy đức Như Lai nhập Niết Bàn xin Đức Thế Tôn cho phép tôi diệt thân này trước, rồi sau Đức Thế Tôn sẽ nhập Niết Bàn.

Bạch xong, Tu Bạt Đà La liền ở trước Phật mà nhập Niết Bàn.

Lúc đó có vô số hàng hà sa Bồ Tát, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiên, Nhân, A Tu La v.v... đồng kêu to lên rằng: Khổ thay! Khổ thay! Có sao đáng chánh giác lại sớm bỏ lìa khiến chúng tôi không có chủ, không chỗ về, không nơi nương, không chỗ đến.

Đại chúng buồn than khóc lóc đăm ngực té xỉu. Tiếng kêu khóc khắp cõi Đại Thiên. Lúc đó Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng: Chớ quá khóc lóc như trẻ nít. Đại chúng phải cố dần chớ để tâm mê loạn!

Đại chúng ở trong biển lớn sanh tử phải siêng năng tu hành cho tâm được thanh tịnh, chớ để mất chánh niệm chánh huệ, phải gấp cầu chánh trí mau thoát khỏi các cõi. Nếu thọ thân trong ba cõi thời bị khổ luân hồi không ngăn mé, vô minh là ông

chủ, ân ái là ma vương, sai khiến thân tâm như tô tó, duyên theo trần cảnh tạo nghiệp sanh tử, tham sân si niệm niệm làm hại, từ vô lượng kiếp đến nay thường thọ lấy sự khổ não. Đâu có người trí mà chẳng đi ngược lại nguồn sanh tử này!

Đại chúng nên biết rằng từ nhiều kiếp đến nay ta đã nhập Đại Niết Bàn, không còn có ám giới nhập, mà đã dứt hẳn các cõi, thường ở trong bảo tạng Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh. Hôm nay ta ở nơi đây thị hiện sức phương tiện bất tư nghì mà nhập Đại Niết Bàn đồng với pháp thế gian. Đó là ta muốn cho chúng sanh rõ biết thân như chớp nhoáng, dòng sanh tử chảy quá mau, những hành pháp luân chuyển vô thường lẽ phải như vậy.

Như Lai nhập Đại Niết Bàn là rất sâu rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được.

Đức Phật lại bảo đại chúng: Tu Bạt Đà La đây đã từng cúng dường hằng hà sa chư Phật, đã trồng sâu căn lành, do sức đại

nguyện, ông ấy thường xuất gia trong phái ngoại đạo Ni Kiền Tử, dùng phương tiện huệ để dắt dẫn chúng sanh tà kiến cho họ được vào chánh trí. Tu Bạt Đà La nương nơi bốn nguyện lực, hôm nay được gặp ta sắp nhập Niết Bàn, được nghe chánh pháp, được quả A La Hán. Đã được quả rồi lại nhập Niết Bàn.

Từ khi ta thành Phật độ A Nhã Kiều Trần Như, đến sắp nhập Niết Bàn độ Tu Bạt Đà La, công việc của ta đã trọn vẹn, dầu ta có mãi ở lại cũng không có gì khác với ngày nay.

Nói xong Đức Thế Tôn lại xưng rằng: Lành thay! Lành thay! Tu Bạt Đà La vì báo ân Phật mà nhập Niết Bàn. Đại chúng phải nên cúng dường thi hài của ông ấy và xây lập tháp miếu.

Lúc đó đại chúng buồn khổ thảm thiết, gạt lệ dần lấy lòng, y theo lời Phật dạy, dùng gỗ thơm trà tỳ thi hài của Tu Bạt Đà La.

Đương lúc thiêu, thi hài của Tu Bạt Đà La ở trong lửa phóng ánh sáng lớn, hiện đủ mười tám sự biến hóa: Trên thân ra nước,

dưới thân ra lửa, hông mặt ra lửa, hông trái ra nước, hiện thân lớn khắp trong hư không rồi lại hiện nhỏ v.v...

Lúc đó trong đại chúng có vô lượng ngoại đạo tà kiến được chánh kiến phát tâm Bồ Đề.

Sau khi hiện thân thông, thi hài của Tu Bạt Đà La trở vào trong lửa.

Trà Tỳ xong, đại chúng thâu lấy xá lợi, dựng tháp cúng dường.

PHẨM DI GIÁO

THỨ HAI MƯƠI SÁU

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo An Nan và đại chúng: Sau khi ta diệt độ, hàng tứ chúng phải siêng hộ trì kinh Đại Bát Niết Bàn của ta. Trong vô lượng vô số kiếp ta tu tập pháp Đại Niết Bàn khó được này, nay đã giải thuyết rõ ràng cho đại chúng.

Các người nên biết pháp Đại Niết Bàn này là bảo tạng Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh hoàn toàn viên mãn của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều ở nơi pháp Đại Niết Bàn này mà nhập Niết Bàn. Pháp này là pháp tối hậu rốt ráo chí lý cùng tột không thiếu sót. Chư Phật đều phóng xả thân mạng nơi đây, do đó nên gọi là Đại Niết Bàn.

Đại chúng muốn được chơn thật báo ân Phật, mau chứng Bồ Đề, được chư Phật rờ đầu, đời đời sanh ra chẳng mất chánh niệm, thập phương chư Phật thường hiện trước mình ngày đêm giữ gìn làm cho tất cả mọi người được pháp xuất thế, thời phải siêng

năng tu tập kinh Đại Niết Bàn này.

Phật bảo A Nan: Lúc ta chưa thành Phật thị hiện vào trong pháp ngoại đạo của Uất Đà Lam Phát, tu học tứ thiên bát định.

Từ khi ta thành Phật đến nay bác bỏ những pháp ấy khuyến dụ lần lần các phái ngoại đạo, cuối cùng đến ông Tu Bạt Đà La, cho họ đều vào Phật Đạo.

Đức Như Lai dùng đuốc đại trí đốt tràng tà kiến, như đem lá cỏ khô ném vào trong ngọn lửa lớn.

Này A Nan! Nay những người dòng Thích Ca ta rất lo nghĩ đến họ. Sau khi ta nhập Niết Bàn, ông phải siêng năng đem điều lành dạy răn, hàng quyến thuộc của ta, hết lòng dạy dỗ cho họ được diệp pháp. Chớ để họ phóng dật tán tâm chơi bời hoặc theo tà pháp.

Người chưa thoát khỏi sự thống khổ trong ba cõi phải sớm cầu giải thoát. Phải lo sợ chôn ngũ trược ái dục này, một khi mất thân người rất khó được lại, trọn đời phải thường soi xét. Khó lấy tình để cầu thoát khỏi quý vô thường.

Phải thương xót chúng sanh, chớ giết hại dẫu là côn trùng nhỏ nhít.

Thân nghiệp thanh tịnh thường sanh cõi tốt đẹp. Khẩu nghiệp thanh tịnh xa lìa những lỗi ác. Chớ ăn thịt, chớ uống rượu. Điều phục con rắn tâm cho nó vào đạo quả.

Phải suy nghĩ kỹ nghiệp nhân thiện ác cảm báo tốt xấu. Nhân quả trong ba đời tuần hoàn chẳng mất, như bóng theo hình. Đời này luống qua về sau ăn năn không kịp.

Giờ Niết Bàn đã đến, ta tóm tắt dạy bảo như vậy.

A Nan nghe lời Phật dạy, thân rung tâm động, buồn khóc nghẹn ngào, mê muội té xuống trước mặt Phật như người chết.

Lúc đó ngài A Nâu La Đà an ủi A Nan rằng: Đâu nên quá sầu khổ như vậy! Đã đến giờ Đức Như Lai nhập Niết Bàn, ngày nay dẫu có Phật, sáng mai thời đã không. Ông y theo lời tôi để thưa hỏi Đức Như Lai bốn điều.

_Sau khi Phật nhập Niết Bàn Lục Quân Tỷ Kheo làm việc ô tha gia, cùng Xa Nặc ác

tánh, các Tỳ Kheo làm thế nào để cùng họ cộng trụ và chỉ dạy họ?

_Đức Như Lai còn thời dùng Phật làm Thầy, Đức Như Lai đã diệt độ rồi lấy gì để làm Thầy?

_Lúc Phật còn nương nơi Phật mà trụ, Như Lai đã diệt độ nương gì để trụ?

_Sau khi Phật diệt độ, lúc kết tập pháp tạng, đầu các kinh phải để những lời gì ?

A Nan như ở trong mộng nghe ngài A Nâu Lô Đà khuyên bảo hỏi Phật bốn điều. Lần lần được tỉnh ngộ chẳng xiết buồn thảm, A Nan đem bốn điều trên hỏi Phật.

Đức Như Lai bảo A Nan: “Sao lại quá buồn khổ như vậy! Chư Phật thuyết pháp giáo hóa việc làm đã xong, theo phải về nơi đây.

Lành thay! Lành thay! Bốn điều ông vừa hỏi, là lời hỏi tối hậu, có lợi ích lớn cho tất cả thế gian. Các ông lắng nghe và khéo suy nghĩ ghi nhớ.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Tỳ Kheo Xa Nặc tâm tánh sẽ lần lần điều phục nhu hòa bỏ ác tánh cũ.

Này A Nan! Ông Nan Đà trước kia rất nặng ái dục, tánh rất xấu ác, Đức Như Lai dùng thiện phương tiện chỉ dạy cho ông ấy được lợi ích vui mừng. Phật rõ biết căn tánh của ông ấy, dùng huệ bát nhã mà giảng thuyết mười hai nhân duyên: Chính là vô minh duyên hành, hành duyên thức, nhãn đến lão tử ưu bi khổ não, đều là rùng bụi vô minh yêu ghét, tất cả hành khổ đầy tràn trong ba cõi, chạy khắp trong lục đạo. Cội gốc sự khổ từ vô minh khởi lên. Dùng huệ bát nhã hiển bày tánh tịnh, quán sát kỹ cội gốc thời dứt được tội lỗi trong ba cõi. Vì cội gốc vô minh dứt nên vô minh dứt, vô minh dứt thời hành dứt, nhãn đến lão tử ưu bi khổ não đều dứt.

Lúc được quán niệm này nhiếp tâm đứng dừng thời được nhập Tam Muội, do sức Tam Muội được nhập sơ thiền lần lượt nhập tứ thiền không rời chánh niệm luôn tu tập như vậy, rồi sau tự sẽ được chứng thượng quả thoát khỏi khổ trong ba cõi. Nan Đà Tỳ Kheo tin sâu lời dạy của Phật, siêng năng tu tập trong một ít lâu được chứng quả A La Hán.

Này A Nan! Sau khi ta nhập Niết Bàn, các ông nên y theo giáo pháp chánh quán của ta mà chỉ dạy cho Lục Quân cùng Xa Nặc, hết lòng nương theo chánh pháp thanh tịnh này, tự sẽ được chứng thượng quả.

Này A Nan! Phải biết rằng đều do nơi vô minh mà tăng trưởng cây sanh tử trong ba cõi, nên mãi trôi chìm trong ái hà, chịu khổ mãi dưới vực tối tăm, vòng quanh cột sanh tử. Sáu thức là nhánh, vọng niệm là gốc, lượn sóng vô minh xúc khiến tâm thức dạo chơi theo lục trần, sanh mầm các sự khổ não. Vô minh nó tự tại như vua, không ai chế ngự được. Do đây nên ta nói ông chủ vô minh niệm niệm làm hại, chúng sanh chẳng hay biết, mãi luân chuyển trong sanh tử.

Này A Nan! Tất cả chúng sanh vì vô minh này mà khởi những tham ái, bị ngã kiến che đậy, tám muôn bốn ngàn phiền não sai sử thân họ, làm cho thân tâm họ tan vỡ không được tự tại.

Này A Nan! Nếu vô minh dứt thời ba cõi đều hết, nên gọi là người xuất thế.

Này A Nan! Nếu có thể quán sát kỹ mười hai nhân duyên rốt ráo không có ngã, sâu vào nơi bốn tánh thanh tịnh, thời có thể xa lìa ngọn lửa lớn ba cõi.

Này A Nan! Đức Như Lai là đáng chon ngữ nói lời thành thật, đây là lời phó chúc tối hậu, các ông phải y theo tu hành.

Này A Nan! Ông hỏi sau khi Phật diệt độ lấy gì làm Thầy? Nên biết giới Ba La Đề Mộc Xoa là Đại Sư của các ông. Nương theo đó tu hành thời có thể được định huệ xuất thế.

Này A Nan! Ông hỏi sau khi Phật nhập Niết Bàn nương gì để trụ? Phải nương pháp tứ niệm xứ mà trụ: Quán sát tánh tướng của thân đồng như hư không gọi là thân niệm xứ, quán sát sự cảm thọ chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chận giữa, gọi là thọ niệm xứ, quán sát tâm chỉ có danh tự tánh danh tự rời rạc gọi là tâm niệm xứ, quán sát pháp thiện chẳng thể được pháp bất thiện cũng chẳng thể được gọi là pháp niệm xứ. Tất cả người tu hành phải nương theo pháp tứ niệm xứ này mà trụ.

Này A Nan! Ông hỏi sau khi Như Lai diệt độ lúc kết tập pháp tạng, đầu tất cả kinh để những lời gì?

Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ lúc kết tập pháp tạng đầu tất cả kinh nên để như vậy: “Như thị ngã văn nhưt thời Phật trụ mỗi phương mỗi xứ, cùng hàng tứ chúng mà nói kinh này”.

A Nan lại bạch Phật: Lúc Phật ở đời, hoặc sau khi Phật nhập Niết Bàn, có tín tâm đàn việt đem vàng bạc bảy báu cùng tất cả đồ cần dùng dâng cúng cho Như Lai thời phải xử trí thế nào?

Phật nói: Lúc Phật còn, những vật cúng dường Phật, thời chúng Tăng nên biết. Sau khi Phật diệt độ những vật cúng dường Phật, thời nên dùng tạo tượng Phật và tạo y của Phật, phan lọng bảy báu, sắm các thứ hương dầu bông để cúng dường Phật. Trừ việc cúng dường Phật ngoài ra chẳng được dùng. Người lạm dụng thời phạm tội lấy trộm vật của Phật.

A Nan lại bạch: Lúc Phật còn có người đem vàng bạc bảy báu điện dường phòng

nhà y phục đồ uống ăn tất cả đồ cần dùng, hoặc vợ con tôi tớ mà cung kính cúng dường Như Lai. Sau khi Phật nhập diệt nếu có người đem những vật như trên mà cung kính cúng dường tượng Phật. Bạch Thế Tôn! Phước đức của hai người này ai nhiều hơn?

Phật nói: Vì đều cung kính cúng dường cả nên phước đức của hai người được đồng nhau. Dầu Phật diệt độ nhưng pháp thân vẫn thường còn, nên cung kính cúng dường được phước vẫn đồng như Phật hiện tại.

A Nan lại bạch; Lúc Phật hiện tại nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường Phật, sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường toàn thân Xá Lợi, phước đức của hai người này, ai nhiều hơn?

Phật nói: Hai người này được phước đồng nhau công đức rộng lớn vô lượng vô biên nhẫn đến hết khổ, phước đó chẳng hết.

A Nan lại bạch: Lúc Phật hiện tại, nếu có người cung kính cúng dường Phật như trên,

sau khi Phật nhập Niết Bàn nếu có người cung kính cúng dường nửa thân Xá Lợi ai được phước nhiều hơn?

Phật nói: Vì hai người đều cung kính cúng dường nên được phước đồng nhau phước đức này vô lượng vô biên.

Này A Nan! Nhẫn đến cung kính cúng dường một phần tư Xá Lợi, một phần tám, một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần hằng hà sa, hoặc chùng bằng hột cải, người này được phước cũng đồng như người cung kính cúng dường Đức Như Lai hiện tại.

A Nan nên biết rằng hoặc Phật hiện tại hoặc đã nhập Niết Bàn, nếu có người cung kính cúng dường lễ bái tán thán, được phước đức đồng nhau không khác.

Phật bảo A Nan cùng đại chúng: Sau khi ta nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh hoặc thiên thượng hay nhân gian, được Xá Lợi của ta mà vui mừng thương cảm cung kính lễ bái cúng dường thời được vô lượng vô biên công đức.

Này A Nan! Nếu thấy Xá Lợi của Như Lai

thời là thấy Phật, thấy Phật là thấy Pháp, thấy Pháp là thấy Tăng, thấy Tăng là thấy Niết Bàn.

A Nan nên biết rằng do nhân duyên trên đây mà Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả chúng sanh.

A Nan bạch Phật: Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, tất cả đại chúng y theo phép tắc nào để trà tỳ thân Như Lai để được Xá Lợi cung kính cúng dường.

Phật nói: “Khi ta nhập Niết Bàn rồi, đại chúng nên y theo phương pháp trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương.”

A Nan bạch Phật: “Pháp tắc trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào?”

Phật nói: Sau khi Chuyển Luân Thánh Vương mạng chung, đình thi hài bảy ngày mới để vào quan tài vàng, rồi lấy dầu thơm vi diệu đổ đầy quan tài đầy lại thật kín. Đủ bảy ngày đem thi hài ra, dùng nước thơm tắm rửa, đốt hương thơm cúng dường. Dùng bông Đâu La Miên bao khắp thân thể, sau đó dùng ngàn bức bạch điệp tốt đẹp vô giá

thứ tự vắn chồng lên nhau khắp thi hài của Luân Vương. Vắn xong đổ dầu thơm đầy trong kim quan rồi mới để thi hài Luân Vương vào. Đậy kín quan tài xong, chở trên xe thất bảo, bốn mặt treo các chuỗi ngọc, dùng châu báu trang nghiêm xe ấy, vô số phan lọng bằng châu báu tốt đẹp giăng treo trên xe. Đốt hương thơm, thổi đại nhạc để cúng dường. Sau đó dùng thuần những gỗ thơm cùng những dầu thơm mà trà tỳ. Trà tỳ xong hốt lấy Xá Lợi, xây tháp thất bảo giữa đường ngã tư trong thành, bốn phía tháp có bốn cửa an trí Xá Lợi trong đó, để cho tất cả mọi người đồng chiêm ngưỡng.

Này A Nan! Chuyển Luân Thánh Vương kia do chút ít phước đức được nối ngôi vua, chưa thoát khỏi ba cõi, còn đủ ngũ dục thế thiếp, ác kiến tham, sân, si, tất cả phiền não kiết sử chưa dứt được một mảy. Sau khi mạng chung mà thế gian còn theo cách thức như vậy, dựng tháp cúng dường để mọi người chiêm ngưỡng, huống là Đức Như Lai đã trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp bỏ hẳn ngũ dục, tinh tấn thật hành tất cả khổ

hạnh xuất thế của Bồ Tát, đã thành tựu đạo hạnh thâm thâm vi diệu thanh tịnh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu môn Ba La Mật, tu tập thập lục, đại bi, bốn vô sở úy, ba môn giải thoát, mười tám đại không, lục thông, ngũ nhãn, ba mươi bảy phẩm, mười tám bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thọ mạng của tất cả chư Phật, tất cả cõi Phật thanh tịnh, tất cả pháp thành tựu chúng sanh, tất cả khổ hạnh khó làm, tất cả nhiếp luật nghi giới, tất cả nhiếp thiện pháp giới, tất cả nhiếp chúng sanh giới, tất cả công đức, tất cả trí huệ, tất cả trang nghiêm, tất cả đại nguyện, tất cả phương tiện, tất cả trí huệ phước đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đều đã thành tựu đầy đủ, dứt trừ tất cả ác, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả phiền não tập khí, thông đạt tứ đế thập nhị nhân duyên, nơi cõi Bồ Đề hàng phục bốn ma thành tựu nhưt thiết chủng trí. Được tất cả chư Phật xưng lời khen lành thay! Lành thay! Đồng lấy nước trí pháp tánh, rưới trên đỉnh pháp thân, mới thành vô thượng

Bồ Đề. Do nhân duyên như vậy nên nay ta hiệu là Thiên Nhân Sư thập lực đẳng giác, Thế Tôn vô thượng, nhân gian thiên thượng không ai bằng, bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, do đó ta hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Duyên giáo hóa thế gian đã xong, ta vì chúng sanh nên hôm nay thị hiện nhập Niết bàn. Vì muốn cho chúng sanh khắp được cúng dường, nên ta theo pháp thế gian như vua Chuyển Luân, mà tản tắng cùng trà tỳ.

Tứ chúng nhân thiên đem Xá Lợi của Như Lai dựng trong bình thất bảo xây dựng tháp thất bảo để cúng dường Xá Lợi, có thể làm cho chúng sanh được công đức lớn, là khổ ba cõi đến vui Niết Bàn.

Này A Nan! Hàng tứ chúng xây tháp thất bảo cúng dường Xá Lợi của Phật rồi, lại nên xây ba thứ tháp để cúng dường: Tháp Bích Chi Phật, tháp A La hán, tháp Chuyển

Luân Thánh Vương, vì muốn cho mọi người biết chỗ quy y vậy.

A Nan bạch Phật: Đức Như Lai ra đời thương xót chúng sanh, hiển bày thập lực, đại bi, bốn vô sở úy, ba môn giải thoát, tứ đế, mười hai nhân duyên, tám thứ phạm âm vang rền ba cõi, từ quang ngũ sắc soi khắp lục đạo, tùy thuận tâm nghiệp của chúng sanh mà chuyển pháp luân, có người chứng được bốn quả của nhị thừa tu tập, hoặc chứng đạo Duyên Giác vô lậu vô vi, hoặc nhập bậc Bồ Tát bất diệt bất sanh, hoặc được vô lượng Đà La Ni, hoặc được ngũ nhãn, hoặc được lục thông, hoặc thoát ba ác đạo, hoặc ra khỏi tám nạn, hoặc lìa khổ trôi người ba cõi. Đức từ thanh tịnh của Như Lai, pháp môn giải thoát của Như Lai đều chẳng thể nghĩ bàn.

Sau khi nhập diệt, hàng tứ chúng dựng tháp bảy báu cúng dường Xá Lợi được công đức lớn, có thể làm cho chúng sanh thoát khổ ba cõi, được chánh giải thoát. Do nhân duyên này nên khi Phật nhập Niết Bàn, tất cả thế gian vì báo đáp từ ân vô lượng của

Phật mà xây tháp thất bảo để cúng dường Xá Lợi, theo lẽ phải như vậy. Ba thứ pháp kia có những lợi ích gì đối với chúng sanh mà đức Phật bảo dựng tháp cúng dường?

Phật nói: Bích Chi Phật tỏ ngộ nhân duyên của các pháp chứng nhập pháp tánh, đã thoát tất cả khổ hoạn trong tam giới, có thể làm phước điền cho nhân thiên. Do đây nên xây tháp cúng dường Bích Chi Phật được phước đức kể nơi sự cúng dường Như Lai, có thể làm cho chúng sanh đều được diệu quả.

Này A Nan! A La Hán kia đối với ba cõi đã hết sanh tử chẳng thọ thân đời sau, phạm hạnh đã lập có thể làm phước điền cho thế gian, nên xây tháp cúng dường được phước đức kể sự cúng dường Bích Chi Phật, cũng làm cho chúng sanh được nhân duyên giải thoát.

Này A Nan! Chuyển Luân Thánh Vương dầu chưa dứt phiền não, chưa giải thoát ba cõi, nhưng do phước đức mà cai trị bốn thiên hạ, đem pháp thập thiện giáo hóa nhân dân, là bậc tôn kính của mọi người,

nên tứ chúng dựng tháp cúng dường, được phước đức cũng là vô lượng.

A Nan bạch Phật: Sau khi Phật nhập Niết Bàn, hàng tứ chúng nên làm lễ trà tỳ đức Như Lai tại chỗ nào?

Phật nói: “Sau khi ta nhập Niết Bàn, nếu tứ chúng làm lễ trà tỳ ở trong thành Câu Thi Na này, người trong thành tất tranh giành đánh đập nhau, và cũng làm cho tất cả mọi người được phước chẳng đồng nhau. Nên tứ chúng phải làm lễ trà tỳ ở ngoài thành, cho mọi người đều bình đẳng được phước.”

A Nan bạch Phật: Trà tỳ xong, tứ chúng dùng bình báu để đựng Xá Lợi, thời nên dựng tháp thất bảo ở tại chỗ nào để cho tất cả mọi người đều được cung kính cúng dường?

Phật nói: Nên ở trong thành Câu Thi Na, nơi ngã tư đường mà xây tháp cao mười ba tầng, trước pháp có tướng pháp luân, phan lọng, lan can đều bằng thất bảo, bốn mặt tháp đều mở một cửa, từng lớp cửa nẻo xúng nhau an trí bình báu đựng Xá Lợi của

Như Lai trong đó cho tất cả trời người chiêm ngưỡng cúng dường.

Tháp của Bích Chi Phật nên mười một tầng. Tháp của A La Hán nên bốn tầng. Cũng đều dùng các thứ báu mà trang nghiêm.

Tháp của Chuyển Luân Vương cũng xây bằng bảy báu nhưng không có tầng cấp, vì Luân Vương chưa thoát khổ sanh tử trong ba cõi.

A Nâu Lô Đà bạch Phật: Khi trà tỳ xong, tất cả Trời người cùng bốn bộ chúng phân chia Xá Lợi của Phật như thế nào?

Phật nói: Nên dùng tâm bình đẳng phân chia Xá Lợi của Phật khắp ba cõi để tất cả thế gian đều được cúng dường.

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhân bạch Phật: Nay tôi xin cung kính thỉnh nửa thân Xá Lợi của Như Lai để cúng dường.

Phật bảo Thiên Đế: Đức Như Lai bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, ông chẳng nên thỉnh nửa thân Xá Lợi. Nay ta cho ông một cái răng nanh Xá Lợi hàm trên bên hữu, có thể xây tháp cúng dường ở

trên Trời, làm cho ông được phước đức vô tận.

Lúc đó tất cả đại chúng Trời người buồn thương rơi lệ không tự dần được.

Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng: Khi Phật nhập Niết Bàn rồi, đại chúng chớ quá sầu não. Vì dầu Phật nhập Niết Bàn mà Xá Lợi vẫn thường còn để cúng dường. Lại có những pháp bảo vô thượng, tạng Tu Đa La, tạng Tỳ Nại Da, tạng Ma Ha Đạt Ma, do đây Tam Bảo và tứ đế vẫn thường trụ ở thế gian, làm chỗ quy y cho chúng sanh. Vì cúng dường Xá Lợi tức là Phật Bảo, thấy Phật Bảo là thấy pháp thân, thấy pháp thân là thấy hiện thánh, thấy hiện thánh là thấy tứ đế, thấy tứ đế là thấy Niết Bàn. Do đây nên biết rằng Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho thế gian.

Đại chúng chớ quá sầu khổ. Nay ta ở đây sắp nhập Niết Bàn. Trong những pháp: Quy y, giới luật, thường, vô thường, Tam Bảo, tứ đế, lục độ, mười hai nhân duyên v.v..., nếu ai có điều chi nghi phải mau thưa hỏi, đây

là lời hỏi rôt ráo cuối cùng để sau khi Phật nhập Niết Bàn không còn nghi hời.

Đức Phật phổ cáo trong đại chúng ba lần như vậy.

Tất cả đại chúng không ai thừa hỏi, vì ai nấy đều thông đạt hiểu rõ không còn nghi ngờ.

Đức Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay Đại chúng đã có thể thông đạt các pháp không còn nghi ngờ như nước sạch rửa hết bụi nhơ nơi thân. Đại chúng phải tinh tấn sớm được giải thoát, chớ sâu nã mê muội loạn tâm.

Lúc đó Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư Tử, lấy tay vàng vạch y tăng già lê để lộ ngực huỳnh kim cho đại chúng thấy rồi bảo rằng: Tất cả đại chúng Trời người nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của Như Lai!

Đại chúng chiêm ngưỡng sắc thân vàng ròng của Phật thấy đều sung sướng như Tỳ Kheo nhập đệ tam thiên.

Sau đó Đức Thế Tôn phóng vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu khắp tất cả thế giới mười hương,

che khuất ánh sáng của tất cả mặt trời mặt trăng.

Phóng ánh sáng trên đây rồi Đức Phật bảo đại chúng: Mọi người nên biết rằng Đức Như Lai vì tất cả đại chúng mà cần khổ trong nhiều kiếp, đến chặt tay chân lóc da thịt, đại bi đại nguyện thành bậc vô thượng chánh giác nơi đời ngũ trược này, được sắc thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng ánh sáng chiếu khắp tất cả. Ai thấy được hình, gặp được ánh sáng của Phật, đều được giải thoát cả.

Này đại chúng! Phật ra đời rất khó gặp khó thấy như hoa Ưu Đàm. Đại chúng gặp ta đây là lần sau cùng, đối với thân này chớ để luống qua. Do sức thệ nguyện mà ta sanh nơi cõi ứ ác này. Duyên giáo hóa đã hoàn tất, nay ta muốn nhập Niết Bàn. Đại chúng nên chí thành nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta, cố gắng tu tập nghiệp thanh tịnh như vậy, đời vị lai sẽ được quả báo này.

Đức Thế Tôn ba phen ân cần khuyên bảo như vậy, đồng thời bày thân chân kim

cho đại chúng thấy.

Sau đó Đức Phật từ trên giường thất bảo sư tử bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, bảo một lần rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !

Lần lượt đức Phật bay trên cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta!

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử Đức Phật lại bảo: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta!

Đức Thế Tôn từ trên giường sư tử lại bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, thời một lần bảo đại chúng, lần lượt bay cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta!

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử Đức Phật lại kêu đại chúng mà bảo rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta!

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn cũng từ trên giường sư tử bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa La, đồng thời cũng bảy lần bảo đại chúng như vậy. Từ hư không xuống ngồi trên giường thất bảo Đức Phật lại bảo: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem nơi sắc thân của ta!

Đức Phật hai mươi bốn lần ân cần bảo đại chúng như vậy, rồi lại bảo rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân vô úy Kim Cang bất hoại của ta rất khó gặp gỡ như hoa Ưu Đàm, như người quá khát gặp nước trong mát thời uống đến no không còn khao khát, đại chúng cũng phải như vậy, nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân của Như Lai lần sau cùng, sau lần thấy này không còn thấy lại nữa. Đại chúng nên chiêm ngưỡng cho thỏa mãn để về sau khỏi ăn năn.

Sau khi ta nhập Niết Bàn, đại chúng phải tinh tấn tu hành sớm ra khỏi ba cõi, chớ có giải đãi phóng dật tán tâm.

Lúc đó tất cả đại chúng Trời người trong tất cả thế giới mười phương được gặp ánh

sáng Niết Bàn, được chiêm ngưỡng đức Phật đều được giải thoát. Những chúng sanh được gặp được thấy đều được dứt hẳn tam đồ bát nạn, bốn tội trọng, năm tội nghịch, đến tất cả phiền não đều dứt hẳn không còn thừa.

Sau khi lộ bày sắc thân huỳnh kim cho tứ chúng chiêm ngưỡng và ân cần khuyến cáo xong, Đức Thế Tôn kéo y tăng già đắp lại như cũ.

PHẨM ỨNG TẬN HOÀN NGUYÊN THỨ HAI MƯƠI BẢY

Đức Phật bảo đại chúng: “Giờ đây ta nhập Niết Bàn, cả mình ta đau nhức.”

Nói vừa xong, đức Phật liền nhập sơ thiên, xuất sơ thiên nhập nhị thiên, xuất nhị thiên nhập tam thiên, xuất tam thiên nhập tứ thiên, xuất tứ thiên nhập không xứ định, xuất không xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập bất dụng xứ định, xuất bất dụng xứ định nhập phi tướng phi phi tướng xứ định, xuất phi tướng xứ định nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi tướng phi phi tướng xứ định, xuất phi tướng xứ định nhập bất dụng xứ định, xuất bất dụng xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập không xứ định, xuất không xứ định nhập tứ thiên, xuất tứ thiên nhập tam thiên, xuất tam thiên nhập nhị thiên xuất nhị thiên nhập sơ thiên.

Đức Thế Tôn thuận nghịch nhập các thiên định xong, lại phổ cáo đại chúng: “Ta dùng thậm thâm bát nhã xem khắp ba cõi tất cả

lục đạo chúng sanh, ba cõi này bốn tánh rời lìa rốt ráo tịch diệt đồng như hư không, không danh, không thức, dứt hẳn các cõi, bốn lai bình đẳng không có tướng niệm cao hạ, không thấy nghe, không hay biết, không hệ phục, không giải thoát, không chúng sanh, không thọ mạng, không sanh không diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, Niết Bàn sanh tử đều không thể được, trước sau bình đẳng vì bình đẳng với các pháp, nhân cư tịnh trụ không có chỗ thi vi, an trí rốt ráo quyết định bất khả đắc, từ pháp vô trụ pháp tánh thi vi, dứt tất cả tướng, trọn không chỗ có. Pháp tướng như vậy, ai biết rõ thời gọi là người xuất thế, kẻ chẳng biết như vậy thời gọi là đầu mối sanh tử. Đại chúng phải dứt vô minh, diệt đầu mối sanh tử!

Bảo xong, Đức Thế Tôn nhập thiền định siêu việt: Từ sơ thiền xuất liền nhập tam thiền, xuất tam thiền nhập không xứ định, xuất không xứ định nhập vô sở hữu xứ định, xuất vô sở hữu xứ định nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhập phi tướng phi phi

tướng xứ định, xuất phi tướng xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập tứ thiên, xuất tứ thiên nhập nhị thiên, xuất nhị thiên nhập sơ thiên.

Đức Thế Tôn nghịch thuận nhập thiên định siêu việt xong, lại bảo đại chúng: Ta dùng Ma Ha Bát Nhã xem khắp ba cõi tất cả nhân pháp hữu tình vô tình thấy đều rớt ráo, không hệ phục, không giải thoát, không chủ, không y, không thể nhiếp trì, chẳng ra ba cõi, chẳng vào các cõi, bỏn lai thanh tịnh không cấu nhơ, không phiền não, đồng như hư không, chẳng bình đẳng chẳng phải chẳng bình đẳng, dứt hết những động niệm tư tưởng tâm thức. Pháp tướng như vậy gọi là Đại Niết Bàn, thấy rõ được pháp tướng này thời gọi là giải thoát, phạm phu chẳng thấy biết thời gọi là vô minh.

Nói xong Đức Phật lại nhập thiên định siêu việt xuất sơ thiên nhập tam thiên nhẫn đến nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhẫn đến nhập sơ thiên.

Nghịch thuận nhập thiên định siêu việt xong, Đức Thế Tôn lại bảo đại chúng: Ta

dùng Phật nhãn xem khắp ba cõi tất cả các pháp, thể tánh của vô minh vốn là giải thoát, tìm khắp mười phương trọn không thể được. Vì cội gốc đã không nên nhánh lá thấy đều giải thoát. Vì vô minh giải thoát nên hành đến lão tử đều được giải thoát. Do đây nên ngày nay ta an trụ thường tịch diệt quang gọi là Đại Niết Bàn.

Lúc đó A Nan quá sầu khổ bi ai tâm trí cuồng loạn, như người quá say không còn biết những việc xung quanh, chẳng thấy đại chúng, cũng chẳng biết Như Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa.

Đức Thế Tôn nhập siêu thiên định thuận nghịch ba lần, xem khắp pháp giới ba phen phổ cáo đại chúng, Đức Như Lai lần lượt nhập các thiên định hai mươi bảy lần như vậy.

Vì chẳng biết, nên khi Phật nhập một thiên định A Nan liền hỏi một lần, hai mươi bảy lần hỏi ngài A Nâu Lô Đà: Phật nhập Niết Bàn hay chưa?

Ngài A Nâu Lô Đà rõ biết Như Lai nhập các thiên định, hai mươi bảy lần đều trả lời

với A Nan rằng Phật chưa nhập Niết Bàn.

Sau khi ba lần thuận nghịch nhập các thiên định cùng phổ cáo đại chúng, đức Thế Tôn nằm nghiêng bên hữu trên giường thất bảo: Gối đầu phương bắc, chân chỉ thẳng phương Nam, mặt hướng về phương Tây, lưng day qua phương Đông.

Bốn phía giường, tám cây Ta La chia làm bốn cặp: Một cặp phương Tây ở trước mặt Như Lai, một cặp phương Đông che sau lưng Như Lai, một cặp phương Bắc che trên đầu Như Lai, một cặp phương Nam đứng phía chân Như Lai.

Lúc đó đúng giữa đêm Đức Như Lai nằm trên giường thất bảo trong rừng Ta La nhập tứ thiên yên lặng mà Bát Niết Bàn.

Liên đó bốn cặp cây Ta La: Cặp hướng Đông, cặp hướng Tây ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, cặp hướng Nam, cặp hướng Bắc ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, che giường thất bảo trùm trên thân Như Lai. Những cây Ta La đó, tất cả lá biến thành sắc trắng như bạch hạc, nhánh lá bông trái da và thân cây thảy đều rụng rớt nức nẻ, lần

lân khô héo gãy rớt.

Đồng thời trong lúc đó vô lượng thế giới ở mười phương đều chấn động vang ra tiếng rỗng: “Khổ thay! Khổ thay! Thế giới trống rỗng.”

Lại vang ra tiếng buồn than diễn nói nghĩa vô thường, khổ, không.

Tất cả những núi trong mười phương thế giới: Núi Mục Chơn Lâm Đà, núi Đại Mục Chơn Lâm Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, Hắc Sơn, Hương Sơn, Kim Sơn, Bảo Sơn, núi Tu Di đồng thời rúng động vang ra tiếng lớn: Khổ thay! Khổ thay! Tại sao một mai mà thế gian bơ vơ, huệ nhật tắt mất vào núi Đại Niết Bàn, tất cả chúng sanh mất cha lành, mất chỗ chiêm ngưỡng.

Tất cả biển lớn trong mười phương thế giới đều đục ngầu, sóng cuộn cuộn nổi lên vang ra các thứ tiếng: Khổ thay! Khổ thay! Đáng vô thượng chánh giác đã diệt, chúng sanh phải tội khổ trôi mãi trong biển lớn sanh tử, mê mất con đường chơn chánh không do đâu để giải thoát được.

Tất cả sông rạch khe suối, nương rãnh,

giếng ao thấy đều nghiêng ngửa khô cạn.

Mười phương thế giới vắng lặng tối tăm. Sầu não tối tăm bao trùm cả thế giới. Lúc đó bỗng có gió to thổi bay bụi cát, khắp nơi đều mờ tối. Tất cả cỏ cây trên mặt đất gãy ngã rơi rụng. Tất cả chư thiên vân tập chập cả hư không, than thở kêu khóc tiếng động cả cõi đại thiên, rưới vô số trăm ngàn hoa trời hương trời cúng dường Đức Như Lai, lại rải vô số thiên tràng, thiên phan, thiên anh lạc, thiên bảo cái, thiên bảo châu biến thành bửu đài giữa hư không để cúng dường Đức Như Lai. Chư thiên lại ở trên hư không tấu vô số thiên nhạc xưng rằng : Khổ thay! Khổ thay! Đức Phật đã nhập Niết Bàn. Thế giới trống rỗng, chúng sanh đã mất con mắt, quỷ La Sát phiền não lan tràn khắp nơi, sự khổ nối liền xoay vần chẳng dứt.

Lúc đó A Nan mê muội, chẳng biết Đức Như Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa nhập, chỉ nghe thấy những cảnh những tiếng lạ thường nên lại hỏi.

Ngài A Nâu Lô Đà đáp rằng: “Đấng Đại

Giác Thế Tôn đã nhập Niết Bàn.”

Nghe lời này, A Nan té xỉu xuống đất, mắt thở như người chết.

Ngài A Nâu Lô Đà lấy nước lạnh rải trên mặt A Nan đỡ dậy nhiều lời an ủi rằng: Thảm thay! Thảm thay! Rất đáng đau khổ. Nhưng ông chớ quá buồn rầu mà tâm trí điên loạn. Hóa duyên của Đức Như Lai đã hoàn tất, tất cả trời, người không ai cầm lại được. Khổ thay! Biết làm sao được! Nào ngờ ngày nay Đấng Thiên Nhân Sư việc làm đã rất ráo không ai cầm lại được. Ông cùng tôi phải đồng dẫn sự buồn khổ. Đức Phật dầu nhập Niết bàn, nhưng còn Xá Lợi và Pháp Bảo vô thượng thường trụ nơi thế gian, có thể làm chỗ quy y cho chúng sanh. Các ông cùng tôi phải tinh tấn đem Pháp Bảo của Phật truyền lại cho chúng sanh, khiến họ thoát khổ, dùng đây để báo ân đức của Như Lai.

An Nan nghe lời an ủi trên, lần lần tỉnh ngộ nghẹn ngào buồn khóc.

Trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na rộng mười hai do tuần, đại chúng trời người

chật khắp trong đó. Chỗ nhỏ bằng đầu mũi kim dung thọ vô lượng chúng, không một chút hở trống, dầu vậy nhưng chẳng trở ngại, chẳng che khuất nhau.

Vô số ức Bồ Tát cùng đại chúng nhân thiên đều mê muội loạn tâm, thấy thế giới biến động khác thường và nghe ngài A Nâu Lô Đà bảo là Đức Phật đã nhập Niết Bàn, có nhiều người ngất xỉu té xuống đất. Trong đó có người nhập diệt theo Phật, có người mất trí, có người thân tâm rung rẩy, có người nghẹn ngào nước mắt tuôn rơi, có người đấm ngực kêu to, có người cào đầu bứt tóc. Hoặc than khổ thay khổ thay, hoặc kêu sao Đức Như Lai nhập Niết Bàn quá mau, hoặc khóc tôi đã mất đấng tôn kính, hoặc than thế giới trống rỗng, con mắt chúng sanh đã mất, hoặc than quý phiền não lan tràn hoặc than mầm lành của chúng sanh đã chết, hoặc nói ma vương mừng rỡ cõi khô giáp ra nghỉ, hoặc tự trách thân tâm suy giảm vô thường hoặc chánh quán được giải thoát, hoặc cảm thương mất chỗ quy y. Có người máu ửng đỏ khắp thân

chảy lan ra đất. Tất cả đại chúng kêu khóc tiếng động khắp thế giới.

Lúc đó Khi Thí Đại Phạm Thiên Vương biết Phật đã nhập Niết Bàn, liền cùng chư thiên từ cõi sắc bay xuống khóc to nghẹn ngào xiêu té trước Như Lai, giây lâu tỉnh lại buồn than nói kệ rằng :

Thuở xưa Thế Tôn có lời nguyện,
 Vì chúng tôi mà ở Ta Bà,
 Ẩn giấu vô lượng sức tụ tại,
 Dem pháp phương tiện độ chúng sanh,
 Tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp,
 Chúng sanh thọ pháp được an lạc,
 Dứt dứt ra khỏi ba cõi khổ,
 Rốt ráo đều đến đạo Niết Bàn.
 Phật là mẹ lành nuôi chúng sanh,
 Khắp cho uống sữa Đại Từ Bi,
 Nào ngờ nay lại sớm xả ly,
 Trời người bơ vơ mất nương cậy.
 Thương thay mầm lành của chúng sanh,
 Không có cam lồ để tăng trưởng,
 Mầm lành lần lần héo mất rồi,
 Tội nghiệp kéo nhau đọa ác đạo.
 Thế giới trống rỗng biết làm sao,

Huệ nhãn chúng sanh nay đã tắt,
Đi trong đường hắc ám vô minh,
Đọa lạc ba cõi trôi chìm khổ.
Chúng sanh tội ác không ai cứu,
Nguyện nương Xá Lợi cầu giải thoát,
Nhờ sức Đại Bi của Như Lai,
Cứu giúp chúng tôi thoát chốn khổ.
Ngờ đâu giữa cõi đời ác trược,
Phật bỏ chúng tôi nhập Niết Bàn.

Lúc đó Thích Đề Hoàn Nhân cùng chư thiên từ hư không xuống than thở khóc lóc ngất xỉu trước Như Lai, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào rơi lệ quỳ trước Phật nói kệ than thở :

Như Lai nhiều kiếp tu khổ hạnh,
Vì lợi ích quần sanh chúng tôi,
Được thành đạo chánh giác vô thượng,
Đồng thương chúng sanh như con một,
Ban cho thuốc pháp thuốc vô thượng,
Y Sư trị bệnh là Y Vương,
Mây đại từ bi che chúng sanh,
Mưa huệ cam lồ rưới tất cả.
Ánh sáng huệ nhật soi vô minh,
Chúng sanh vô minh thấy thánh đạo,

Từ quang thánh nguyệt chiếu lục thú,
 Ba cõi được soi thoát các khổ.
 Nào ngờ hôm nay bỏ đại bi,
 Đã nhập Niết Bàn chẳng còn thấy,
 Bốn thế Đại Bi nay ở đâu,
 Rời bỏ chúng sanh như mũi dãi.
 Tất cả hàng chúng sanh chúng tôi,
 Như ghé mắt mẹ ắt phải chết,
 Đại chúng cầm tay nhau kêu khóc,
 Đám ngực buồn than động Đại Thiên.
 Khổ thay mọi người trong ba cõi,
 Có gì một mai đều coi cút,
 Chúng tôi hết phước rất là khổ,
 Mềm lành cháy không nước nhuần.
 Nguyện ánh sáng pháp bảo Xá Lợi,
 Chiếu đến tôi thoát khỏi ba cõi,
 Buồn thay khổ thay cho chúng tôi,
 Bao giờ lại được thấy Như Lai.

Lúc bảy giờ ngài A Nâu Lô Đà buồn
 than rơi lệ quỳ trước Phật nói kệ than rằng:
 Chánh pháp Pháp Vương nuôi chúng tôi,
 Cho uống Pháp nhũ lớn khắp thân,
 Chúng sanh Pháp thân chưa thành lập,
 Lại thêm huệ mạng thiếu tư lương,

Dùng tám phạm âm thường diễn thuyết.
Đại chúng nghe rồi đều ngộ đạo,
Thường phóng Đại Bi ngũ sắc quang,
Đại chúng được soi đều giải thoát.
Hôm nay sao lại nhập Niết Bàn,
Chúng sanh tội khổ nương về đâu,
Khổ thay Thế Tôn bỏ Đại Bi,
Chúng tôi cô cùng ắt phải chết,
Dầu biết Thế Tôn hiện phương tiện,
Chúng tôi không thể chẳng buồn thương,
Đại chúng mê muội mất bản tâm,
Khóc động trời đất rúng ba cõi.
Riêng mình Thế Tôn ở an lạc,
Chúng sanh quá khổ sao bỏ đi,
Thuở xưa Thế Tôn vì chúng tôi,
Bỏ đầu chặt tay trong nhiều kiếp.
Được thành đạo chánh giác vô thượng,
Chẳng ở đời lâu vội Niết Bàn,
Đại chúng, chúng tôi ở vô minh,
Ma vương mừng rỡ cười khô giáp,
Nguyện sức từ bi của Thế Tôn,
Xá Lợi phóng quang nhiếp chúng tôi,
Cúi xin Thế Tôn thương tứ chúng,
Pháp bảo lưu truyền mãi chẳng cùng,

Chúng tôi không thể liêu tự chết,
 Mạng sống thừa này được bao lâu,
 Khổ thay đau đớn khó chịu nổi,
 Bao giờ lại thấy Đức Như Lai.

Lúc bấy giờ A Nan ngất xỉu lần lần tỉnh
 lại gơ tay vỗ đầu đấm ngực ghen ngào
 buồn khóc rơi lệ quỳ trước Phật nói kệ buồn
 than:

Xưa tôi cùng Phật đồng thế nguyện,
 May mắn đồng sanh trong giòng Thích,
 Như Lai được thành đạo chánh giác,
 Tôi làm thị giả hai mươi năm,
 Hết lòng cúng dường chưa thỏa lòng,
 Nay Phật bỏ tôi vào Niết Bàn,
 Than ôi, than ôi sao quá khổ,
 Từ đây mãi mãi lòng đón đau.
 Thân tôi chưa thoát lưới ba cõi,
 Vô trướng vô minh chưa ra khỏi,
 Mỏ huệ Thế Tôn chưa mổ vỡ,
 Sao lại bỏ tôi vội Niết Bàn.
 Tôi như trẻ nít vừa mới sanh,
 Mất mẹ chẳng lâu ắt phải chết,
 Có gì Thế Tôn bỏ rơi tôi.
 Để riêng hưởng vui ngoài ba cõi.

Nay tôi sám hối với Thế Tôn,
 Hầu Phật đến nay hai mươi năm,
 Trong lúc đứng ngồi nhiều biếng trễ,
 Không được vui đẹp lòng Thế Tôn,
 Nguyện đấng chánh giác Đại Từ Bi,
 Ban pháp cam lộ tôi an vui,
 Tôi nguyện cùng tận thưở vị lai,
 Thường gặp Thế Tôn làm thị giả.
 Ngưỡng mong Thế Tôn đại từ quang,
 Tất cả thế giới nhiếp thọ tôi,
 Than ôi khổ thay nói chẳng được,
 Ôn Phật ghen ngào chẳng thể bày.

Lúc bảy giờ vô số hàng hà sa Bồ Tát tất cả
 đại chúng trời người buồn khóc rơi lệ chẳng
 xiết than thở. Mọi người khuyên nhủ nhau
 dần bớt lòng buồn khổ, lo sắm sửa vô số
 hương hoa vi diệu : Hoa mạn đà la, hoa ma
 ha mạn đà la, hoa mạn thù sa, hoa ma ha
 mạn thù sa, hương hải thử ngạn, chiêm đàn,
 trầm thủy, hòa hương, hương thủy, hương
 nê, cùng trăm ngàn muôn thứ lọng báu,
 tràng báu, phan báu, chuỗi ngọc, chân
 châu đem đến cúng dường Như Lai.

Nhân dân nam nữ lớn nhỏ trong thành

Câu Thi Na đều buồn khóc rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa phan lọng tốt đẹp đem đến cúng dường Như Lai.

Tứ Thiên Vương cùng thiên chúng buồn than rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa phan lọng đem đến cúng dường Như Lai.

Đao Lợi Thiên Vương, Dạ Ma Thiên Vương, Đâu Suất Thiên Vương, Hóa Lạc Thiên Vương, Tha Hóa Thiên Vương, Sắc Giới Thiên Vương, Vô Sắc Giới Thiên đều cùng thiên chúng buồn thươngthan thở mang vô số hoa hương phan lọng vi diệu đến cúng dường Như Lai.

PHẨM TRÀ TỖ

THỨ HAI MƯƠI TÁM

Lúc đó tất cả nhân dân nam nữ trong thành Câu Thi Na hỏi ngài A Nan pháp tắc trà tỳ đối với Đức Như Lai.

Ngài A Nan thuật lại lời Phật nên theo pháp tắc Chuyển Luân Thánh Vương.

Tất cả nhân dân buồn khóc rơi lệ trở vào trong thành làm kim quan dùng thất bảo trang nghiêm, cùng lo sắm ngàn bức bạch điệp vô giá, vô số bông đầu la miên mềm nhuyễn, vô số chiên đàn, trầm thủy, hòa hương hương thủy, hương nê, phan lọng hoa hương v.v... Sắm sửa xong, cùng nhau đến trước Phật rơi lệ nghẹn ngào mà dâng lên cúng dường.

Lúc đó đại chúng buồn thương cung kính dùng bạch điệp tốt che tay đỡ Như Lai vào trong kim quan đổ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Nhân dân trong thành Câu Thi Na vì tham phước lành, không muốn cho đại chúng trời người khiêng kim quan của

Phật, họ sai bốn đại lực sĩ thỉnh kim quan của Phật vào trong thành để cúng dường. Bốn đại lực sĩ này vận dụng hết sức mình mà vẫn không động được kim quan. Trong thành lại sai tám đại lực sĩ, rồi đến mười sáu đại lực sĩ, nhưng vẫn không khiêng nổi.

Ngài A Nâu Lô Đà thông thả bảo các lực sĩ rằng: Dầu cho tất cả nhân dân trong thành cũng không khiêng nổi kim quan, huống là các ông. Các ông phải thỉnh đại chúng cùng chư thiên trợ lực các ông mới khiêng kim quan vào thành được.

Lúc đó Thiên Đế Thích cùng chư thiên cầm lọng thất bảo lớn cùng vô số hoa hương phan lọng các thứ âm nhạc, khóc lóc rơi lệ ở giữa hư không giăng che cúng dường kim quan của Phật. Lục dục thiên cùng sắc giới thiên cũng đồng cúng dường kim quan như Đế Thích.

Đức Đại Bi của Thế Tôn muốn cho thế gian được tâm bình đẳng đồng được phước, kim quan liền từ rừng Ta La tự bay lên hư không cao bằng một cây Đa La.

Nhân dân trong thành Câu Thi Na và tất

cả đại chúng trời người, vì không được khiêng kim quan nên tự cảm thương kêu khóc.

Chư thiên đem hoa hương châu ngọc rải trước kim quan, vãn vũ quanh kim quan. Đồng than thở xướng to rằng: Khô thay! Khô thay! Chúng ta vô phước chẳng được khiêng kim quan.

Lúc đó kim quan của Phật bay trên hư không, từ rừng Ta La bay chậm chậm vào cửa Tây thành Câu Thi Na, Tất cả nhân dân đại chúng trời, người, Bồ Tát, Thanh Văn, hoặc đi dưới đất, hoặc đi trên hư không, theo sau kim quan buồn khóc than thở nghẹn ngào rơi lệ.

Thành Câu Thi Na mỗi phía rộng bốn mươi tám do tuần. Kim quan của Phật bay chậm chậm trên hư không vòng ra cửa Đông hữu nhiều vào cửa Nam, rồi vẫn bay chậm chậm trên hư không mà ra cửa Bắc, lại tả nhiều vào cửa Tây. Bay nhiều đủ ba vòng như vậy, kim quan bay chậm chậm trên không vào cửa Tây rồi ra cửa Đông, tả nhiều vào cửa Bắc lại ra cửa Nam, hữu

nhiều trở lại vào cửa Tây, bay như vậy đủ bốn vòng.

Lúc kim quan của Phật bay vào thành, vô số đại chúng mang vô số gỗ thơm, chiên đàn, trầm thủy, tất cả hương báu cùng vô số phan lọng hương hoa chuỗi ngọc đến chỗ trà tỳ.

Tứ Thiên Vương cùng chư thiên cũng đem những thứ hương thượng diệu cõi trời đến chỗ trà tỳ.

Chư thiên cõi trời Đạo Lợi nhả đến chư thiên cõi trời Tha Hóa cũng đều đem vô số thứ hương thượng diệu cõi trời và phan lọng hoa hương chuỗi ngọc gấp bội trời Tứ Thiên Vương đến chỗ trà tỳ.

Chư thiên cõi sắc, cõi vô sắc chỉ đem hương hoa đến chỗ trà tỳ.

Ngài A Nâu Lô Đà, lệ đầy mắt chẳng xiết buồn thương, khát gỗ thơm chiên đàn trầm thủy cõi trời đủ sáu ngàn cây đem đến chỗ trà tỳ.

Lúc Đức Thế Tôn mới thành đạo, bờ phía Bắc sông Hằng mọc lên một cây chiên đàn, lớn như bánh xe, cao bằng bảy cây Đa La.

Hơi thơm bay tỏa khắp nơi Thọ Thần của cây chiên đàn này sanh đồng thời với cây, thường đem hương của cây này đến cúng dường Phật. Giờ Phật nhập Niết Bàn, cây chiên đàn này liền chết nhánh lá khô rụng, Thọ Thần này cũng chết theo cây. Các vị thần khác đem cả cây chiên đàn đã chết khô này đến chỗ trà tỳ để cúng dường.

Nơi đây là chỗ trà tỳ của tam thế chư Phật. Nơi đây có vô lượng tháp báu của chư Phật quá khứ. Nơi đây là chỗ đất Kim cang cứng chắc.

Lúc đó kim quan của Phật bay chậm chậm trên không hữu nhiễu, tả nhiễu bay quanh thành Câu thi Na đủ bảy vòng, rồi từ từ hạ xuống trên giường thất bảo, trong thời gian đó trải qua bảy ngày.

Nhân dân đại chúng trời người, Thanh Văn, Bồ Tát cầm phan lọng hoa hương buồn khóc rơi lệ theo sau kim quan trọn bảy ngày.

Do thần lực của Phật, tất cả đại chúng đều không đói khát, không một ai nghĩ đến ăn uống, chỉ thành tâm cung kính mền luyến

Đức Như Lai.

Vì đã đủ bảy ngày sắp đem Như Lai ra khỏi kim quan, đại chúng kêu khóc chấn động thế giới, dùng bạch điệp mịn nhuộm che tay cung kính phò thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai an lành ra khỏi kim quan để trên giường thất bảo.

Đại chúng càng thêm buồn thương than khóc, đem hoa hương, trời âm nhạc cúng dường Như lai.

Mọi người mắt đầy lệ, miệng nghẹn ngào, dùng vô số hương thủy, cung kính tắm rửa thân Như Lai từ đầu đến chân. Cũng rửa kim quan trong ngoài sạch sẽ.

Tắm rửa thân Như Lai xong, đại chúng lại đem vô số hương hoa phan lọng buồn thương khóc lóc, cúng dường như Lai. Dùng vô số bông dâu la miên mịn màng bao bọc thân Kim Cang của Như Lai từ đầu đến chân. Rồi lấy bạch điệp vô giá tuần tự quấn ngoài bông dâu la miên đủ một ngàn bức.

Đại chúng lại khóc than cúng dường rồi lấy bạch điệp che tay cung kính phò thân

Như Lai vào trong kim quan, đổ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Đại chúng lại buồn than khóc lóc trối âm nhạc dâng hương hoa cúng dường kim quan.

Sau đó đại chúng chắt gỗ thơm chiên đàn trầm thủy thành lều hương lớn, bốn phía treo giăng những lọng báu phan đèn, chuỗi ngọc, dây vàng. Mùi gỗ thơm bay tỏa khắp thành.

Sau khi dâng hoa hương, trối âm nhạc thương khóc cúng dường, đại chúng trời người dùng bạch điệp che tay cung kính khiêng kim quan để lên lều hương.

Đại chúng lại than khóc, nhiều người ngất xỉu. Khi tỉnh lại đồng kêu rằng: Khổ thay! Khổ thay! Nào ngờ cuối cùng không chỗ nương cậy! Than xong nghẹn ngào rơi lệ lại rải hương hoa, treo phan lọng, trối âm nhạc cúng dường Như Lai.

Lúc đó sắp sửa nổi lửa trà tỳ, đại chúng lại kêu gào than khóc chấn động cõi đại thiên trần thiết cúng dường kim quan của Phật.

Mọi người vừa khóc lóc lệ đầy mắt, đều cầm đuốc hương lớn cả ôm, cháy sáng cả vùng, đem đến châm vào lều gỗ thơm. Khi đến gần lều gỗ thơm, tất cả ngọn đuốc đều tự nhiên tắt. Đại chúng lại thay vô số đuốc khác ném vào dưới lều hương, tất cả ngọn đuốc cũng đều tắt.

Trăm ngàn Hải Thần đem đuốc lớn thắt bảo đến châm vào lều hương, những đuốc này cũng đều tắt.

Đại chúng chẳng biết có gì trà tỳ chẳng được, đây có lẽ Đức Như lai còn có nhân duyên gì chưa xong.

Lúc đó ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo ở tại núi Kỳ Xà Quật cách thành Câu Thi Na năm mươi do tuần, đương nhập Tam Muội, bỗng nhiên tim nhảy thân rung, liền xuất định thấy núi cây đều chấn động, biết rằng Đức Như Lai đã nhập Niết Bàn. Ngài bảo các Tỳ Kheo: Đức Đại Sư Thế Tôn của chúng ta đã nhập Niết Bàn bảy ngày rồi, hiện đã vào trong kim quan.

Khổ thay! Khổ thay! Chúng ta phải mau đến chỗ Đức Như Lai, sợ rằng đã trà tỳ rồi

chẳng còn được thấy sắc thân chơn tịnh ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật.

Ngài Ma Ha Ca Diếp vì lòng kính trọng Phật nên chẳng dám dùng thần thông bay đi, bèn dắt các Thầy Tỳ Kheo đi bộ bảy ngày mới tới thành Câu Thi Na.

Trên đầu đường cửa Đông, ngài Ma Ha Ca Diếp thấy một Bà La Môn tay cầm một nhánh thiên hoa đi ngược chiều, liền hỏi: “Ông từ đâu mà đến đây?”

Bà La Môn đáp: Đức Phật đã nhập Niết Bàn, tôi vừa ở chỗ trà tỳ về”.

_ Ông đương cầm đó là hoa gì ?

_ Tôi ở chỗ trà tỳ được cành hoa trời này.

Ngài Ma Ha Ca Diếp ngỏ ý xin hoa ấy.

Bà La Môn nói: Không được! Tôi muốn đem hoa này về cho thân tộc tôi cúng dường trong nhà.

Ngài Ma Ha Ca Diếp bèn mượn cành hoa, hai tay cung kính để lên đầu mình, liền ngắt xiủ té xuống đất. Giây lâu tỉnh lại suy nghĩ rằng: Ở đây than khóc, chẳng thấy được sắc thân huỳnh kim của Như Lai cũng

không ích gì.

Nghĩ xong, liền cùng các Tỳ Kheo đi gấp vào cửa Bắc thành Câu Thi Na, ghé vào một tầng phòng thấy các Tỳ Kheo đang hội họp.

Các Tỳ Kheo này bảo ngài rằng: Xem các ông dường như từ xa mới đến, có lẽ nhọc nhằn đói khát, nên ngồi nghỉ chờ đến giờ ăn.

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói: Đấng Đại Sư đã nhập Niết Bàn, chúng tôi còn lòng nào ở yên đây chờ ăn.

_Đại Sư là ai?

_Khổ thay, đau đớn thay! Các Thầy chẳng biết ư? Đấng Đại Giác Thế Tôn nay đã nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo này nghe rồi vui mừng lắm, nói rằng: Sướng lắm! Sướng lắm! Đức Như Lai còn tại thế cảm răn chúng ta, đặt ra giới luật nghiêm tuấn, chúng ta chẳng chịu nổi. Nay đã nhập diệt, những giới luật nghiêm tuấn ấy cũng phải bỏ. Các ông thông thả chờ ăn uống, có gì phải vội gấp.

Đức Phật dùng thần lực bít tai chư thiên

và các Tỳ Kheo theo ngài Ca Diếp. Những Tỳ Kheo này cùng chư thiên đều chẳng nghe những lời ác của các Tỳ Kheo vừa nói. Chỉ một mình ngài Ma Ha Ca Diếp nghe thôi.

Lúc đó, ngài Ca Diếp dắt các Tỳ Kheo rời tăng phòng vội vã đến chỗ Phật. Vừa đi vừa suy nghĩ chúng tôi làm sao được có những đồ cúng dường, để khi đến chỗ Phật dâng lên cúng dường?

Ngài Ma Ha Ca Diếp lại suy nghĩ: Tôi vốn sanh trưởng ở trong thành này, nay xin đồ cúng dường có lẽ cũng được.

Ngài liền dắt các Tỳ Kheo ghé từng nhà để xin, được ngàn bức bạch điệp tốt, vô số bông đầu la miên, cùng rất nhiều hương hoa, hương nê, hương thủy, hương du, phan lọng, hàng màu, chuỗi ngọc.

Xin đồ cúng dường xong, các ngài lật đật mang ra cửa Tây. Từ xa nghe vẳng tiếng đại chúng than khóc ở chỗ trà tỳ. Nghe đại chúng hỏi Thiên Đế cúng dường đã xong làm sao có lửa để đốt lâu hương? Nghe Thiên Đế đáp rằng đại chúng nên chờ, ngài

Ma Ha Ca Diếp sắp đến.

Tất cả đại chúng đương buồn khóc thấy ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo vừa đi, vừa khóc mà đến, liền tránh đường nhường chỗ cho ngài Ma Ha Ca Diếp đi thẳng vào lầu hương. Ngài Ma Ha Ca Diếp dắt các Tỳ Kheo vòng lên kim quan mà lễ bái kêu khóc ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nước mắt tuôn rơi, hỏi đại chúng rằng: “Làm sao để được mở kim quan của Phật?”

Đại chúng đáp: “Phật nhập Niết Bàn đã trải qua hai thất, sợ có tổn hoại chăng?”

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói: “Thân của Như Lai là thân Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh, không thể có sự hư rã, thân Phật thơm tho ngào ngạt như núi Chiên Đàn.”

Nói xong các ngài liền đến bên kim quan than thở khóc lóc.

Lúc đó Đức Như Lai Đại Bi bình đẳng vì ngài Ma Ha Ca Diếp nên kim quan tự nhiên mở nắp. Ngàn trang bạch điệp cùng bông đầu la miên đều tự tháo tung, lộ bày thân huỳnh kim ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vừa thấy kim thân của Phật lộ ra,

các ngài liền ngắt xiu té xuống, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào than khóc, nước mắt chảy tuôn đem hoa hương phan lọng hàng màu chuỗi ngọc của mình xin được dâng lên cúng dường, rồi lấy hương nê hương thủy tắm rửa kim thân của Như Lai, đốt hương rải hoa khóc lóc cúng dường. Sau đó các ngài đem bông đầu la miên của mình bao trùm kim thân kẻ lấy bông đầu la miên cũ bao ngoài. Lại lấy ngàn bức bạch điệp của mình tuần tự quán ngoài bông đầu la miên, kẻ đó lấy ngàn bức bạch điệp cũ cũng theo thứ tự quán ngoài bạch điệp mới. Sau khi quán bạch điệp xong nắp kim quan liền đóng lại.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo khóc lóc rơi lệ đi nhiều kim quan bảy vòng, quỳ gối chấp tay nói kệ than thở :

Khổ thay khổ thay đáng Đại Thánh,
 Nay tôi đau đớn như cắt lòng,
 Thế Tôn diệt độ sao quá sớm,
 Đại Bi chẳng thể nán chờ tôi.
 Trong thiên định ở núi Xà Quật,
 Tôi khắp tìm Phật đều chẳng thấy,
 Nhìn lại thấy Phật đã Niết Bàn,

Thoạt vậy thân tâm tôi kinh động.
Bỗng thấy mây đen khắp thế gian,
Lại thấy núi cây đều chấn động,
Liền biết Như Lai đã Niết Bàn,
Chúng tôi vội đến chẳng được thấy.
Thế Tôn Đại Bi chẳng đến tôi,
Khiến tôi chẳng thấy Phật nhập diệt,
Chẳng được nghe một lời dạy bảo,
Tôi nay coi cùng biết nương đâu!
Thế Tôn ôi! Tôi quá đau đớn,
Rối loạn tinh thần tâm mê muội
Nay tôi cúi lạy đầu Thế Tôn,
Và cũng kính lạy ngực Thế Tôn,
Kính lễ hai tay của Đại Thánh,
Và cũng kính lễ lưng Thế Tôn,
Cung kính đánh lễ rún Thế Tôn,
Thâm tâm kính lễ chân của Phật.
Khổ thay chẳng thấy Phật Niết Bàn,
Xin hiện bày chỗ tôi kính lễ.
Như Lai ở đời chúng an vui,
Nay nhập Niết Bàn đều rất khổ.
Buồn thay buồn thay quá đau đớn,
Đại Bi hiện bày chỗ tôi lễ.

Lúc ngài Ma Ha Ca Diếp khóc than nói

kệ rồi, đấng đại bi Thế Tôn liền hiện hai bàn chân thiên bực luân tướng ra ngoài kim quan. Từ thiên bực luân phóng ngàn tia sáng chiếu khắp tất cả thế giới ở mười phương.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo thấy chân Phật, đồng thời cúi lạy tướng thiên bực luân. Vì quá cảm động, các ngài mê muội ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào kêu khóc, đi nhiễu bảy vòng rồi lại đảnh lễ chân Phật buồn khóc nói kệ rằng :

Như Lai tâm Đại Bi trọn vẹn,
 Từ quang bình đẳng không phân biệt,
 Chúng sanh có cảm đều ứng hiện,
 Cho tôi được thấy tướng túc luân.
 Nay tôi thâm tâm quy mạng lễ,
 Đấng hai chân thiên bực luân tướng,
 Trong thiên luân phóng ngàn tia sáng,
 Chiếu khắp cõi Phật ở mười phương.
 Nay tôi quy y cúi đầu lạy,
 Thiên bực luân tướng phóng ánh sáng,
 Chúng sanh được chiếu đều giải thoát,
 Tam đồ bát nạn đều lìa khổ.
 Tôi lại quy y cúi đầu lạy,

Ánh sáng khắp cứu các ác thú.
Thuở xưa Thế Tôn từ nhiều kiếp,
Vì chúng tôi siêng tu khổ hạnh,
Ngày nay chúng được thân kim cang,
Do đây dưới chân ngàn tia sáng.
Buồn thương cúi đầu quy mạng lễ,
Thiên luân an lạc các chúng sanh.
Phật tu công đức vì tất cả,
Dưới cội đạo thọ hàng bốn ma,
Bốn ma hàng rồi dẹp ngoại đạo,
Nhân đây chúng sanh được chánh kiến.
Cung kính quy y cúi đầu lạy,
Chân sáng khiến chúng được chánh kiến,
Phật là cha lành của tất cả,
Chân sáng bình đẳng độ chúng sanh.
Tôi lại quy y cúi đầu lạy,
Chân sáng bình đẳng cứu thoát khổ,
Tôi gặp chân sáng thiên bực luân,
Buồn mừng xen lộn đau đớn lòng.
Tôi lại khóc than cúi đầu lạy,
Tướng sáng thiên luân có cảm ứng,
Quy y cúi lạy ánh sáng chân,
Nương thừa rốt ráo ra ba cõi.
Kính lễ chân trời người quy y,

Ánh sáng khắp soi ba cõi khổ,
 Chúng sanh chưa được giải thoát khổ,
 Thấy đều qui mạng chân thiên quang.
 Chúng tôi luân hồi chưa ra khỏi,
 Có sao chân Phật lại bỏ rơi,
 Thương thay, thương thay cho chúng sanh.
 Tia sáng thiên luân mãi chẳng thấy,
 Sám hối với đấng Đại Từ Bi,
 Đánh lễ chân vàng ngàn tia sáng.
 Buồn thay nay gặp tướng Thiên Luân,
 Từ đây lúc nào được thấy lại!

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo
 nói kệ trên đây rồi, lại ngắt xiu mê muội,
 giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào buồn thương
 không dẫn được.

Hai chân Kim Cang thiên bức luân tướng
 của Đấng Đại Giác Thế Tôn tự rút vào kim
 quan đóng kín như cũ.

Tất cả nhân dân đại chúng trời người ngó
 thấy ngài Ma Ha Ca Diếp càng thêm sầu
 khổ đấm ngực kêu gào, tiếng khóc than
 vang động cả thế giới, đem lễ vật nghẹn
 ngào dâng cúng.

Lúc đó trong thành Câu Thi Na sai bốn

lục sĩ đeo chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân, tay cầm đuốc lớn như bánh xe ngọn lửa chói sáng, đến đốt lều hương để trà tỳ Như Lai. Vừa đến lều hương lửa đuốc liền tắt. Trong thành lại sai tám lục sĩ, lần lượt sai đến ba mươi sáu đại lục sĩ, mỗi lục sĩ vác đuốc lớn đến châm vào lều hương để đốt. Tất cả lửa đuốc đều tắt.

Ngài Ma Ha Ca Diếp bảo các lục sĩ cùng mọi người rằng kim quan của Phật, lửa trong tam giới không thể đốt cháy được. Đại chúng nên biết rằng giả sử tất cả những lửa trên trời cùng nhân gian đều không thể trà tỳ kim quan của Như Lai. Mọi người chớ gắng gượng luống đốt nhọc nhằn.

Đại chúng nghe lời trên đây càng thêm buồn khổ đồng nhau đánh lễ cúng dường đi nhiễu kim quan bảy vòng, tiếng khóc than vang động cả mười phương.

Lúc bấy giờ Đức Như Lai dùng sức Đại Bi, từ nơi ngực phóng ngọn lửa ra ngoài kim quan, lần lần đốt cháy lều hương trải qua bảy ngày mới cháy hết.

Tất cả đại chúng trời người cùng nhân

dân nam nữ trong thành cũng buồn than khóc lóc trợn bảy ngày không dứt tiếng, đồng thời chẳng ngót cúng dường đánh lễ.

Lúc đó Tứ Thiên Vương đều nghĩ rằng : Tôi dùng nước thơm tưới tắt lửa, gấp lượm lấy Xá Lợi đem về cõi trời cúng dường. Nghĩ xong, Tứ Thiên Vương liền mang bình vàng đựng đầy nước thơm, lại đem bốn cây cam nhũ, bốn cây này mọc ở trên bốn triền núi Tu Di, mỗi cây cao trăm do tuần, lớn một ngàn ôm, đồng đến chỗ trà tỳ. Thiên Vương trút nước thơm trong bình, bốn cây tuôn nước cam nhũ tưới trên ngọn lửa. Tưới xong, thấy lửa càng mạnh không tắt.

Lúc đó Hải Thần cùng Ta Già La Long Vương và Giang Thần, Hà Thần thấy Tứ Thiên Vương tưới nước thơm chẳng tắt lửa, đều nghĩ rằng: Chúng ta đem nước thơm tưới tắt lửa thâu gấp Xá Lợi đem về cúng dường tại chỗ của chúng ta. Nghĩ xong, mỗi thần cầm bình báu đựng vô lượng nước thơm mang đến chỗ trà tỳ đồng thời tưới trên lửa, thấy lửa như cũ không tắt chút nào.

Ngài A Nâu Lô Đà hỏi Tứ Thiên Vương cùng các Thần: Các ông tưới nước thơm, có phải muốn lửa tắt để lấy Xá Lợi về cúng dường tại chỗ ở của các ông chăng?

_Thưa ngài A Nâu Lô Đà! Đúng như vậy.

Ngài A Nâu Lô Đà bảo Tứ Thiên Vương: Các ông lòng quá tham! Nếu tắt cả Xá Lợi đều theo các ông về thiên cung, người ở địa cầu làm sao lên trời được để cúng dường?

Ngài lại bảo các Thần: Các ông ở trong biển lớn dưới sông sâu, nếu các ông đem Xá Lợi của Đức Như Lai về chỗ ở của các ông, thì người trên mặt đất này làm sao đến đó để cúng dường?

Tứ Thiên Vương cùng chư Thần đều sám hối.

PHẨM CÚNG DƯỜNG XÁ LỢI THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Lúc đó, Thiên Đế cầm bình thất bảo cùng đồ cúng dường đến chỗ trà tỳ, ngọn lửa tự nhiên đồng thời tắt. Thiên Đế liền mở nắp kim quan, muốn thỉnh răng nanh của Phật.

Ngài A Nâu Lô Đà liền ngăn lại và hỏi: “Ông làm gì thế?”

Thiên Đế nói: Tôi muốn thỉnh răng nanh Phật về trời cúng dường.

Ngài A Nâu Lô Đà bảo: “Chớ vội lấy! Ông nên chờ đại chúng để cùng nhau chia.”

Thiên Đế nói: Trước kia đức Phật hứa cho tôi một răng nanh Xá Lợi, vì có ấy nên tôi vừa đến thời lửa liền tắt.

Nói xong, Thiên Đế liền lấy một răng nanh xá Lợi ở hàm trên bên hữu đem về thiên cung xây tháp cúng dường.

Lúc đó có hai quý La Sát Thiệp Tập ẩn thân theo sau Đế Thích, mọi người đều chẳng thấy, hai quý trộm lấy một cặp răng nanh Xá Lợi của Phật.

Tất cả đại chúng cùng nhân dân trong thành đồng thời muốn tranh lấy xá lợi.

Ngài A Nâu Lô Đà bảo rằng: Đại chúng nên chằm rãi chờ! Như lời Phật dạy phải theo đúng pháp cùng nhau chia để cúng dường.

Mọi người chẳng nghe theo lời ngài A Nâu Lô Đà, đều võ trang muốn dành lấy Xá Lợi. Đồng áp đến bên kim quan, nhìn thấy bông Đâu La Miên cùng bạch điệp còn nguyên chẳng cháy, Thấy thế mọi người đứng nhìn cất tiếng khóc than, đồng cúng dường đảnh lễ, quỳ xuống rơi lệ nói kệ tán thán rằng:

Như Lai do sức đại tự tại,
 Tất cả thế gian được tự tại,
 Đại Bi bốn nguyện ở cõi này,
 Vòng quanh biển khổ độ chúng sanh.
 Vô lượng trí huệ sức thần thông,
 Ra vào sanh tử không chướng ngại,
 Một thân hiện ra làm nhiều thân,
 Nhiều thân một thân làm vô lượng.
 Thần biến ứng khắp người đều thấy,
 Không duyên liền hiện nhập Niết Bàn,

Chúng tôi hết phước không duyên ứng,
Nên bị Như Lai buông bỏ rời.
Kim quan của Phật nơi Song Thọ,
Tất cả lực sĩ không khiêng nổi,
Do sức Đại Bi tự cất lên,
Bay trên hư không một Đa La.
Chậm rãi bay vòng thành Thi Na,
Bảy ngày bay đủ bảy vòng thành,
Sau đó tự đến chỗ trà tỳ,
Thần lực bất cộng làm việc ấy.
Đại chúng trời người không lường được,
Đức Phật ở trong Đại Niết Bàn,
Kim Cang bất hoại sức tự tại,
Tất cả lửa đuốc đều chẳng cháy,
Từ nơi giữa ngực phóng chơn hỏa,
Bảy ngày đốt cháy mới hết củi,
Trời người không thể tắt lửa này,
Đại Bi Thế Tôn hiện thần lực.
Đế Thích vừa đến lửa bèn tắt,
Bông Đâu La Miên bao thân Phật,
Ngọn lửa quá to mà chẳng cháy,
Ngàn trương bạch điệp quấn thân Phật,
Ở trong lửa hừng mà chẳng cháy,
Mới biết Như Lai sức tự tại.

Tự tại với pháp là Pháp Vương,
Kính lễ Từ Tôn trong ba cõi,
Lễ đáng vô úy trong các thành,
Lễ đáng đại từ che tất cả,
Lễ đáng thần biến đại tự tại,
Chúng tôi từ nay xa Thế Tôn,
Buồn khổ không ai cứu vớt được,
Buồn thay, thương thay đáng Đại Thánh,
Vĩnh biệt ngày nào lại thấy Phật!

Đại chúng nói kệ xong, than khóc cúng dường. Lúc đó ngài A Nâu Lô Đà vì tất cả đại chúng mà chẫm rãi tháo bạch điệp cùng bông Đâu La. Ngàn bức bạch điệp của Ma Ha Ca Diếp đều còn nguyên vẹn. Ngàn bức bạch điệp của nhân dân trong thành trừ một lớp ngoài còn nguyên, ngoài ra đều cháy ra tro tất cả. Bông Đâu La Miên còn nguyên như cũ.

Ngài A Nâu Lô Đà đem bạch điệp Đâu La Miên còn nguyên không cháy này cắt nhỏ ra chia cho đại chúng khiến đem về xây tháp cúng dường. Ngài lại đem tro bạch điệp cũng chia cho đại chúng. Những thứ tro khác đại chúng riêng tự lấy để đem về

xây tháp cúng dường.

Người trong thành Câu Thi Na đã sắm sẵn tám cái ché bằng vàng, mỗi ché dung lượng một hộc, cùng tám tòa sư tử trang nghiêm bằng bảy báu. Ché vàng để trên tòa sư tử, mỗi tòa có ba mươi hai lục sĩ khiêng. Trên mỗi tòa có ba mươi hai gái đẹp trang sức lộng lẫy: Áo màu, chuỗi ngọc. Tám người vịn ché vàng, tám người cầm lọng báu, tám người cầm gươm báu, tám người cầm cờ Tiết dựng bốn mặt ché.

Theo sau mỗi tòa, có vô lượng đại chúng trời nhạc cầm phan lọng rải hương hoa. Lại có vô lượng võ sĩ cầm cung tên kiếm kích vệ hộ tòa sư tử.

Lúc khiêng tám tòa sư tử ra khỏi thành, nhân dân trong thành liền đem vô số hương thủy hương nê theo sau lục sĩ, để sửa sang mặt đất làm thành con đường bằng phẳng thơm sạch thẳng đến chỗ trà tỳ. Nhân dân lại giăng treo vô số phan lọng hương hoa chuỗi ngọc chơn châu trang nghiêm hai bên đường để chờ cung nghinh xá lợi của Như Lai.

Lúc các lực sĩ khiêng tám tòa sư tử báu đến chỗ trà tỳ đại chúng cất tiếng kêu khóc vang động, cùng nhau đánh lễ chí tâm cúng dường Như Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức Đại Bi làm cho thân Kim Cang nát thành hột Xá Lợi nhỏ, chỉ bốn răng nanh còn nguyên vẹn.

Đại chúng ngó thấy Xá Lợi càng thêm buồn thương than khóc đồng đánh lễ cúng dường.

Ngài A Nâu Lô Đà cùng người trong thành vừa khóc than rơi lệ, vừa thâu lấy Xá Lợi để vào trong ché vàng trên tòa sư tử. Tám ché vàng đựng đầy Xá Lợi của Phật mới hết.

Đại chúng thấy thân Xá Lợi vào ché vàng xong, lại khóc lóc đánh lễ cúng dường.

Các đại lực sĩ cùng nhân dân đại chúng rước Xá Lợi vào thành Câu Thi Na để giữa ngã tư đường. Người trong thành võ trang bốn đội quân phòng vệ bốn mặt thành. Lại sai năm trăm nhà chú thuật giỏi chia ra gìn giữ bốn cửa thành. Dầu võ trang phòng vệ như vậy, nhưng trọn không có lòng chiến

tranh.

Ngoài thành cũng như trong thành, nhân dân treo vô số phan lọng.

Tám ché vàng đựng Xá Lợi để yên trên tòa sư tử trọn bảy ngày.

Đại chúng trời người cũng trọn bảy ngày khóc than chẳng dứt và không ngớt đánh lễ cúng dường.

Mỗi tòa sư tử đều có năm trăm nhà chú thuật gìn giữ, phòng ngừa có Thiên, Long, Dạ Xoa, Quỷ Thần đến lén lấy Xá Lợi.

Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng dòng Thích Ca thân quyến của Phật, vì thần lực của Phật nên sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn hai mươi một ngày mới hay tin. Quốc Vương cùng dòng họ Thích lật đật đến thành Câu Thi Na, thấy khắp thành phan lọng rợp trời, quân đội và các nhà chú thuật gìn giữ bốn cửa thành nghiêm ngặt.

Quốc Vương Ca Tỳ La hỏi thăm biết rằng Phật nhập Niết Bàn đã qua hai mươi tám ngày, trà tỳ rồi sắp sửa chia Xá Lợi. Quốc Vương xin phép các nhà chú thuật cùng quân đội giữ thành để được vào đánh

lễ Xá Lợi của Đức Như Lai. Người giữ thành liền cho Quốc Vương cùng dòng họ Thích vào thành.

Vừa thấy Xá Lợi của Phật đựng trong ché vàng trên tòa sư tử, Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng người họ Thích Ca đều rơi lệ ghen ngào cúi đầu đánh lễ rồi đi nhiễu bảy vòng, muốn thỉnh một phần Xá Lợi của Đức Như Lai đem về nước cúng dường.

Đại chúng đáp rằng: Dầu biết các ông là quyền thuộc dòng Thích Ca, nhưng Đức Thế Tôn trước kia có dặn phân chia Xá Lợi, chưa nghe nói đến các ông. Xá Lợi này đều có thỉnh chủ, đâu dám chia cho các ông, các ông nên trở về.

Quốc Vương cùng người dòng Thích Ca thỉnh Xá Lợi chẳng được, vì quá đau đớn nên kêu gào ngắt xiú, giây lâu tỉnh lại bảo đại chúng rằng: Đức Thế Tôn giáng sanh trong dòng Thích Ca của chúng tôi, nay vì thương xót các ông mà nhập Niết Bàn tại đây. Sao các ông lại hẹp hòi khinh khi chúng tôi mà chẳng chịu chia một phần Xá Lợi. Nói xong, đồng đánh lễ Xá Lợi đi

nhiều bảy vòng, buồn khóc rơi lệ ôm giận mà trở về Ca Tỳ La Vệ.

Vua A Xà Thế chúa nước Ma Già Đà chẳng hay Đức Như Lai nhập Niết Bàn. Trong đêm Đức Phật nhập Niết Bàn, vua mộng thấy mặt trăng rớt, mặt trời từ đất mọc lên, các ngôi sao rơi rớt khắp nơi, hơi khói từ đất bay lên, bảy sao chổi hiện ra trên trời, lửa lớn cháy khắp hư không rồi đồng thời sa xuống đất. Khi tỉnh giấc lòng vua kinh sợ triệu các quan đến để hỏi.

Các quan tâu rằng: Đây là điềm Đức Phật nhập Niết Bàn. Sau khi Đức Phật diệt độ, lục đạo chúng sanh phiền não nổi dậy, nên nhà vua thấy lửa to cháy từ hư không sa xuống đất. Nguyệt ái từ quang của Phật đều tắt mất nên nhà vua thấy mặt trăng lặn. Tám muôn luật nghi tắt cả giới pháp, chúng sanh không tuân hành mà theo tà pháp đọa nơi địa ngục, nên nhà vua thấy các ngôi sao sa xuống. Tam đồ ác đạo hiện khắp thế gian, chúng sanh bị khổ như ánh nắng gay gắt nóng bức, nên nhà vua thấy mặt trời từ đất mọc lên.

Vua A Xà Thế liền cùng các quan suốt đêm thẳng đến thành Câu Thi Na, muốn vào thành để đánh lễ Kim Cang Xá Lợi của Như Lai, người giữ cửa thành cho vua cùng các quan vào thành. Đến giữa ngã tư đường nhà vua thấy ché vàng đựng Xá Lợi để trên tòa sư tử, liền rơi lệ khóc lóc, cùng các quan đồng đánh lễ cúng dường đi nhiễu Xá Lợi bảy vòng. Vua A Xà Thế yêu cầu đại chúng cho thỉnh một phần Xá Lợi để đem về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Vua A Xà Thế thỉnh Xá Lợi không được liền đánh lễ buồn tức trở về nước.

Vua nước Tỳ Gia Ly, vua nước A Lặc Già La, vua nước Tỳ Nậu, vua nước Sư Già Na, vua nước Ba Kiên La, hay tin Phật nhập Niết Bàn đều dắt các quan đi gấp đến thành Câu Thi Na, thấy vô số quân binh phòng vệ bốn cửa thành, các vua xin vào thành để đánh lễ cúng dường Xá Lợi. Người giữ thành liền mở cửa cho vào. Sau khi buồn than đánh lễ cúng dường Xá Lợi xong, các vua đều xin chia phần Xá Lợi để thỉnh về nước cúng dường. Đại chúng không bằng

lòng. Các vua sâu khổ đánh lễ Xá Lợi buồn tức trở về nước.

Khi về đến nước nhà, Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng vua các nước đều sai sứ đến thành Câu Thi Na để xin thỉnh Xá Lợi. Người trong thành Câu Thi Na bảo rằng: Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn tại nước của chúng tôi, toàn thân Xá Lợi phải để tại nước chúng tôi cúng dường mãi mãi, quyết chẳng chia cho người nước ngoài.

Sứ giả của các nước bảo rằng: Nếu chịu chia xá Lợi cho các nước thì tốt, bằng không, chúng tôi, buộc phải dùng sức mạnh để đoạt lấy.

Vua A Xà Thế lại sai đại tướng Võ Hành đem binh đến bảo người trong thành Câu Thi Na: “Nếu chịu chia Xá Lợi thì tốt, bằng không chúng tôi sẽ thêm binh lực để đoạt lấy.

Người trong thành đều trả lời tùy ý. Rồi tất cả những tráng sĩ cùng nam nữ trong thành đồng võ trang kéo bốn bộ binh ra thành muốn giao chiến với binh các nước.

Lúc đó nước Tỳ Gia Ly sai quân đội đến

thành Câu Thi Na. Nước Tỳ Nậu, nước Giá La Ca La, nước Sư Gia Na, nước Ba Kiên La cùng Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ, năm nước này cũng đều sai quân đội đến thành Câu Thi Na. Quân của bảy nước vây kín thành Câu Thi Na.

Lúc đó trong đại chúng có một Bà La Môn họ Yên ở giữa quân đội của tám nước to tiếng khuyên rằng: Xin các lực sĩ thành Câu Thi Na lắng nghe! Đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp chứa công đức lành, tu hạnh nhẫn nhục, các ngài cũng thường nghe Đức Phật khen ngợi hạnh nhẫn nhục. Hôm nay Đức Như Lai vừa diệt độ, các ngài đâu nên vì Xá Lợi mà đánh đập nhau, hành động này chẳng phải là cử chỉ tôn kính Xá Lợi. Các ngài nên chia Xá Lợi của Như Lai làm tám phần để cúng dường ở tám nước.

Các lực sĩ đáp rằng: Xin kính tuân lời đề nghị ấy.

Lúc đó Yên Bà La Môn liền chia Xá Lợi làm tám phần bằng nhau. Chia xong Yên Bà La Môn to tiếng xin thỉnh cái bình dùng lường Xá Lợi để đem về tụ lạc Đà Na La

xây tháp cúng dường. Đại chúng đồng bằng lòng.

Các Cư Sĩ và Bà La Môn ở nước Tát Ba Diên Na xin thỉnh tro chổi trà tỳ. Đại chúng cũng bằng lòng.

Lúc đó người thành Câu Thi Na lãnh được phần Xá Lợi thứ nhất. Người nước Ba Kiên La thỉnh được phần Xá Lợi thứ hai. Người nước Su Già Na thỉnh được phần Xá Lợi thứ ba. Người nước A Lặc Già thỉnh được phần Xá Lợi thứ tư. Người nước Tỳ Nậu thỉnh được phần Xá Lợi thứ năm. Người nước Tỳ Gia Ly thỉnh được phần Xá Lợi thứ sáu. Người nước Ca Tỳ La Vệ thỉnh được phần Xá Lợi thứ bảy. Chúa nước Ma Già Đà Vua A Xà Thế thỉnh được phần Xá Lợi thứ tám. Người trong tám nước đều xây tháp cúng dường Xá Lợi tại nước mình.

Yên Bà La Môn thỉnh bình đựng Xá Lợi về xây tháp tại tụ lạc Đầu Na La.

Người nước Ba La Diên Na cũng thỉnh tro đem về xây tháp cúng dường.

Lúc đó trong Diêm Phù Đề có tám tháp thờ Xá Lợi của Phật, một tháp thờ bình

lường Xá Lợi, một tháp thờ tro. Thế là việc phân chia Xá Lợi đã xong.

Lúc đó chư Bồ Tát, hàng Thanh Văn, Trời, Người, Bát Bộ Quỷ Thần, Quốc Vương, Trưởng Giả, Quan, Dân toàn thể đại chúng buồn khóc rơi lệ cúi đầu đánh lễ Xá Lợi của Phật mà đi.

HẾT TẬP III.

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị. Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng: bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận, vô khổ tập diệt đạo, vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát Nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát Nhã Ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.

Cô tri Bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhưt thiết khổ chơn thiết bất hư.

Cổ thuyết bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

“Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.” (3 lần)

VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô A di đà bà dạ, Đa tha già đa dạ, Đa địa dạ tha, A di rị đô bà tỳ, A di rị đa, tát đām bà tỳ, A di rị đa, tỳ ca lan đế, A di rị đa, tỳ ca lan đa, Già di nị, già già na, Chử đa ca lệ, ta bà ha. (3 lần)

SÁM MƯỜI PHƯƠNG

Mười phương chư Phật ba đời,
Di Đà bực nhứt chẳng rời quần sanh,
Sen vàng chín phẩm sẵn dành,
Oai linh đức cả đã đành vô biên.
Nay con dung tấm lòng thiêng
Quy y với Phật sám liền tội căn,
Phước lành con có chi chẳng,
Ít nhiều quyết cũng nguyện rằng về Tây!
Nguyện cùng với bạn tu đây,
Tùy thời cảm ứng hiện nay điềm lành,
Biết giờ biết khắc rõ ràng.
Lâm chung tận mặt cảnh lành Tây phương.
Thấy nghe chánh niệm hơn thường,
Vãng sanh Lạc quốc đồng nương hoa vàng,
Hoa nở thấy Phật rõ ràng,
Thoát vòng sanh tử, độ an muôn loài.
Phiền não vô biên, thế dứt trừ,
Pháp môn tu học, chẳng còn dư,
Chúng sanh nguyện độ, bờ kia đến
Phật đạo cùng nhau chứng trí như.
Hư không cõi nọ dầu cùng,

Nguyện trên còn mãi chẳng cùng chẳng
thiên.

Không tình cũng có đồng nguyên,
Trí màu của Phật đồng viên đồng thành.

MƯỜI HẠNH NGUYỆN PHỔ HIỀN

Nay con lại nguyện tu hành,
Phổ Hiền nguyện lớn sẵn dành mười môn:
Một là nguyện lay Thế Tôn
Hiện thân trước Phật hết lòng kính tin.
Hai, khen Phật đức rộng thinh,
Lời hay, tiếng tốt tận tình ngợi ca.
Ba, thời sắm đủ hương hoa,
Tràng phan bảo cái dựng ra cúng dường.
Bốn, vì mê chấp lầm đường,
Tham sân nghiệp chướng con thường sám
luôn.

Năm, suy công đức vắn muôn,
Của Phạm của Thánh con đồng vui ưa.
Sáu, khi Phật chứng thượng thừa,
Pháp màu con thỉnh đã vừa truyền trao.

Bảy, lòng chẳng chút lãng xao,
Cầu xin chư Phật chớ vào vô dư!
Tám, thường tu học Đại thừa,
Bao giờ bằng Phật mới vừa lòng con,
Chín, thề chẳng dám mỗi mòn,
Dắt dìu muôn loại đều tròn pháp thân.
Mười, đem tất cả công huân,
Mọi loài cùng hưởng, khắp trần cùng vui.
Mười điều nguyện lớn nguyện rồi,
Nguyện về Cực Lạc nguyện ngôi tòa sen.

CÔNG ĐỨC BẢO SƠN THẦN CHÚ

Nam mô Phật Đà Da,

Nam mô Đạt Ma Da,

Nam mô Tăng Già Da.

Án tát đế hộ rô rô, tát đô rô, chỉ rị ba,
kiết rị bà, tát đạt rị, bố rô rị, ta phạ ha. (7 lần)

TÁN HỘ PHÁP

Trời, A tu la, Dạ xoa thảy
 Đến nghe pháp đó nên chí tâm,
 Ứng hộ Phật Pháp khiến thường còn,
 Mỗi vị siêng tu lời Phật dạy,
 Bao nhiêu người nghe đến chón này,
 Hoặc trên đất liền hoặc hư không,
 Thường với người đời sanh từ tâm,
 Ngày đêm tự mình nương pháp ở.
 Nguyên các thế giới thường an ổn,
 Phước trí vô biên lợi quần sanh,
 Bao nhiêu tội nghiệp thảy đều trừ,
 Xa lìa các khổ về viên tịch.
 Hằng dùng giới hương xoa vóc sáng,
 Thường gìn định phục để giúp thân,
 Hoa màu Bồ đề khắp trang nghiêm,
 Tùy theo chỗ ở thường an lạc.
 Nam mô Tỳ Bà Phụ Chánh Hộ pháp chư
 Tôn Bồ tát Ma Ha Tát. (3 lần)

KỆ HỒI HƯƠNG

Phúng kinh công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hương
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát
Nguyện tiêu tam chương trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu
Phổ nguyện tội chương tất tiêu trừ
Thế thế thường hành bồ tát đạo
Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối bồ tát vi bạn hữu.

Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật tịnh độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ đề tâm
Tận thử nhứt báo thân
Đồng vãng sanh Cực Lạc.

NGUYỄN

A di đà Phật thường đến hộ trì cho tất cả đệ tử chúng con hiện tiền tu hành tinh tấn, bất thoái bồ đề tâm. Lâm mạng chung thời thân không bệnh tật tâm không điên đảo, thường mắt thấy tai nghe rõ ràng, được diện kiến đức Phật Adidà cùng Quan Âm Thế Chí. Tay cầm kim đài tiếp dẫn chúng con trong khoảng phút giây được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc. Chúng con nguyện sẽ trở lại uế độ ta bà này để cứu độ các bậc cha mẹ anh em thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Chí tâm đảnh lễ:

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật (*1 lay*).

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Lực Đại Thế Chí Bồ Tát, Phước Trí Nhị Nghiêm Thân Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (*1 lay*).

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát Như Thích Hiền Thánh Chúng Chư Thượng Thiện Nhơn. (1 lay).

TAM TỰ QUY Y

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. (1 lay)

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lay)

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thông lý đại chúng, nhưt thiết vô ngại. (1 lay)

HỒI HƯƠNG

Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.

**HẾT KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN
TRỌN BỘ.**